

HOÀNG HÔN LẠNH

NGUYỄN KHOA ĐĂNG

1

Bốn mươi lăm năm qua, đã thành lệ, cứ khoảng 4 giờ chiều, ngày nào cũng như ngày nào, nắng cũng như mưa, hoàng hôn lạnh hay chiều tà nóng, mẹ tôi lại khóc. Nước mắt của bà đã thành ao, thành hồ, bào mòn cuộc đời bà, làm đôi mắt long lanh hồ thu của cô Cóm năm nào thành hai cái hố sâu hoắm đục lờ chứa đầy bóng tối. Mẹ tôi khóc vì bố tôi.

Tôi là con trai duy nhất của bố mẹ tôi. Năm nay, tôi cũng đã già, tuổi xấp xỉ lục tuần. Mẹ tôi khi còn trẻ có tên là Cóm, lấy bố tôi người ta gọi là bà Hương, do bố tôi ngày trước là hương sư, giáo viên tiểu học của làng. Mẹ tôi năm nay cũng đã tuổi bát tuần. Bố tôi tên là Tích, Phạm Quang Tích, còn tôi Phạm Quang Thiện. Tích Thiện, ý các cụ bề trên muốn bố con tôi ở đời nên chú ý tích

lũy và thực hiện những điều thiện. Bố con tôi đã làm được điều ấy. Nhưng không hiểu sao kết cục cái ác lại “báo” bố con tôi. Chịu, không hiểu nổi.

Nói điều này ra đau lòng lắm nhưng cũng cứ phải nói. Nhiều năm nay cứ đến 4 giờ chiều mẹ tôi lại khóc. Khóc mãi thành lệ. Thành lệ rồi thì đến một lúc, chẳng cần đồng hồ, mẹ tôi cũng biết đó là 4 giờ chiều. Và tôi cũng thế, ở mãi đâu, mưa hay nắng, có mặt trời hay không, tôi cũng biết đã đến giờ ấy. Tôi biết, để cứ đến lúc đó, dù đang ở nhà, tôi cũng tìm cách lảng tránh.

Tôi sợ tiếng khóc của mẹ tôi lắm. Mấy chục năm tưởng quen mà không thể quen nổi. Một bản nhạc buồn mỗi ngày một cung bậc khác nhau. Tất cả đều là tiếng kêu đứt ruột của một kiếp người. Chiều nay, tôi trở về nhà trong tâm trạng ấy. Rón rén như con mèo, tôi nhẹ nhẹ dựa chiếc xe đạp cũ kỹ như một hiện vật trưng bày trong bảo tàng, vào gốc cây cau sau nhà rồi nín thở nghe bên trong xem mẹ tôi đang làm gì!

Tôi thấy thương mẹ tôi quá. Ước gì tôi làm được như ông Lão Lai ngày trước, bảy mươi tuổi còn lăn ra giữa sân làm trò hề cho cha mẹ vui mỗi khi các cụ âu sầu. Nhưng tôi không làm được. Đành tự hứa cố giữ mồm giữ miệng, hết sức tránh những cử chỉ làm cho mẹ buồn phiền. Tôi thương mẹ vì lòng chung thủy mẹ dành cho bố mà tôi nghĩ trên đời này khó có được người thứ hai.

Qua khe cửa, tôi thấy mẹ tôi đang run rẩy hai tay lần giường, mò mẫm đi đến chiếc bàn thờ đặt trong cái cungk lõm sâu như một cái hang trong bức tường nhà. CỤ sờ tay lên cái hộp gỗ sơn mài tròn như cái ống quyển đựng bài thi của sĩ tử ngày xưa, rút ra một nén hương, rồi bật lửa đốt, thành thạo như một diễn viên xiếc diễn trò khi bị bịt mắt.

Trên bàn thờ, khói hương nghi ngút. Bên phải là tấm bằng Huân chương kháng chiến hạng ba rực rỡ, chói lọi. Màu vàng và màu đỏ. Ánh sáng và bóng tối. Tấm bằng này ở nước ta có lẽ không gia đình nào, cá nhân nào không tự hào nếu có nó trong nhà. Với mẹ con tôi cũng thế nhưng bên cạnh đó lại còn là sự trống trải, hờn tủi. Bên trái, dòng chữ đen sì sì, đen như bồ hóng là tờ giấy khổ rộng, in chữ to. Đó là tờ quyết định xóa án tử hình cho bố tôi của Tòa án

Nhân dân khu Tả ngạn. Tờ quyết định cay đắng này nửa thế kỷ nay mẹ con tôi có công lắm mới cất giữ được.

Thêm một trớ trêu nữa là lẽ ra trên bàn thờ phải có bức ảnh của bố tôi. Vậy mà không.

“Tất cả tinh anh đã hiến cho đời - Không giữ cho mình dù chỉ là hài cốt”, ai đó đã viết thế. Bố tôi còn hài cốt nhưng không còn dáng hình. Thành ra bao nhiêu năm nay, hiện diện trong khung kính vẫn là một khoảng trống rợn người.

Bố tôi không có một tấm ảnh nào trước lúc “hy sinh”. Điều này đồng nghĩa bố tôi bị chết một lần nữa. Và thế là, không chịu nổi sự trống trải, tôi đã giấu mẹ, bắt nạt cụ mù lòa, dối trá đặt vào đấy tấm ảnh không phải của bố tôi. Tôi đảm bảo nhìn vào tấm ảnh này không ai không nổi da gà, ngực tức muốn nghẹt thở.

Ảnh chụp một người đàn ông, quần nâu, áo nâu, nhàu nát, trang phục quen thuộc của những anh cán bộ Việt Minh thời bấy giờ. Người trong ảnh bị trói ghì khuỷu tay bằng một sợi dây thừng siết chặt, làm toàn thân co rúm lại như con nhái bị tóm vào lưỡi câu. Cứ như đang bị những tín đồ cuồng tín của một giáo phái man rợ chuẩn bị lễ tế thần.

Người đàn ông đã khốn khổ, người đàn bà trước mặt anh còn khốn khổ hơn. Khốn khổ hơn vì đang giết người mà lại không biết mình làm điều ác, vẫn cứ tóc vấy quai cồng lên rồi giơ thẳng cánh tay, chĩa ngón trở nhọn hoắt như mỏ chim dí vào vùng trán đầy vẻ trí thức của con người đang chịu nạn kia.

Khí thế ngùn ngụt căm thù (mà chả biết căm thù ai) đang cháy bùng bùng trên khuôn mặt chị ta, trong khi vẻ mặt người đàn ông bị trói vẫn thản nhiên, thậm chí còn phảng phất một nụ cười khinh mạn, coi cái việc đang diễn ra trước mắt chỉ là một trò hề, không hơn không kém.

Vượt qua đầu hai người này, trên cao là một sân khấu, giống hệt sân khấu tuồng chèo mà các gánh hát trước đây thỉnh thoảng lại về bắc rập cho dân làng thưởng thức, với ba bề bốn bên là cờ quạt, là băng biển và khẩu hiệu, màu đỏ và màu vàng, là những bức chân dung phóng to hết cỡ.

Để có bức ảnh chết người này, tôi phải nhờ một anh bạn hiện đang

sinh sống trong Sài Gòn sưu tầm nó từ internet rồi phóng to gửi cho. Bạn tôi bảo cũng là nhờ phóng viên Liên Xô thì mới có, chứ phóng viên Việt Nam ta lúc bấy giờ vừa sợ lại vừa phải dành phim để chụp những cảnh “vất đất ra nước, thay trời làm mưa” theo yêu cầu cấp trên. Tôi, mà chẳng cứ gì tôi, mang ơn các nhà báo Liên Xô là vì lẽ đó.

Nhiều người gạn khi tôi đặt bức ảnh này lên bàn thờ. Họ bảo tôi sẽ bị khốn khổ rầy rà. Tôi bỏ ngoài tai tất cả.

Nhân bảo như thần bảo. Trước hết là lời mắng mỏ của bố tôi. Ông báo mộng, này đừng có tô son vẽ phấn lên người thầy đấy nha. Ngày người ta xử tử, thầy không trẻ trung và mặt mũi không sáng sủa như người trong ảnh đâu. Đừng có “điều toa”, bố tôi dùng lại cái từ mà những người đứng đắn thường dùng để chửi mấy ông bà nông dân hay tô điều ngày cải cách ruộng đất. Tôi thấy bố tôi cười. Hai hàm răng đen nhánh như hạt na. Tôi sợ toát mồ hôi, vội thấp nhang khấn vái xin lỗi bố ngay. Có còn hơn không, thầy cứ cho con thờ bức ảnh này thầy nhé! Qua khuôn mặt người đàn ông khốn khổ, thầy tôi cười.

Đó là chuyện vui. Còn đây mới là chuyện chả biết buồn hay vui. Một hôm, anh công an xã dùng dùng đến tận nhà bảo tôi rằng: “Vết thương đang liền da liền thịt, ông khơi ra làm gì, có phải định phá hoại công cuộc xây dựng đất nước hiện nay không?” Anh điên à? Vết thương này là của tôi chứ đâu phải của anh và giả sử có đau thì tôi đau chứ có gì liên quan đến anh? Đừng có tư tưởng “tốt đẹp phô ra xấu xa đậy lại”, hiểu chưa? Thế là ngu đấy! Tôi vừa nói xong, mẹ tôi tiếp luôn: “Này, công khai với bùng bít! Anh cứ về hỏi lại mẹ anh thì sẽ hiểu. Nếu ngày trước, hội phụ nữ chúng tôi không công khai cái tội hay đánh vợ của bố anh ra trước toàn dân thì liệu ông ta có dừng tay? Vậy thì giấu kín là tốt hay công khai là tốt?” Thời cách mạng mới thành công, mẹ tôi phụ trách phụ nữ xã mà.

Gã công an ngượng, bỏ đi một mạch.

Cũng hôm đó, mẹ tôi nói với tôi: “Anh yên tâm, bu sẽ lo cho anh một bức truyền thần”. Nghĩ mẹ tôi nói đùa, tôi không hỏi lại. Ngày bố tôi còn sống, việc chụp ảnh đâu có dễ như sau này.

Chàng trai nào có cái máy ảnh trong tay thì họ chả khác gì những đại gia của ngày hôm nay, những người có khả năng biến tiền thành tình yêu. Giơ máy ảnh lên, tách một cái, chả cần biết trong máy có phim hay không nhưng cũng đủ làm mỗi nhử cho nhiều cô xúm lại tản tỉnh: Cho em một pô nữa đi anh. Và anh thợ ảnh chỉ cần gạt đầu một cái là muốn gì cũng được, kể cả việc bắt các cô khóa thân. Nhưng rồi sau đó, anh đi đàng anh, em ở lại vừa mơn mõi trông ngóng vừa xuýt xoa tiếc cái đồng trình và cái đồng tiền bỏ ra không thu lại được.

Ngày ấy, người ta gọi cách lừa ấy là đánh trận giả.

Nhưng bố tôi không có ảnh lại không phải vì lý do đó. Mà là do vấn đề an ninh. Bố tôi đang là bí thư Đảng của một xã thuộc loại “ấm ở hội tề”, hoạt động hai mang, ban ngày thì chính quyền là của giặc, ban đêm là của ta. Ban ngày, chiêng trống phèng la um trời đuôi Việt Minh ra khỏi làng hoặc cắt cử dân công lên bắt làm phu phen tạp dịch nhưng ban đêm thì cũng chính những người bị dân làng đuôi này cứ việc bí mật về làng, sống chan hòa với dân làng, vận động bà con đóng thuế nông nghiệp, hô hào thanh niên trai tráng chống bắt lính, chống làm bia đỡ đạn cho giặc.

Mẹ tôi nói đây là công việc cực kỳ khó khăn với bố tôi, vì ông lúc nào cũng như người đi trên dây thép. Ngả bên này một chút không được, nghiêng một ly sang bên kia không xong. Giữ thế an toàn cho bản thân đã khó, giữ sự bình an cho dân trong cái “thế trứng để đầu đàng” càng khó hơn nhiều.

Vậy mà bố tôi làm được. Việc ông vận động chính quyền địch chấp nhận cấp thẻ căn cước cho dân làng để mọi người dễ dàng vào ra, đi đây đi đó là một thắng lợi trong công tác vùng địch hậu của ông, được dân làng hết sức hoan nghênh. Một hiệu ảnh lớn trên thị xã đánh hơi được đã lần về chụp ảnh dán thẻ. Và thế là ai đến tuổi cũng có ảnh, trừ ông và những đồng chí của ông. Ông sợ bọn chỉ điểm sẽ dùng ảnh làm chứng cứ cho bọn phòng nhì trên tỉnh bắt ông. Ông đâu có ngờ mấy năm sau, cái cách ruộng đất, những người nông dân được ông lo cho giấy tờ tùy thân để được an toàn tính mạng đã tố ông xúi bậy họ để rồi ông bị mất mạng vì chuyện đó.

Ông không có được một tấm ảnh là vì thế.

Bàn thờ của ông không có ảnh của ông là vì thế. Nhưng với bà thì ông có ảnh. Bức ảnh ấy đã bao năm bà cất trong lòng. Ở đó, ông lồng lộng tuổi hai mươi, trắng trẻo, thư sinh, miệng lúc nào cũng tươi như hoa, khôi cô gái mê, bà bảo thế.

Trong nhà, tiếng mẹ tôi lầm rầm như cầu kinh:

- “Ông sống khôn chết thiêng. Ông về đây phù hộ độ trì cho con cháu với. Họ lại định cướp đất của chúng ta lần nữa ông ạ. Tội nghiệp con trai ông. Nó là đứa rất có hiếu”.

Khẩn xong, bà cụ lại rờ rẫm ngòai xuống giường. Chợt cụ đưa con mắt đục lờ nhìn ra phía cửa. Chẳng biết có phải bằng một thứ giác quan riêng mà mẹ tôi nhận ra tôi, dù tôi đang đứng ngoài sân và đang nín thở:

- Thiện đây à? Có kết quả gì không?

Tôi chỉ còn biết lách qua khe cánh cửa vào nhà rồi sà xuống như ngày còn thơ ấu hay ngòai bên mẹ lúc bà đang nấu cơm mùa đông hay bên chõai mùa hè. Mỗi lần như thế tôi lại cảm thấy một cái gì hình như là hạnh phúc đang dâng lên trong lòng, chặn đứng ở cổ họng và ở cả khóe mắt:

- Cũng sắp có kết quả rồi bu ạ! Nghe nói chỉ tuần sau là có sổ đỏ! Bu cứ yên tâm đi. Còn sống được bao lâu nữa mà lúc nào cũng đất với đai thế này, mệt lắm! A, để con ra ngoài đây phơi lấy cho bu chiếc khăn lau mắt nhá. Khổ quá, khóc làm gì mãi thế. Gần năm mươi năm rồi, thế này bu chết mất!

- Mẹ cha nhà anh! Bu chưa chết được đâu! Bu còn sống đến ngày mảnh đất của nhà ta chính thức thuộc về nhà ta với đầy đủ nhà cửa cây cối như hồi thầy anh còn sống.



Gần nửa thế kỷ nay, cứ 4 giờ chiều mỗi ngày là mẹ tôi lại khóc. Khóc được hai mươi năm thì mắt cứ mờ dần, từ lúc còn nhìn được con gà đang chạy ngoài sân đến khi thấy con chó đen lại la lên là con chó trắng, tôi biết mẹ tôi đã bị mù màu. Tôi đưa cụ đi chữa chạy khắp nơi nhưng thời đó thuốc thang không sẵn như bây giờ, với lại bác sĩ nói trẻ quá rồi nên cuối cùng phải chịu để một màn

đêm dày đặc vĩnh viễn bao trùm lên đôi mắt của cụ.

Ngày mắt mẹ còn sáng, chúng tôi xúm vào động viên bà, bảo dù sao chuyện cũng đã xảy ra lâu rồi, số phận bố con cũng đã an bài nhưng mẹ tôi bảo bụng cụ không muốn nhưng không hiểu sao tiếng khóc vẫn cứ bật ra. Hình như đó là chuyện của bề trên, của một thế lực thần bí nào đó. Cụ bảo lạ nhất mà mấy chục năm nay cụ để ý, là mỗi lần khóc xong thì cứ như trời đất hiện ra sau cơn mưa ấy. Cụ như được trẻ lại, đầu óc tỉnh táo thêm ra, con mắt cũng do đó mà sáng sủa thêm, mặc dù càng về sau bóng tối càng dày đặc.

Mẹ tôi bảo mỗi lần khóc là một lần cụ lại nhìn thấy rất nhiều hình ảnh, nghe thấy rất nhiều những tiếng nói mà lúc thường cụ không thấy bao giờ. Ví dụ, vào cái hôm người ta xử bắn bố tôi, cụ không được Đội cho ra đấu trường, không được phép chứng kiến giây phút nổi oan của bố tôi được hóa vào gió vào nắng nhưng giờ đây lại nhìn thấy tất cả, thấy vẻ mặt tái nhợt vì sợ của lão Thoại, khi nâng súng nhắm vào ngực bố tôi, cái miệng méo xệch như muốn khóc.

Mẹ tôi bảo đó là ngày trước, còn hôm nay nhìn vào mặt mỗi con người cụ thấy lạ lắm. Phần lớn ai cũng chỉ có một mặt, hai mắt, hai tai, một mũi, một mồm, nhưng nhiều khi lại có những người có đến hai, ba thậm chí đến bốn khuôn mặt. Điều đáng sợ là những khuôn mặt ấy thường là đôi chọi nhau, trái ngược nhau. Mặt này hiền lành từ bi như mặt Phật bao nhiêu thì mặt kia gian tà độc ác như mặt thú dữ bấy nhiêu. Mẹ tôi bảo mỗi lần gặp phải những con người như thế, cụ sợ lắm, sợ run lên, đến nỗi cụ thường phải thấp nhang khấn vái: “Xin trời phạt phù hộ cho con để từ nay con chỉ thấy ở mỗi người một khuôn mặt thôi, dù đó là khuôn mặt ác độc. Chứ lá mặt lá trái thế này con không biết đâu mà lẩn”.

Đó là nhìn. Còn về nghe, mẹ tôi bảo cũng thế. Phần lớn người đời tính tình thế nào, suy nghĩ thế nào thì giọng nói đúng như thế. Nhưng ngoại lệ cũng không phải là hiếm. Mẹ tôi bảo do mấy chục năm nay, bị mù lòa không đi đâu được nên thời gian cụ chỉ dùng để nghe đài. Cụ bảo tiếng nói của đài nhiều người nghe chỉ thấy có một giọng nhưng với cụ thì không phải thế. Nhiều khi nghe oang

oang giọng ông A rằng phải chống tham nhũng, chống triệt để nhưng kèm theo giọng ấy, cụ lại nghe cũng của ông A: “Tôi không phải uống nước lã để ký giấy đâu nghe!” Hoặc nghe ông B nói: “Mại dâm là sản phẩm của chế độ tư bản, chúng ta phải kiên quyết đẩy lùi” nhưng lại cũng chính giọng nói ấy nỉ non: “Sao lại kêu anh bằng chú?” và réo rất tiếng nhạc mà ngày xưa chính các vị này bắt những người hát nó phải làm kiểm điểm.

Nhiều lúc tôi thấy mẹ tôi bịt tai. Nhưng bịt tai thì lấy gì mà nghe trong khi hai con mắt chẳng còn. Những lúc ấy, mẹ tôi như phát điên lên. May mà sau đó có buổi chiều, có hoàng hôn lạnh, có khoảnh khắc 4 giờ chiều để mẹ tôi được khóc.

Còn với tôi, đơn giản hơn nhiều, mỗi lần mẹ khóc, lại một lần kéo tôi trở về với nỗi đau của một buổi chiều xẩm mùa thu, khi những cơn gió đầu mùa lạnh lạnh thổi về, thứ gió bà con quê tôi gọi là heo may rải đồng và lúa vụ mùa đang cứng cây làm đồng trông thương như những người mẹ mang thai. Giữa cái không khí nên thơ ấy, họ lôi bố tôi ra giữa khu mả rộng lớn và cũ kỹ đầu làng, lôi ra giữa hàng ngàn người đang đờ đờ sát khí hô to những câu khâu hiệu đả đảo bố tôi và hò reo khi sau mấy loạt đạn đánh gọn bố tôi bị ngã tụt xuống gốc chân cột bắn như vừa bị rút hết xương. Trở về với câu chuyện thằng Tản, bạn chẵn trâu với tôi ngày nhỏ. Chuyện thật đau lòng nhưng tôi cũng chỉ biết nghe như đọc tiểu thuyết. Tản bảo trước khi bị xử bắn, bố tôi bị giam trong buồng nhà nó. Khát nước ông bò ra bể nước mưa, kiễng chân lên gục đầu xuống định uống vì hai tay bị trói chặt quặt ra sau lưng. Thành linh ông bị trượt chân, đầu chúi xuống nước, sặc sụa, Tản sợ quá chạy ra kéo chân ông lại, cứu sống ông. Nó tưởng thế là nhân đạo, nó đâu ngờ thế lại là vô nhân đạo. Vì nếu nó để ông chết sặc trong bể nước thì ông còn được một người thương tiếc là nó, chính nó, hơn rất nhiều khi chỉ mấy phút sau, ông phải chết giữa tiếng hoan hô dậy đất, dậy trời của cả ngàn người nhảy căng lên reo hò.



Từ Sài Gòn, hai mẹ con tôi về quê mua lại được mảnh đất này.

Nói mua là theo nghĩa đen, chứ thực ra phải nói là chúng tôi tìm lại cội nguồn, tìm lại quá khứ và nhất là tìm lại được sự yên tĩnh của lương tâm.

Mãi mãi tôi không thể quên được cái ngày đen tối ấy. Bỏ tôi “hy sinh” chưa được hai bốn tiếng đồng hồ thì tại nhà tôi đã diễn ra cảnh mà giá ngày đó có máy quay thì viện lưu trữ phim quốc gia ngày nay có trả giá bao nhiêu chắc gì chủ nhân của nó đã bán. Và chẳng có máy quay phim thì bây giờ hình dung lại tôi vẫn thấy hiện lên trong mắt rõ mồn một từng cảnh, từng người. Đó là cảnh hàng trăm ông bà nông dân (gọi theo cách của ngày ấy) già trẻ, gái trai, người gồng kẻ gánh, mặt người nào cũng tươi rói sắc xuân, dù lúc đó đang là ngày hè nắng bỏng rát, ùn ùn kéo đến nhà tôi, để làm cái việc gọi là tịch thu toàn bộ tài sản của bọn địa chủ, cường hào phản động. Họ tịch thu nhưng thực chất là ăn cướp, cướp sạch sành sanh, không chừa lại một thứ gì từ đất đai, ao chuôm, vườn tược, trâu bò, nhà cửa... đến cái bát, cái nồi, chổi cùn dẽ rách... tất tần tật, thứ nào cũng oai phong cho đội lên đầu hoặc quấn ngang lưng, ngang hông, một giải băng giấy hồng điều tươi thắm, trên đó viết hay kẻ những chữ rất to, rất đậm, điệu dàng phượng múa rồng bay, những chữ lần đầu người dân Việt Nam được nhìn thấy, nghe thấy. “Quà quả thực”, lai căng bí hiểm, một ý nghĩa mơ hồ, nghe đâu bắt chước từ nước Trung Quốc láng giềng anh em. Tịch thu xong, theo sự phân chia của các ông Đội, mớ tài sản được họ liệt cho là bằng chứng của tội ác, rùng rùng chuyển động, đều bước theo nhịp tiếng trống ếch rộn ràng của đội thiếu nhi xóm, đi theo những lá cờ bay phất phới, tản về các ngõ xóm, tản về với các gia đình nông dân, về với sự hân hoan của sự tỉnh ngộ, ô vui nhỉ, mình chỉ tổ có thế mà được những thế, thôi rút kinh nghiệm lần sau sẽ tổ mạnh hơn, hay hơn.

Đó là những thứ biết đi, còn thứ đứng ì tại chỗ, những bất động sản trong mớ tài sản của gia đình tôi thì được các ông Đội, linh hồn và là người chỉ huy cao nhất của cuộc cách mạng ruộng đất phân chia như sau. Vườn chè rộng sáu sào đang xanh mơn mớn thì cho sáu gia đình cố nông. Cái ao để lại làm của chung cho cả xóm, để người nghèo đến rửa ráy, tắm giặt, gãi gẻ và ăn nước, người

này phóng uế thì người khác múc về dùng.

Cái ao này sau đó được đưa vào hợp tác xã, thành thứ cha chung không ai khóc, mạnh ai người nấy cạp bờ để bây giờ nó trở thành một cái vũng trâu đầm toen hoئن.

Còn về nhà cửa thì do gia đình tôi có đến hai căn, căn trên là nhà thờ, căn dưới làm nhà ở. Do căn nhà dưới có kết cấu, vật liệu tầm thường nên Đội phân chia ra thành từng phần nhỏ cho nhiều người, để ai ở được thì ở, ai không muốn ở thì dỡ ra bán cho người ta làm củi đun, còn gạch vụn thì để lót đường.

Riêng căn nhà thờ thì lúc đầu được Đội ưu tiên cho giữ lại. Chắc vì Đội thấy nó khang trang, bề thế, kèo cột gỗ lạt toàn thứ thuộc hàng tứ thiết, chạm trổ tinh vi, làm chỗ họp hành đàn đúm thì không đâu bằng. Nhờ thế nó không bị đem ra xẻ thịt. Nhưng rồi nó cũng không tồn tại được lâu, vì trước khi rút khỏi làng tôi, hai ông Đội phụ trách hai xóm, đã nhất trí giải quyết cho hai gia đình được nhận chung, mặc dù cả hai đều có nhà, theo chính sách thì không thể được. Hỏi ra mới biết đó là phần Đội ưu tiên cho hai gia đình đã có công cúng tiến cho họ hai cô con gái đang hờ hớ tuổi xuân, để họ thành hai người đàn bà không chồng mà chửa khi các ông đến “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm, theo yêu cầu của cấp trên). Coi như một sự đền ơn đáp nghĩa.

Đó là gia đình ông Khiết. Còn gia đình kia là ông Khương.

Ngày ấy, mỗi lần nghe chuyện này tôi tức lên đến tận cổ. Tôi chỉ muốn nhổ nước bọt vào mặt bọn lưu manh đội lột cách mạng. Đồ khốn nạn! Chúng mày dám dùng chôn linh thiêng của một gia đình, một dòng họ để đôi chác lấp liếm cho sự đồi trụy, bỉ ổi, súc vật của bọn chúng mày!

Hai gia đình bần nông vừa là nạn nhân vừa là ân nhân của mấy ông Đội đến ở chung với nhau được mấy hôm. Mỗi gia đình có mấy đứa con, tên chúng nó là gì họ còn chưa kịp biết nhưng “chiến tranh” thì đã kịp xảy ra. Chẳng biết vì họ là nông dân cực đoan, trăm nhát cuộc vợ vào lòng cả trăm hay còn vì là sự trừng phạt của ông bà tổ tiên dòng họ chúng tôi mà những kẻ cướp ban ngày này phải hứng chịu nhiều tai ương đến thế. Họ đánh chửi nhau suốt ngày, âm ỉ cả làng đến nỗi chính quyền không chịu nổi,

đã phải miễn cưỡng cho họ dỡ ngôi nhà thờ của chúng tôi đổi lấy gạo ăn dần.

Dỡ hết, chỉ chừa lại gian hậu cung có diện tích vừa đủ đặt chiếc bàn thờ. Càng dốt nát càng mê tín. Họ là thế đó. Nhờ thế, gian thờ tự nhà tôi không bị tàn phá. Nhưng rồi sau không người trông nom nên nó xơ xác tiêu điều, thành cái miếu hoang, chôn dung thân cho lũ chuột bọ, cày cáo.

Tôi đã từng đứng lặng hồi lâu, nước mắt chỉ muốn òa ra khi nhìn thấy những bức hoành phi câu đối trăm năm tuổi, sơn son thếp vàng, văn hóa vật thể của các cụ ngày trước, giờ đây bị các ông bà nông dân đem ra cái thì chẵn chuồng lợn, cái thì bắc cầu tiêu... Thế là chỉ một thời gian ngắn, ngôi nhà thờ vào loại cổ kính nhất làng của gia đình tôi biến thành hai túp lều tường đất, lúc nhúc những sinh vật tàn tạ. Rồi cũng chỉ một thời gian ngắn nữa, không chịu nổi cảnh đói rét, cả hai gia đình này đã phải gồng gánh, dắt díu nhau lên Thái Nguyên đến một nơi làm kinh tế mới, nơi họ tưởng không làm cũng có ăn, không đồ mồ hôi cũng có nhà cao cửa rộng. Họ còn bảo họ phải ra đi vì không thể sống với ma, sống với những đêm thanh vắng tối trời, vắng vắng đâu đây tiếng khóc ai oán đòi nhà, đòi đất. Chẳng biết đúng hay sai nhưng đến câu chuyện dưới đây thì đúng là thật trăm phần trăm.

Đây là chuyện hai năm liền cả hai gia đình này đều có người chết bất đắc kỳ tử, bí hiểm và rất thương tâm.

Gia đình ông Khương, mẹ chồng thất cổ vì nàng dâu, lưỡi lè ra tận miệng. Lúc ông chồng đến cắt dây tháo xác xuống thì máu từ trong ruột dây thừng phun ra như tiết cắt cổ gà.

Hận thù nhau lắm thì mới có cuộc quả báo khủng khiếp như thế.

Còn gia đình ông Khiết thì lại gặp phải cảnh thương tâm khác.

Nàng dâu có chửa sắp đến ngày sinh, bỗng dung phải gió lãn đùng ra chết, kéo theo chết luôn cả đứa con trong bụng. Hai chiếc quan tài, chiếc lớn bằng chiếc nhỏ trên bụng, hình ảnh chưa từng gặp ở vùng này bao giờ.

Thế là họ bỏ đi, để lại trên mảnh đất của nhà tôi một nỗi buồn vạn cổ, chắc từ khi khai thiên lập địa đến giờ chưa gặp phải. Bởi nói đến đất là phải nói đến cây lá, đến hoa thơm, quả ngọt, đến những

công trình mọc lên từ đất khi mồ hôi con người đổ xuống cùng những vui buồn từ đất nảy sinh.

Vậy mà giờ đây hai gia đình ấy đến ở rồi bỏ đi, đã xóa sạch dấu ấn cha mẹ tôi để lại trên đất, xóa sạch những hoa thơm quả ngọt kết thành từ mồ hôi nước mắt của họ.

Hai gia đình ấy đi rồi, từ đây đi ngang mảnh vườn cũ của nhà tôi không ai không thấy ngao ngán. Thương hết mọi thứ. Cây chè, cây mít, cây na, cây hồng, cây cam... bồng chóc cây đi đặng cây, đất đi đặng đất. Có còn gọi là cây không, khi mà lúc này nó chỉ còn giơ lên không trung những bó que bó củi như nắm xương khô. Có còn gọi là quả không, khi nó vừa mới nhú như đứa trẻ con vừa nhoẻn miệng cười chào đời đã bị bẻ đầu, vụn cổ. Thay vào đó là một vườn cỏ gấu, vớ trận đồ bát quái những hang hốc dọc ngang, những đồng đất chuột đùn.

Đó cũng là lý do khi được Đảng sửa sai, bố tôi được giải oan, gia đình tôi lẽ ra được nhận lại những tài sản đã bị tịch thu cùng những quyền lợi bị tước đoạt một cách oan uổng nhưng chính quyền xã nói họ không thực hiện được tuy rất muốn.

Bát nước đổ xuống đất làm sao hốt lại được đầy như cũ. Họ ái ngại. Không biết thực lòng họ hay tình thế bắt họ phải như thế! Chúng tôi biết thế nên cũng không dám đòi hỏi gì nhiều. Mẹ con tôi buộc phải đi tìm một mảnh đất khác để lập nghiệp.

Và thế là, những năm sau, bằng công sức, mồ hôi, nước mắt mẹ con tôi đã nhanh chóng biến mảnh đất đầu thừa đuôi thẹo, chó ăn đá gà ăn sỏi ở cuối làng, mảnh đất đã nhiều năm không ai thèm bén mảng tới, không ai thèm nhận, được chính quyền địa phương đền bù cho, thành một mảnh thổ cư thuộc loại nhất đẳng điền, xanh tươi trù phú, chim reo trên mái, gà mừng dưới sân, cá quẫy thùm thùm như trâu đằm dưới ao.

Sau khi chuyển vào miền Nam công tác, tôi đã bán toàn bộ cơ ngơi mới tạo dựng này mua được căn nhà mặt phố ở Sài Gòn. Thật may, nếu không có thứ tài sản đánh đổi đó làm sao tôi làm được ngày hôm nay. Cho nên công bằng mà nói, tôi không có gì phải lán cán với quê hương cả. Đất nước đẹp giàu đâu cũng là quê hương, tôi nhớ lời một bài hát ngày trước thường hát.

Nhưng mẹ tôi không đồng ý. Cụ bảo dứt khoát cụ một tác không đi một ly không dờn. Tôi muốn bật cười. Giọng điệu của một người suốt ngày nghe đài có khác. Rồi mẹ tôi dẫn ca dao tục ngữ: “Sinh ra ở đất quê cha. Lúc chết thì phải làm ma quê chồng”, rồi thì: “Lấy chồng gánh giang sơn nhà chồng”. Thật khó lay chuyển được tâm lý “bất ly hương” của cụ. Tôi nghĩ phải đấu với cụ theo một mẹo khác. Tức là phải đánh vào lòng thương con cháu cố hữu của phụ nữ, đánh vào tinh thần trách nhiệm của một cựu cán bộ phụ nữ thời cách mạng mới thành công. Tôi nói với mẹ: “Bu có muốn con trai bu bị kỷ luật mất việc vì chống lệnh điều động không?” Vừa nghe đến hai chữ công tác, với kỷ luật, mẹ tôi sợ, gật đầu ngay. Yêu sách của tôi thế là thực hiện được. Tôi bồi thêm cho cụ một lý do nữa: “Bu ở ngoài này một mình, mắt mũi thế này ai chăm sóc bu lúc trái gió trở trời. Với lại, cơ quan đoàn thể người ta lại phê bình chúng con là đồ bất hiếu”. Mẹ tôi lại sợ thêm hai tiếng “phê bình”. Lại gật đầu lần nữa.

Tôi đã làm được một việc là tách cá ra khỏi nước. Tôi đâu ngờ cá sẽ ngáp rồi sẽ chết nếu không mau tiếp dưỡng khí vào. Vào Nam hôm trước hôm sau mẹ tôi đòi về quê ngay, cụ bảo về đó chỉ cần dựng cho cụ một cái chòi cụ cũng sống được rồi. Ở tuổi này, cái sống chỉ tính bằng ngày bằng tháng, ham hố gì nữa, chỉ có về quê là đúng, là thượng sách, mẹ tôi cứ nhắc đi nhắc lại. Cụ còn bảo vào trong này sống với anh chị tôi khác nào người bị tù. Tù vì bị mù mắt đã khổ, vào đây còn bị mù thêm hai lỗ tai. Gỗ đá cũng chả chịu nổi, nói chi là con người. Cả ngày chả ai nói với mình và có nói mình cũng chẳng nghe được tiếng nào ra tiếng nào. Cứ đưa bu về quê là xong. Bu ra đây mới đúng là bu được sống, được làm người, được nói được nghe và được nhìn bằng mồm bằng tai bằng mắt của một người bình thường. Cái nhà bà Tần ấy, người đâu mà thật lạ. Com chả bao giờ được ăn no mà lúc nào cũng vui như tết. Bu nhớ mãi cái câu bà ấy khoe với bu về việc đi xin giấy thông hành để lên mạn ngược thăm con gái đi kinh tế mới. Ấy, bà ơi, chiều nay tôi ra bãi ban để xin cái giấy tung hoành nhưng họ không châu chực. Thế mới chó đái chứ! Đây cái thứ tiếng mà bu nghe được là những tiếng ấy. Trong khi đó ở đây, dòng tai phải thì

tiếng ô tô, nghênh tai trái là tiếng tivi, chán lắm. Bu thèm nghe tiếng ếch, tiếng chảo chuộc con cái gọi con đực trả lời vào dịp đầu xuân lắm. Nghe cứ rộn cả người.

Với lại ở đây bu không được thoải mái mà khóc thầy anh, khóc đã đời như ở ngoài quê. Nhà cửa san sát thế này, nói thầm trong miệng người ngoài còn nghe thấy nói chi tiếng khóc. Rồi người ta cho bu đi nhà thương điên mất thôi. Mà không khóc, bu không chịu được. Bu thương thầy anh lắm. Mẹ tôi khóc hu hu... Thôi cho bu về đi!

Lại còn chuyện này nữa, tin hay không tùy anh. Đêm qua, thầy anh về trách mắng bu, bảo mẹ con bà nhà cao cửa rộng lại để tôi sống vạ vật không nhà không cửa.

Tôi hỏi lại mẹ tôi: Bu nghĩ thế nào về giấc mơ đó?

- Bu nghĩ thầy anh thực sự lâu nay không có nhà!

- Tức là thầy không có một năm mộ? Ngôi mộ xã xây cho thầy là mộ giả?

- Thì bu nghĩ thế đấy!

Tôi đọc lại cho cụ nghe rành mạch số hiệu ngôi mộ của bố tôi. Cái ngày cải táng đưa bố tôi từ nơi ông chịu nạn về nghĩa trang liệt sĩ của xã, do sốt nằm liệt giường nên tôi không ra dự được, còn mẹ tôi thì đang đau mắt nặng nên cũng không đi. Nhưng nghe dân làng kể thì lễ đón tiếp bố tôi cũng linh đình lắm, đủ các nghi thức cần thiết như mặc niệm, hát bài Hồn tử sĩ bằng băng cassette, như đặt vòng hoa lên mộ. Rồi sau đó là xây mộ, là gắn bia tiểu sử...

Tôi nói với mẹ tôi đừng có tin vào các giấc mơ. Mẹ tôi miễn cưỡng, ừ thì bu không tin nữa. Nói xong cụ khẽ nhếch miệng cười chua chát.

Trong khi đó, vợ tôi lại trái ngược hẳn. Cô ta ngoác mồm chỉ chiết rằng tôi bị mất điện, bị ám đầu. Nếu không, đang đường đường ở đất Sài Gòn hoa lệ, muốn ăn gì cũng có, chơi gì cũng xong mà lại dưng dưng đòi về quê, về cái chỗ toét mắt cả làng. Với lại cái đó không phải là cái chính. Cái chính, xin lỗi ông - vợ tôi bảo - ở đó nhưng nhúc toàn những quân bất nhân. Muốn cướp đất người ta thì cứ việc cướp, việc gì phải bày trò giai cấp rồi đấu

tranh này nọ, rồi dùng sức nặng của cả một xã hội hỗn loạn đè những người chân yếu tay mềm ra đánh đập, bắn giết... Thế không bắt nhân còn là gì nữa.

Ông về thì ông cứ về, vợ tôi bảo, còn tôi dứt khoát là không, tôi dứt khoát trước sau là thành phố Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh muôn năm!

Con trai tôi đang làm ăn ở nước ngoài thì gọi điện về: “Bà và bố đều già cả rồi. Các cụ cứ định đoạt theo ý mình”.

Tôi ở vào thế giăng co, đi hay ở, về quê hay ở lại thành phố. Tôi nói với mẹ ngày nay quan niệm về quê hương khác rồi, đâu dễ sống đó là quê hương, “đất nước đẹp giàu đâu cũng là quê hương”, bu có nhớ bài hát ngày trước thanh niên hay hát không? Biết tôi như thế là có ý không muốn ra quê, mẹ tôi tự ái, bỏ ăn hai ngày, chỉ nằm bẹp trong buồng, hỏi không nói, gọi không lên tiếng. Tôi lo quá nhưng vẫn đi làm. Đến ngày thứ ba, cũng là ngày giỗ bố tôi, mọi năm tôi có làm mấy mâm mời anh em bạn bè đến chung nhau chén rượu nhạt, vừa để tưởng nhớ người xưa, vừa có dịp gặp lại nhau, nhưng năm nay thấy mẹ tôi không được vui nên tôi cũng giản tiện, bát cơm con trứng.

Hôm ấy, tôi ra phố có chút việc vừa quay về nhà đã không thấy mẹ tôi đâu. Vào buồng thì thấy chăn màn đã được gấp gọn ghẽ trên cái giường mẹ tôi vẫn nằm. Vậy là có chuyện rồi. Tôi phát hoảng, chạy lại mở toang cái tủ gỗ nhỏ vẫn dùng đựng quần áo của mẹ tôi. Trống vắng đến bàng hoàng. Mẹ tôi đi thật rồi! Chẳng lẽ mẹ tôi bỏ đi là vì tôi. Tôi chạy sang hỏi chú xe ôm cạnh nhà vì lâu nay có việc cần đi đâu tôi cũng kêu chú ấy. Chú xe ôm lắc đầu. Tôi giận điên người, chỉ muốn mắng chú ấy, cứ như chú có lỗi trong chuyện ra đi của mẹ tôi. Tôi cầm điện thoại gọi ra bến xe, ra ga tàu hỏa. Tất cả đều lạnh lùng trả lời, sao mà dở người thế, có cả ngàn người đi, ngàn người về, biết ai với ai, mà câu cánh, bôi vôi. Tôi chửi vào máy, đồ quan liêu, đồ vô cảm. Họ tắt máy đánh rụp, tôi đành chịu thua. Tôi chạy vào nhà, vừa lúc vợ tôi đi đâu về. Cô ta lắc đầu không thèm đáp lại. Mẹ tôi mà cô đối xử thế hả? Giận quá tôi ném vỡ tan ly nước đang cầm trong tay. Vợ tôi sợ xanh mặt, chỉ biết lảm bảm từ xa, tôi nghe tiếng được tiếng không: “Cái ông

này, để tôi giết mẹ ở cạp quần đây hả?”

Ba ngày sau tôi gọi điện ra quê, hỏi đứa cháu họ rồi hỏi thêm mấy người bà con nữa. Các câu trả lời đều chung một ý: Ông bà đôi xử làm sao mà để cụ phải bỏ đi thế. Không thấy cụ ra ngoài này đâu. Họ còn nói thêm, mắt cụ như thế sao đi một mình được. Ông bà giết cụ rồi. Đồ vô trách nhiệm! Tôi nhắn tin lên đài truyền hình rồi đài phát thanh. Đáp lại vẫn là sự im lặng kinh hoàng.

Tôi cứ sống trong sự giày vò vừa thương vừa giận mẹ. Bỗng một hôm, như có trời giúp, tình cờ mở ngăn kéo bàn làm việc của tôi, cái bàn mà từ hôm mẹ đột ngột bỏ đi tôi buồn chẳng thèm ngó ngang tới. Không ngờ bắt gặp ở đây một tờ giấy khổ A4 có dòng chữ viết rất to, nguệch ngoạc, to như con gà mái, trôi lên thụt xuống cách nhau cả gang tay. Chữ mẹ tôi! Đúng rồi. Ngày mẹ tôi còn tinh mắt thỉnh thoảng tôi cũng được đọc vài dòng của cụ, nhưng hiếm lắm. Ngày ấy với chữ nghĩa cụ dành hẳn quyền cho bố tôi. Đàn bà con gái biết đọc biết viết là tốt rồi. Tôi hoa mắt lên khi nhận ra đó là lời mẹ tôi trăng trối: “Bu đi theo thầy, đừng tìm, vô ích”. Đi theo thầy, tức là cụ tìm đến cái chết, tìm đến sợi dây thừng hay các dòng sông, hồ nước. Tôi rụng rời chân tay và ân hận. Vậy ra chính tôi đã giết mẹ tôi! Nhưng mẹ tôi chết bằng cách nào? Nếu lao vào gầm xe thì chỉ ít giờ sau sẽ có thông tin ngay, vậy chỉ còn cách nhảy xuống sông. Sài Gòn nhiều sông biết tìm đâu. Mấy ngày sau tôi thuê nhiều người đi dọc các bờ sông trong thành phố và túc trực các đầu cầu để nghe ngóng tình hình, rồi thấy báo chí đăng ở đâu có xác người trôi sông cũng cho người tìm tới. Nhưng tất cả đều vô vọng.

Tôi đành làm lễ phát tang trong gia đình. Con trai tôi đang làm ăn ở nước ngoài cũng được gọi về chịu tang bà nội. Vợ tôi thì tỏ ra ân hận rõ ràng. Cô ấy chì chiết tôi, cho là tôi không hiểu tâm lý người già nên mới ra nông nỗi này. Tôi cũng tức tốc thông báo tin tức ra ngoài quê, nhà nào có điện thoại tôi đều gọi. Tôi đặc biệt lưu ý những gia đình đang còn sống trên mảnh đất của nhà tôi ngày trước. Qua điện thoại ai cũng tỏ ra thương xót mẹ tôi.

Hôm làm lễ phát tang, tôi đặt bức ảnh chụp gần đây của mẹ tôi lên bàn thờ bên cạnh bài vị của bố tôi. Mọi người nói nhiều về bố tôi.

Họ bảo mẹ tôi dù sao vẫn còn hạnh phúc hơn bố tôi. Cũng là đi qua thế gian, dù có là hạt bụi, mẹ tôi còn lưu lại được chút hình hài, trong khi bố tôi chỉ là ánh sao băng vụt lên ở một góc trời rồi tắt ngấm vào đêm tối mênh mông.

Tôi lấy ngày mẹ tôi bỏ nhà đi làm ngày giỗ. Như vậy, từ sang năm trở đi ở nhà tôi giỗ bố cũng là giỗ mẹ. Nhất cử lưỡng tiện. Không biết đây có phải là ý định của mẹ tôi.

Vì cứ đinh ninh rằng mẹ đã chết nên những ngày sau chúng tôi không còn nghĩ đến chuyện tìm kiếm mẹ nữa. Cứ như thế cho đến một hôm, tôi nhớ đúng vào dịp 49 ngày của mẹ tôi, nửa đêm tôi đang ngủ thì bị dựng dậy bởi tiếng chuông điện thoại và bởi một cái tin động trời, yếu bóng vía nghe cứ là sồn da gà. Bà Thỏa, một trong sáu người máy chục năm nay vẫn còn bám trụ trên mảnh đất cũ của nhà tôi, gọi điện vào, giọng run run: “Bác ơi! Bà về. Bà về thăm lại cái nền nhà thờ xưa trong chốc lát rồi lại đi ngay. Chúng em sợ quá. Cả đêm không ai dám ngủ”.

Vốn là dân duy vật dở hơi, không tin ở thế giới tâm linh, cho đây là chuyện nhảm nhí, hoang đường, thần hồn nát thần tính, tôi cũng chẳng buồn nhắc lại chuyện ấy cho vợ con nghe.

Và tôi cũng quên luôn. Nhưng rồi lại không quên được. Lại điện thoại từ ngoài quê. Người báo tin hồi hộp, giọng thở ồ ồ: “Bác ơi, đêm qua, cụ lại về, vẫn lọc cọc chiếc gậy gỗ. Lần này có thêm người con trai nữa. Cụ ông nhà ta ngày trước khi chết cũng vẫn còn trẻ lắm phải không bác?”

- Còn trẻ! Tôi đáp lại.

Phía đầu dây:

- Vậy đúng là cụ ông rồi. Chắc kỳ này cụ bà dắt cụ ông về thăm để rồi đòi lại mảnh đất ngày xưa đó. Chúng em sợ lắm. Đứng ở sân bên này, em chấp tay khẩn vái: “Chúng cháu không cướp đất của ông bà đâu. Người ta chia cho nhà cháu đấy. Ông ơi, cháu biết cái thứ của ăn cướp được nó chẳng ra gì cái đâu. Ông cứ đòi lại đất của ông đi. Đòi là họ phải trả. Trả cho ông thì họ phải đền bù cho chúng cháu. Ông đừng lo!”

- Vậy thì ông phải bay ra ngay ngoài quê đi. Phải mời thầy về lập đàn cầu siêu. Các cụ cứ liên tục về thế này thì chắc là linh hồn

chưa siêu thoát được. Mà cứ thế này thì con cái chúng ta sẽ không khá lên được đâu ông. Vợ tôi phán.

Tôi đành chỉ biết nghe theo lời vợ. Nhưng nghe thì nghe, tôi vẫn bảo, nói thế là cô lợi dụng sự mê tín dị đoan xúc phạm đến vong linh bố mẹ tôi đó? Sao mà cô quá đáng thế! Bố mẹ ông bà nào lại làm hại con cháu bao giờ.

Vợ tôi há hốc mồm ơ ơ lên mấy tiếng, không nói thêm được câu gì. Tôi vui như mở cờ trong bụng, lần đầu tiên thắng vợ 1 - 0. Còn với vợ tôi, miệng thì ra vẻ cứng như thép thế, chứ vào việc có phép có tắc lại nhũn như con chi chi. Đàn bà xú mình là thế. Được nói lỏng tự do thì coi giờ bằng vung nhưng vào khuôn phép thì lại rậm rắp đầu vào đó.

Đó là lý do vì sao mấy hôm sau vợ tôi lại ngoan ngoãn cùng tôi ra quê để lo chuyện đại sự. Ra đến nơi, chúng tôi tạm chia làm hai ngã. Vợ tôi ở lại tranh thủ thời gian sắm sanh đồ lễ và mời thầy về cúng kiếng, còn tôi lo chuyện tàu xe lên miền núi xin phép hai gia đình ông Khương, ông Khiết để họ cho tôi làm lễ cầu siêu ở tại cái nơi mẹ tôi vẫn hiện về. Bà con hàng xóm bảo tôi, không “có nhờ” với họ trước, họ sẽ làm phiền.

Tôi phải lên tận Thái Nguyên mới gặp được họ.

Sau một quãng đường dài vất vả, hết tàu hỏa đến ô tô, hết xe ôm lại đến người dắt tay, khuôn vác hành lý, leo đèo vượt suối, cuối cùng tôi cũng đến được nhà ông Khương. Hẳn mọi người còn nhớ, sau khi dọn đến ngôi nhà thờ của nhà tôi được mấy ngày thì bà vợ thất cổ chết vì tức với con dâu. Ông Khương lên đây được mấy năm bị ngã nước cũng lăn ra chết nốt. Các cụ nhà ông Tích, ông Thiện dưới xuôi vật đám người này chết đấy. Một người quen biết gia đình ông Khương nói nhỏ với tôi. Họ không biết tôi là Thiện, con trai ông Tích. Nhà ông Khương lúc này chỉ còn vợ chồng người con trai, vợ anh ta và vài đứa cháu nội, hiện cũng đang rất nghèo túng. Tôi nhìn quanh, thấy nhà chả có tài sản gì đáng giá ngoài chiếc tivi đen trắng chạy bình và cái xe đạp cũ kỹ. Tôi xa gần gọi hỏi về con gái của ông Khương, người đã bị ông Đội cải cách biến thành đàn bà khi mới 17 tuổi thì được anh con trai trả lời ráo hoảnh:

- Nó chết ngay ngày ấy rồi. Nạo thai bà mẹ vườn, bị băng huyết chết tươi đành ạch.

Gớm, anh ta nói đến là kinh. Mà lạ, chị gái, lại gọi bằng nó. Nói xong anh ta cười khàn khạc cứ như vừa kể một câu chuyện vui. Tôi thì ngậm ngùi chua xót. Cô gái ấy, tôi biết. Giá ngày ấy nhà tôi không bị quy là địa chủ và bố mẹ cô ấy không là bần nông thì tôi nhất định sẽ tìm đến cô ấy, sẽ yêu cô ấy. Vì cô ấy cũng đẹp. Và biết đâu chúng tôi đã thành vợ chồng.

Nghe tôi tự giới thiệu, người con trai ông Khương giật mình, mắt mở to thao láo, buông một câu trả lời trong khi tôi chưa hỏi:

- Bác cất công lên đây định đòi lại đất hả? Khổ quá ngày ấy, nghe bố cháu kể lại thì đất ấy với ngôi nhà thờ ấy là do người ta cấp cho nhà cháu và chú Khiết, chứ chúng cháu có cướp giật của ông bà đâu. Vậy mà không hiểu sao ông trời lại trừng phạt hai gia đình chúng cháu khủng khiếp đến thế. Nói thật với bác, đã lâu rồi chúng cháu muốn sang lại mảnh đất nền nhà ấy lắm rồi nhưng đánh tiếng mãi mà có ai dám đến mua đâu. Họ bảo đất ấy có huôn, có dớp... gì đó. Họ sợ.

Tôi thanh minh:

- Ô! Anh hiểu lầm tôi rồi. Đất này hiện nay đâu có thuộc quyền gì nhà tôi mà đòi với hỏi. Tôi lên đây là vì một việc khác.

Tôi nói với anh con trai ông Khương về việc xin làm lễ cầu siêu cho mẹ tôi và chuyện mẹ tôi chết rồi mà đêm đêm vẫn hiện về thăm lại mảnh đất cũ, anh ta tròn xoe mắt:

- Vậy à? Thế thì mảnh đất của cháu còn ai dám mua nữa hở trời! Thôi thì thế này, nhân đây cháu cũng bàn với bác luôn. Bác lấy lại miếng đất đó đi. Bác là con cháu trong nhà chẳng ma quỷ nào quấy nhiễu bác đâu. Bác cứ mua đi cháu bán rẻ cho đây.

Tôi mừng lắm. Bắt cua được ếch. Đúng là thời cơ có một không hai. Nhưng tôi phải giữ kín cảm xúc, mua bán mà. Tôi nói vòng sang chuyện khác:

- Tôi ở trong kia đã có nhà cửa đàng hoàng còn mua làm gì nữa?

- Thì để làm nhà thờ. Bác không thấy ở ngoài ta bây giờ cả tỉnh, cả huyện làm nhà thờ à? Muốn tỏ ra sang trọng hơn người thì phải làm nhà thờ, phải xây lăng tẩm.

- Vậy nếu tôi mua thì giá cả sao đây?

- Cháu nói thật nhé. Bác cứ mua cho chúng cháu một chiếc honda và một con trâu là được!

- Vậy còn ông Khiết, nhà có ở gần đây không?

- Xa lắm, đi cả ngày đường cơ. Nhưng bác không cần hỏi. Ông Khiết chết lâu rồi, cả vợ cũng thế. Con gái bác ấy thỉnh thoảng cũng sang đây chơi. Chị ấy cũng nói với cháu, có ai mua miếng đất ấy thì bán giúp. Vậy bác cứ việc. Giá cả cũng như nhà cháu thôi.

Tôi ra ngoài cầm điện thoại gọi cho vợ. Vợ tôi ok, ok liên tục. Có lẽ do thấy rẻ.

- Mua đi. Địa phương ta đang rầm rộ quy hoạch thế này sau bán lại cũng lời khảm. Nhưng trước mắt hãy xây nhà thờ đã.

Tôi móc số tiền mang theo trong túi ra đặt cọc.

Con trai ông Khương mừng ra mặt, cứ ngoạ đầu, trề môi ra vẻ bùi ngùi:

- Chúng cháu thật chẳng ra gì. Cướp không đất của nhà bác, bây giờ lại bán lại cho bác lấy tiền.

Trước khi ra về, tôi nắm chặt tay con trai ông Khương. Thôi, chuyện xưa qua rồi, không nhắc lại nữa. Cứ thế tiến hành mọi việc nhé. Anh con trai ông Khương gật đầu.



Thế là tôi cho người sơn phết lại gian hậu cung, mua một ít đồ thờ, đồ cúng, nhang đèn. Tôi câu điện của bác hàng xóm, bắc hàng loạt đèn quả nhót, quả táo, đèn nhấp nháy xanh đỏ còn dày đặc hơn cả sao trên trời. Bọn trẻ con thấy lạ chạy đến bu kín cả mảnh sân đất trước cửa.

Vợ tôi phải quay vào Sài Gòn lo tiền nên không trở ra dự lễ được. Con trai tôi ở nước ngoài cũng gọi điện báo tin cháu không về được nhưng sẽ gửi tiền thêm vào để bố lo liệu công việc.

Có một vị khách không phải do tôi mời mà là do ông Chí. Vị này ở làng bên, năm nay ba mươi tuổi, vốn là công nhân mỏ than Quảng Ninh, người quắt queo gầy nhom như con cá khô. Không hiểu vì nguyên cớ gì mà gần đây anh ta lại nổi tiếng khắp vùng vì khả năng nói chuyện được với người của cõi âm.

Ông Chí bảo nhận phong bì xong, cất tiền vào ví đường hoàng đầu vào đáy thầy mới phán rằng phải tìm cho thầy một người ngồi đồng. Người đó phải là đàn bà và càng già càng tốt, già bằng bà cụ được cầu siêu là tốt nhất.

Ông Chí về báo lại. Tôi thân hành đi đến từng nhà trong xóm, gặp hàng chục bà nhưng ai cũng lắc đầu quây quây. Họ ngại vì nghe nói mỗi lần ngồi đồng về là mệt rũ rời, mất ăn mất ngủ mấy ngày liền, người ngợm lúc nào cũng đờ đẫn như con điên, thôi bác đi mà tìm người khác. Cuối cùng, tôi chẳng tìm được ai. Ông Chí bảo, tôi đi guốc vào gan ruột các cụ hết rồi. Họ sợ ngồi đồng sẽ phải tự mồm mình nói ra những lời mà họ chẳng muốn nghe chút nào ấy mà. Đó sẽ toàn là những lời chửi mắng! Như năm đói có hai bát cơm, tao sẽ cho con mày một bát, vậy mà mày lại dí tay, tóc vấy, vỗ bẹn đánh đạch bảo tao cướp cơm của nhà mày. Sao điêu toa thế hả? Điêu toa thế, vậy mà sao còn sống dai đến tận ngày nay. Hoặc là đòi nợ. Cái chum đựng thóc, tao cho mày mượn trước ngày cải cách, vậy mà khi Đội về mày dám đổ tội cho là tài sản tao phân tán, rồi mày tự báo và nằng tay trên luân của tao. Nay sửa sai rồi mày trả lại tao đi!

Thế có phải đang yên lành bỗng dung lay ông tôi ở bụi này không?

Ông Chí còn bảo: Rồi mà xem, trong đêm lễ cầu hồn này còn khối người không dám đến dự nữa đấy. Tất nhiên đó là những người lớn tuổi, những chứng nhân của cuộc cách mạng long trời lở đất ngày xưa. Lòng vả cũng như lòng sung, các cụ rất sợ bà cụ. Sợ lắm!

Mặc dù thế, lễ cầu hồn vẫn được tiến hành đúng ngày giờ như đã định.

Ông thầy bùa, quần jean, áo thun chim cò, chạy xe Atila ào ào tới. Dưa xe ra góc sân, bước vào nhà, ông đuổi mọi người ra ngoài rồi đóng chặt cửa lại. Mọi người ngơ ngác chả biết ông ta bày trò gì. Mãi sau khi ông mở cửa mới hay. Từ anh chàng quần áo bánh chọc rất mốt ông đã biến thành một ông thầy cúng chính hiệu với bộ quần áo nâu sòng rộng thùng thình. Đám nữ thanh niên chĩa mồm chọc ông thầy cúng không thương tiếc: Lúc nãy chúng em

mê mẩn bao nhiêu thì giờ chán thầy bấy nhiêu.

Ông thầy không nói gì, đở bưng mặt, chắp hai tay trước ngực miệng liên tục “a di đà phật”. Ông thầy hỏi tôi ai là người ngồi đồng. Tôi chỉ vào tôi. Ông hơi biến sắc buông ra một câu sau cái nhăn mặt. Thôi thế cũng được.

Tôi quyết định vào vai, một phần do không tìm được người nhưng phần chính cũng muốn tự mình trải nghiệm về một lĩnh vực mà mỗi khi nghe nói tôi cứ nửa tin nửa ngờ, u u minh minh. Tôi để ý thấy công việc của thầy bắt đầu bằng việc rút trong tay nải ra một tờ giấy to đã viết sẵn những chữ cái có đầy đủ cả các dấu huyền sắc ngã nặng. Rồi thầy vẽ một vòng tròn lên tờ giấy đó, vẽ tiếp một ô vuông có đề chữ “có” rất to. Dưới vòng tròn là một ô vuông khác đề chữ “không” cũng to không kém.

Thầy bảo ông Chí lấy từ trên bàn thờ xuống một cái chén (dùng để uống nước chứ không phải để ăn cơm theo cách gọi của miền Nam) đưa cho thầy. Thầy nâng chén lên rồi nói to cho mọi người nghe thấy: “Bốn người hãy đặt một ngón tay vào cái chén rồi lần lượt từng người xướng lên: “Hôm nay là ngày... tháng... năm..., chúng con thành tâm mời thần chén về có việc xin thần giúp đỡ. Nếu thần chén đồng ý thì cho chén chạy về chữ “có”, nếu không thì chạy về chữ “không”.”

Khi chiếc chén nhích dần về chữ “có” các bạn hãy nói ra một vài câu như tên bố mẹ của bạn chẳng hạn. Từ đây, việc hỏi gì là quyền của bạn.

Trong khi cầu cơ nếu bạn nào yếu bóng vía thì sẽ nhìn thấy... ma! Bạn nào vía cao thì sẽ không sao. Đây là công việc rất nguy hiểm cho những ai yếu bóng vía, nên những người gặp phải tình trạng này, tốt nhất đừng nên thử vào. Rồi kính chả bỏ phiên.

Giờ hành lễ bắt đầu, ông thầy bùa ném cho tôi một cái áo chùng thâm hôi rình mùi mồ hôi người và mùi cứt gián. Vừa mới cầm áo lên, ứ khí phả vào mặt, tôi đã muốn bịt mũi, nói chi bắt tôi chui đầu vào. Tôi định khước từ nhưng nghĩ có vào hang mới bắt được cọp nên đành nhăn mặt mặc áo, cài khuy.

Ông thầy bùa hình như vẫn chưa nguôi cơn say dạy dỗ nên lại giảng giải tiếp: “Bây giờ đến giai đoạn đứng giá hầu đồng, công

việc quan trọng nhất của buổi lễ. Ai giữ vai trò này được gọi là thanh đồng, trong đó nam thì gọi là cậu, nữ là cô. Và đáng lẽ hôm nay cậu (ông chỉ vào tôi), phải mặc bộ quần áo lụa, mặt tô son điểm phấn và phải có hai hoặc bốn phụ đồng (được gọi là nhị trụ hoặc tứ trụ hầu dâng) đi theo thanh đồng để chuẩn bị trang phục, lễ lạt... nhưng do hoàn cảnh thiếu thốn, thầy cho miễn lễ. Nhưng còn việc này thì không miễn được, ấy là trong lúc thanh đồng đang hóa thân thì bốn phụ đồng ngồi quỳ chân ở dưới cũng nghiêng ngả và múa may hưởng ứng thanh đồng theo nhịp câu hát. Nào tín chủ, đã chuẩn bị cho tôi bốn phụ đồng chưa?”

Thầy nhìn tôi, tôi nhìn ông Chí. Mặt cả hai đều thộn ra. Ông Chí nhanh trí đứng ra giữa sân vỗ tay vào nhau nói “cuộc chơi có thưởng”, nào tôi cần bốn thanh niên vào chân phụ đồng, ai xung phong giờ tay. Phải có cả chục em. Ông Chí chỉ lấy bốn em đứng ở ngoài cùng.

Ông thầy bùa đã ngồi ngồi xuống chiếu sau chiếc chuông, chiếc mõ và quyển kinh. Ông chỉ cho tôi ngồi xuống giữa manh chiếu đằng sau ông. Ông gõ mõ, đánh chuông và đọc kinh. Giọng lúc trầm lúc bổng, lúc vui như nước sôi, lúc buồn như cơm nguội.

Tôi chán chường, mệt mỏi, tai ù. Trong tiếng chuông, tiếng mõ âm âm tôi nghe câu được câu không: “Than ôi! Gió thổi nhà Huyền. Mây che núi Dĩ. Dung mạo một mai vắng vẻ, bão xô cây, nghĩ lại ngậm ngùi thay. Âm dương đôi ngả xa vời, mây phủ núi, trông càng đau đớn nhẽ! Sương bay chớp nhoáng, bạch vân nghi ngút, cõi phù sinh. Nén đỏ hương thơm, án tọa hắt hiu đồ sự tử”.

Lời khẩn này thực ra ông thầy không thuộc. Chiếc cassette ghi âm mang theo đã giúp ông, giống kiểu các ca sĩ ngày nay hát nhép. Tôi cũng thế, nếu tan buổi lễ tôi không mượn lại của ông cuộn băng, ghi lại và chép ra đây, thì tôi cũng chả sao có được đoạn văn khẩn trên đây để hầu chuyện mọi người.

Khẩn xong, thầy làm tiếp một động tác nữa là thò tay bật công tắc chiếc cassette. Tiếng nhạc lại nổi lên. Hết điệu châu văn lại đến hát nói. Ma lực của điệu châu văn với dân đồng bằng Bắc bộ liêu trai thế nào ai mà chả biết. Đến cao trào, tiếng nhạc réo rắt, giọng hát vút lên, đến tim còn muốn bật ra ngoài nữa là thân thể con

người. Vậy mà lạ thay sao lúc này cái xác phàm của tôi nó không hề lay động. Rõ ràng đây là trò bịp bợm rồi. Bốn em phụ đồng lúc đồng còn lắc lư mấy cái, sau thấy tôi ngồi im như khúc gỗ, các em cũng im luôn. Chuông mõ lập tức dừng phát lại như bị chẹn họng. Tiếng thầy quát lên:

- Hồn tự ái không lên rồi. Hẳn có thù oán gì đây? Có tiếng phụ nữ nói đế vào ở bên ngoài.

- Sao mà linh thế! Bà cụ giận con cháu bỏ nhà đi tự tử, chả giận đời thì sao!

Buổi cầu hồn như thế là tan với lý do mọi người đều cho việc giận dữ của mẹ tôi là sự thật. Và như thế ông thầy không gian dối chút nào.

Chỉ có tôi là biết nhưng nói ra lúc này có lợi gì? Ông Chí dúi vào tay tôi nắm tiền lẻ, tôi chả hiểu chuyện gì nên cứ đứng đực mặt như tượng, đến khi ông ấy giật lại ném tung ra, ban phát cho những người xung quanh, tôi mới biết đó là tiền lộc dành cho những người đứng xem xung quanh nhặt lấy cất giữ để lấy may. Ông thầy bùa lại vào nhà thay quần áo, lại hiện ra giữa ánh đèn sáng một anh chàng trai lơ đúng hiệu. Mấy cô nàng lại xúm vào trêu. Ném vào anh ta câu nào anh đáp trả lại câu đó nhưng nặng chùy hơn. Tiếng cười vang cả một khoảng không gian. Giữa lúc đó tiếng chuông điện thoại trong túi tôi reo. Tôi nghe. Một người bạn trong Nam báo ông đi theo tua du lịch, hiện đang có mặt ở thị xã cách chỗ tôi đang ở khoảng bảy cây số, ngờ ý muốn gặp tôi để đưa cho số tiền tôi hỏi mượn. Ông bạn bảo sáng mai ông phải đi sớm nên chỉ có thể gặp tôi vào giờ này. Tôi vội vã lấy xe đạp đi. Một giờ sau đến được khách sạn nơi ông bạn nghỉ. Vừa gặp ông được một lúc, nhận được món tiền ông trao thì lại đúng lúc chuông điện thoại lại reo. Bật máy, tôi giật mình vì tiếng nói lẫn tiếng thở hên hên của người cháu gái, tôi giao việc “thu dọn chiến trường” của buổi lễ vừa qua: “Bác ơi! Bác về ngay. Có chuyện này kinh hoàng lắm, cháu trả nhà bác đấy”. “Chuyện gì?” “Đã bảo là chuyện kinh hoàng lắm”. Tôi lại phải quay trở lại nhà, thân già gân cốt rệu rã.

Cô cháu gái chạy ra đón. Hai tay vẫn còn run lẩy bẩy. Đèn trang

trí tắt hết rồi, chỉ còn lại cái bóng đèn tròn vàng úa như ánh ma trời.

- Cụ về bác ạ!

- Về khi nào?

- Về ngay sau khi bác vừa đi được một lúc và “chiến trường” cũng vừa dọn xong.

- Ai gặp?

- Cháu! Lúc ấy mọi người về hết rồi chỉ còn lại một mình cháu.

Thế mới sợ chứ! Cụ sờ soạng một lúc rồi hỏi “Vừa làm gì thế này?” Cháu bảo làm lễ cầu hồn cho cụ. Cụ bảo, tao sống sờ sờ thế này, sao dám bảo tao chết! Cháu chả biết nói sao, chỉ biết quỳ xuống lạy như tể sao: Xin cụ phù hộ độ trì cho cháu. Cụ bảo: “Cháu không tin cụ còn sống thì cụ đi vậy”. Rồi cụ đi rất nhanh ra ngõ. Cháu sợ quá lú cả lưỡi lại, chẳng hỏi thêm cụ được điều gì. Đến đây thì tôi bắt đầu tin là người chết có linh hồn và có thể báo ân báo oán.

Tôi báo lại tin này cho vợ tôi. Bà ấy cũng sợ đến nỗi nói mãi mới thành lời. Không biết đêm nay mẹ có về Sài Gòn thăm lại nhà không? Em sợ quá anh ơi! Tôi phải nói vui. Thôi yên tâm mà ngủ đi. Giờ này đâu còn mua được vé máy bay.



Mấy hôm sau, người con trai ông Khương từ Thái Nguyên về lại quê. Cũng vừa lúc tôi nhận được tiền của vợ gửi ra, của con trai gửi về. Cộng với tiền ông bạn cho mượn, tôi trả tiền đất không thiếu một đồng. Ai cũng bảo quá rẻ nhưng rồi lại cũng chính người bảo rẻ ấy lại bĩu môi nhưng bán được là may rồi, đất nghịch thế này ma nào dám đụng vào.

Nhận được tiền, cậu ta phóng ngay lên thị xã mua về chiếc honda rất mới, còn nguyên lớp keo dán bên ngoài. Cháu sẽ gửi xe qua tàu hỏa, cậu ta hào hứng nói, còn bao nhiêu tiền, kể cả tiền của gia đình ông Khiết, cháu cất cả ở đây, bố bảo thằng trộm nào móc được của cháu. Anh ta vỗ tay đồm độp vào bụng, nơi đó gồ lên một khối u khá to.

Tôi nhận lại từ cậu ta tờ giấy viết tay chuyển quyền sử dụng đất và hai tấm bì đỏ, của cậu ta và của gia đình ông Khiết.

Trong túi còn lại ít tiền, hôm sau tôi thuê người đến dọn dẹp mảnh vườn, mua ít nguyên vật liệu sửa sang lại gian hậu cung và dựng tạm đằng trước một gian nhà nhỏ lợp tôn làm chỗ ở trước mắt cho tôi.

Con trai rồi cả vợ tôi nữa đều tỏ ra không vui. Họ bảo, đã làm thì phải đường hoàng, họ sẽ gửi tiền về. Tôi không chịu. Tôi bảo họ hàng nhà mình tứ tán hết rồi còn mấy người ở lại quê đâu mà làm từ đường to lớn. Tái tạo khu đất này cho nó trở về dáng dấp hồn cốt của ngày xưa. Nhưng dù thế nào thì cũng phải tạo dựng ở đây cho được một môi trường xanh, nhà cửa có thể nhỏ nhoi nhưng tất cả phải là được đắm chìm trong một thảm thực vật thật phong phú. Đó là ước nguyện của tôi.

Hôm sau, tôi bắt đầu đi lo giấy tờ cho mảnh đất. Đã có chú xe ôm ở phố huyện nhận chở tôi bất kỳ lúc nào tôi cần. Tôi cứ việc đi về như thoi đưa. Nhưng tôi không muốn cho chú ấy biết nhà vì nhà mình đã đâu vào đâu đâu. Mọi sự đưa đón tôi chú đều phải thực hiện từ xa. Riêng hôm ấy, trời phù hộ hay sao mà lại rơi xuống lất phất mấy giọt mưa bắt tôi phải buộc để chú chở về tận nhà. Lần ấy, thật bất ngờ, vừa nhìn thấy căn nhà nhỏ của tôi, chú đã reo to, cứ như vừa phát hiện ra điều gì mới mẻ lắm. Ô, chỗ này thay đổi sao mà nhanh thế!

Tôi hỏi sao chú lại nói thế. Chú bảo chú rất quen chỗ này vì đã mấy lần đêm khuya chú chở đến đây một bà cụ mù lòa.

- Thật sao? Cụ ấy đến làm gì?

- Chẳng làm gì. Chỉ sờ soạng một lúc, khóc rồi về. Thế thôi!

- Ma chẳng?

Chú xe ôm cười:

- Ma sao được! Bà cụ rõ ràng là người hiền lành tử tế.

- Anh còn gặp lại bà cụ không?

- Không! Chắc bị ốm rồi. Cách đây mấy hôm thấy cụ có vẻ mệt mệ.

Tôi bắt đầu chệnh choáng:

- Anh có biết chỗ bà cụ ở?

- Có. Nhưng không rành lắm.

- Vì sao?

- Vì cụ không khi nào cho cháu đến đón tận nơi. Cứ bắt đứng chờ ngoài xa. Cháu hỏi sao cụ lại đến đây ở một mình. Cụ bảo vì giận con cháu.

- Vậy anh đưa tôi đến ngay chỗ ấy nhé.

- Sáng mai!

Chỗ mẹ tôi trú ngụ là ngôi chùa cổ làng bên. Ngày trước, khi còn tinh mắt cụ hay đến lễ Phật và làm công quả ở đây. Cụ quen thân hầu hết những người trong chùa từ sư cụ trụ trì đến các phật tử gần xa.

Chú xe ôm chỉ tay vào chùa: Đó!

Tôi lảng lảng vào chùa, hồi hộp như thời nhỏ chơi trò trốn tìm. Tôi sẽ làm gì khi gặp mẹ? Tim tôi đập loạn xạ. Tôi chỉ biết gật đầu chào lại những người trong chùa chứ không dám cất thành lời. Tôi muốn kéo dài những bí mật. Tôi cứ loanh quanh trong sân chùa, hết ngắm cây lại ngắm hoa. Và đúng lúc ấy, trời phật giúp hay sao, tôi nhìn thấy mẹ. Cụ đang cúi xuống nong lá cây làm thuốc, chăm chú dùng hai bàn tay đảo lên đảo xuống. Tôi rón rén đi đến chỗ mẹ. Mẹ tôi vẫn không hay biết. Tôi không biết mình phải làm gì nữa. Không gian ngập đầy mùi cỏ cây, nắng gió. Tôi nên đập tay vào người mẹ tôi hay cất tiếng gọi? Làm cách gì chắc cũng không khỏi khiến cụ giật mình và đó là điều tôi không muốn. Cuối cùng thì người ta cũng đã phát hiện ra tôi và nói lại với mẹ tôi. Mẹ tôi quay lại. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì mẹ tôi đã hốt hoảng kêu lên: “A di đà phật! Ai thế này? Sao lại là con, thằng Thiện của bu!”

Tôi chỉ còn biết ôm chặt lấy mẹ tôi như ngày nào lên năm lên sáu mỗi lần gặp mẹ sau những phiên chợ.

Mẹ tôi không nói gì, chỉ có ánh mắt đục lờ âm ỉ nước là nói.

Và tôi cũng thế, chỉ nghẹn ngào hỏi mẹ được đúng một câu thật vô duyên: Sao bu lại bỏ con cháu hả bu?

Mẹ tôi cầm vạt áo chặm nước mắt:

- Bu không bỏ con cháu. Bu chỉ bỏ cái chỗ không thích hợp với bu thôi.

Tôi đưa mẹ tôi hoàn tục về với căn nhà mới nhỏ hẹp của tôi. Được dẫm chân lên mảnh đất dày đặc những kỷ niệm, thấm đẫm mồ hôi nước mắt, thấm đẫm vui buồn của cả một đời người, mẹ tôi vui

lắm. Cụ bảo có lại được nhân duyên này đâu có phải do ý muốn của con người tạo ra. Mà là ý trời, ý Phật, ý nguyện của bố tôi và những linh hồn chịu nhiều oan trái mong mỏi. Tôi cũng mơ hồ thấy thế.

Vợ tôi ở trong Nam, con tôi ở nước ngoài cũng gọi điện về chúc mừng cuộc đoàn viên thật kỳ lạ.



Cái nền nhà thờ tưởng hẹp, ai ngờ đo ra, tính cả mảnh sân con đằng trước nó cũng rộng đến cả sào Bắc bộ.

Chiều theo ý bà cụ, tôi dần dần phục hồi tại đây những vật thể từng hiện diện hồi bố tôi còn sống. Nào hòn non bộ với núi non và những lão tiều phu đốn củi mà ngày còn nhỏ tôi say mê thả hồn vào. Mấy chú cá vàng mềm mại lung linh như nắng mai, cá La Hán đen như những mỹ nữ da màu. Nào đàn hoa móng rồng xanh mượt, hương thơm ngào nức một vùng. Ngày trước, tôi thường bắc ghế hái xuống những bông hoa chín vàng rộm, bỏ vào túi xách, đến đâu cũng được người chung quanh khịt khịt mũi ngo ngác hỏi nhau hoa gì mà thơm thế nhỉ!

Từ hôm được trở về sống với mảnh đất xưa, với những kỷ niệm cũ, mẹ tôi vui hẳn lên. Nhưng rồi chắc chắn ai ngờ chính những kỷ niệm đó đã lại dồn về tạo thành cơn bão quật ngã mẹ tôi. Cụ không còn đứng vững được nữa, toàn thân cứ liêu xiêu như đi trong cơn gió lốc vô hình. Cuối cùng mẹ tôi phải ngồi bệt xuống đất.

Tôi hoảng quá. Ôi sao mẹ tôi lại thế này? Bao nhiêu đắng cay không quật ngã được cụ mà sao chỉ một làn gió nhẹ của hạnh phúc, đã làm mẹ tôi ra nông nổi này.

Mẹ tôi lại khóc. Một trận khóc không định trước.

Tôi lại bị một phen hú vía. Mới có 2 giờ chiều mà đã vậy sao? Và rồi không hiểu sao ngay sau đó mẹ tôi lại thành người ngồi đồng cho hồn bố tôi nhập vào. Toàn thân bà cụ cứ lác la lác lư. Miệng cứ hét âm âm. Nước miếng cứ phun ra rào. Và tay chân cứ hươ lên hạ xuống, múa may quay cuồng. Trong cơn hoảng loạn, tôi nghe tiếng được tiếng mất:

- Côm ơi! Côm của tôi ơi. Tôi biết bao nhiêu năm nay, dù âm

dương cách trở muôn trùng nhưng tôi biết Côm vẫn còn rất thương tôi. Côm yên tâm đi. Tiếng em nói, đầu em nghĩ, tôi nghe, tôi thấu được hết mà. Tôi hạnh phúc rồi. Đừng lo lắng cho tôi gì nữa. Tôi dìu phần xác phàm của mẹ tôi vào nhà. Bố tôi vẫn còn ở trong mẹ tôi. Miệng cụ vẫn lão thảo. Đó là lời của bố tôi nhờ miệng mẹ tôi nói hộ. Giọng của mẹ nhưng lời của bố. Tôi tức tốc pha nước chanh đường cho mẹ tôi uống. Rồi tôi giơ thẳng tay đánh mạnh vào người mẹ tôi. Người ta bảo chỉ có thể mới giúp bố tôi thoát được ra khỏi mẹ tôi và mẹ tôi cũng mới thoát được bố tôi. “Đến một lúc chẳng còn anh, chẳng còn em. Chỉ còn mỗi một con người gọi là hai ta”. Chẳng lẽ câu thơ tôi thuộc từ thời thanh niên lại vận vào trường hợp này? -./.

... CÒN TIẾP ...

NGUYỄN KHOA ĐĂNG

Kỳ thứ Hai .

5.

Mùa xuân năm Mùi ấy, tôi bước vào tuổi 16 thần tiên. Điều đó có nghĩa, từ cậu bé, tôi đang trở thành một người lớn. Thành một người lớn thực sự. Tôi đã thành “chàng” rồi.

Rất vui vì đó cũng là năm đầu tiên, quê tôi, một làng nhỏ, một đầu gối lên bờ đê một con sông lúc nào cũng đở lưng phù sa, đầu kia kê sát với quốc lộ 10, ngày trước từng tráng nhựa phẳng lì nhưng hồi kháng chiến chín năm nó đã bị đào lên tiêu thổ kháng chiến, để bây giờ lồi lõm, ổ gà, ổ trâu, bụi bay mù mịt. Tuy vậy nhờ có nó mà quê tôi có được những chiếc ô tô chạy qua và trở thành “văn minh” hơn nhiều nơi khác, vừa được giải phóng. Đây cũng là lần đầu tiên quê tôi, kể từ ngày tôi sinh ra đến nay, được biết thế nào là thanh bình, yên ả. Còn trước đó toàn là bom đạn liên miên, là tận mắt thấy từng cái chết. Ba tuổi, chứng kiến cảnh máy bay Mỹ ném bom xuống chiếc tàu chiến của Nhật đang hùng hổ chạy trên sông Hồng. Năm tuổi, đem bát cơm nguội ra ngô định đưa cho đứa bé lúc này còn run tay giơ ra xin ăn thì bây giờ đã thấy nó chết gục ngay giữa lối đi, rã rớt đầy mặt. Sáu tuổi, nghe tiếng đại

bác của Pháp chiếm thành Nam Định. Bảy tuổi, Pháp tận công sang quê tôi, bắn chết của nhà tôi con bò mộng cùng tuổi với tôi. Mười tuổi, sáng sớm theo người đi chợ Thông, đã thấy ông Cẩm, nghe nói có âm mưu theo giặc, bị đội Thái Hùng diệt ác phá tề cắt đứt cổ rồi xẻ thịt thành hai mảnh bày lên tám phản gỗ bóng nhẫy mỡ mà hàng ngày ông đồ tể Toạ vẫn dùng để bán thịt lợn. Mười một tuổi, giặc càn vào làng, gây ra vụ thảm sát Quang Thâm, bắt đi hầu hết những thanh niên trai tráng, trói khít họ lại với nhau rồi đem ra bãi sông Hồng, bắt đứng thành hàng, xả súng bắn chết cả loạt như ngả rạ. Cái đêm các chú tôi đi lượm xác con cháu về, còn nhỏ quá tôi không được đi theo nhưng sáng hôm sau thì được nhìn thấy người chết nào bụng cũng to kèn, trắng ớn như con lợn chết trôi. Nhưng cái đập vào mắt tôi mạnh nhất là những lỗ đạn bắn. Lỗ nào cũng đã se miệng, tròn xoe, xám xịt như lỗ mũi bò.

Tóm lại suốt cả tuổi thơ, tôi luôn phải thất tim, sờn óc trong khói súng, trong âm thanh hãi hùng phát ra từ gót giày đinh của bọn lính lê dương, linh bảo hoàng nện cồm cộp xuống đường làng, xuống mảnh sân gạch nhỏ trước nhà, sau những giây phút yên ắng đến rợn người, khi đạn đại bác nã vào làng dọn đường cho bọn bộ binh vừa chằm dứt.

Vậy mà nay quê tôi được hoà bình...

Cho mãi mãi sau này, tôi vẫn không giải thích được vì sao cái không khí của mùa xuân năm ấy lại rạo rục trong tôi đến thế.

Cảnh vật thì vẫn là cảnh vật từ ngàn xưa. Vẫn những cây xoan, mùa đông rụng hết lá, chìa lên bầu trời xám như chì những cành nhánh sù sì, gân guốc, đầu tù ra như những khúc chân chó . Vẫn những bụi tầm xuân gai góc kín đáo giấu mình trong bụi rậm để bất ngờ nở tung ra những chùm hoa phơn phớt hồng làm sáng rục cả một không gian. Đó cũng vẫn là những rãnh đất, vạt vườn lâu nay khô cằn, xơ xác vì nắng hanh gió bắc, nay bỗng đồng loạt đội lên nào bí nào bầu, nào mạn, nào đào...những mầm cây non nót e ấp mang hai bên hai mảnh lá con con như hai bàn tay tí hon giơ lên che gió và nắng. Đó còn là những chồi non nghe tiếng gọi của mùa xuân đã như những con chim ngủ đông rủ nhau đồng loạt chìa mỏ chui ra.

Mùa xuân năm Mùi ấy gây ấn tượng mạnh cho tôi còn vì đó là mùa xuân đầu tiên trong đời tôi được gặp lại Én trong vóc dáng một cô gái tuổi dậy thì. Tôi nhớ mãi, buổi chiều xuân ấy, trời se se lạnh, có mưa bụi bay lay phay và những đám mây thấp ngang đầu, bay là là trên mặt đất tràn ngập màu xanh. Tôi vừa giắt được từ trong nhà ra con bê sắp vực mà bố mẹ tôi mới tậu được trong phiên chợ Thông ra cánh đồng cho nó gặm cỏ dọc theo các bờ ruộng cỏ xuân non tơ đang lên môn môn. Bất chợt tôi nhìn thấy Én. Mới ngày nào cô bé này còn còi cọc như que củi, tóc đỏ như râu ngô, vậy mà chỉ mấy năm xa làng, lên thị xã học, nay trở về làng đã thấy phồng phao hẳn lên. Năm ấy, Én 18, hơn tôi hai tuổi. Én là con gái ông Khán Vĩnh, người thời trẻ từng làm canh điền rồi kéo xe tay cho ông nội tôi, bây giờ về già sống bằng nghề bẫy chim vào mùa xuân, còn mùa đông thì bóc mộ. Ông Khán Vĩnh có cách bẫy chim rất lạ. Trên mảnh đất trống trước nhà, ông cho cắm chi chít những chiếc que dính đầy nhựa mít. Một con cú mèo bị buộc chân cho đậu trên một cành cây cắm giữa sân. Ông chọc cho con chim cú mèo kêu lên mấy tiếng. Và thế là, chỉ một lúc sau, không biết từ đâu, các loại chim thi nhau kéo đến, sà xuống gây chiến với cú mèo. Chúng bị dính nhựa mít, không bay lên được. (Không biết vì lý do gì mà các loài chim đều ghét cú mèo đến thế). Rồi cứ thế ông ra gỡ từng con chim cho vào lồng. Nghe nói có buổi ông kiếm được hàng chục con. Với nghề bẫy chim ông độc đáo thì với nghề bóc mộ ông cũng lạ lùng, ghê gớm chẳng kém. Ông từng tỉ mẩn gỡ từng miếng thịt, sợi gân chưa tiêu hết trong những chiếc quan tài vừa được đào lên rồi trưa hôm đó lại nắm xôi ăn bình thường, sau khi rửa tay qua loa bằng vài chén rượu. Ông Khán Vĩnh có hai người con. Vì mê chim nên ông đều lấy tên chim ra đặt tên con. Người con trai đầu năm ấy 26 tuổi mang tên Kèn (chim kèn kèn), trong kháng chiến chống Pháp từng là du kích xã, người thứ hai là Én. Vợ ông chết đói năm Ất Dậu, nhưng vì nhà quá nghèo nên ông không dám lấy vợ lần nữa. Cũng như nhiều cô gái nông thôn ở thời kỳ này, Én nghèo lắm. Cái áo cô mặc trên người rách vá tứ tung không sao che hết được những phần đáng ra phải kín đáo trên cơ thể người con gái mới

lớn. Đơn giản nhất là nhiều khi chiếc cúc chiếc khuy cài chẳng đủ, Én phải buộc nó lại bằng những cọng rom, làm hôm ấy, tim tôi muốn nhảy ra ngoài khi Én bất ngờ cúi xuống cắt cỏ, để lộ lộ bên trong vạt áo hai bầu vú non tơ căng cứng, như cặp bánh dày vừa nặn, hình ảnh sau này tôi chỉ nhìn thấy ở tượng thần Vệ nữ. Én khỗ thế đấy, cái áo lót tân thời, gọi là xu chiêng hay corset, mà lúc này bắt đầu trở thành quen thuộc với các cô thôn nữ quê tôi, Én cũng không có được.

Mơ ước được gặp Én là những điều thường trực trong tôi những ngày sau đó và đó cũng là nguyên nhân tôi thường tìm có để được gặp nàng. Khi thì trên đường đi học, tôi liêu lĩnh bỏ bạn bè đang cùng đi trên đường, rẽ vào con ngõ nhỏ trước nhà nàng và gặp nàng đang làm một việc gì đó. Khi thì tôi thấy nàng vác cuốc đi sau ông bố ra đồng trong nắng ban mai rực rỡ và những giọt sương long lanh như sao sáng treo trên lá cỏ bên bước chân nàng. Nàng đâu có biết lúc đó tôi đang biến thành tượng đá ngay sau lưng nàng.

Theo thời gian, càng ngày tôi càng mê Én, mê đến nỗi không lúc nào tôi không nghĩ đến nàng, đến nỗi, đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, bao giờ tôi cũng luôn tự hỏi: chỗ này nàng đã đến chưa, cái cây đa gốc rễ xù xì kia, cây gạo hoa nở đỏ như một ngọn lửa không lồ kia, đã bao giờ lọt vào đôi mắt đẹp đến mê hồn của nàng. Rồi tôi cứ lẩn thẩn phát ghen với mọi người, từ cha mẹ nàng đến bà hàng xóm kề bên. Những người ấy, họ sung sướng, hạnh phúc hơn tôi vì họ thường xuyên được gặp nàng, được trò chuyện với nàng. Cuối cùng sau một đêm mất ngủ, tôi quyết tâm phải tỏ tình với nàng. Tôi bỏ sẵn trong túi một bức thư viết rất ngắn gọn, có thể mới xoáy sâu, mới đánh trúng tim nàng được. Tôi viết rằng: “Én ơi, tôi yêu Én lắm”. Hôm sau tôi lại đi chăn bê. Lúc này tôi đang học cấp 2 trường huyện, cách nhà 5,6 cây số, sáng đi trưa về, buổi chiều phụ giúp bố mẹ việc đồng áng, bài vở dồn hết buổi tối. May sao, chiều ấy, như thường lệ, Én lại ra đồng cắt cỏ. Nhìn qua nhìn lại thấy cánh đồng vắng vẻ, tôi liêu mình, mặc kệ tim đập như trống éch, cột con bê lại rồi đi thẳng đến chỗ Én. Nhanh như đại bác bắn, tôi dúi mạnh vào túi áo Én lá thư rồi chạy biến đến chỗ con

bê của mình. Cả buổi chiều hôm ấy tôi cứ thần thơ, thơ thần. Cứ như tự đốt cháy mình!

Mấy hôm sau, tôi lại lựa thời cơ như lần trước, khi không thấy ai để ý đến mình, tôi dắt con bê lướt qua chỗ Én đang cắt cỏ rồi hỏi nhỏ: “Đọc thư tôi chưa”. Én trở mặt nhìn tôi, mãi sau mới nói được: “Chết! Không thể được cậu ạ. Gia đình cậu khác với gia đình tôi lắm”. Én gánh cỏ chạy như bay ra khỏi chỗ tôi đang đứng. Vậy mà tôi vẫn không sao từ bỏ tình yêu với Én vừa nhen lên trong tôi. Tôi lại lập kế mới. Nhân người chị họ tôi, hơn Én mấy tuổi, lấy chồng ở xa về chơi, hôm trở lại nhà chồng đã bỏ quên lại chiếc áo gụ còn mới. Tôi thủ luôn chiếc áo ấy, giấu kín trong người chờ đến tối đem đi tặng Én. Không khó khăn lắm để tôi làm việc này vì với gia đình ông Khán Vĩnh việc chúng tôi, con cháu cụ Hàn thân hành đến nhà xưa nay vẫn được coi là một niềm vui. Ông Khán Vĩnh cứ rồi rít hết nâng bát nước mời tận tay tôi lại đưa cái điều cây đã tra thuốc vào nõ bật lửa cho tôi hút. Ông đâu biết làm thế chỉ khổ tôi vì lòng tôi lúc này đang nóng như lửa đốt. Lại thêm tôi giấu cộm cộm trong người chiếc áo ấy nữa. May sao vừa lúc có người đứng ngoài ngõ gọi với vào rằng xóm trong có người thất cổ cần nhờ ông Khán đến tháo dây hạ xuống. Ông Khán Vĩnh tắt tưởi xuống bếp cầm cái bùi nhùi rơm vừa đi vừa thổi lửa, ánh sáng bập bùng như ma trời. Còn lại mình tôi và Én đang nhấp nhòm có ý muốn đi theo bố, tôi nắm tay Én kéo lại. Én mở to hai con mắt nhìn tôi, sợ hãi. Tôi thì chẳng sợ. Mà trong nhà, lúc này có còn ai đâu. Anh Kèn, lấy vợ và ở rể ở xóm trên có mấy khi về. Còn với ông Khán Vĩnh, giả sử ông có nhìn thấy tôi đang ôm Én chắc ông cũng chẳng nói gì. Đũa mốc đã chời được mâm son rồi mà. Én buộc lòng phải theo tôi ra sau nhà. Trên mảnh vườn nhỏ, ánh trăng thượng tuần sáng mờ mờ nhưng cũng đủ soi rõ những luống ngô đang bông con, xoã tóc phát phơ trong gió. Gió đem từ cánh đồng ngoài xa về mùi đất nồng nồng ngai ngái và tiếng ếch nhái kêu gọi nhau hội hè rộn rã. Tôi dẫn Én đến bên gốc một cây ổi để Én dựa lưng vào đấy còn tôi đứng đối diện. Tôi nhìn vào mắt Én trong khi Én nhìn ra ngoài ánh trăng. Trăng ngoài trời và trăng trong mắt Én cùng sáng một màu, màu gì tôi không định nghĩa

nổi. Chờ cho Én hết hồi hộp, cho khuôn ngực thanh xuân của nàng bớt phập phồng, tôi mới rút trong người ra chiếc áo cũ ấy. “Tặng Én cái này”- “Gì thế cậu”- “Cái áo!”. Én vùng vằng: “Em chả dám đâu!”. Vừa nói Én vừa có ý muốn bỏ chạy. Và rồi Én bỏ chạy thật. Nàng tuột khỏi tay tôi. Không còn cách nào tôi chỉ còn biết nhanh như con sóc nắm lấy tà áo của Én kéo lại. Thế là, xoạc một cái, áo và người bị phân ly để phần chạy đi là tấm thân trần nõn nà, căng tràn sức sống, phần còn lại trong tay tôi là mảnh áo rách của Én. Thế là Én buộc lòng phải quay lại với tôi. Tôi lấy cái áo cũ của chị tôi khoác hờ lên cơ thể Én. Khuôn ngực thanh xuân lồ lộ dưới ánh trăng. Ôi tạo hoá ơi, người thật vĩ đại, thật tài hoa khi tạo ra cho loài người báu vật này. Tình yêu rồi cả dục vọng nữa thôi thúc tôi phải nhanh chóng chiếm lĩnh lấy kỳ quan ấy. Nhưng tôi đâu dám. Đúng hơn, tôi chỉ dám sau khi khoác chiếc áo lên người của Én thì cài khuy lại cho nàng, thì vuốt ve cho nó phẳng, cho nó bó sát các đường cong. Một lần nữa bàn tay tôi lại chạm vào làn da thịt ấy. Chắc Én mới tắm xong, tắm trước khi gặp tôi mấy phút. Bởi rõ ràng vẫn còn đó những mụn gai ốc li ti nổi lên trên vòng ngực, làm tê dại hết cả mười đầu ngón tay tôi. Bất giác tôi ôm chặt lấy Én và đặt lên khắp da thịt nàng những cái hôn. Rồi tôi ra về. Sung sướng và hãi hùng. Lo sợ và yên tâm. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là con gái và da thịt con gái. Lần đầu tiên tôi biết thế nào là tình yêu và nhục cảm.

Một hôm, không kìm hãm nổi lòng mình, đánh liều tôi hỏi mẹ tôi về Én.

Không ngờ mẹ tôi hỏi ngược lại:

· Mà mày thích nó phải không?

Tôi đỏ bừng mặt, công nhận:

· Vâng, thế thì sao hả bu?

· Thì mày ra khỏi cái nhà này ngay !

Tôi bối rối:

· Sao vậy ? · Còn sao với giảng gì nữa. Bố nó, ông Khán Vĩnh, là canh điền, là phu kéo xe cho ông nội mày đấy.

· Nếu thế thì đã sao?

Mẹ tôi trừng mắt nhìn tôi:

· Thì không được. Là họ nhà tôm lộn cút lên đầu.

Mẹ tôi nói vậy nhưng tôi đâu có nản. Tình yêu mà! Tôi nhớ trong thời kỳ này, có một đêm mưa phùn gió bắc, đến rủ Tường, thằng bạn nối khố xuống làng Sáo Đền, cách làng tôi một cánh đồng để xem phim. Vừa mở bức màn, tôi đã giật mình vì Eùn đã có mặt ở đây từ trước. Chỉ có thể thôi, đúng là chỉ có thể mà đêm ấy tôi trần trọc không sao ngủ được. Tôi cứ tưởng chuyện này chỉ có riêng tôi biết nào ngờ ở giường bên mẹ tôi phát hiện ra. Bà hỏi, tôi chống chế: “Tại chập tôi con uống nước chè đặc ở nhà thằng Tường!”.

Mẹ tôi cười thành tiếng: “ Anh gặp con Én phải không?”. Tôi chịu mẹ tôi tinh ý . Rồi tôi phải lên Búng trọ học. Sau cái đêm tình cờ gặp Én, tâm trạng tôi vẫn chưa hết bàng hoàng. Tôi chỉ nghĩ đến Én. Ân nghĩ. Ngủ nghĩ. Đi đường cũng nghĩ. Gặp ai hoặc ngồi với ai tôi cũng chỉ muốn nói về Én. Mẹ tôi không khó khăn gì để không nhận ra điều ấy. Vì thế đã có một buổi trưa thứ bảy khá lạ lùng của đời tôi. Trong bữa cơm tôi vừa mới gấp miếng thức ăn (rau bí ngô xào - mãi mãi sau này, tôi không thể nào quên được món ăn dân dã ấy) định đưa lên miệng thì bị mẹ tôi trừng mắt, hỏi :

· Mà phải lòng con Én phải không?

Tôi chưa kịp thanh minh và cũng không biết nên thanh minh thế nào thì mẹ tôi đã dồn tiếp:

· Thằng Phông nó đang đe giết mày đấy.

Phông là người đang gấp ghé Én.

· Để bảo đảm tính mạng cho mày, từ mai tao cầm mày về nhà, cứ ở yên trên đó, hết gạo tao gánh lên.

Về sau tôi mới biết đây là câu mẹ tôi dọa tôi. Bà vẫn kiên quyết không cho tôi yêu Én, mà bà cho là không môn đăng hộ đối. Biết tính mẹ tôi nghiêm khắc, đã nói con cái phải nghe, từ hôm đó tôi không dám về làng nữa. Càng không được về làng, tôi càng nhớ Én hơn. Tôi chỉ buồn là không nói được cho Én rõ về cái điều khiến mẹ tôi cấm, không cho tôi chủ nhật được về làng. Tôi đâu có ngờ Én biết và nàng đã chủ động viết thư cho tôi. Lá thư đầu tiên. Thư được gửi qua một “hòm thư đặc biệt”. Buổi sáng sớm, tôi đang ngồi ôn bài trước cửa nhà trọ thì có người con gái vốn là bạn

của Én gánh gạo đi qua. Hồi này các cô gái làng tôi thường nhận thóc của kho nhà nước đem về xay thành gạo để lấy cám và tiền công.

Người bạn gái của Én dúi vào tay tôi cái phong bì nhỏ, nói thật nhanh như sợ có ai nghe thấy: “Cái Én gửi anh”. Tôi nhận thư, toàn thân lại run lên lần nữa. Ôi, vậy ra nàng vẫn còn nghĩ đến tôi. Sợ bạn bè biết, tôi lén đem thư ra sau nhà để đọc. Chữ nàng xấu hay đẹp (mà thực ra là xấu như gà bới), câu cú thế nào tôi không để ý đến, chỉ thấy có cái gì linh thiêng đến ma quái trong mỗi dòng chữ của bức thư. Tôi cứ đọc đi đọc lại, đọc xong lại giờ ra ngắm. Tôi nghe rõ trong thư có giọng nói, có hơi thở của nàng. Nàng viết rằng nàng rất buồn khi nghe tin tôi vì nàng mà từ nay chủ nhật không được về nhà. Nàng trách yêu nhau đã mấy tháng rồi, chưa đủ gan góc để chống chọi với mọi biến cố hay sao mà còn nhát thế...

· Chết nhá, đọc thư tình, tôi bắt quả tang.

Thằng bạn trọ cùng nhà thét tướng lên làm tôi giật nảy người, tim muốn rơi khỏi lồng ngực. Hoá ra cậu ta rình tôi từ lúc nào không hay.

Tôi không thể tiếp tục đọc thư nàng được nữa. Buồn và bực. Nếu không vì những cảm xúc lâng lâng do lá thư nàng đem lại chắc tôi đã táng vào mặt thằng bạn cú tát trời giáng rồi. Tôi cuộn nhỏ lá thư nhét sâu vào trong túi áo rồi cắp sách đi học, lòng đầy nuôi tiếc.

Tối hôm ấy, nhớ thư nàng quá, tôi lại tìm cách đọc lại. Để tránh sự rình mò của thằng bạn, tôi thắp đèn rồi đem thư ra chuồng xí để đọc. Có hiểu sự bản thủ, khai thối đến rợn người, lợm giọng của những nơi gọi là “nhà vệ sinh” ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ thời kỳ này mới thấy sự bất chấp, sự mê muội đến mù người trước ma lực của tình yêu trong tuổi mới lớn của tôi mạnh mẽ đến chừng nào.

Nhưng đây là chuyện của mấy tháng đầu năm Ất Mùi, 1955. Còn sau đó, chỉ mấy ngày thôi, tình hình đã đổi khác hoàn toàn. Ông biến thành thằng. Thằng đổi thành ông. Quay ngoắt đi 180 độ. Chuyện bắt đầu từ giây phút những ông Đội đeo ba lô về làng tôi

và cuộc Cải cách ruộng đất long trời lở đất bắt đầu.

6.

Một hôm, có một người đàn ông, mặc bộ quần áo màu gụ, thứ y phục quen thuộc của những cán bộ Việt Minh lúc bấy giờ, đeo cái túi dệt bằng vải ka ki tự khâu, chân đi đôi dép cao su mà sau này gọi là dép lốp, đến nhà tôi. Tôi nhận ra đó là ông Hứa, cán bộ ngành lương thực, từng ăn dầm ở đề nhà tôi cả mấy tháng trời để vừa thu mua thóc cho chính phủ vừa lo đục tường, phá cửa biển ngôi nhà gỗ lim hướng tây của gia đình tôi thành kho chứa thóc cho nhà nước. Việc biến cái riêng thành cái chung này hoàn toàn là sự tự nguyện của bố mẹ tôi, muốn được đóng góp chút công sức và tài sản cho cách mạng vào thời kỳ đầu miền Bắc mới được giải phóng, còn biết bao khó khăn chồng chất. Từ đây toàn bộ sinh hoạt của gia đình tôi gói gọn trong căn nhà ba gian lợp rạ, chật hẹp, dựng tạm trên cái nền của cái nhà 7 gian cũ trước đây bị bọn Pháp dỡ mang lên bột Lãng Điền làm nhà ở cho vợ con binh lính. Chật chội lắm. Nhưng cả nhà tôi lại lấy đó làm vui. Bởi nghĩ rằng mình được phục vụ xã, phục vụ cách mạng, như thế là hạnh phúc lắm rồi. Với lại, khó khăn bây giờ nhằm nhò gì với nỗi kinh hoàng khi bọn giặc Pháp còn chiếm đóng ở đây. Cứ nhìn ngay xuống cái nền nhà này thì rõ. Vết tích tội ác của chúng vẫn còn rành rành kia. Đó là một buổi trưa hè, năm 1953, khi cả nhà tôi đang quây quần bên mâm cơm thì bỗng nghe từ phía thị xã, đánh “ục” một cái, tiếng nổ đầu nòng của một quả đạn đại bác. Cũng như mọi khi, nghe thấy tiếng “nổ” ấy, chúng tôi đều im lặng lắng tai dự đoán xem lần này chúng bắn về đâu. Bởi nếu đó là tiếng “oành” thì đạn nổ hơi xa. Còn nếu là “oàng” là đã quá gần, có khi ở ngay nhà bên cạnh. Nhưng hôm nay chẳng “oành” cũng chẳng “oàng”, chỉ thấy cộc một tiếng, cái đầu đạn to như bắp chuối, xuyên thủng mái nhà, rơi thẳng xuống đất, nằm chềnh ềnh ngay bên cạnh mâm cơm chúng tôi đang ăn. Hoá ra viên đạn ấy bị câm. Cả nhà tôi bàng hoàng, nếu nó không câm miệng hên như thế, chắc họ hàng, làng nước chỉ còn cách dùng cuộc xẻng hốt cả nhà tôi vào một đống rồi chôn chung một lỗ.

Cho nên thực lòng mà nói được đóng góp chút gì cho cách mạng

đối với gia đình chúng tôi là một niềm vui không gì so sánh được. Vậy mà bây giờ cái niềm vui ấy đang có nguy cơ bị cướp mất khi ông cán bộ Hứa nói thẳng:

· Chúng tôi sẽ cho chuyển hết số thóc trong kho này đi ! Kho thóc của chính phủ từ nay sẽ không đặt ở nhà ông bà nữa.

Bố tôi cứ ngó người ra. Còn tôi thì bàng hoàng. Bố tôi run giọng hỏi lại:

· Vì sao vậy ông?

· Vì ... vì... Thôi cái này ông hỏi cấp trên sẽ rõ.

Bố tôi như muốn khóc. Thấy vậy, mãi sau ông Hứa mới đáp nửa kín nửa hở:

- Nghe đâu sắp có cuộc Cải cách ruộng đất gì đây...

· Cải cách thì liên quan gì đến chuyện này?

· Có đấy, vì hình như gia đình ông thuộc vào diện...Thôi, tôi không nói nữa. Chỗ thân tình tôi đưa ông cái này, ông đọc thì sẽ rõ.

Ông rút trong túi dật ra tập tài liệu mỏng đưa cho bố tôi rồi lúi lũi bỏ đi.

Tôi cầm tập tài liệu ấy lên tay. Nó chỉ to bằng bàn tay, giấy đen, đầy những cọng rơm. Dòng chữ trang đầu đập ngay vào mắt:

“**LUẬT CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT**” và con số ghi niên hiệu năm tập sách ra đời: 1953. Sau này, tôi mới được biết, đó là năm Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thông qua trong khoá họp lần thứ 3 ngày 4 tháng 12 năm 1953, tại căn cứ kháng chiến Việt Bắc .

Ngay chiều hôm ấy có tới hàng trăm thanh niên quang thúng linh kính, cười nói bô lô ba la đã tề tựu trong mảnh sân gạch nhà tôi. Họ chuyển thóc từ nhà tôi sang kho mới đặt ở từ đường ông Thoại, cùng xóm .

Trong số những thanh niên này, dù biết chắc rằng sẽ có Én, vậy mà khi nhìn thấy nàng hai má đỏ ửng mặc cái áo tôi tặng hôm trước, từ ngoài ngõ quây đôi quang thúng bước vào sân , tôi vẫn cứ bối rối. Đứng sau cánh cửa nhìn nàng, lòng tôi buồn rười rượi. Én ơi, liệu chúng ta còn có nhau không.

Không bao lâu sau, toàn bộ số thóc mấy nghìn thùng chất cao đến

tận óc nhà đã bị chuyển đi sạch sành sanh, kể cả bộ khung gỗ và những tấm liếp đan bằng tre. Sẩm tối, kéo nhau lên thăm lại căn nhà cũ, bố con tôi nhìn mà ngao ngán. Tất cả lạnh tanh, trống trải. Nhận lại nhà đáng lẽ chúng tôi phải vui, đằng này lại buồn nẫu ruột.

Vậy là không còn nghi ngờ gì nữa, cách mạng hay chính xác hơn, chính quyền xã này đã từ chối gia đình tôi, loại chúng tôi ra khỏi cộng đồng. Chúng tôi sẽ phải đối mặt với một cái gì không bình thường đây.

Bố tôi bảo:

· Họ chê bai thế này có nghĩa là cuộc cải cách ruộng đất sắp tới nhà mình bị gay go rồi. Dứt khoát là thế.

Mẹ tôi bảo:

· Thầy mày cứ lo hã. Nhà mình xưa nay có giàu có hơn ai.

Tôi nói:

· Thầy đưa quyển sách lúc nãy cho con.

Bố tôi lật đầu giường lấy sách định đưa, sau nghĩ thế nào lại bảo:

· Để đấy đã.

Tôi không hiểu bố tôi định làm gì. Nhìn theo thì thấy ông đi đến chỗ chiếc máy khâu, hiệu Minato, phương tiện lâu nay bố tôi vẫn dùng để kiếm thêm tiền phụ giúp mẹ tôi. Ông đập máy, may lại tập sách. Hình như bố tôi sợ cái ghim sắt gỉ sét, mỏng mảnh kia không đủ sức giữ cho cuốn sách được vẹn toàn... Cũng có nghĩa ông sợ chỗ dựa tinh thần duy nhất của gia đình tôi lúc này bị xộc xệch, lung lay!

Từ đấy và những ngày sau, bố mẹ tôi và tôi chỉ xoáy vào từng điểm của cuốn Luật để hỏi nhau và dẫn vật nhau. Theo đó đã gọi là địa chủ thì phải có ruộng đất mà ruộng đất phải nhiều và phải bóc lột địa tô. Hôm ấy quần trí quá, tôi đã như quan toà truy hỏi bị cáo là mẹ tôi, vì lâu nay trong gia đình tôi mẹ tôi gần như giữ quyền quản lý.

Quan toà: Số ruộng đất nhà này là bao nhiêu.

Bị cáo: 6 mẫu! (Hơn 3 mẫu mới được một ha. Tính ra ruộng đất của nhà tôi chưa được 2 hecta)

Quan toà: Nguồn gốc.

Bị cáo: Mua. Dành dụm bao nhiêu năm trời từ tiền đi buôn của vợ, tiền làm máy khâu của chồng.

Quan toà: Có bóc lột địa tô.

Bị cáo: 30 cân, một sào, không nhiều hơn so với quy định của chính phủ trong Luật.

Như vậy thì gia đình này có đội đít mà nâng lên cũng không thể nào thành địa chủ được. Mẹ tôi nói thế. Nhưng tôi biết theo luật thì thế chứ khi vận dụng vào thực tế thì đâu như thế. Nhiều khi còn là nhân thân, là nguồn gốc xuất thân.

Tôi lại làm quan toà lần nữa và lần này thì mẹ tôi cho tôi biết nhân thân của bà. Thì ra tuy là con quan huyện thật đấy (ông thân sinh ra mẹ tôi là Nguyễn Quýnh, sau khi đỗ Cử nhân đã được bổ làm tri huyện huyện Nam Xương, nay thuộc tỉnh Hà Tây vào năm 1886.

Gần đây tôi được biết điều này là do được đọc cuốn “Ông Nghè ông Cống, triều Nguyễn”) nhưng là con vợ ba, mà vợ ba ngày trước chỉ là nàng hầu nên mẹ tôi phải vất vả khổ sở từ thuở bé. Đã vậy sau khi sinh mẹ tôi, ông ngoại tôi lại về hưu, quyền hành chẳng còn nên bổng lộc cũng không. Đến năm mẹ tôi mười tuổi thì bà ngoại tôi chết. Chôn cất bà ngoại xong, ngoài dì Sốt do còn quá nhỏ nên được đưa về quê ngoại để nuôi, còn mẹ tôi và dì Khuê lập tức phải dời bỏ quê hương theo người lớn về Hà Nội để làm con ở. Mới 10 tuổi đầu, mà ngày nào, 3, 4 giờ sáng, mẹ tôi cũng bị đánh thức bằng đấm, bằng đạp, bằng cả trò đập tã lót ướt sũng nước đái trẻ con vào mặt. Như vậy sao bảo mẹ tôi là người không lao động được. Lại đóng vai quan toà, tôi hỏi mẹ lần nữa.

· Nhưng đó là thời trẻ. Còn sau này !

· Thì vẫn là lao động, là đi buôn đi bán khắp chợ cùng quê, rạc cả gấu váy, rồi bố mày nữa, ngày đêm còng lưng ra đập máy khâu, có được đồng nào tích góp lại, thuê người cày bừa, cấy hái, như vậy mà bảo chúng tao bóc lột à? Là sự dối công chứ...

· Vậy còn thầy .

· Thì cũng vất vả kém gì bu đâu. Tuy là con cụ Hàn nhưng là Hàn mua thôi. Đã vậy cụ Hàn còn bị phá sản vì có bao nhiêu ruộng đất, tài sản phải bán hết, trắng tay sau vụ kiện tranh chấp quyền sở hữu đất đai với đám Hàn Phụ Hàn Bồng về cái ấp ở Thiện Tùng dưới

huyện miền biển.

Nhờ mẹ tôi nói tôi mới biết trước đây, ông nội tôi có bỏ ra khá nhiều tiền của trâu bò thóc gạo ra giúp hàng trăm hộ nông dân ở cái ấp này phục hồi sản xuất sau khi một trận sóng thần khủng khiếp xảy ra vào năm 1904, quét sạch toàn bộ nhà cửa, cây cối, hoa màu ra biển cả mênh mông. Biết tiếng ông nội tôi xưa nay hay làm việc thiện, bà con nông dân ở ấp này đã cử đại diện lên quê tôi, cách ấp Thiện Tùng gần 30 cây số, để xin ông nội tôi “ra tay cứu giúp” cho bà con phục hồi sản xuất. Ông nội tôi đã dốc toàn bộ thóc lúa, trâu bò, tiền bạc ra giúp bà con. Nhờ thế mà ấp Thiện Tùng lại được như xưa. Nhà cửa lại cất lên. Cây cối lại tươi tốt. Lúa ngô lại xanh mướt cánh đồng. Thôn ấp lại vang rộn tiếng hát, tiếng cười, tiếng trẻ học bài. Dân ấp Thiện Tùng biết ơn ông nội tôi, đã tôn cụ làm thành hoàng ngay khi cụ còn sống. Các triều vua Thành Thái, Khải Định lần lượt xuống chỉ sắc phong cho đình thờ thành hoàng này. Sau đấy không lâu, cánh Hàn Phụ, Hàn Bông ở bên kia sông Hồng, nghe tin đã đâm đơn kiện ông nội tôi với lý do, cái ấp này nguyên là của nhà họ, ông nội tôi đã lấn chiếm. Họ là dân có con cháu Tây học, thành thạo pháp luật nên đã thắng ông nội tôi trong vụ kiện này. Kết quả ông nội tôi không chỉ mất trắng cái ấp Thiện Tùng mà còn phải đóng án phí đền bù thiệt hại cho bên nguyên đơn, với một số tiền khá lớn, đến nỗi, ông nội tôi phải bán đi gần hết số ruộng hiện có mới thoát khỏi tù đầy.

Do đó mà bố tôi cùng các ông chú bà cô, đúng là tiếng cả nhà thanh, mang tiếng con nhà giàu nhưng ruộng đất, tài sản còn lại chẳng đáng là bao. Càng ônggi lại không được học hành đến nơi đến chốn, do ông nội tôi ghét Tây xâm lược không cho con cái học cái chữ mà cụ bảo loằng ngoằng như cái xích chó, trong khi chữ nho đã đến thời mạt vận. Kỳ thi cuối cùng của thứ chữ thánh hiền này xảy ra đúng vào lúc bố tôi và các chú đang tuổi học hành. Thế là, vào đời, học vấn không có,ù bố tôi và mấy chú buộc phải lặn lội vào Nam kỳ và Campuchia làm phu cao su trong các đồn điền của người Pháp.

- Vậy sao bảo thầy mày bóc với lột được!

Càng nghe mẹ tôi nói đầu óc tôi càng sáng ra. Tôi giờ lại tập “Luật

cải cách ruộng đất” ra xem một lần nữa. Điều 12, mục 5 ghi rõ: “Những người có ít ruộng đất, nhưng vì tham gia công tác kháng chiến, vì thiếu sức lao động, vì bận làm nghề khác mà phải phát canh thu tô hoặc thuê người làm, thì không coi là địa chủ. Không đụng đến ruộng đất và tài sản của họ”. Gia đình tôi rõ ràng là rơi vào điều vào mục này rồi. “Vì thiếu sức lao động!”. Đúng rồi còn gì. “Bận việc làm”. Thì cũng đúng nốt. Từ nhỏ đến lớn gần như tôi không thấy mấy khi mẹ tôi có mặt ở nhà. Bà đi hết chợ Thông đến chợ Búng, chợ Sóc, có chợ cách nhà cả hai mươi cây số. Mà toàn là gánh nặng và đi bộ, phải thức dậy từ ba bốn giờ sáng mới kịp. Còn bố tôi thì sau khi hết công-tra, về quê, cưới mẹ tôi, học thêm nghề thợ may, từ đây ông bị cột chặt vào chiếc máy khâu, hết tháng này năm khác, “đít dây như cái mo nang”, bố tôi thường bảo thế. Ông còn sợ cái nghề này như sợ định mệnh, đến nỗi mỗi lần tôi trèo lên chiếc ghế may đều bị ông đuổi xuống. “Một mình đời thầy đã khổ rồi, chẳng lẽ lại truyền đến đời con”. Như vậy những điều quy định trong Luật đã rõ ràng như ban ngày, chả còn điều gì khó hiểu nữa. Gia đình tôi dứt khoát không phải là địa chủ rồi! “Dứt khoát không phải là địa chủ rồi!” Sung sướng quá... Tôi hét to lên. Tôi reo lên như một thằng điên. Rồi tôi hát “Giải phóng Điện Biên bộ đội ta tiến quân trở về giữa mùa hoa nở...”. Tôi hát thế vì vừa nghe trên cây nhãn ngoài bờ ao nhà tôi người phụ trách thông tin tuyên truyền xóm phát thanh qua cái loa bằng sắt tây rằng: “Hôm nay là kỷ niệm một năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ...”

Hát rồi reo to không đủ. Tôi phải chạy ngay ra nhà Én. Nhưng Én không có nhà. Nàng đi họp thanh niên chuẩn bị cho buổi lễ chào mừng Đội Cải cách ra mắt dân làng rồi. Nhìn vẻ mặt lạnh tanh của Kèn, tự dưng tôi thấy lo sợ. Hình như sắp có chuyện không hay xảy ra rồi. Tôi lăm lăm quay về nhà.

7.

Lần này thì tôi chưa vào Sài Gòn ngay. Là trưởng của một chi họ, tôi không thể vắng mặt trong những ngày quan trọng này. Tôi điện vào trong đó xin phép Tổng biên tập linh động cho phép tôi được ở ngoài này thêm một thời gian nữa. Tôi hứa sẽ đều đặn gửi bài

vào toà soạn qua email. Rất may, tôi vừa sắm được chiếc máy vi tính xách tay. Tổng biên tập đồng ý. Thế là cái “văn phòng lưu động” nhỏ bé này đã giúp tôi đắc lực trong việc gửi bài vở và làm cầu nối cho tôi liên lạc được thường xuyên với toà soạn. Vì thế, tại quê, cứ chiều thứ hai hàng tuần, tôi “meo” bài vào Sài Gòn để toà soạn dàn trang, trình bày đưa nhà in và hai ba hôm sau ra cái sạp báo đầu làng, tôi đã được đọc số báo có bài mình mới gửi vào mấy hôm trước. Cũng may, nhờ báo tôi là tờ báo “nguội” nên tôi mới được như thế, chứ với báo “nóng”, tin tức cần cập nhật thì chắc tôi cũng chẳng dám ở lại ngoài này thêm vài ngày nữa. Nhờ thế mà tôi vừa yên tâm với công việc của mình, vừa chu đáo với công việc của chi họ.

Chiều hôm ấy, sau khi lễ tang, lễ hoả táng và lễ cầu siêu của Eùn hoàn tất, một lần nữa, tôi thành kính nâng lên tay chiếc hũ sành da lươn đựng tro di hài của Eùn, đồng thời cũng là đựng tình yêu và những kỷ niệm êm đềm của tuổi xuân của tôi, tạm biệt chùa Báo Thiên, tôi buồn bã trở về làng Phú Tùng của tôi.

Tôi kín đáo chuẩn bị bàn thờ riêng, trên đó có hương trầm nghi ngút, có bức ảnh Eùn thời trẻ mà tôi còn lưu giữ được. Tôi cũng đặt lên đó chiếc máy cassette cùng cuốn băng ghi âm của Eùn. Gióng lên hồi chuông và gõ lên tiếng mõ, tôi đưa cuốn băng vào máy bật lên và ngồi thiền. Eùn hiện về qua giọng nói còn mang đậm âm sắc của tuổi 18 năm nào. Chập chờn hư ảo. Lúc xa lúc gần. Tôi như sống lại tuổi thanh xuân tươi đẹp nhưng đầy cay đắng của mình. “Anh thân yêu! Lần đầu tiên, sau gần 50 năm em mới được gọi anh bằng cái tiếng bình thường nhưng rất thân thương này đây. Trước đây nào em có được gọi thế. Anh còn nhớ không, ngày đầu em chỉ dám gọi anh bằng “cậu” thôi, mặc dù em biết anh không muốn thế! Sau đó mạnh bạo hơn em cũng chỉ được xưng “em với anh” có vài lần nữa, để rồi sau đó Đội về là cả hai chúng ta đều phải im lặng, riêng em chỉ dám gọi anh bằng ánh mắt nhìn. Tệ hơn nữa, chắc anh không ngờ đâu, có lần em phải gọi anh bằng “thằng”, khi vắng mặt anh, đấy là khi lão Kèn và lão đội Khoảnh, bắt em phải như thế. Em đau đớn lắm nhưng may cho em là ngày ấy anh hiểu em, hiểu cái nguyên nhân buộc em phải làm

như thế.

Anh thân yêu! Cái hôm anh bỗng dưng tìm đến chùa Báo Thiên gặp ni sư Diệu Hằng rồi anh trốn chạy em ấy, tuy rất buồn nhưng rồi em lại thấy đó là niềm vui, vì đó lại chính là thời điểm tạo nên bước ngoặt của đời em, thời điểm của một tội đồ được thanh thản thú tội, thời điểm của một con người từ trong bóng tối được bước ra ánh sáng.

Nói thật với anh, hôm đó, bằng linh cảm, ngay từ lúc còn đứng ngoài xa, em đã nhận ra anh. Giấu làm sao được khuôn mặt và hai con mắt ấy. Em biết anh cũng đã nhận ra em ngay từ lúc ấy, nhưng rồi cả anh, cả em, chúng ta không ai dám nhìn thẳng vào mặt nhau. Em thì vì sợ còn anh thì vì giận. Anh ơi, em đoán là cho đến lúc này, anh vẫn chưa thể hiểu ra được vì sao em lại ra thế này anh nhỉ, vì sao từ đứa con gái quê mùa, nghèo khó, có cái tên dân dã như củ khoai hạt thóc Bùi Thị Én lại thành ni sư với cái tên Diệu Hằng sang trọng và bí ẩn. Rồi từ từ anh sẽ hiểu, nhất là với cuốn băng anh đang có trong tay này.

Anh ạ! Em bị bệnh ung thư đang ở giai đoạn cuối. Bác sĩ dự đoán em có sống lâu cũng chỉ hai năm nữa. Em đã định mang toàn bộ những bí mật của đời em xuống tuyền đài nhưng rồi em đã không làm được việc ấy, kể từ hôm em gặp lại anh. Bởi nếu em cứ tiếp tục giấu anh thì sẽ làm anh bị tổn thương, sẽ làm anh tiếp tục bị mất thăng bằng trong cuộc sống. Vì thế em quyết định nói tất cả với anh. Chiếc máy ghi âm và cuộn băng sẽ giúp em thực hiện ý nguyện và chắc chắn đó là những lời trung thực nhất. Em cần phải tranh cướp thời gian để trò chuyện với anh, vì em biết từ nay đến khi em không còn có thể cất lên giọng nói được nữa thời gian không còn nhiều, vì em bị ung thư vòm họng đang ở giai đoạn cuối mà anh. Với cuốn băng ghi âm này, em sẽ trò chuyện với anh mỗi đêm, khi lòng em lắng xuống. Hiện diện cùng em trong những lúc như thế này là gương mặt hiền từ của đức Phật từ bi, người đang ngự trên toà sen. Em chỉ mong anh sau này mỗi lần nghe lại tiếng nói của em, anh hãy im lặng như đang ngồi thiền. Chỉ có thế anh mới hiểu em hơn.

Anh thân yêu, em không dám đòi hỏi ở anh gì nhiều đâu. Em chỉ

mong mỗi lần đến với em, anh hãy thanh thản thả nhang lên, ba nén thôi anh nhé rồi trong khói hương nghi ngút như có sự chứng giám của lòng em, anh gióng lên năm tiếng chuông và gõ lên bảy tiếng mõ. Khói nhang sẽ đánh thức tâm linh. Tiếng chuông sẽ đưa anh về với cõi xa xăm vì ở đó có em để em được gặp anh. Tiếng mõ sẽ đưa anh về với thực tại để anh làm tiếp những công việc còn đang dang dở trên cõi đời này. Cứ như thế anh nhé! Em chào anh!

8.

Mất cả một buổi tối nghe anh em cháu chắt bàn bạc cãi nhau ỏm tỏi, với tư cách trưởng chi họ, tôi đưa ra quyết định cuối cùng: Chỉ xây tháp lưu niệm, chứ không xây từ đường, bái đường... vì không có đất, vì đơn giản mảnh đất hiện có, chỉ có được 6 mét vuông, vừa đủ xây một cái tháp thờ với mảnh sân nhỏ bằng cái chiếu làm chỗ đứng thả nhang.

Đám con cháu được huy động về xây tháp khá đông, xa nhất thì ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh gần nhất tất nhiên là ở tại làng. Toàn bộ kinh phí xây dựng khoảng 3 cây vàng, do cô Quỳnh, em con chú Bảy tôi (ông nội tôi, cụ Hàn Bằng, có 7 người con trai, được gọi tên tục theo thứ tự: Cả, Hai, Ba...) hiện sống ở Canada bao trọn gói. Vợ tôi, để nhà cửa lại ở Sài Gòn cho con cái trông nom, ra đây nấu ăn phục vụ công trình và quản lý chi tiêu. Tôi được chi họ cử làm tổng chỉ huy “công trình”.

Đến lúc này, đành phải nói thật, việc bày vẽ lời thôi này không phải là ý muốn của chúng tôi. Con đâu cha mẹ đấy, lập bàn thờ ông bà cha mẹ ở nơi khác, thậm chí ở nước ngoài thì cũng đã sao. Ai dám cho thế là bất hiếu. Khốn nỗi, ai sống ở nông thôn miền Bắc thời gian qua hẳn rõ. Chẳng biết từ đâu mà cứ như một cơn lên đồng tập thể, khắp chốn khắp nơi, người người đua nhau xây cất, tôn tạo hết từ đường này đến lăng mộ nọ. Lúc đầu còn lẻ tẻ sau thành phong trào. Mà đã là phong trào thì không lực nào ngăn cản nổi. Giá bảo phú quý sinh lễ nghĩa đã đành, đảng này nhiều người còn phải ăn đói nhịn khát vậy mà ngày giỗ chạp cỗ bàn cũng cứ phải linh đình. Nhiều người còn phải chui rúc trong căn nhà xập xệ nhưng phần mộ của người khuất, dứt khoát cứ phải đường

hoàng, có mái che, rông châu hồ phục. Đốt vàng đốt mã cũng thế. Trần sao âm vậy. Nhưng âm nhất định phải oai hơn trần. Ngày xưa còn sống các cụ chẳng biết đi xe đạp và cũng chẳng có xe đạp mà đi, thì nay con cháu phải “xoá đói giảm nghèo” cho các cụ. Phải xe hơi đời mới. Quần áo phải sang trọng, tân thời. Còn tiền tiêu cũng thế, cứ phải là đô la, nếu kém người ta, không chịu được. Thành ra bây giờ nhiều nơi song song tồn tại hai đô thị, người chết và người sống, mà đô thị người chết bao giờ cũng hoành tráng, rực rỡ sắc màu hơn.

Gia đình, dòng họ chúng tôi, làm sao thoát ra ngoài quỹ đạo đó được. Có mà biệt xứ, cả đời đừng vác mặt về làng. Chả có vậy mà thời kỳ đầu, công việc chậm hơn người, thấy ngoài bãi tha ma, mồ mả nhà người ta, chỗ nào cũng rực rỡ xanh xanh đỏ đỏ, trong khi đám mộ họ hàng tôi vẫn cứ xám xịt “xè xè nấm đất bên đàng”, dân làng nhiều người đã ngứa mồm, hoặc bóng gió, hoặc chửi thẳng vào mặt chúng tôi là đồ mất gốc, là “bắn súng vào quá khứ”. Vân vân... Nghe rộn cả người. Miệng dân sóng bể. Không thể thanh minh giải thích hết được. Thế là chúng tôi đành phải hè nhau sửa chữa bổ sung cái sự chậm trễ đó. Đó là lý do vì sao bao nhiêu năm nay xa quê, ly tán mỗi người một nơi, nay chúng tôi lại trở về làng tề tựu với nhau.

Như trên đã nói, cái khó của chúng tôi lúc này không phải là kinh phí, mà là... mặt bằng. Vì chúng tôi muốn xây nơi thờ cúng tổ tiên trên mảnh đất của tổ tiên của chúng tôi.

Bài toán này thật hóc búa, vì đất đai nhà cửa của gia đình chúng tôi trước đây vào những năm 55, 56 của thế kỷ trước đã bị các ông Đội cải cách ruộng đất tịch thu sạch sành sanh rồi.

Ngày ấy Đội sau khi tịch thu toàn bộ tài sản, chỉ dành lại cho gia đình tôi vền vện một cái bếp, bốn bề đen nhẻm bồ hóng tích tụ mấy đời thành keo đặc quánh như nhựa thuốc phiện, kín mít như cái lô cốt, để làn nơi chui ra chui vào cho mẹ con tôi. Phần còn lại gồm hai căn nhà gỗ lim lợp ngói, mỗi căn bảy gian và 5 sào chè Đội chia cho gia đình lão Kèn và hai gia đình nông dân khác.

Để có thể sống được trong cái lô cốt tăm tối này, anh em tôi đã

phải nai lunglầy mảnh chai, mảnh sành, khăn ướt khăn ráo ra cạo cạo chùi chùi nhưng cũng chẳng ăn thua, vẫn cứ lem nhem, tòm lợm. Sau này mẹ tôi cho đập đi lấy gạch xây lại được căn nhà nhỏ hơn và để chừa ra được một khoảng sân chỉ rộng hơn cái chiếu một chút.

Cách đây mấy năm, sau khi mẹ tôi chết thì căn nhà nhỏ này giao lại cho cô Ngân, em gái mà lúc này là út, trông nom, thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Cô em gái tôi thuộc loại lờ thì. Nhưng không phải do xấu xí hay dốt nát. Mà do... như một bài thơ không biết tác giả là ai mà ngày ấy ai cũng thuộc, hội nghị nào cũng được ngâm lên, với những câu thay cho lời cảnh báo: “Anh đã trót con yêu con địa chủ- Lỡ yêu rồi biết bỏ làm sao”. Cũng do đó cho đến nhiều năm sau, chẳng một anh con trai nào dám bén mảng đến gia đình tôi để thương yêu cô ấy. Chẳng cần khôn ngoan lắm, họ cũng biết dính vào em tôi thì con cháu ba đời sau vẫn không thể ngóc đầu nổi, không thể làm được cán bộ, nói chi làm ông nọ bà kia.

Mãi gần đây, khi ngọn gió đổi mới về đến quê tôi thì số phận cô em tôi mới có chút thay đổi. Nhưng con đường chồng con thì vẫn cứ bế tắc vì tuổi đã lớn, đã có tóc bạc trên đầu. Theo bước anh em chúng tôi, Ngân cũng thoát ly khỏi làng. Nhưng cô không làm gì được hơn là cái nghề giúp việc nhà. Thế là căn nhà của mẹ tôi để lại đành phải khoá cửa bỏ không. Dù vậy, cô em gái tôi chỉ đồng ý nhường lại cho chi họ mảnh sân trước cửa để xây cái tháp lưu niệm. Tôi có đề nghị chi họ cho xây tháp hoặc từ đường ở chỗ khác nhưng mọi người không chịu, cứ cho rằng đã gọi là lưu niệm thì phải đặt ở chỗ có in dấu nhiều kỷ niệm chứ đặt ở chỗ khác thì còn có ý nghĩa gì nữa. Thế là chúng tôi đành phải chấp nhận phương án này. Rồi mọi người cũng phân công nhau đi xem thầy, xem bà định ngày tốt, giờ tốt tiến hành khởi công.

Và cái ngày giờ hoàng đạo ấy đã đến. Sáng hôm ấy anh em, vợ chồng, cháu chắt trong chi họ đều có mặt rất sớm và đông đủ. Cúng kiếng xong, trong khi, tôi với tư cách cháu đích tôn của chi họ vừa được “bổ nhát cuộc đầu tiên” mở đầu công trình trong tiếng vỗ tay hoan hỉ của đám cháu trai và tiếng khóc nức nở ‘ông ơi’ “thầy ơi” “bác ơi” của đám đàn bà con gái thì bất thành linh từ

ngoài ngõ vang lên tiếng hét rất to: “Dừng lại! Không được phép làm nữa!”

Quay nhìn ra thì thấy bốn năm đứa thanh niên choai choai, cầm gậy gộc, cuốc xẻng, sát khí đằng đằng, như chỉ chờ chúng tôi bước ra là chém, là đập. Đứng trong sân tôi nghiêm giọng hỏi: “Các anh muốn gì”. Một gã trong đám, tuổi không còn trẻ nữa, mắt trắng môi thâm da xanh mét, sau tôi mới biết đó là thằng Cò, con trai lão Kèn, đáp:

· Muốn các ông không được phép xây bên cạnh nhà tôi chỗ thờ cúng lão Cả Lân, kẻ ngày trước, hồi Cải cách ruộng đất đã bị ta xử tử!

Tôi đang định đứng ra nói chuyện phải trái với thằng Chí Phèo hiện đại này nhưng bị nhiều người gàn, nó có hiểu biết gì đâu, nói chỉ tốn nước bọt. Tôi đành phải chịu thôi nhưng trong bụng vẫn âm ức. Vừa lúc đó, có tiếng xe hon da và ông Hoạch, phó chủ tịch phụ trách công an xã mặt đỏ gay, hồng hộc chạy vào. Bọn thằng Cò thấy thế lui mất. Chúng tôi xúm lại bên ông Hoạch. Người tức tối chửi thề. Người xanh mặt sợ hãi. Ông Hoạch cho biết, xã cử ông đến đây vì vừa nhận được đơn tố giác của Bùi Văn Kèn và của một số người cùng ký tên, đề nghị xã can thiệp không cho đám con cháu địa chủ được xây tháp lưu niệm trong khu vực này. Vì làm thế khác nào tiếp tay cho bọn địa chủ đã bị nông dân đập xuống “bùn đen vạn kiếp” nay được ngóc đầu dậy cùng sánh vai đi đến tương lai với dân làng.

Tôi mời ông Hoạch vào nhà, trình giấy phép xây dựng cho ông xem, kèm theo cuốn sổ đỏ công nhận quyền sở hữu mảnh đất của cô em gái tôi. Ông Hoạch xem xong lắc đầu quầy quậy:

- Làm việc ở nông thôn khó thế. Chẳng có luật lệ gì cả. Các ông hãy đi hỏi lại xã và huyện xem sao.

Trước khi lên xã rồi lên huyện, tôi có hỏi thăm một số bà con chung quanh. Hoá ra lão Kèn phá hoảng. Mấy năm nay lão bị xuất huyết não rồi bị bán thân bất toại nằm một đống ở nhà, cơm chẳng có mà ăn, áo chẳng có mà mặc nên luôn nghĩ cách làm tiền bằng cách chuyên “chỉ đạo” cho thằng con chọc phá hết chỗ này đến chỗ khác, buộc đương sự muốn yên ổn làm ăn sinh sống thì phải

cho hẵn tiền, có thể hẵn mới chịu thôi.

Nghe tôi kể lại, anh em tôi có người định dúi cho hẵn một ít tiền để hẵn im cái miệng đi. Tôi và nhiều người không chịu. Làm thế hoá ra mình thua hẵn, rồi được đặng chân lân đặng đầu, hẵn lại tiếp tục làm tình làm tội mình hơn.

Tại Ủy ban huyện, Nguyễn Tiến Lộc, chủ tịch huyện, vốn quen biết tôi khi tôi còn làm báo ở quê, nghe tôi kể phá lên cười ha hả:

- Người ta không hiểu thì nhà báo phải giúp đỡ người ta chứ!

Rồi ông đi cùng tôi về làng, bước chân đến tận hiện trường. Ông Chủ tịch cho gọi thằng Cò con lão Kèn sang nghiêm giọng hỏi: “Các anh biết gì về cuộc Cải cách ruộng đất ngày xưa mà định dính vào. Đây là chuyện lớn lao của dân tộc, của lịch sử. Không phải cứ cho xây dựng cái tháp kỷ niệm, cái nhà thờ dòng họ là có thể cho phục hồi cả một giai cấp đã bị đánh đổ hay sao! Các anh đừng có làm tiền mà lại mỹ miều nói là làm cách mạng giai cấp, hiểu chưa!”

Cò im thin thít, lủi thủi ra về.

9.

Cái năm Mùi ấy hình như mùa hè đến sớm hơn. Chưa hết tháng ba mà hoa xoan đã rụng đầy ngõ. Và nắng, nóng và muối, muối hoa xoan vừa chập tối đã bay loạn xạ như vãi trấu, kêu như sáo thổi. Như mọi năm, cứ đến mùa hè tôi lại đem cái võng day đã vứt trong xó tủ suốt cả mùa đông ra mắc vào hai cái móc trên tường. Lâu thành quen đến nỗi có lẽ cả năm tôi chỉ nằm giương vào những ngày mùa đông rét mướt. Còn lại là võng. Mưa võng và nắng cũng võng. Nằm lên chỉ cần đu đưa mấy cái, nghe võng kêu cọt két, là giấc ngủ ập đến ngay. Vậy mà ngủ say đão đẽ. Cái lần vào giữa trưa, bọn lính trên đồn La Uyên càn vào làng, lục soát quát tháo ầm ĩ, vậy mà tôi chẳng biết gì, cứ ngủ khì.

Vậy mà đêm nay, tôi không ngủ được. Quyên báo ảnh Việt Nam, tôi mượn được của chú Năm, do con trai chú, đi bộ đội suốt những năm kháng chiến nay mới được nghỉ phép đem về làm quà, đã ám ảnh tôi suốt. Quyên báo ảnh đã đăng rất nhiều hình ảnh về cuộc Cải cách ruộng đất vừa diễn ra ở Thái Nguyên mà tôi nhìn vào cứ thấy sợ hãi. Người ta ghi chú rằng đây là cuộc Cải cách thí điểm,

được thực hiện lần đầu tiên ở nước ta. Tôi không thấy vui, đáng lẽ một thằng học sinh vừa lớn từ bé đến giờ chưa nhìn thấy ảnh màu trên báo bao giờ thì phải thấy vui, thấy hấp dẫn chứ, vậy mà chỉ thấy buồn thấy lo. Lo nhất là khi nhìn thấy ảnh một người đàn bà can “tội” là địa chủ bị đem ra xử bắn. Người đàn bà ấy khác gì mẹ tôi. Mẹ tôi cũng trạc tuổi bà ta.

Cũng lại còn vì chuyện khác nữa. Chập tôi nay, thằng Thăng, con chú Sáu, từ mấy năm nay chuyên ngủ chung võng với tôi rù rì nói nhỏ:

-Đội về xã rồi, anh biết chưa?

Như người bị phát hiện quả tang vì một ý nghĩ vụng trộm, tôi giật mình hỏi lại Thăng:

-Đội gì . Ai bảo cậu?

-Đội cải cách. Tôi nhìn thấy mà !

-Ở đâu?

-Nhà bà Tư...

-Mấy người?

-Hai...

-Đen hay trắng, trẻ hay già?

-Một đen một trắng. Đen nói giọng trọ trẹ khó nghe lắm. Trắng nói giọng như mình. Cả hai đều còn trẻ. Mặc quần áo gụ. Đi dép cao su. Đeo sac cốt kaki trông oai lắm.

Bà Tư là người nghèo nhất ở xóm tôi. Chồng mới chết. Lúc nhúc một đám con bốn năm đứa. Nghèo đến cái bát ăn không có, toàn phải ăn bằng những mảnh gáo dừa. Mỗi lần cái Tý, con bà Tư đem “bát” ra cầu ao nhà tôi rửa, tôi cứ thấy bùi ngùi, thương hại.

A, vậy là tôi biết rồi. Mấy ông đội này đến ở nhà bà Tư là để “ba cùng”, để “xâu rế”, “xâu chuỗi” đây mà! Cách đây mấy ngày ở trường thầy giáo đã nói cho chúng tôi nghe việc này.

Vậy là Cải cách đến làng tôi rồi. Cái tin Thăng báo làm tôi đến gà gáy sáng mới chợp mắt được. Rồi tôi lại nằm mê. Hai ông du kích mặt đen sì sì, quần người mẹ tôi bằng cái võng tôi đang nằm rồi dẫn ra mả Vân. Giống như người đàn bà tôi nhìn thấy trên báo, mẹ tôi cũng bị trói vào cột, bị bịt mắt bằng mảnh vải đen và bị sáu khẩu súng trường đen ngòm chĩa vào người. Hoảng quá, tôi phóng

như tên bay tới chỗ mẹ tôi:

- Không được bán... Thả ra. Mẹ tôi là người nghèo khổ, vất vả lắm, không sung sướng gì đâu .

Tôi hét lên, dẫy dựa rồi rơi bịch xuống đất, đau tức tưởi. Cú ngã vồng đột ngột ấy làm ngực tôi đau nhói như bị gãy xương sườn.

Đến bây giờ đêm đến tôi vẫn còn đau âm ỉ mỗi khi trời trở lạnh.

Bố tôi rời mẹ tôi choàng dậy hốt hoảng chạy lại đỡ tôi lên. Thằng

Thằng cũng ngã theo tôi. Mắt nhắm mắt mở, tôi giật lấy cái đèn

hoa kỳ rồi cứ thế soi qua soi lại khắp lượt mặt mẹ tôi làm bố mẹ

tôi đều sưng người lại vì sợ. Chắc ngỡ tôi bị ma làm. Mãi đến khi

thấy đúng là mẹ tôi đang còn sống sờ sờ trước mặt tôi kia, tôi mới

tin là mình vừa bị nằm mê. Tôi hoàn hồn leo lên vồng ngủ tiếp.

Tôi đón đợi ngày Đội ra mắt dân làng với một tâm trạng như thế.

10.

Và cái ngày tôi vừa mong lại vừa không mong ấy đã đến...

Mấy ngày hôm nay cả đến những ngọn gió thổi vào làng tôi cũng

như đều được nhuộm cùng một màu. Ấy là màu đỏ. Rồi chính

những ngọn gió màu đỏ ấy lại nhuộm cho những mảnh vải ở khắp

làng tôi rục lên thành màu của cờ, của băng biển, màu của khẩu

hiệu, của cổng chào và thành màu hồng ửng trên gương mặt

những cô thôn nữ đang náo nức đón chờ những anh Đội về làng..

Có thể nói tất cả sinh lực của làng tôi lúc này đều đổ dồn cho khẩu

hiệu. Người người khẩu hiệu. Nhà nhà khẩu hiệu. Khẩu hiệu dán

lên nong, lên nia, trên thúng, trên mủng...Chỗ nào trống thì khẩu

hiệu lấp vào. Chữ đẹp viết, chữ xấu, nguệch ngoạc như gà bới

cũng viết, cũng kẻ. Không đủ giấy đủ mực thì lấy kim, lấy dùi

nhọn tỉ mỉ đâm thủng vỏ cây, lá cây ... Mặc kệ, miễn sao người

nông dân tỏ được tấm lòng của mình đối với Đảng, với cuộc cách

mạng long trời lở đất sắp sửa xảy ra, miễn sao chuyển tải được

những điều cần bày tỏ, miễn sao được há miệng thật to để hô lên:

“Hoan nghênh cuộc Cải cách ruộng đất...” - “Nhiệt liệt chào

mừng các cán bộ Đội về xã nhà”- “Đả đảo giai cấp địa chủ”. Là:

“Có khổ tố khổ-Nông dân vùng lên”- “Tố khổ nhiều- Đấu tranh

mạnh”...vân vân. Ai nghe mà chả hùng hực căm thù . Ai nghe mà

chả thấy lòng mình rạo rục, nhất tề chỉ muốn vùng lên “đạp lũ

chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp” (câu thơ của Tố Hữu mà hồi này gần như ai cũng thuộc), nói chỉ những người nông dân quê tôi lâu nay cứ tự cho rằng mình không được ăn, được nói.

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Ba .

11.

Tôi nhớ mãi không quên cái buổi chiều hôm ấy, một buổi chiều sắc trời rạng rỡ nhưng lại u ám bậc nhất đời tôi. Đội thiếu nhi xóm, trống ếch rộn ràng, khăn quàng đỏ thắm trên vai, rông rảnh, lũ lượt len lỏi đến từng ngõ xóm, từng quăng đường làng, vừa đi vừa hát những bài ca cách mạng mà phần lớn là những bài nói về nông dân và địa chủ. Như “Anh em ơi, công ta cấy, công ta cày, mà ta không được bát đũa. Bởi vì địa chủ đêm ngày hại ta...” . Hát xong lại đồng thanh hô vang các khẩu hiệu. Vẫn cứ là “Có khổ, tổ khổ - Nông dân vùng lên”...nhưng lần này đã có thêm một lời rao: “Kính mời bà con tôi nay ra đình Hát để dự lễ chào mừng Đội Giảm tô- Cải cách ra mắt giai cấp nông dân xã nhà !”- “Kính mời, kính mời”. Hô xong, trống ếch lại đập thành thịch, rộn ràng, phèng la lại gõ lên xoe xoe.

Ngồi trong nhà nghe những âm thanh ấy, tôi vừa rạo rục vừa tái tê. Những ngày tới không biết số phận tôi và gia đình tôi sẽ ra sao đây? Bàn nông, trung nông hay phú nông, địa chủ?

Nhìn qua hàng giậu tre gai thưa thớt, thấy bóng dáng những đứa trẻ, đứa ôm trống cái, đứa khoác trống con ... quai thật lực cái dùi vào mặt trống cho vang lên những âm thanh rộn rã, tôi bỗng thấy thèm thuồng và ước gì mình được bé lại. Đội thiếu nhi đã đi đến bờ ao, sau bếp nhà tôi.

Chưa bao giờ quê tôi lại vui, lại ồn ã như thế. Con Đóm cứ nhảy cẫng lên mà sủa. Muốn chết hả. Muốn bị “triệt để chó”hả. (1). Tôi quát lên, chạy ra gọi Đóm quay về. Rồi tôi đâu có ngờ ngay sau

đấy tôi bị bắt mất hồn, cứ bâng khuâng lơ lửng như bay trong không trung. Tôi vừa gặp Én của tôi. Hoá ra, chỉ sau mấy ngày Đội về, Én đã có được cuộc đời đầu tiên, được Đội cử làm chị phụ trách thiếu nhi thôn, thay chị Loan mới đi lấy chồng. Con tim tôi lại giở chứng. Cứ đập mạnh, rất mạnh không theo ý tôi, để mặt tôi thì tái đi, hai vành tai lại đỏ bừng lên và đầu óc rối tinh rối mù, khiến bụng tôi thì muốn nói với Én một câu nhưng cái miệng không sao cất lên nổi. Tôi chỉ còn biết quay mặt đi để rồi hối tiếc. Đội thiếu nhi xa dần. Tiếng trống và tiếng hát cũng lặn dần cùng vầng mặt trời đỏ ối ở phía tây. Buồn bã, tôi quay về nhà, vu vơ hỏi mẹ tôi một câu:

Tối nay con có nên ra đình dự mít tinh không bu?

Mẹ tôi hỏi lại:

- Mít tinh cái gì .
- Mừng Cải cách. Mừng Đội về xã.
- Đi mừng chứ có đi chửi rửa người ta đâu mà phải sợ!
- Sợ gia đình mình địa chủ, người ta không cho dự!
- Vớ vẩn! Địa cái con khi!

Mẹ tôi nói nghe cũng phải. Có gì mà phải đắn đo. Được rồi, tôi đi . Tôi rủ thêm bé Ngân đi cùng cho vui nhưng nó lác đầu. Chỉ có con Đóm làng nhặng theo sau. Sợ vào chỗ đông người nó lạc, tôi phải dậm chân mấy lần nó mới chịu về. Tôi cứ lấy làm tiếc giá hôm ấy có nó đi theo. Chắc hẳn lão khôn nạn ấy sẽ được nó dạy cho một bài học thế nào là lòng trung thành của chó.

Đêm đầu mùa hè trời trong và cao lắm. Lại đầy sao nữa. Con đường nhỏ ra đình làng, nơi tổ chức mít tinh nghèo ngoằn ngoèo như con rắn nước bơi giữa ao đầm. Tôi cứ ngỡ rằng mình đi sớm, ai ngờ dân làng còn sớm hơn. Cơ man nào là người, là đước. Lửa cháy bập bùng hắt lên nền trời, lên hàng tre, hắt xuống mặt nước những bóng hình lung linh ma quái.

Đã lâu lắm rồi làng tôi mới có một đêm lửa tha hồ cháy, tha hồ sáng như đêm nay. Chả bù cho mấy năm qua, giặc đóng chốt đầu làng, ngọn đèn học của trẻ con cũng phải che bớt hoặc vắn cho thành hạt đỗ. Cũng chưa bao giờ quê tôi có một buổi tụ họp quần chúng đông vui và thoải mái đến vậy. Thật vui, náo nức hơn hội

Sáo Đền cũng vào tháng này.

Tôi bỗng dưng có cảm giác mình như con cá đang hoà vào dòng nước. Và cũng như nhiều người khác, tôi tự cho mình cái quyền được ngẩng cao đầu, được hùng dũng bước đi. Vui quá, hồi hộp quá, thật sung sướng cho một công dân của một miền quê vừa được giải phóng, sau hàng chục năm bị kẻ thù kìm kẹp, giam hãm trong những hàng rào dây thép gai và những họng súng. Đã bao năm rồi, từ khi tôi lớn lên, quê tôi mới có những đêm được thả sức vui chơi hát hò, cười nói oang oang trên miệng và trên loa phóng thanh thế này.

Vui quá nên tôi quên hết. Quên hết cả nỗi lo canh cánh mấy ngày nay, để bây giờ chỉ thấy náo nức, thấy trong sân đình lung linh một sân khấu bắc rất cao, phấp phới những lá cờ đỏ sao vàng, cờ lá chuối ngũ sắc.

Lòng tôi cũng muốn bay lên...

Vậy mà đúng lúc ấy, tôi bị đứng tim vì một hành động hết sức độc ác, khi mà bất thành linh, từ trong bóng tối đen kịt của bụi tre bên đường, thò ra một bàn tay lạnh lẽo, xương xẩu, như bàn tay phù thủy, chộp mạnh lấy cổ áo tôi. Tiếp theo là một tiếng quát kinh hoàng: “Đứng lại!”

-Đứng lại! Quay về!

Lại tiếng quát nữa!

Dù tim tôi run lên vì sợ nhưng tôi vẫn đủ lý trí để trả lời:

- Tôi...tôi...đi dự mít tinh !

Vẫn là tiếng của bàn tay phù thủy:

- Không được! Mà là con địa chủ. Mà không được phép họp hành!

- Tôi cứ vào. Ai cấm được tôi!

Lập tức một cái tát nảy đom đóm mắt trả lời tôi. Rồi lại chính bàn tay phù thủy ấy đẩy tôi một cái thật mạnh. Tôi ngã sõng xoài xuống mặt đường đất lổn nhổn vỏ ốc, vỏ trai và mùi khai khắm nước đáì bò.

Một ánh đèn pin rọi thẳng vào mặt tôi. Hoá ra bàn tay vừa rồi là của lão Kèn, anh ruột của Én.

Kèn bồi thêm cho tôi một câu nữa:

-Thằng con địa chủ kia, mày còn định đứng lại làm gì, định làm bản thủ cuộc mít tinh của nông dân chúng tao phải không? Lão này thật mau giở mặt. Mới hôm trước, còn ngọt ngào gọi tôi bằng cậu .

- Anh Kèn, anh nói gì, tôi không hiểu!

Kèn nói gần từng tiếng:

- Từ nay chúng mày phải gọi chúng tao bằng ông, bằng bà nghe chưa!

Lão bồi tiếp tôi quả đấm nữa vào mặt. Máu từ mồm, từ mũi tôi chảy ra mặn chát. Uức quá, tôi đập mạnh chân xuống đất lao trốn cả người vào cái thân hình gầy gò như cây sậy của hắn. Kèn hét lên:

-Anh em ơi, thằng địa chủ con nó đánh tôi.

Những người đi dự mít tinh dừng đứng lại. Tôi sợ quá lùi vào đám đông nhưng vẫn còn nghe thấy phía sau một giọng con gái: “ Gì vậy, anh Kèn?” Đó là tiếng của Én. Nàng vừa từ đâu chạy lại.

Nhục quá! Thật là nhục. Bỗng dưng tôi cảm thấy xấu hổ với Én, dù biết mình chẳng có gì phải xấu hổ.

Lòng nặng như chì, tôi lê từng bước về nhà.

Phải chăng chế độ mới, xã hội mới gạt tôi ra rìa? Không cho tôi làm một con người theo đúng nghĩa con người! Đến một cuộc mít tinh quần chúng, như cái chợ, ai vào cũng được, ai ra cũng chẳng sao mà tôi còn bị đuổi, không biết mai sau những công việc lớn hơn, tôi có được làm.

Câu hỏi đó suốt hàng chục năm về sau cứ nhoi nhói trong tôi, đòi một lời giải đáp.

12.

Lại trở lại năm Mùi, trước ngày Đội về làng. Kể từ khi cảm thấy mình đang trở thành người lớn, tôi rất mong muốn được tham gia công tác xã hội dù chỉ là một việc rất nhỏ. Lòng tôi luôn cháy lên mơ ước sao sớm được trở thành đoàn viên Thanh niên cứu quốc. Còn nhớ hôm xã mít tinh ngoài sân đình để chào mừng hoà bình vừa lập lại, nhìn thấy bức huy hiệu Đoàn vẽ trên cái meit sậy thóc, tôi mê cái hình vẽ cánh tay chắc nịch cầm cán lá cờ đỏ sao vàng đến thế, đến nỗi cứ chìa cánh tay trẻ con nhẽo nhèo chẳng gân cốt

gì của mình ra so sánh rồi tự hỏi: Bao giờ tay tôi mới được thế kia, bao giờ tôi trở thành đoàn viên?

Lại mới đêm vừa rồi, tôi còn ngớ ngẩn bò đến nhà ông Khán Vĩnh xem người ta kết nạp Đoàn cho thanh niên trong xóm trong đó có Én của tôi. Đêm ấy Én đâu biết ở bên chái nhà, trong bóng tối đen kịt của đêm cuối tháng, có một gã thanh niên đứng âm thầm “dự thính” toàn bộ cuộc họp của đoàn.

“Đi lên thanh niên, có ngại ngần chi, đi lên thanh niên làm theo lời Bác, không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên...”, Đó, mơ ước một thời của tôi là thế đó.

Tôi mê trở thành một đoàn viên thanh niên như mê Én của tôi.

Ước mơ ấy thật quá đơn giản, dễ dàng đối với mọi thanh niên Việt Nam, vậy mà tôi phấn đấu phải đến 8 năm sau, sau bao nhiêu dằn vặt đốn đau, bao nhiêu hy vọng và thất vọng, mãi đến khi đã là một giáo viên cấp hai, chủ nhiệm một lớp toàn là đoàn viên, chắc là cấp trên thấy nếu tôi cứ mãi là thanh niên “trơn” thì sẽ khó làm tốt công việc “giáo dục lớp trẻ” nên người ta mới chịu cho tôi vào Đoàn, sau khi đã bỏ ngoài tai lời phê của địa phương vào lý lịch của tôi, một lời phê rất ngô nghê, sai ngữ pháp: “Không thể cho vào Đoàn vì gia đình địa chủ, bản thân có nhiều sâu sắc với chế độ ta”. Tôi chẳng hiểu cái ông Diệp, phụ trách thanh niên ở xã tôi phê thế là thế nào. “Sâu sắc” là căm thù hay yêu thương. Không biết trên đời này, ở đất nước này có bao nhiêu người bị giết chết hay bị khốn khổ một đời vì những lời phê vừa ngu ngốc vừa tàn bạo thế này. Bao nhiêu người chết vì sự dốt nát.

Từ đình Hát nơi tôi vừa bị đuổi ra khỏi cuộc mít tinh, tôi thất thểu nặng nề lê từng bước về nhà. Xóm làng im ắng rợn người. Giun dế kêu ai oán. Thật buồn không tả nổi. Tôi không muốn về nhà nữa.

Tôi chỉ muốn bỏ làng ra đi. Nhưng đi đâu bây giờ và đi làm sao nổi. Gạo chẳng có, tiền cũng không, lại bần cố nông nhan nhản bủa lưới vây chặt khắp nơi thế kia, tôi sao lọt nổi ra khỏi lũy tre làng. Về đến nhà, tôi nằm vật ra bậc hè. Ngao ngán quá, tôi buông ra câu trống không:

- Bị lên địa chủ rồi ...

Bố tôi không nói gì, chỉ lặng lẽ tra thuốc vào nõ điều, bật lửa rít một hơi dài. Rồi ông ngồi, chống hai tay ra sau, tuôn khói lên trời, mỗi khi có gì xáo trộn trong lòng ông thường như thế!

Mẹ tôi thì khác hẳn. Bà không nói gì thêm, cứ lẳng lặng ngồi tẽ ngô, những hạt ngô chắc, rần như đá rơi rào rào xuống nia.

- Địa chủ thì đã sao! Dễ thường ngồi chơi mà thành địa chủ được đấy.

Hai ông bà cãi nhau. Lần đầu tiên tôi chứng kiến chuyện này. Bố tôi la lên. Sau ngày cưới bà về, bà cứ mặc kệ tôi nghèo khổ như hai chú em tôi đánh bài đánh bạc bán hết ruộng vườn thì có phải bây giờ tôi được là bản cố nông, được nghèo khổ, được sung sướng không chứ.

Mẹ tôi vặc lại: “Ông không là con trai cụ Hàn, danh giá nhất vùng, có tiếng mà không có miếng thì tôi cũng mặc xác ông, vất vả làm gì cho cực”. Bị thua, bố tôi lại giở sang chuyện khác. Lại bảo cứ để mặc ông di cư vào Nam có phải bây giờ ông đang vi vu ở “Nam kỳ lục tỉnh” không nào. Mẹ tôi không nói nữa. Bà nhìn tôi muốn tôi trả lời giùm. Tôi nói luôn:

- Tại con !

Tôi nói to lên với bố tôi.

Mà tại tôi thật, đúng hơn tại cái xã hội mới mẻ này hấp dẫn tôi.

Hồi tháng 2 Ất Mùi, sau tết vừa rồi, anh Thoan là cháu nội cụ Hàn Lãm (mẹ cả tôi là con gái của cụ) từ làng Mỹ Bông xuống nhà tôi vận động bố mẹ tôi bán hết nhà cửa ruộng vườn để cùng anh di cư vào Nam . Anh Thoan nói sắp tới quê mình sẽ có cuộc cải cách ruộng đất, những người có ruộng vườn trâu bò như bố mẹ tôi chắc chắn sẽ bị đấu tố, đánh đập, tù đầy, thậm chí còn bị xử bắn, bị tịch thu tài sản. Anh Thoan bảo trong lúc còn tranh tối tranh sáng thế này, có cái gì hãy bán hết, biến tất cả thành vàng, rồi đi theo anh ra Hải Phòng, xuống tàu há mồm di cư vào Nam, vào Sài Gòn. Chỉ có lúc này mới đi được vì hiện nay quân Pháp còn kiểm soát 300 ngày nữa.

Bố tôi hỏi ý kiến mẹ tôi. Mẹ tôi bảo làm sao khiêng được tất cả ruộng đất của bà vào Nam thì bà mới đi. Bố tôi hỏi tôi. Tôi bảo tôi không thích cái chế độ ấy vì nó đẻ ra và dung túng những thằng

lính lê dương, lính bảo hoàng trong đó có những thằng ác hơn quý như thằng Cai Việt ở Thuận Vy.

Bọn này ngày trước thường vào càn quét làng tôi. Chúng đồng nghĩa với nỗi khiếp sợ kinh hoàng và những tội ác nghĩ đến đã muốn sồn gai ốc. Ngày ấy, sáng ra, cứ nghe tiếng đại bác dọn đường là y rằng một lát sau bọn lính tràn vào càn quét. Dân làng, đàn ông trai tráng, ở lại đánh trả hoặc rúc xuống hầm bí mật, con gái thì cũng phải trốn nhưng trốn bằng cách dùng nhọ nồi trát kín mặt để nếu bắt được may ra được bọn chúng “chê xấu” không thềm đềm xia tới, nhờ đó tránh khỏi bị hãm hiếp (phòng xa thế thôi, chứ lâm trận, bọn chúng chẳng có tha ai đâu. Tôi nhớ có lần chính mắt tôi nhìn thấy thằng Tây đen đengừa một bà già rụng hết răng xuống bờ tre nhà tôi). Số còn lại, bà già, trẻ con rủ nhau ngồi tập trung lại một chỗ để mà khi thấy chúng xục vào nhà cả đám cúi gằm mặt xuống, hai tay vái lạy lia lịa, miệng lầm rầm như cầu kinh “Lạy quan lớn ạ”. Mà quan lớn quan bé đó có xa lạ gì với dân làng tôi đâu. Trong đám quan lớn này tôi từng nhìn thấy có những đứa cách đây không lâu còn cởi trần đóng khố đến làng tôi đánh giậm, đùn riu hoặc tay này xách cái sọt tre, tay kia cầm cái bù cào bốn răng sục sạo khắp các bờ tre bụi dứa để gấp...cứt... Cứt người và cứt chó. Ngày đó ở quê tôi gấp cứt cũng là nghề kiếm sống, nghề của quân “turănggo”, tên gọi của dân làng tôi nhái theo tiếng Pháp.

Bọn này giết người không biết ghê tay. Hai đứa em họ tôi, đứa lên 6, đứa lên 2, lần ấy bị Cai Việt vào tận nhà bắn nhưng phúc đức làm sao lại không chết, trong khi bốn người còn lại cùng ngồi tập trung một chỗ với em tôi người vỡ toang đầu, người nát bảy vòng ngực. Hoá ra thằng Cai Việt khát máu (nghe nói ngày nào không giết người hẳn cứ bồn chồn như bị điên) trước khi rút khỏi nhà đã kê tiêu liên sau đít bóp cò rê một băng đạn. Hai em tôi không chết là do con chị bé thằng em ngồi khuất sau cánh cửa.

Trận thảm sát này gia đình ông Tụng hàng xóm nhà tôi chết hai. Thằng Ưng, bằng tuổi tôi và mẹ nó, bà Tụng. Nhà cụ Boong chết ba: cụ và hai vợ chồng người con trai.

Vậy chả lẽ bây giờ tôi lại bỏ những anh bộ đội, những chị du kích,

lúc nào nụ cười cũng tươi đở trên môi, hết dạy chúng tôi hát lại bày trò cho chúng tôi chơi để chạy theo đuôi những con thú mặt người mà tên cai Việt là đại diện hay sao? Không, dứt khoát không. Dứt khoát tôi không vào Nam. Vào Nam là theo giặc, là phản bội chế độ này.

Bên tai tôi vẫn còn tiếng cằn nhằn của bố tôi. Tôi buộc phải gất lên:

-Thầy bu ở lại là đúng. Không có gì phải ân hận cả.

13.

Đêm ấy, trừ cái Thân, em út tôi còn bé, chưa dứt sữa mẹ, còn lại cả nhà, kể cả cái Ngân, mới mười tuổi, đều mất ngủ. Bố tôi chốc chốc lại bật lửa hút thuốc lào. Tiếng điếu rít trong đêm nghe thật ai oán. Mẹ tôi thì liên tục lẩm bẩm trong miệng: “Đúng là mình ngu, ngu hết chỗ nói. Ngày đó được đồng nào xào đồng ấy, có phải vừa sướng thân, đỡ khổ chồng con, giờ đây lại được mọi người kính trọng. Con ơi, con đừng giận bu . Đáng nhẽ cái phiên chợ Thông hôm ấy bu phải mua áo len cho con , đằng này bu lại tiếc tiền chỉ dám mua cho con một chiếc áo sợi. Bu chỉ nhằm nhè dành tiền để mua ruộng thôi”.

Tôi thì lại càng đau khổ hơn. Bởi dù gì thì bố mẹ tôi đang cảnh về chiều trong khi tôi như bình minh vừa ló. Đời chúng tôi còn dài lắm. Chẳng lẽ chúng tôi không có quyền được phấn đấu, không có quyền được trở thành người hữu ích của xã hội.

Hôm sau đúng là ngày “lịch sử sang trang” với gia đình tôi. Mở đầu là cách xưng hô mà ông bà nông dân dành cho bố mẹ tôi, những người năm ấy đều ở tuổi ngoài năm mươi. Mà nếu như chiều hôm qua, hôm kia họ còn gọi bố mẹ tôi là ông, là bà rồi xưng con xưng cháu thì nay tất cả từ đũa nhãi ranh chưa sạch máu đầu đến người rụng răng, tất cả đều đồng loạt gọi bố mẹ tôi là thằng, là mày, là con mẹ, là con mẹ, con đĩ rồi xưng tao, chúng tao nghe cứ ráo hoảnh như đám trẻ con ngoài bãi chăn bò đánh chửi nhau...Ai đặt ra cái quy định này nhỉ! Ai. Cho đến mãi mãi những năm tháng sau này, tôi vẫn không được nghe một lời giải thích, một chỉ thị hay một chủ trương.

Phát súng đầu tiên bắn vào nhà tôi bằng thứ ngôn ngữ xằng bậy

này không phải ai khác mà là từ miệng lão Kèn:

- Vợ chồng thằng Lân đâu ra cho ông bà nông dân bảo.

Cả nhà tôi sững sờ. Bố tôi không tin vào lỗ tai mình nên chạy ra hỏi lại :

- Kèn! Nói gì ?

- Kèn kèn cái con mẹ chúng mày! Thôi, không lôi thôi dài dòng văn tự nữa, nghe tao báo lại lời của các anh Đội đây: Chiều nay vàng mặt trời, vợ chồng nhà mày phải đến từ đường ông Thoại để nghe Đội phổ biến chính sách đối với gia đình địa chủ. Không được vắng mặt, nghe chưa?

- Dạ...vâng.

Lần này, chắc để yên chuyện, bố mẹ tôi đồng thanh “ngoa ngoãn”.

Bọn họ đi rồi, cả nhà tôi ngao ngán. Nhục ơ là nhục. Nếp sống tôn ti gia truyền của gia đình chúng tôi đâu rồi. Bao đời nay chúng tôi tôn ti đến mức đã là con nhà bác thì bé cũng phải được gọi bằng anh, bằng chị. Vậy mà nay, đúng như mẹ tôi nói, họ nhà tôm lộn cút lên đầu rồi. Khủng khiếp quá.

14.

Trưa hôm sau, vừa ăn cơm xong thì chị Nghiệm sang nhà rủ tôi đi họp “con cái địa chủ”. Bố mẹ tôi có 4 người con, 2 trai, 2 gái. Chị Nghiệm là vợ anh Nghiệm, anh cả tôi, bao năm nay ở goá thờ chồng. Anh Nghiệm bị giặc bắn chết cách đây 4 năm trong trận càn Quang Thảm khi chúng bắt thanh niên trai tráng xếp thành hàng cho chúng lia đạn trung liên. Năm Cải cách chị Nghiệm 25 tuổi. Khá đẹp. Nếu Én đẹp trần tục như quả chín lúc nào cũng hấp dẫn mời gọi bầy chim thì chị Nghiệm như bức tranh tổ nữ chỉ treo cao để ngắm nhìn. Đẹp thế, vậy mà suốt bốn, năm năm goá chồng, chị vẫn giữ được mình, vẫn lạnh lùng với mọi cám dỗ. Nhớ mùa hè năm ngoái khi hoà bình mới lập lại, không biết từ đâu đưa đến, quê tôi bỗng dung như lên cơn động rồ, cả xóm, cả làng, trai gái trẻ già xúm xít rủ nhau đi nhảy ...kết đoàn. “Kết đoàn là sức mạnh, kết đoàn là chiến thắng”. Chỗ nào cũng nhảy, cũng hát bài hát đó. Cứ có hai người trở lên là nhảy. Nhảy ở sân nhà. Nhảy ngoài sân đình. Nhảy ngoài đồng. Những đêm trăng sáng thì nhảy

thâu đêm. Muốn mời ai nhảy chỉ cần vỗ hai tay vào nhau đánh đét một cái, xoè ra, nhịp nhịp bàn chân và miệng hát: “Chúng mình cùng đoàn kết tiến lên...Xây cuộc đời tươi mới hoà bình...” là bạn nhảy, dù đang bằm bèo cho lợn hay hút thuốc lào... cũng bỏ việc đấy, đứng lên tay nắm tay, dậm dậm chân, nhảy và nhảy. Cứ như điên. Thật lạ. Ngày đó không ai thống kê được xem có bao cô gái trinh bạch, xuân xanh hơ hớ...chỉ vì nhảy mà biến thành... đàn bà, bụng mang dạ chửa. Chắc là nhiều. Vì thế mới thành ca dao :
“Người ta chết vì nước vì non – Con gái tôi chết vì son đồ mi”.
Chị Nghiệm của tôi thật đáng ngợi ca vì đã không bị dính vào đám mạng nhện đó. Phải nói chị là người bản lĩnh. Vậy mà...
Chị Nghiệm bảo với tôi sáng nay đội Khoảnh cũng báo cho chị biết có cuộc họp này. Tôi hơi lầy làm lạ. Sao đội Khoảnh lại báo riêng cho chị ấy.

15.

Theo lời dặn của Én, trước khi mở cuốn băng ghi âm ra nghe, tôi thắp lên 3 nén nhang, gióng lên 5 tiếng chuông và gõ lên 7 tiếng mõ. Quá khứ và hiện tại như hoà quyện lấy nhau. Én lại hiện về chập chờn hư ảo. Tiếng Én xa xôi như từ cõi âm vọng về:
“Mấy đêm nay, em không sao ngủ được. Em có hỏi anh Kèn sao lại đánh người ta. Anh ấy bảo địa chủ là giống hôi tanh bản thủ như loài chó, chuyên hút máu người, như loài đĩa, không đánh nó để nó nhìn, nó liếm mặt, nó đeo bám à! Em cũng hỏi sao người ta già bằng bố bằng mẹ mình mà các anh lại gọi bằng thằng, bằng mày. Kèn trả lời: Phải thế mới hạ được uy thế của bọn địa chủ. Chứ cứ gọi chúng bằng ông bằng anh như trước, chúng coi thường, khó hoàn thành công cuộc cải cách lắm, Đội bảo vậy, Đội bảo đúng là đúng, cô cứ tin đi.
Em căm ghét Kèn lắm. Em chỉ muốn nhổ bọt vào mặt anh ta. Đồ bất nhân. Em hứa với anh bất kỳ hoàn cảnh nào em cũng vẫn yêu anh. Đạo trước, bất chấp sự ngăn cản của mẹ, anh cứ yêu em thì nay cũng chẳng ai cấm được em yêu anh. Em yêu anh đến trọn đời, mong anh hãy tin như thế !”

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Tư .

16.

Trong thời gian xây tháp, ngôi nhà nhỏ bé lụp xụp như cái chuồng trâu lâu nay khoá cửa bỏ đây của em gái tôi được trưng dụng làm “trụ sở ban chỉ huy công trường”. Có hơi người, gian nhà ẩm áp hẳn lên. Chả bù mấy năm qua nền nhà cứ mốc xanh, phảng phất mùi ngai ngái. Tuy vậy, với cái nhà bé bằng mắt muối này, lúc đầu có vài người thì còn ở được, sau con cháu đánh tiếng về đông, nhà không chứa nổi, chúng tôi đành phải chia bớt người sang bên nhà vợ chồng lão Hết Sạch, con chú Sáu. Bên ấy nhà hai tầng rộng rãi, thoáng mát, bao nhiêu người mà chả chứa hết. Hết Sạch năm nay cũng đã già, gần 50 tuổi rồi còn gì, vậy mà hẳn nói vẫn chưa sôi, vẫn chưa phân biệt được giữa tôi với hẳn họ hàng máu mủ thế nào, đi đường vẫn cứ chúm đầu về phía trước, gặp ai cũng mắt trước mắt sau chỉ tìm cách trốn. Nghe nói hẳn sợ, ai hẳn cũng sợ, kể cả đứa trẻ con, vì cứ tưởng đó là “ông đội cải cách” đến bắt mẹ hẳn đi truy tồ. Ấy vậy mà cái lão “thần kinh” ấy gần đây lại là tấm gương điển hình để nhiều người đem ra so sánh rồi chửi chúng tôi rằng “các bác mang tiếng có hệ thần kinh tốt đẹp rồi trí óc khôn ngoan hơn thằng Hết Sạch rất nhiều nhưng thử hỏi có bác nào phục hồi nổi được toàn bộ cơ ngơi nhà cửa của bố mẹ ngày trước. Vậy mà vợ chồng thằng Hết Sạch làm được đó. Thế mới tài.

Mà nào, hẳn có phải học hành tốn cơm tốn gạo gì đâu. Và giả dụ có học thì hẳn cũng chẳng học nổi, vì ngay cái việc xưa nay chẳng ai phải học thì hẳn vẫn phải có người hướng dẫn. Ấy là việc sau khi cưới vợ, trong đêm động phòng, phải làm thế nào mới được gọi là chồng . Không ai ngờ một người như thế, không bao lâu sau, chỉ bằng công việc hàng xay hàng xáo, chồng già vợ sảng mà làm nên cơ đồ này. Người ta bảo Hết Sạch có một khả năng khác thường. Người ta cũng bảo giá ngày đó, các ông Đội đừng làm hoảng loạn, làm tê liệt hệ thần kinh của hẳn, chắc chắn bây giờ

hắn đã là một nhân tài ...Nếu không, ít ra hắn cũng lo cho chi họ tôi được một chỗ xây cất từ đường làng hoàng, một nơi thờ phụng tử tế, chứ đâu phải để các cụ phải chật hẹp, úi xùi thế này.

Khen Hết Sạch bao nhiêu, dân làng chửi mắng chúng tôi bấy nhiêu. “Các bác nói thì giỏi lắm, lúc nào cũng kêu gọi người ta phải về nguồn với về tổ nhưng bản thân các bác có về nổi đâu. Một miếng đất để đủ xây cái từ đường các bác cũng không lo nổi, đến nổi phải xây cái chuồng chim để thờ, lại còn sĩ diện gọi là tháp lưu niệm, thật nhục ơ là nhục!” . Tôi chỉ biết nghe chú đầu dám cãi lại.

Sau gần hai tháng trời mấy anh em tôi đổ mồ hôi sôi nước mắt, cái tháp lưu niệm đã gần hoàn thành. Phải nói Túy, con trai chú Hai tôi, có tài kiến trúc và đầu óc thẩm mỹ. Nhìn ngôi tháp ai cũng ưng ý. Vừa có dáng tháp rùa ở hồ Hoàn Kiếm, vừa như chùa Cổ Lễ bên Nam Định thu nhỏ. Tháp cao chỉ khoảng độ 4 mét nhưng vẫn đủ chỗ để chia được thành năm tầng, mỗi tầng tương ứng một thế hệ. Tính từ đời cụ Giáo là cụ cố thì đến đời con cái chúng tôi là đã trọn 5 đời . Sách Thọ Mai xưa quy định khi đã quá 5 đời, con cháu sẽ chôn bái vị đi, không còn phải cúng giỗ đời thứ nhất nữa (ngũ đại mai thần chủ)

Trên thân tháp, mỗi tầng lại được chia làm từng ngăn nhỏ làm thành tử thờ riêng cho mỗi gia đình, mỗi cá nhân.

Bốn mặt của tháp, được đắp nổi thếp vàng bốn đôi câu đối với bốn chữ “đại tự” viết bên trên. Mặt bắc có chữ “Đức”, mặt đông chữ “Hữu”, mặt tây chữ “Thế”. Mặt nam có chữ “Tâm”. Đôi câu đối của mặt Nam lài: “Đức thừa tiên tổ thiên niên thịnh- Phúc ấm nhi tôn bách thế vinh” . Có nghĩa “Thừa hưởng đạo đức của tổ tiên thì nghìn năm phát triển- Phúc đức con cháu được hưởng đến trăm đời”. Có ý răn dạy con cháu nên luôn nhớ đến tổ tiên.

Chúng tôi phân công vợ chồng Hết Sạch quản lý ngôi tháp với nhiệm vụ thấp nhang, quét dọn, đóng mở cổng khi có người muốn vào cúng bái . Anh em con cháu sẽ góp tiền lại để hàng năm trả lương cho vợ chồng nhà này.

Đêm hôm ấy vợ chồng Hết Sạch chính thức thực hiện nhiệm vụ được giao. Hết Sạch đem chăn màn đến ngủ. Hai ngọn đèn điện,

một ở công, một ở đỉnh tháp được thắp sáng suốt đêm. Gần năm mươi năm nay, gia đình, họ hàng chúng tôi mới có được một buổi “sinh hoạt cộng đồng” vui như thế. Ai ngờ, sáng sớm hôm sau, vừa bảnh mắt, Hết Sạch đã hốt hoảng chạy về nhà, nói chẳng ra hơi, vừa nói vừa bịt mũi, liu lô liu lường:

- Cức ! Thằng đêu nào... nó...nó trát cức... lên tường... lên cả ... bệ thờ! Thôi...thôi lắm.

Tôi vội chạy sang đã thấy mấy đứa em đứa cháu đến đó trước, tay bịt mũi, đầu lắc lia lịa. Bọn lưu manh không chỉ trát cức, chúng còn dùng than củi viết la liệt, làm sống lại những câu khẩu hiệu, tưởng đã quên đi được từ mấy chục năm nay: “Đả đảo bọn địa chủ!”, “Cương quyết không cho bọn địa chủ ngóc đầu dậy”, “Hãy đìm chúng nó xuống bùn đen vạn kiếp”... Cô Thêu, vợ lão Hết Sạch, đọc thấy tức quá chanh chua chửi, không khác gì bà nông dân bị mất gà:

-Tiên sư quân khôn nạn! Không ngóc đầu dậy để cả đời cứ phải đói rách, phải đi ăn mày ăn xin ăn cấp à. Đừng thấy người ta ăn nên làm ra, học hành tấn tới, ghen ăn tức ở, hiểu chưa!

Chả ai còn lạ gì lối chửi chanh chua của mấy người đàn bà nông thôn miền Bắc. Tôi bảo Thêu không được chửi bậy nữa mà trước mắt phải xúm nhau lại dọn cho sạch đám bản thủ dơ dáy này đã. Thế là mỗi người một việc, người xách nước, kẻ lau chùi, chả mấy lúc tháp thờ nhà tôi lại thơm tho sạch sẽ như cũ. Tôi ra xã rồi lên huyện báo cáo chuyện vừa xảy ra. Một anh công an huyện được phái về để làm sáng tỏ điều này. Tôi đi với anh sang nhà lão Kèn. Vậy là lâu lắm rồi hôm nay tôi mới lại bước vào căn nhà này. Một cái ổ chuột thì đúng hơn. Chăn gối, giường chiếu bừa bộn. Mùi hôi thối của phân, mùi khai khắm của nước tiểu ứ đọng lâu ngày xông lên tận óc. Một lão già hốc hác như nắm xương khô với chiếc đầu lâu sâu hoắm hai hố mắt, nằm bất động trên chiếc giường bằng tre ọp ẹp, định cất đầu dậy nhưng do không gượng nổi nên lại nằm vật xuống, nhếch cái miệng móm mém ú ớ định cất tiếng chào nhưng không nên lời làm tôi phải lên tiếng trước:

- Ôi, ông Kèn đây ư !

Tôi đến nắm lấy tay lão. Kèn run rẩy nắm lại, miệng lắp bắp mãi

mới nói được: “Cậu! Cậu vẫn khoẻ chứ!”

Tôi chẳng muốn cải chính tiếng “cậu” làm gì. Chẳng qua đó cũng chỉ là thời tiết, sáng nắng chiều mưa của đời người, của nhân tình thế thái, việc chi phải nặng lòng.

Tuy lâu rồi hôm nay mới gặp lại lão già này nhưng những “thành tích bất hảo” của lão, tôi chẳng còn lạ gì. Tôi biết ngày ấy, sau khi Đội rút đi, do thuộc thành phần cốt cán bản cố nông nên lão được cử làm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp xóm Trung, chứa tới 125 hộ với diện tích vài trăm mẫu. Đang từ một cố nông, không thước đất cắm dùi, kinh nghiệm quản lý đã không, đến kỹ thuật cày cấy lão cũng rất lơ mơ, nên cái hợp tác xã do hắn đứng đầu sản xuất bị thất bại, xã viên đói mòm mắt là chuyện hiển nhiên, không tránh khỏi. Đã vậy, lại mang sẵn trong cơ thể cái máu thèm tiền (máu tham hễ thấy hơi đồng là mê) của hạng người đã mấy đời nghèo khổ, lão đã không thoát khỏi sự lôi kéo, quyến rũ của đồng tiền. Thế là lão, trước tiên bị sa thải vì năng lực yếu kém, sau phải vào tù vì tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa với mức án 10 năm. Rồi trong tù lão lại phạm thêm tội nữa, tội giết bạn tù vì giành ăn và bị khoác thêm mức án 20 năm. Lão mới ra tù về nhà cách đây mấy tháng, về được ít hôm thì bị xuất huyết não, bán thân bất toại, ỉa đái cả ra quần áo, giường chiếu. Đứa con dâu lão, vợ của thằng con trai nghiện ma túy nặng, di chứng của những ngày đi đãi cát tìm vàng, mỗi lần phải tự tay dọn cứt dọn đái cho lão lại chửi lão tục tĩu hơn chửi chó.

Anh công an đi cùng tôi vào đề luôn:

- Ông Kèn có biết đứa nào trát cứt lên bàn thờ nhà người ta không! Lão già vờ như không nghe thấy, anh công an phải nhắc lại. Bấy giờ hắn mới nhăn mặt:

-Thưa không biết ạ!

Anh công an tấn công thêm:

- Làm thế là phạm tội hình sự đấy ông Kèn ạ. Tội xúc phạm nơi thờ tự của người khác đấy.

Nghe xong , hắn không biết nói gì thêm, tiu nghỉu gật đầu chào lại khi chúng tôi quay chân ra về. Bỗng hắn cho cô con dâu chạy ra gọi tôi quay trở lại rồi nói nhỏ:

- Cậu có tiền cho lão mấy đồng. Lão đói quá,thèm miếng bún ăn với mắm tôm mà lâu nay chẳng có.

Tôi đưa cho lão tiền. Lão run run đỡ lấy bằng cả hai tay, mắt sáng lên nhìn tôi như kẻ tội đồ được quan toà chiếu cố giảm án. Lão lầm bầm trong miệng: “VẬY là cuối cùng, chúng tôi vẫn lại là... chúng tôi!”

Từ đây cái tháp thờ nhà tôi mới tạm yên.

17.

Cũng vào cái năm Mùi ấy và lại vẫn vào buổi chiều. Nắng hè đỏ dài bóng cây cau xuống mảnh sân gạch trước cửa nhà. Con ngõ tre men theo bờ ao sau nhà tôi vang lên tiếng trống ếch và tiếng hô mới lạ của đội thiếu nhi: “Kính mời bà con nông dân đến từ đường ông Thoại tham gia tố khổ !”.

Bố tôi bỏ chiếc xe điều xuống, thở dài:

- Thế là bước đầu tiên của cuộc phát động quần chúng đã bắt đầu.

Tôi buồn bã hỏi lại:

- Hôm nay người ta tố ai thế thầy nhỉ?

Bố tôi buồn buồn:

-Thiếu nhi chả vừa hô đây thôi. Có khổ tồ khổ. Họ sẽ tố tất cả những điều họ cho là khổ.

Dĩ nhiên các gia đình địa chủ, phú nông không được tham gia tố khổ. Đêm ấy tôi rủ Thăng đi nghe trộm xem họ tố khổ thế nào.

Chúng tôi trèo lên cây si mọc ở bờ ao trước cửa từ đường, chui vào bụi rễ chằng chịt rậm rịt như râu kỳ lân tết trung thu . Trong quầng sáng vàng khè của hai ba ngọn đèn bão, cuộc tố khổ được mở đầu bằng một chương trình văn nghệ cây nhà lá vườn. Có ai đó hát rằng: “Thằng phong kiến thường hay nói rằng: giàu nghèo hay đói no, tình chung là tại số. Kiếp trước ông trời đã định cho chúng ta”. Rồi hàng loạt người hát nhái theo điệp khúc: “Đừng nghe lời quân gian tham, bần cố trung nông ta ơi, đời mình xác xơ là vì địa chủ”. Tân nhạc xong là đến hát chèo. Không ngờ người lên “hát hiến tặng bà con một bài” lúc này lại là Én của tôi. Nàng hát bài chèo theo điệu xẩm xoan“Ai xui là xui bông lúa chín”.

Giọng nàng ngọt lim gạo tám thơm. Mỗi câu hát lại như xoáy vào lòng tôi một nỗi buồn tê tái.

Cuộc biểu diễn văn nghệ chấm dứt, cuộc “biểu diễn” thứ hai có tên là “tố khổ” được bắt đầu. Đội Khoảnh đứng lên làm “nhạc trưởng” “hát” mấy câu mào đầu. “Hàng nghìn năm nay nông dân ta làm than đói khổ là do sự bóc lột tàn bạo của giai cấp địa chủ. Bọn chúng là con muỗi, con đỉa hút máu nông dân. Chúng ta phải vùng lên tiêu diệt chúng. Muốn thế phải có lòng căm thù. Căm thù càng lớn hành động càng lớn. Mà muốn căm thù thì phải vạch ra được tội ác của chúng. Phải tố khổ. Trong chúng ta đây ai mà chả có khổ do bọn địa chủ gây ra. Vậy đề nghị bà con anh chị em hãy tố ra!”. Đội Khoảnh vừa nói xong, đã thấy từ cuối nhà vang lên tiếng hô mào đầu của Kèn: “Có khổ tố khổ! Nông dân vùng lên! Tố khổ nhiều, đấu tranh mạnh!” Lập tức cả trăm cái mồm hô theo. Đêm ấy bà con nông dân xóm tôi đã đứng lên tố địa chủ với đủ mọi loại tội ác nghe rợn cả người. Nào tội đánh người. Tội hiếp dâm. Tội ngồi mát ăn bát vàng. Tội thu nặng địa tô. Tội chỉ điếm cho giặc đem máy bay đến ném bom. Tội là Quốc Dân Đảng. Qua đây cho thấy người nông dân nào cũng tốt, cũng khổ, cũng bị bóc lột tận xương tuỷ và tên địa chủ nào cũng gian ác, dã man, dâm dục.

Nghe chán tai quá, tôi rủ Thăng luôn cành cây nhảy xuống bờ ao chuồn về nhà. Rất may không ai nhìn thấy chúng tôi.

Sau buổi tố khổ có tính chất mở màn ấy, cả xã tôi bùng lên cơn sốt tố khổ. Người người tố khổ, nhà nhà tố khổ, đêm trước tố không hết, khổ còn nhiều thì dành đến đêm sau rồi đêm sau nữa tố nốt. Tố ở xóm không đủ thì tố ở thôn, ở xã. Khổ ít nói thành khổ nhiều. Không có khổ thì cứ việc bịa ra rằng mình khổ. Không bị đánh đập cứ vu là bị đánh đập. Không bị hiếp dâm cứ nhận là bị hiếp dâm. Đã sao. Có ai xác minh gì đâu mà lo. Dịp này quê tôi bỗng dung xuất hiện một từ mới xưa nay chưa có trong từ điển. Đó là từ “tố điếu”. Tố điếu. Đúng thế. Và ai cũng biết thế, nhưng không ai từ chối nó, không buổi họp, buổi mít tinh nào, lại không vang lên những khẩu hiệu mang nội dung đó, được hùng dũng hô to qua cửa miệng của hàng trăm hàng nghìn người: “Có khổ tố khổ- Nông dân vùng lên- Tố khổ nhiều- Đấu tranh mạnh...”.

Về sau tôi mới được biết để những người nông dân quê tôi có thể

đường hoàng đứng lên giữa chỗ đông người, nói tron lèo lèo, không ngập ngọng, chữ tác đánh chữ tộ, không run như cây sậy, ngược lại nhiều khi còn biết diễn tả tình cảm, sụt mướt khóc lóc làm nhiều người nghe phải chảy nước mắt sụt sùi theo, là do trước đó đội Khoảnh trong nhiều đêm liền đã phải làm “đạo diễn” bắt đắ dĩ cho những “diễn viên” tự nguyện diễn theo kịch bản đã soạn sẵn. Nào là phải tố thế nào cho lâm ly bi đát, phải khóc mếu thế nào cho rung động lòng người. “Thằng địa chủ gian ác kia! Mày cúi mặt mày xuống, mày vênh tai mày lên, để nghe tao nói đây” là những câu giáo đầu được hầu như tất cả nông dân làng tôi lúc này thuộc lòng. Mà muốn được diễn tả thành thạo những động tác ấn đầu, vít tóc địa chủ điệu nghệ như diễn viên trên sân khấu, bà con nông dân quê tôi thường phải được tập luyện nhiều đêm tại sân đình với những thân cây chuối dựng đứng đóng vai địa chủ. Cũng mãi sau này tôi mới hiểu người ta đua nhau tố điều như thế chỉ vì có như thế người tố mới được thêm ruộng thêm vườn thêm nhà thêm cửa. Có thể, người không nghèo và có lý lịch ba bốn đời không trong sạch cho lắm, như có cụ cố là phó lý, có ông nội là lý trưởng, có bố là trương tuần... mới có cơ may thoát khỏi bị quy là địa chủ, phú nông.

Chưa bao giờ làng tôi, những người không nghèo lắm hoặc những người lo bị rơi vào hoàn cảnh như chúng tôi, ngày nào cũng mơ, đêm nào cũng ước, ôi... giá gia đình mình sau một đêm thức dậy bỗng được trở thành một người nghèo, nghèo rớt mùng tơi như một cụ già ở Thanh Hoá, được in hình trên tờ báo ảnh Việt Nam, ra vào dịp cuối năm 1954, 80 tuổi vẫn chưa biết được cục đường hình thù vuông méo ra sao, mùi vị ngọt đắng thế nào.

Thế mới là hạnh phúc!

18.

Đợt “tố khổ” khủng khiếp qua đi. Đám địa chủ chúng tôi tưởng những nỗi khổ do bà con nông dân trút lên đầu mình đã được giải toả, được hạ nhiệt thì sẽ chả còn cái gì để mà “khổ” nữa. Nào ngờ lại còn nhiều cái “khổ” hơn. Khổ vì phong trào “tự báo ruộng đất”, khổ vì chiến dịch “truy tồ” và khổ vì đấu tranh trên “đấu trường”. Tự báo ruộng đất là gì? Thừa, là cái phong trào xác định diện tích

ruộng đất, vườn tược, ao chuôm không cần thước đo, không cần căn cứ vào sổ sách văn tự, mà đơn thuần chỉ bằng cảm giác chủ quan. Theo đó, ông bà nông dân sẽ tự báo lên cho Đội, cho những người dự hội nghị biết diện tích từng thửa ruộng, từng mảnh vườn của mỗi gia đình địa chủ, theo như lời bán đấu giá, để từ đó Đội tính ra số thóc lúa phải nộp thuế nông nghiệp, phải truy thu hoặc số thóc tô phải thoái.

Không biết bao nhiêu chuyện khôi hài. Mảnh ruộng của nhà tôi ở ven đường Cổ Cò, trước cửa đình Hát là thuộc vào diện này. Kích thước của nó, ngang bao nhiêu, dọc bao nhiêu, bản đồ địa chính vẽ từ thời Pháp và trong văn tự ghi rõ rành rành như thế, vậy mà Đội không tin, phải đem ra bình bầu lôi thôi rắc rối thế này:

Oâng Cáp vốn là người nuôi rế bò nhà tôi lên tiếng trước:

- Mảnh ruộng ấy không phải 5 sào như địa chủ khai trong giấy tờ đâu. Mà phải là 7 sào. Mấy năm trời đánh trâu cày bừa mảnh này, tôi biết mà. Chồn cả chân bò, mỗi nhừ cả gói người.

Lâm Bạch tạng tiếp:

- Mảnh ấy, không 8 sào, tôi xin đi đầu xuống đất. Một lần gánh rạ qua tôi thấy nó lớn lắm mà.

Thằng Tạo lác bĩu môi:

- 8 sào sao được. Phải là 1 mẫu. Cây rế mấy năm tôi biết mà.

Kết quả lần tự báo khôi hài ấy, mảnh ruộng 5 sào nhà tôi tăng diện tích lên 1 mẫu 2. Các mảnh khác cũng bị dân nở như bị nấu với bột nở như thế, làm số ruộng đất vốn có của gia đình tôi trong phút chốc phồng lên từ 5 mẫu đã vụt lên thành 9 mẫu 7 sào.

Hỏi thăm những địa chủ khác thì thấy ruộng đất nhà họ cũng đều bị những cái miệng thần... dân như miệng lưỡi phù thủy, làm tăng đột biến như thế. Nhà chú Sáu từ 3 mẫu lên 5 mẫu. Chú Tư, chú Năm từ 2 lên 4.

Từ số diện tích ma này, tất nhiên số thóc tô, thóc thuế nông nghiệp phải truy nộp cũng phải cũng phải tăng theo, phải thành con số... ma luôn. Các gia đình địa chủ chết về những con ma ấy. Con ma của nhà tôi là 95 thùng thóc các loại. Các nhà khác cũng cứ thế tăng lên.

Tiếp theo đó là “khổ nạn” “truy tô” (truy nộp thóc thoái tô, thóc

thuế nông nghiệp) bắt đầu.

Người bị đem ra làm vật tế thần đầu tiên cho chiến dịch này là mẹ tôi rồi đến bố tôi.

19.

Liên kề ngôi nhà gỗ lim lợp ngói 7 gian của nhà tôi là ngôi nhà cũng 7 gian như thế của chú Bảy bị bỏ không đã vài chục năm nay, kể từ ngày chú dẫn cả gia đình vào Nam làm ăn sinh sống. Vì thế nó thành vương quốc của loài chim sẻ với những chiếc tổ như cái búi rác rữa bát ngoài cầu ao giặt chi chít trên những lỗ hổng mái nhà. Từ đây chúng đẻ trứng, sinh con, đánh chửi nhau inh ỏi. Tôi nhắc đến ngôi nhà hoang này vì gần đây đội Khoảnh có hai việc làm không thể không gây bàn tán cho mọi người. Một là, bổng dung ông ta cho gia đình bà Tụ, cố nông, nơi ông ta đang “ba cùng” được chuyển đến đây ở, mà theo như Đội Khoảnh nói thì để ông ta, vừa làm trụ sở Đội, vừa có điều kiện tiếp tục thực hiện “ba cùng” với gia đình cố nông này. Hai là, bổng dung (lại bổng dung), ông ta đột ngột hạ thành phần cho chị Nghiệm, từ thành phần liên quan với địa chủ thành trung nông lớp trên. Rồi, dựa vào cái nguyên tắc do ông ta đưa ra “thỏ không thể sống chung với chó sói, nông dân không thể ở cùng nhà với địa chủ”, ông ta ra lệnh buộc chị Nghiệm phải từ bỏ gia đình tôi để sang sống với gia đình cố nông Lê Thị Tụ. Tại đây, chị Nghiệm được ưu tiên sở hữu hẳn một gian buồng.

Thế là từ đây ngôi nhà hoang của chú Bảy trở thành trung tâm của hai cái sự “hành”: Một là, hành xác bố mẹ tôi và các địa chủ khác, hai là hành lạc với chị dâu tôi. Tuy vậy, do Đội sáng suốt nên cũng có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Hành xác địa chủ thì dành cho những người nông dân chân chính như lão Kèn, lão Lâm bạch tạng. Còn hành lạc với chị Nghiệm và với những chị em “chuối rế” khác, thì đội Khoảnh giành độc quyền.

Người bị “hành xác” đầu tiên là mẹ tôi.

Theo con số từ văn phòng Đội phích xuống thì số thóc nhà tôi bị truy thu tính đến thời điểm đó là 95 thùng, bao gồm 35 thùng thuế nông nghiệp và 60 thùng thóc thoái tô. Đây là con số ma vì như trên đã nói, nó được tính ra từ diện tích ma, diện tích tụt báo. Dĩ

nhiên bố mẹ tôi không thể nào đong nổi số thóc quá lớn này. Năm ấy mất mùa, 9 thùng rưỡi còn chẳng có nói chi 95 thùng.

Đêm ấy cả nhà tôi hoảng sợ đến nỗi không ai ngủ được. Vì việc hành hạ mẹ tôi rồi bố tôi, các chú thím tôi và nhiều địa chủ mới được quy lên, đều được diễn ra ở ngôi nhà hoang ấy. “Con vợ thằng Lân, bao giờ mày nộp đủ số thóc ấy cho Đội” - Tiếng lão Kèn. “Dạ, trong nhà con một hạt chả có, chứ đừng nói đến một thùng!” - Tiếng mẹ tôi. “Không có thóc thì đưa vàng ra thay cũng được” - “Nhà nông thì làm gì có vàng” - “A, con mụ này bướng thật! Quỳ xuống”... “Véo, véo!” tiếng roi rít lên trong không khí. “Ái, ái...đau quá! Đau quá!” Tiếng mẹ tôi kêu lên. Lại tiếng lão Kèn: “Có nộp vàng không thì bảo!” - “Dạ, đã bảo nhà con không có mà” - “A, con mụ này đánh thế mà vẫn còn bướng hả. Ra quỳ gối ngoài sân kia! Không phải quỳ chỗ ấy mà quỳ lên cái vó mít kia kia!” - “Xin ông tha cho, thân già đầu gối toàn xương với da, con quỳ không được!” - “Vậy khi bóc lột ông bà nông dân chúng tao chúng mày có hỏi thế không”.

Mẹ tôi được thả về vào lúc đã quá nửa đêm. Cái Thân khát sữa khóc từ chập tối đến giờ tiếng khàn như con mèo hen. Bây giờ đến lượt bố tôi bị gọi sang. Tôi cứ phải lấy ngón tay bịt tai lại vì không sao chịu nổi tiếng quát tháo, tiếng roi vọt đang quất lên da thịt bố tôi mà tôi nghĩ như đang dút da dút thịt tôi. Cứ thế hết đêm ấy sang đêm khác, hết bố mẹ tôi lại đến các chú thím tôi liên tiếp bị gọi đến căn nhà hoang này để đánh đập, để truy tồ, để cho đám nông dân chưa sạch máu đầu quát tháo, chửi rửa.

Đêm ấy, sau khi bị quỳ trên đám gai mít trở về, quần áo rách bươm, hai đầu gối rướm máu, bố tôi buồn bã nói với mẹ tôi và tôi, giọng nghẹn lại:

-Tình hình này, nếu cứ ở nhà mãi thì không chết vì đói cũng chết vì bị tra tấn và nhục nhã. Bu nó là đàn bà chắc họ chỉ hành hạ thế này thôi. Còn với tôi chắc họ còn làm dữ hơn nhiều và họ sẽ còn moi móc ra rồi đổ lên đầu bao nhiêu tội lỗi nữa. Thôi, xin nhà cho tôi trốn đi. Biết đâu tôi lại tìm được một chỗ sống.

- Ông định đi đâu.

-Tôi đi xuống ấp Thiện Tùng ở dưới bể. Ở đây người ta vốn kính

trọng cụ Hàn nhà mình chắc họ sẽ che chở tôi. Còn kiếm sống thì tôi đã có cái nghề này.

Bố tôi đập tay vào cái bị cỏi đeo bên người nghe loảng xoảng tiếng kim khí va vào nhau. Đó là bộ đồ nghề cắt tóc. Hoá ra mấy tháng trước ngày Đội về, bố tôi đã ra chợ học ông Mễ được cái nghề “đè đầu thiên hạ” này. Thật đúng là quân tử phòng thân. Phải công nhận là bố tôi “nhìn xa trông rộng”!

Nửa đêm, bố tôi khoác bị quần áo và đồ dùng cắt tóc ra đi. Bố tôi đi rồi mấy mẹ con tôi nằm lăn ra giường khóc cho đến sáng.

Gia đình tôi khốn khổ thế, gia đình các chú thím cũng chẳng dễ chịu hơn. Mấy ngày nay, không chịu nổi áp lực của những đòn truy tồ, thím Sáu đã phải nhảy xuống cái ao sau nhà định tự tử, khi bụng mang thai sắp đến ngày sinh đẻ. Rất may, người nhà cứu được tính mạng của thím nhưng đứa bé trong bụng thím thì bị sinh non. Đứa bé thiếu tháng ấy, chú Sáu đặt tên là Sạch (Nguyễn Thị Sạch), bổ sung cho cái tên của anh trai nó, mà chú đặt là Hết, sinh trước hai năm, đánh dấu thời điểm năm 1953, nhà chú bị bọn lính nguỵ ngoài bắt vào dõ và lấy đi hầu hết tài sản. Còn Sạch là để đánh dấu thời điểm này. Hết Sạch tức là hết tất cả, là chẳng còn gì. Kiếp con người thật khổ. Hết lúc trước và sạch lúc sau. Bé Sạch đã sinh thiếu tháng lại chào đời đúng vào lúc cả làng đói vàng mắt nên nó chỉ sống oặt oẹ bằng nước cơm, cháo khoai lang được mấy tháng rồi cũng ra đi vào cõi vĩnh hằng. Chỉ còn lại Hết (về sau để dễ phát âm mọi người thường gọi gộp là Hết Sạch) sống đến tận ngày nay nhưng trí óc đàn độn, tính tình dờ dờ ương ương, bố bảo xem chai nước mắm có bị thối không thì bê cả chai lên người ngoài vỏ, lấy vợ về phải có người cầm tay chỉ việc mới biết cách làm tình.

- Tại lúc nó còn bé, bập bẹ nói, tôi liên tục bị Đội và ông bà nông dân gọi đi truy tồ, bế nó đi theo, nghe tiếng quát tháo, tiếng roi vọt nhiều quá, đầu óc nó hoảng loạn mà hoá ra ngớ ngẩn như thế, chứ lúc mới sinh nó cũng khôi ngô, tuấn tú đáo để.

Bây giờ, đã gần 50 năm trôi qua, hễ ai hỏi về Hết Sạch, thím Sáu thường giải thích như thế. Nghĩ mà kinh hoàng, sờn tóc gáy.

Sáng hôm sau, gặp tôi ngoài giếng xóm, chị Nghiệm kéo tôi ra một chỗ rồi nói nhỏ:

- Chị báo tin mừng cho chú. Chị được hạ thành phần rồi. Không còn bị là phú nông nữa mà là trung nông lớp trên!

Tôi chưa kịp hỏi thêm, chị đã giải thích: “Đội bảo, chị là con dâu, ruộng đất đã được nhà chồng chia cho dâu mà bảo là phú nông”. Vậy là từ nay gia đình tôi mất đi một người. Tôi vừa giận vừa thấy thương chị Nghiệm. Vậy là chị Nghiệm được thành người nghèo rồi. Ôi, bao giờ tôi mới được thế nhỉ!

Một buổi trưa, con sáo tôi đang nuôi bị lạc sang căn nhà hoang ấy. Tôi trèo tường sang để bắt nó về nhưng vừa bước vào sân đã bị bà Tụ giữ lại không cho đi: “Không được vào nhà, Đội đang giáo dục lập trường giai cấp cho con dâu địa chủ”. Tôi biết tổng tong tở con chuồn chuồn rồi. Là chuyện ấy chứ còn chuyện gì nữa. Chờ cho bà Tụ mãi đuổi theo con mèo vừa quắp đi khúc cá con trai bà vừa câu được, tôi lên ra sau nhà. Chỗ ấy, có chiếc cửa sổ mục nát lâu nay vẫn đóng im ỉm. Thằng Miêng, con trai út bà Tụ, 9,10 tuổi, bé dại “không sợ liên quan với con địa chủ”, thấy tôi nó cầm ngay lấy tay rồi vừa cười vừa chỉ chỗ: “Lại đây xem, có cái này hay lắm”. Vừa tò mò, vừa tức với chị Nghiệm nên tôi đi theo nó, dí mặt vào khe cửa sổ, ghé mắt xem. Trời ơi, không ngờ hôm nay tôi lại phải chứng kiến cảnh bản thủ ấy. Trên chiếc giường tre ọp ẹp, phía trước che bằng tấm chăn đơn Nam Định, phía sau trông tuềnh tuồng toàng, chắc vì đội Khoảnh không ngờ nơi ấy lại có cái khe cửa sổ để bên ngoài có thể nhòm qua được, hai cơ thể, một đàn ông, một đàn bà trần truồng đang quấn quai, quấn chặt lấy nhau như hai con rắn đến thời kỳ giao phối. A, thì ra đàn ông đàn bà ăn ngủ với nhau là như thế đấy. Chị Nghiệm kính yêu, người bao năm nay chính chuyên, thủ tiết thờ chồng của tôi hôm nay thế này đây. Mặt tôi đỏ bừng lên, tim đập còn rộn ràng hơn cả tiếng trống ếch thiếu nhi những đêm tổ khổ. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là hoạt động tính giao của loài người.

Tôi chạy ra ngoài. Lợi dụng lúc vắng người, bắt chước đám quỷ sứ trong xóm mỗi khi muốn trêu chọc bà Tụ, tôi bê nguyên nồi hông nước giải đổ đánh thùm một cái vào chum nước ăn của nhà

bà. Rồi tôi biến mất ngay. Bà Tụ từ trong nhà lập cập chạy ra chửi toáng lên: “Cha tiên sư thằng khốn nạn nào đổ nước đá vào chum nước nhà bà. Phen này bắt được bà xé xác nó ra. Nó là quân Việt gian, quân phản động. Nó phá hoại không để Đội làm việc...” Rất may, đội Khoảnh hôm ấy không phát hiện ra tôi vừa “nhòm trộm” ông ta. Nếu không chắc tôi cũng bị quy là “Quốc dân đảng phản động” và bị bắt giam rồi.

Kết quả sau những ngày “ba cùng” và thực hiện sứ mạng giáo dục lập trường giai cấp của đội Khoảnh là: Trong khi cái thành phần giai cấp của chị Nghiệm được xếp xuống (từ phú nông xuống trung nông) thì cái bụng chị lại ngày một to kên ra (từ lép kẹp đến tròn vo như cái trống cà rùng) để rồi chín tháng sau một “ông Trời cháu” (có thể gọi như thế vì ở quê tôi người ta vẫn gọi Đội là “ông Trời con” mà) đã ra đời. Sau vụ việc này, chị Nghiệm bế con, về quê bên kia sông Hồng, bỏ lại sau lưng làng tôi với dòng họ nhà chồng, đồng thời bỏ luôn cả cái thành phần nghèo khổ mà chị mong ước bao lâu mới có được. Từ đó, tôi không được gặp chị nữa. Còn chị, hình như vì quá xấu hổ về chuyện ấy nên cũng không bao giờ trở lại quê tôi.

Ở quê tôi thời kỳ này những cô gái đẹp nếu không may lọt vào những đôi mắt...xanh, à quên, đục lò của những ông trời con này thì thật khó mà thoát được. Nhất là một khi các cô được các ông ấy tín nhiệm tuyển chọn làm chỗ để thực hiện “ba cùng”, hoặc “bắt râu, bắt chuỗi”.

“Đội về Đội dựa vào mông- Đội đi Đội để trống đồng em mang”. Đến nay chưa có ai tổng kết xem ngày đó có bao cô gái bị chữa hoang vì những ông Đội này. Nhưng một khi đã vào ca dao, vào văn học dân gian thì chắc đó không phải là trường hợp cá biệt. Ngày nay đọc lại câu ca dao này ta thấy mỉa mai, cay đắng nhưng ngày đó thực tình có không ít ông bố bà mẹ lại thấy đó là niềm tự hào, mãn nguyện như chuyện có con gái tiến cung ngày xưa. Không biết Eùn của tôi có thoát khỏi cái nạn này!

21.

Câu hỏi ấy cứ lớn vồn như treo cái móc trước mắt tôi cả một thời gian dài sau đó. Nó chỉ được trả lời khi vào một đêm trăng thanh

gió mát, tôi đi thả bò trên cánh đồng Ao Đào. Đây là thời điểm lý tưởng của đám trẻ chăn bò. Vì cả cánh đồng rộng mênh mông lúa vừa gặt xong chỉ còn trơ cuống rạ, khoai lạc thì sắp rở, sắp bói thế này, trâu bò chả còn bị cấm đoán nữa, tất cả được tháo khoán, tha hồ ăn lá, ăn dây, hết ruộng này sang ruộng khác. Thoải mái nhất là vào ban đêm. Thả bò xong, người đi chăn chỉ cần tìm một chỗ nào kín đáo, cao ráo như nóc ngôi mộ xây hoặc một gò đồng cao, gom rạ khô dưới ruộng trải lên, nhổ dây lang dây lạc cuộn lại làm gối, rồi nằm xuống, mượn gió nồm nam hây hây làm quạt, là có thể đánh một giấc ngon lành đến sáng và nếu không có sương đêm lành lạnh đánh thức bắt choàng dậy chạy đi tìm bò để dắt về thì có thể ngủ đến lúc nắng lên.

Nhưng đêm ấy, nằm như thế lâu rồi mà tôi vẫn không sao ngủ được. Tôi nghĩ đủ thứ, nhớ đủ thứ. Nhớ nhất vẫn là nhớ Én. Vậy là từ sau cái đêm tặng nàng chiếc áo rồi sau đó ôm hôn nàng, chiếc hôn đầu tiên tôi biết thế nào là hương sắc, là da thịt con gái mà dư vị đến bây giờ vẫn còn ngọt ngào. Không khí căng thẳng của cuộc cải cách ruộng đất, những con mắt hận thù, ghẻ lạnh của những người nông dân càng ngày càng kéo dần ra xa khoảng cách giữa hai chúng tôi. Chợt nhớ lại câu cái Ngân khoe lúc ban chiều rằng chị Én hồi này tôi tôi thường hay mang vó ra ao Đào cất tếp, tôi vội lạng lẽ đi đến chỗ đó. Đây là cái ao, ngày trước ông nội tôi thuê người đào lấy đất đắp nền nhà. Tôi nhón chân đi như một con mèo. Đã cảm nhận được làn hơi nước lành lạnh thổi tới. Rồi tiếng nước chảy qua màn vó rơi xuống mặt ao lũng bùng. Én đang giơ chiếc gậy dài ra mặt nước cất lên từng chiếc vó. Sóng nước lấp lánh. Ành trăng như dát bạc lên từng chiếc gọng vó, lên mái tóc dài tha thướt và khuôn mặt thanh tú sáng long lanh của Én. Nấp đằng sau đồng dây lang dây lạc chát cao, tim tôi đập rộn lên. Tôi chỉ muốn nhảy bổ ra ôm chặt lấy Èn để thỏa lòng ao ước bấy lâu nay. Nhưng ngay lập tức tay chân tôi bị khựng lại. Tôi vừa nghe thấy có tiếng người nói lào xào ở trên bờ ao. Tiếng lão đội Khoảnh. “Én, bỏ vó đấy, lên với anh đi, chúng ta cần bàn chuyện này. Mau lên, anh còn lên họp trên xã”. Tiếng Én, chổng lỏn, nhát gừng:

- Anh cứ nói đi, tôi đang nghe đây.

- Không, em phải lên trên bờ này kia. Dưới ấy, nước ướt nhem làm sao mà ngồi được.

Tiếp đó, tôi thấy đội Khoảnh chạy xuống mép nước cầm tay kéo Èn lên. Không thấy đội Khoảnh nói gì nữa, chỉ thấy Èn nói rất to:

· Tôi đã nói với anh rồi. Tôi đã có người yêu, anh hãy để cho tôi được yên thân.

Tiếng đội Khoảnh gầm gừ:

- Hừ, người yêu! Cô định nói đến thằng nào: thằng Phỏng khó rách áo ôm hay thằng địa chủ con, chó chết ấy. Được rồi, tôi sẽ cho cô biết cái trình tiết của cô đáng giá bằng nào...

Tôi đã nhìn rõ lão đội Khoảnh kéo Èn lên bờ ao, vật ngựa Èn xuống rãnh khoai rồi nằm chồm lên. Tôi cũng kịp nhìn thấy Èn đứng dậy được, chạy vượt ra khỏi đội Khoảnh và kêu cứu.

Nhanh như một con ếch, tôi co giò nhảy vọt một cái thẳng chỗ lão đội Khoảnh đang ngã quay lơ. Bằng sức mạnh phi thường bật dậy như chiếc lò so của tuổi 16, của lòng căm thù lên đến tột đỉnh, tôi dơ thẳng chân đạp mấy cái liền vào mặt hắn. Hắn sợ quá lồm cồm bò dậy rồi cứ theo bờ ruộng mà chạy, không hề dám ngoảnh đầu lại. Toàn bộ sự việc diễn ra quá nhanh và cũng do tôi chủ động kìm nén không để bật ra một câu nói nào nên cả đội Khoảnh và Èn không ai biết người vừa can thiệp đó là ai. Nhờ thế câu chuyện được giữ kín mãi. Tuy thế, tôi vẫn nghĩ, rất có thể hôm ấy đội Khoảnh đoán ra được. Nhưng hắn đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt, vì lúc này hắn đang rất cần đến uy tín, dù giả hiệu.

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Năm .

22.

Tôi lại thả lên 3 nén nhang, gióng lên 5 tiếng chuông và gõ 7

tiếng mõ. Tiếng Én lại hiện về.

Trong đợt tố khổ, anh Kèn mỗi lần đi họp về lại bắt em sắp tới phải đứng ra tố cáo ông bố anh là cách đây mấy tháng trước khi đội về, lợi dụng lúc em sang nhà anh để làm việc gì đó, đã đe em ra hiếp dâm em nhiều lần, khi thì ở chân đồng rơm, khi thì trong chuồng trâu. Em không chịu, bảo Kèn đừng có ăn không nói có, rồi tội ngọp mặt. Kèn bảo em, sao ngu thế, bọn địa chủ có được phép cãi lại đâu mà lo. Với lại có tố nặng thì lão ấy mới bị quy là địa chủ cường hào gian ác, mới bị xử tử và mới bị tịch thu toàn bộ gia sản được. Có thế, nhà mình mới được chia nhiều nhà, nhiều ruộng nhà nó.

Rồi anh ta bảo với em: “Tao cũng sẽ tố nó thật nặng. Tao tố rằng cái năm làng mình chưa tề ấy, thằng chánh Lân một buổi trưa đang đi trên đê bỗng dưng làm động tác giả vờ bị gió làm bay mũ xuống ruộng, ấy là nó chỉ điếm đấy. Thế là chỉ một loáng sau, máy bay giặc kéo đến, ném xuống làng ta hai quả bom napan làm chết 2 người và 1 con bò, vậy không phải thằng Lân chỉ điếm thì còn ai vào đây nữa!”

Nói xong, anh ta có vẻ tự mãn về cái tài bịa đặt của mình lắm, đã vừa thổi sáo miệng vừa nói với bố em: “Còn bố nữa. Bố cũng phải nghĩ ra một câu tố nào cho thật độc mới được. Như hẳn nhiều lần đánh bố hoặc có lần bắt bố ăn cứt chẳng hạn!” Bố em nghe nói thế, mới tức điên lên, cầm nguyên cái bát điếu ném vào mặt Kèn, may mà anh ta tránh được. Bố em chửi: “À, thằng này láo nhỉ, mày dám bảo bố mày ăn cứt hả! Được rồi tao sẽ tố ông chánh Lân. Tao tố rằng năm tháng 3 năm At Dậu nếu ông ấy không lừa gạt giầu vợ con cho tao mấy đấu gạo đem về nấu cháo cho chúng mày ăn dần chống đói thì chúng mày chết lâu rồi”. Kèn cười méo miệng: “Nó làm thế là để xoa dịu tinh thần đấu tranh của giai cấp cần lao đấy bố ơi. Coi chừng, bố bị mắc lừa chúng đấy!”.

Thế là em và bố em đứng về một phía, Kèn một phía, hai bên cứ cãi nhau ỏm tỏi, không sao dứt được. Chỉ đến khi lão đội Khoảnh từ nhà bà Tụ hót hải chạy sang theo yêu cầu của Kèn, bố con em mới tạm yên.

Cũng năm Mùi ấy, tôi đi cày buổi đầu tiên trong đời. Cũng may mới 16 tuổi tôi đã có vóc có dáng, nếu không làm sao xách nổi cái cày mỗi khi con bò bước tới đầu bờ để chuyển sang luống khác. Tôi phải cày vì bị Đội cấm gia đình địa chủ được thuê mướn nhân công, tức là được tiếp tục bóc lột trong khi Đội đang phát động nông dân vùng lên xoá bỏ bóc lột.

Vậy là bố con tôi bị buộc phải tự lo liệu lấy chuyện cày cày.

Cũng may, cuối năm ngoái, đoán trước diễn biến thời cuộc, bố tôi đã bắt tôi phải tập cày. Con bò của nhà tôi lúc ấy đang ở “tuổi bê”, vừa dứt vú mẹ. Nó cày được như bây giờ là do bố con tôi đã công phu luyện tập cho nó, cái công việc quê tôi gọi là “vực”, không khác gì tài tử dạy hổ. Bây giờ, các hiệu lệnh như “họ” là dừng lại, “vặt” là rẽ phải và “diệt” là rẽ trái, nó tiếp nhận và hiểu được rất chính xác.

Những ngày trước bố tôi thì cày, còn tôi cắt cỏ. Trưa đến, đem cơm ra đồng cho bố tôi, tôi đem luôn cỏ cho bò ăn lúc nghỉ trưa. Công việc đang tiến triển đều đặn ai ngờ lúc này bố tôi lại phải trốn đi, bỏ lại tất cả, ruộng đồng, nhà cửa, vợ con, trong khi đó thời vụ đã ập đến nơi. Mạ gieo đã đến lúc phải nhổ lên cây. Nếu không, nó lên ống thì có cây cũng chả có ăn. Trước tình thế nước sôi lửa bỏng ấy, tôi đánh liều xin mẹ cho tôi thử đi cày. Không còn cách nào khác, mẹ tôi đành phải chấp nhận.

Ngày đầu tiên giắt bò, vác cày ra đồng tôi muốn phát khóc. Do chiều cao cơ thể tôi thấp hơn chiếc cày nên đi đường cứ luôn phải kiễng chân, nếu không lười cày quệt đất, chỉ có méo mặt. Đã vậy con bò còn hay giở chứng, ngoái phải quay trái, hết bút lá tre hai bên bờ giậu lại ăn rê cỏ dọc đường, rõ thật khổ. Hôm nay lại có thêm con Đóm đi theo. Mỗi khi con bò giở chứng, nó lại xua lên ăng ăng. Có Đóm cũng thấy vui, đỡ mệt.

Rồi mọi việc cũng qua đi suôn sẻ. Ngày qua ngày, tôi đã cày hết thửa ruộng này đến thửa ruộng khác. Cứ đà này chẳng bao lâu tôi sẽ cày hết diện tích ruộng nhà tôi. Con bò và tôi càng ngày càng hiểu nhau, ăn ý nhau hơn. Nó đã ngoan hơn trước nhiều. Lặng lẽ

kéo cày, dù mưa hay nắng. Đất pha cát, nhẹ, nó kéo. Đất sét gan gà cứng như đá, nó cũng kéo. Cả mặt đất bị rằm rằm lật lên. Nhớ lại câu hát vục bò bớ tôi hát hôm nào: “Nặng kéo, nhẹ kéo” tôi thấy thương nó quá.

Cày được dăm bảy ngày thì có một sự cố xảy ra. Chiều hôm ấy đang ngon trớn, chiếc cày bỗng giở chứng, cứ chúi sâu xuống lòng đất, càng lúc càng bậm sâu hơn. Con bò cứ phải dặng chân, chùn lưng ra kéo, nước bọt phun đằng trước, phân phọt đằng sau mà chiếc cày không sao nhích lên được. Cuối cùng, mệt quá, nó đành phải đứng ì ra, mũi thở ồ ồ nhưng cái đầu chóc chóc lại quay lại nhìn tôi. Hai con mắt nó lộ rõ vẻ bối rối. Hình như hối hận vì không làm được cái việc mà tôi đang trông mong ở nó.

Tôi cũng thấm mệt, cũng thở hắt ra không kém gì con bò. Mồ hôi túa ra ướt đầm lưng áo. Tức muốn phát khóc lên và tôi đã khóc. Nước mắt chảy ròng ròng trên má, chảy luôn cả xuống rãnh cày. Tôi khóc vì tủi thân. Mới mấy tháng trước thổi được nồi cơm bớ còn khen rỏi rít, vậy mà giờ đây một mình đã phải vật lộn với nắng mưa, đồng ruộng thế này. Tôi khóc để cầu mong ai đó ra tay giúp tôi. Nhưng mong thì cứ mong thôi, chứ điều ấy làm sao có được. Cả xã đang bao vây gia đình tôi, đang cách ly chúng tôi với chung quanh như đối xử với người bị hủi. Hôm qua, mẹ tôi ra chợ định mua mấy tấm bánh đa cho chúng tôi ăn đỡ thèm vì từ hôm Đới về đến giờ, chúng tôi có biết đồng quà tấm bánh ra sao đâu, nhưng bà bán bánh sợ liên quan cứ nhất định rằng không chịu bán cho địa chủ, cuối cùng, đói ăn vụng, túng làm liều, lợi dụng lúc bà ta sơ hở, mẹ tôi đã xông vào... cướp giật. Cũng may bà bán hàng do vốn không ghét bỏ gì mẹ tôi mà chỉ vì sợ liên quan nên đã lờ đi. Nhờ thế chúng tôi mới có miếng bánh đa để nhai côm cốp với nhau.

Chán nản, tôi đảo mắt nhìn ra khắp cánh đồng. Tôi thấy ở mảnh ruộng xa có một người đàn ông đang lúi húi cày. Như chết đuối vớ được cọc, tôi vội vàng bỏ bò, bỏ cày giữa luống để chạy đến với người đàn ông ấy. Hoá ra là anh Trúc, người cùng họ với tôi. Lúc đầu, biết là có tôi đến, anh Trúc cứ quay mặt đi không thèm ngoái lại. Tôi biết anh sợ có ai đó thấy anh đang “liên can

với con cái địa chủ” sẽ làm khó dễ anh nên tôi không dám đến gần. Đành phải ngồi xụp xuống rãnh ngô cách xa anh hàng chục thước, lảo đảo cầu khẩn anh: “Sửa giúp em chiếc cày với!”. Anh Trúc cũng chẳng thèm nhìn tôi. Anh nói với con bò nhưng tôi biết là nói với tôi: “Hết luống này tao cho mày nghỉ để tao sửa cày”. Rõ là khổ.

Nhận được tín hiệu ấy, tôi mừng lắm, vội vàng cứ rãnh ngô mà lui. Một lúc sau tôi về tới ruộng của tôi.

Anh Trúc đến. Như một ông tiên có phép lạ, anh rút con dao nhíp trong túi ra, gọt sửa lại cái gọi là con thè rồi chẳng nói nửa lời, anh bỏ đi ngay. Tôi giục bò cày thử. Oi, sung sướng quá, đường cày lại ngọt như mía rồi. Con bò thân yêu của tôi lại có thể ung dung nhàn nhã bước đi. Hai bên luống đất lại ngả rào rào.

Chiều hôm ấy, tự thưởng cho mình và cho con bò, tôi tháo cày sớm hơn mọi ngày. Tôi thả bò cho nó ăn cỏ trên bãi bóng đầu làng rồi nằm xoài xuống cỏ, chống đầu lên tay, thanh thoi ngắm nhìn vàng mặt trời đỏ ối của hoàng hôn mùa hè đang chìm dần sau ngọn núi xanh xanh bên tỉnh Hà Nam. Gió nam thổi mát rượi. Lẫn trong gió, từ trong làng vọng ra tiếng phát thanh qua loa sắt tây của anh Cáu, thông tin xóm tôi: “Mời bà con nghe tin đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chủ tịch dẫn đầu đã lên đường thăm hữu nghị chính thức Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa anh em...”

Tôi căng tai lắng nghe trọn vẹn bản tin, không giấu nổi nỗi vui mừng khi được biết, đây là lần đầu tiên kể từ khi Cách mạng tháng 8 thành công đến nay, Chính phủ nước ta mới có một cuộc đi thăm các nước quy mô như thế. Càng phấn khích hơn khi nghe danh sách trong đoàn có hai ông bộ trưởng, nghe nói cũng xuất thân từ một thành phần không lấy gì làm tốt đẹp như tôi.

Ô, vậy thì, tôi cũng có thể, rất có thể được làm một việc gì đó trong tương lai. Từ đó trở đi, cứ như có một cái gì đó tựa quạ trong li ti huyết quản của tôi làm tôi không thể nào nằm yên để giãn gân cốt trên bãi cỏ được nữa. Tôi ngồi bật dậy để cố nghe cho trọn bản tin.

Ước mơ sau này được trở thành một nhà hoạt động xã hội phút chốc trôi dạt trong tôi. “Làm trai cho đáng nên trai...”. Tôi đang sắp “làm trai” đây. Tôi sẽ phải làm gì để thực hiện được điều ấy? Làm gì để đáng nên trai?

Từ sau rặng tre xanh của làng tôi lại vọng ra tiếng trống ếch rộn ràng của đội thiếu nhi xóm và tiếng hô: “Có khổ tố khổ- Nông dân vùng lên !” “Tố khổ nhiều- Đấu tranh mạnh !”

Những câu khẩu hiệu nghe nhiều rồi mà tôi vẫn không sao quen nổi. Mỗi lần nó vang lên là một lần tôi đau buốt lên tận óc.

Chợt nghĩ đến hoàn cảnh hiện tại của mình, toàn thân tôi lại nhũn ra như con sâu đất. Tôi nằm vật xuống bãi cỏ, thở dài, chán nản....

24

Vác cày dắt bò về nhà, tắm tấp xong, ăn vội mấy củ khoai mẹ tôi vừa luộc, tôi ra bãi bán gà bán vịt ở chợ Thông đầu làng bỏ ra đồng 5 xu có lẽ dành dụm được mua vé xem phim.

Mấy hôm nay đám thanh niên làng tôi kháo nhau nhiều về bộ phim có cái tên rất chữ nho: Bạch Mao Nữ . Người có chút hiểu biết thì giải thích: “Mao là lông nhưng với con người thì phải gọi là tóc. Bạch là trắng. Bạch mao nữ là người con gái tóc trắng. Tóc trắng vì cô ấy bị địa chủ hành hạ phải trốn vào hang đá, sống như con vật trong một thời gian dài, đến nổi còn trẻ mà tóc đã trắng như cước”.

Lúc này phim ảnh ở quê tôi còn là một cái gì vừa lạ vừa bí hiểm và việc chiếu phim luôn được coi là một sự kiện. Để đón nhận buổi sinh hoạt giải trí kỳ thú hiếm có này, nhiều người làm đồng đã phải về sớm hơn ngày thường, cơm ăn sớm hơn và ra bãi sớm hơn. Đám thanh niên nam nữ thì nhăm nhỉ hẹn hò nhau cả từ mấy ngày trước, vì đây là cơ hội hiếm có để họ gặp gỡ, tán tỉnh thậm chí cầu chí nhau.

Vào bãi, tôi thui thủi tìm chỗ khuất để ngồi một mình, chẳng dám ngẩng mặt nhìn ai và cũng chẳng muốn ai thấy mình. Tuy vậy, tôi vẫn nhìn thấy En đứng ở phía sau, cách tôi khoảng mười

bước chân. Hình như với nàng, ông trời luôn trang bị riêng cho tôi một giác quan nào đấy, nhạy bén và tinh vi, để tôi luôn được “thấy” nàng như con bướm dù không cố tình tìm vẫn phát hiện ra những bông hoa có phấn, có mật. Hết một cuộn phim đèn lại bật sáng để người ta thay phim. Và lúc ấy mặc dù ý chí tôi ngăn cản nhưng con mắt tôi cứ cưỡng lại để hướng về phía nàng. Tôi thấy nàng đang nói đang cười với đám trai làng. Nàng đã đẹp, mắt nàng đã rất đẹp, trước ánh sáng đèn điện, nàng càng đẹp hơn, ánh mắt càng long lanh hơn. Nàng rất xứng đáng là một diễn viên điện ảnh. Thế là từ trong lòng tôi lại nảy ra một ước mơ, một ước mơ kỳ cục mà tôi dám chắc không một đứa trẻ nào cùng tuổi với tôi thời gian ấy lại ước mơ như thế, tôi ước mơ rằng sau này tôi sẽ viết chuyện phim và nàng sẽ là nhân vật hoặc diễn viên chính trong bộ phim ấy của tôi.

Tôi cứ ngậm ngùi và tự cười mình về cái ước mơ lạ lùng của thời tuổi trẻ. Nhưng dù sao, tôi cũng phải cảm ơn nàng. Vì nàng mà tôi có được những ước mơ giữa lúc thân phận tôi như con chim bị vật trụi lông chuẩn bị nướng trên bếp than, giữa lúc tâm hồn tôi như mảnh đất khô cằn không còn chỗ cho ước mơ hình thành hoặc cất cánh.

Đèn điện phụt tắt. Tiếng xè xè của máy chiếu phim lại êm ái vang lên. Như bao người khác, tôi lại đắm mình vào câu chuyện đang diễn ra trước mắt. Câu chuyện đang đến lúc cao trào, người xem như đang nín thở thì bỗng cả bãi giật mình vì có những tiếng hô không biết xuất phát từ đâu: “Đả đảo bọn địa chủ áp bức bóc lột”. Lập tức cả rừng người đứng hết dậy, nắm chặt tay giơ lên trời và đồng dục hô theo: “Đả đảo! Đả đảo!”. Tôi chỉ còn biết cúi gằm người xuống, cố thu nhỏ mình lại để mong sao đừng ai nhìn thấy tôi, đừng ai phát hiện ra tôi là con cái địa chủ, là cùng giai cấp với cái tên địa chủ khốn nạn bên Trung Quốc đang bị cả triệu người căm thù tột độ thế kia. Nếu không, chắc chắn tôi sẽ phải thế mạng cho nhân vật trong phim hoặc ít ra cũng phải chia bớt những hòn gạch, cục đá mà bà con đang rầm rầm ném lên màn ảnh. Đúng lúc đó, sân bãi lại rùng rùng chuyển động lên một lần nữa, cứ như vừa có một cơn gió lốc, khi không biết từ đâu đó vang lên

một loạt tiếng súng tiêu liên khô đanh. Người ta bắn ai và ai bắn thế nhỉ? Sau hoàn hồn mới biết, hoá ra có anh du kích nào đó đã làm tưởng cảnh trong phim với cuộc sống bên ngoài, tưởng diễn viên là tên địa chủ gian ác, đã tỏ rõ lập trường giai cấp kiên định của mình bằng cách giương súng lên bắn nát màn ảnh. Sau cơn sợ hãi hết hồn, cả đám đông đã cười ồ lên vì nhận ra sự ngô nghê quá đáng của người cầm súng.

Thấy ngồi nán lại càng thêm bất lợi, tôi đánh bài chuồn. Chuồn mà bụng dạ vẫn không yên, chỉ sợ ai đó chạy theo bắt trối lại rồi vu cho cái tội “phản đối phim cải cách”. May sao chuyện ấy đã không xảy ra. Nhớ lại chuyện xảy ra trong buổi mít tinh chào mừng Đội về xã, tôi không khỏi cười một mình. Ông Vượng thợ rèn ngoài xóm chợ, không hiểu vô tình hay cố ý, chữ tác đánh chữ tộ, đã hô “hoan nghênh” thành “đả đảo”, có người mách lại, thế là bị du kích dẫn giải đi luôn. May mà truy gốc ông là bản nông, nếu không khó mà thoát khỏi gông cùm.

25.

Những ngày tiếp theo gia đình tôi vẫn cứ tiếp tục bị bao vây.

Một hôm cái Ngân đòi bằng được tôi phải gỡ chiếc xe đạp xuống cho nó tập đi vì từ hôm Đội về làng đến giờ, bố tôi toàn đem treo nó lên xà nhà. Gọi là xe cho oai chứ thực ra đây chỉ là mớ sắt phế liệu nhặt được từ nhà ông giáo Rĩnh, họ hàng nhà tôi, di cư vào Nam bỏ lại. Bố tôi khéo tay chế biến lại mà thành. Nó không phanh, không gácđờbu, han rỉ, đen trùi trũi như chiếc que đun. Riêng xăm lốp thì mãi gần đây bố tôi mới mua lại được từ hàng bán đồ cũ, chứ trước đây nó chỉ là hai bánh cao su đặc, mỗi lần ngồi lên yên xe, đường xóc, đau thốn tận thắt lưng. Đã vậy mỗi lần quẹo bánh xe đột ngột, cái lốp đặc trật ra ngoài, bố con tôi (hoặc nhờ người đi đường) lại phải xúm nhau vào “hò dô” đem hết sức bình sinh, người kéo người đạp mới đưa được nó vào vành bánh như cũ.

Hôm ấy, biết đem xe ra khỏi nhà là có chuyện nhưng vì cái Ngân năn nỉ, khóc lóc quá, tôi đành phải chiều nó. Quả nhiên có

chuyện thật. Ngân vừa mới đem xe ra ngõ, chưa kịp nhảy lên yên đã bị lão Kền từ đâu nhảy bổ ra, giữ chặt lấy xe, mặt đỏ gay, miệng quát tháo:

- Cái này là của chúng tao. Mày định phân tán tài sản phải không? Chúng tao tịch thu.

Nói xong lão ghé vai vác thẳng chiếc xe về văn phòng đội. Em gái tôi khóc lóc chạy theo đòi lại, bị lão co giò đạp cho một cú nên thân ngã dúi xuống bờ ao. Ngay đêm ấy, thấy chuyện quá vô lý, tôi viết một lá đơn gửi lên Đội Khoảnh nại rằng đây là xe bố tôi tự tạo làm phương tiện cho em tôi đi học, chứ không phải tài sản “do bóc lột mà có” nhưng Đội Khoảnh cũng lờ đi luôn. Sau này thỉnh thoảng tôi lại gặp ông ta dùng chiếc xe này chở En đi đây đi đó. Xe đàn ông lại không có gác бага nên En cứ phải ngồi ở cái khung ngang đằng trước, để hai tay Đội Khoảnh lúc nào cũng cứ như ôm chặt lấy En. Tôi nhìn mà buồn lắm. Những hai lần buồn. Hắn đã tịch thu xe của mình lại còn ...hăm he muốn tịch thu luôn cả người yêu nữa chẳng.

Xung quanh cái gọi là phân tán tài sản này, gia đình tôi còn gặp phải một chuyện uất ức đến tận bây giờ. Sau lần mẹ tôi xin phép Đội bán đi đôi lợn cán đang lớn như thổi trong chuồng, ra chợ đong được mười thùng thóc nộp thoái tô, để vừa thực hiện đúng lời hứa với Đội Khoảnh, vừa khỏi bị quỳ trên vỏ quả mít gai nhọn tua tủa giữa sân gạch nắng, số thóc phải nộp của nhà tôi vẫn chưa đủ. Có ít nộp ít, có nhiều nộp nhiều, ít hay nhiều không quan trọng, quan trọng là ở thái độ chấp hành chính sách. Có được mau chóng hạ thành phần là căn cứ vào thái độ này, mà được hạ thành phần thì con cái sau này mới ngóc đầu lên được. Đội Khoảnh thường dõ dăng đám địa chủ như thế. Mẹ tôi ngỡ thật mới tính đến bài liêu lén mượn đôi hoa tai bằng vàng của người em gái, định đem bán lấy tiền đong thêm thóc nộp cho Đội, được cân nào hay cân ấy. Mẹ tôi bảo cứ được việc cho Đội đã, còn nợ nần sau này được hạ thành phần, được tự do làm ăn, sẽ bòn góp trả nợ sau.

Mẹ tôi giấu đôi hoa tai vào thúng đồ đen rồi quây quang gánh sang xin phép Đội Khoảnh cho ra khỏi làng. Đội Khoảnh gật đầu. Mẹ tôi mừng lắm. Vậy mà chỉ vừa ra khỏi cổng làng, mẹ tôi đã bị

đám lão Kền, bắt hạ gánh xuống cho họ kiểm tra. Không hiểu sao họ lại lôi ra được đôi hoa tai ấy trong thúng đồ. Lập tức, mẹ tôi bị dẫn giải về trụ sở Đội. Tôi cũng bị triệu đến. Đến nơi, đã thấy bà bị trói chặt hai tay vào chiếc cột nhà. Đội Khoảnh bảo tôi:

- Con vợ Lân, mẹ anh, dám đánh lừa Đội, xin đi bán đồ mà lại đem vàng đi phân tán. Anh viết cho chúng tôi tờ biên bản phạm pháp quả tang.

Ông ta xé tờ giấy từ quyển sổ đưa cho tôi cùng chiếc bút máy Trường Sơn, vẫn gọi là chiếc “bắp cày”. Tôi cãi lại:

- Bu tôi không đem vàng đi phân tán. Mà đem đi bán lấy tiền đóng thóc nộp cho các ông. Tôi không viết...

- Có thật mày bướng không chịu viết không?

Lão Kền ở ngoài chạy vào, trừng mắt nhìn tôi. Mẹ tôi sợ quá bèn năn nỉ:

- Thôi viết đi, con ơi!

Thương mẹ, tôi đành cầm lấy bút.

- Nào, viết thế nào các ông đọc đi !

Đội Khoảnh đọc : “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà -- Độc lập-Tự do- Hạnh phúc- BIÊN BẢN PHẠM PHÁP QUẢ TANG- Hôm nay, 12.6.1955, vào hồi 1 giờ chiều, thanh niên xóm Quyết Thắng, thôn B.A, xã H.B, huyện...tỉnh... đã bắt được quả tang tên Nguyễn Thị Hợi, vợ của tên địa chủ Nguyễn Đức Lân, có hành vi phân tán tài sản, tức một đôi hoa tai bằng vàng, là thứ thời gian này bọn địa chủ không được quyền đem ra khỏi nhà. Tên Hợi đã cúi đầu nhận tội hành vi sai trái của mình. Ký tên...”

Đội Khoảnh đọc xong thì cũng là lúc tôi viết xong. Tôi đưa tờ biên bản lại cho Đội Khoảnh, ông ta gắt lên: “Sao mà anh ngu thế. Phải đưa cho con mẹ anh nó ký rồi mới đưa cho tôi chứ!”. Ôi, nhục ơi là nhục. Nhưng tôi biết làm gì hơn lúc này. Không biết trên đời này xưa nay có người con nào phải viết về mẹ mình như thế không. Tôi đưa tờ giấy mang kín nét chữ của tôi cho mẹ tôi ký. Mẹ và con, người đưa, người nhận, hai tay đều run lẩy bẩy. Gần năm mươi năm trôi qua, bây giờ mỗi lần nhớ lại chuyện ngày ấy, tôi vẫn không bớt xót xa khi nghĩ lại cảnh mẹ tôi giơ tay đón lấy cái bút từ tay tôi, run run loay hoay mãi mới ký được chữ “HỘI”,

tên của chính mình, to như con gà mái, dưới dòng chữ của tôi.

Đấy, cái kẻ mang tiếng ngồi mát ăn bát vàng, ăn sung mặc sướng, xảo quyệt, gian ngoan là như thế đó. Kẻ đầu sỏ của giai cấp bóc lột, cái giai cấp tôi bị ghi vào lý lịch, bị khổ ải suốt đời vì nó, là như thế đấy. Các nhà triết học, cha đẻ của các học thuyết đấu tranh giai cấp ơi. Các vị dù thông minh tài giỏi đến đâu, chắc cũng không thể nào hình dung nổi rằng, ở nước tôi, ở quê tôi, từng có những kẻ thù của giai cấp vô sản như mẹ tôi, người lúc nào cũng đầu tắt mặt tối, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, người gần như cả đời chưa bao giờ được ăn một bữa cơm no, chưa bao giờ được xỏ chân vào đôi giày, đôi dép, hai gót chân lúc nào cũng nứt toác, mùa khô hanh máu chảy thành giọt, thành dòng. Kẻ thù của giai cấp cần lao đấy, các ông ơi.

Đêm ấy cả nhà tôi không ngủ được vì ức. Oi, sao mà oan trái thế. Mượn vàng của người khác đem bán để đóng thóc nộp cho các ông lại bị chính các ông kết tội, hỏi còn uất ức nào hơn không, hả trời?

Mẹ tôi khóc rấm rức. Các em tôi ngơ ngác. Con Đóm buồn nằm im một chỗ, còn tôi thì hết ngồi lại đứng, bứt rứt không yên. Giá ngày đó có máy quay phim, hẳn tôi đã có một tác phẩm để đời.

Mấy hôm sau những tưởng mọi việc sẽ qua đi, chẳng ai nhắc lại chuyện cũ làm gì nữa vì mục đích của cuộc khám thúng đột xuất ấy cốt để moi vàng thì đã thành công rồi, còn mong chi nữa. Vậy mà không, họ đâu có dễ dàng buông tha. Họ còn đem chuyện ấy đăng lên tờ Tả ngạn sông Hồng, tờ báo địa phương duy nhất của thời kỳ này. Ngày ấy làng tôi làm gì có báo để xem. Tôi biết được là do trưa hôm ấy đang chăn bò bên bờ giếng xóm thì nghe loa phóng thanh bằng sắt tây phát từ cái chòi đặt trên ngọn cây bàng cao nhất chợ Thông rằng: “A lô, a lô, mời đồng bào nghe tin địa chủ phân tán tài sản...”. Thế là cái tên Nguyễn Thị Hợi của mẹ tôi lại bị đem ra bêu xấu trước bàn dân thiên hạ một lần nữa. Tôi lại tức sôi máu. Rồi tôi tự giận tôi. Hôm nay cơn có gì mà lại đem bò ra giếng xóm để chăn, để lỡ tai phải nghe những điều không đáng nghe, những điều uất ức, bất công, vô lý và vô nhân đạo...

Thế là mất cả chì lẫn chài. Thế là số thóc tôi còn thiếu vẫn

nguyên còn thiếu. Thế là hy vọng được hạ thành phần một lần nữa bị tiêu tan.

Thấy tôi buồn ủ rũ mẹ tôi an ủi:

- Thôi con ạ, của đi thay người. Nhà ta vẫn còn con lợn nái sắp đẻ trong chuồng...Con của nó sẽ giúp nhà mình sớm trả được cái nợ này cho Đội.

Tôi lại hy vọng.

26.

Tôi lại thấp lên ba nén nhang, gióng năm tiếng chuông và gõ bảy tiếng mõ. Quá khứ hiện về. Thực tại ập đến. Trong làn khói mờ ảo và âm thanh xa vời, tôi nghe lời tâm sự của Én ...

Chiều tối hôm ấy, Kèn từ văn phòng Đội về, em thấy anh ta cứ lấm lét như đang giấu diếm một vật gì trong túi áo. Thấy khả nghi em hỏi, Kèn mới dẫn em vào trong buồng nói nhỏ, mặc dù lúc này trong nhà chỉ có mình em với anh ấy, rồi rút ra một gói giẻ rách. Anh ta mở gói ra chìa cho em nhìn thấy một chiếc hoa tai bằng vàng có mặt đá óng ánh. Em hỏi anh ta cái thứ này anh lấy ở đâu. Kèn bảo của con mụ Chánh Lân. Sao lại lấy của người ta. Em hỏi. Kèn bảo, anh và Đội Khoảnh tịch thu khi nó định phân tán tài sản. Tịch thu thì phải nộp vào công quỹ chứ. Kèn nói, Đội Khoảnh bảo chẳng ai hay biết đâu, hãy cứ lấy về dùng đã rồi ông ta sẽ có cách. Cách gì. Xé tờ biên bản đi hoặc đem vàng giả thay vào. Việc này không may bị phát giác thì cứ đổ hết tội cho con mụ địa chủ Lân đánh lừa, thế là xong. Nói địa chủ là giống gian manh ai mà chả tin. Em hỏi Kèn: “Hoa tai bao giờ cũng có đôi, vậy đâu một chiếc”. Đội Khoảnh lấy một rồi, còn chiếc này, lão cho tao đem về để anh em mình chia nhau. Nói xong, anh ta xuống bếp mang con dao rựa lên, kê vào ngưỡng cửa, chặt phập một cái, chiếc hoa tai đứt làm đôi, bắn ra hai phía. Kèn cầm một miếng đưa cho em. Em không nhận. Anh ta chửi em: “Mày đừng có mà ăn mày còn đòi xôi gấc! Thành Phồng nó sắp cưới mày. Nhà nó cố nông nghèo rớt mùng tơi, cái bát mẻ còn chẳng có nói gì cái thứ này, mấy đời nay nhà nó không bao giờ nhìn thấy cái

này đâu. Có cái này nó cho là mày giàu nó sợ bằng bố”. “Vậy anh đưa cái ấy cho tôi. Đây, vàng này!” Thế là em ném thẳng mảnh hoa tai ấy xuống cái ao nước thối hoăng hoắc bên cạnh nhà. Kèn tức quá. Giáng vào mặt em cú tát nổ đom đóm mắt. Em không khóc mà bật lên cười khanh khách vì em nghĩ đến anh, đã làm được một việc nhỏ để tạ lỗi với anh. À, nhân đây cũng xin thưa lại với anh. Trước khi Đội về, anh chàng Phong, cố nông, mồ côi cả cha lẫn mẹ cứ đòi hỏi em làm vợ, em không chịu. Em kiên quyết sẽ không lấy ai, yêu ai, vì em có anh và chỉ nghĩ đến anh...

... CÒN TIẾP ...
NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Sáu .
27.

Tháng 6 năm ấy, bão thời cuộc, bão của lòng người đang hoành hoành khủng khiếp thì ông trời hình như muốn thử thách ý chí của đám người đang bị quật nghiêng ngã thêm một lần nữa hay sao mà đang yên lành lại bồi thêm một trận bão thiên nhiên nữa, cũng long trời lở đất không kém, được gọi là bão năm Mùi.

Sau trận bão, chúng tôi hầu như không còn gì để ăn. Có đợt mấy ngày liền toàn phải ăn quả đu đủ xanh, vặt ra từ mấy cây vừa bị cơn bão năm Mùi quật đổ, nằm lăn lóc như lợn con trong vườn. Ăn liên tù tì thứ quả có nhựa trắng như mủ mụn nhọt này độc lắm, xót ruột lắm nhưng dù sao còn dễ ăn hơn củ chuối. Mẹ tôi vốn giỏi tính toán, thấy thế bà mới nảy ra sáng kiến đem đu đủ xanh ra chợ bán rồi mua ngô về. Chúng tôi lại phải ăn ngô rang, thứ thực phẩm nhai xái cả quai hàm ...mà vẫn không thấy no bụng, chỉ thấy khát nước. Đã vậy khi ăn còn bị chia khẩu phần từng hạt theo thứ bậc, tuổi tác, sức vóc trong nhà cho công bằng và sòng phẳng nữa chứ.

Sang trọng và có vẻ tâm bở hơn thì thỉnh thoảng có nồi cháo

cua, thứ cua đồng chưa biết gọi mẹ, nhỏ xíu, các em tôi giữa trưa nắng, ra đồng mót lỗ bờ ruộng bắt về, mẹ tôi cho vào cối đá giã nát ra, lọc lấy nước nấu với gạo. Món “đặc sản” này thật tình xưa nay, ngoài mẹ tôi ra, tôi chưa thấy ai nấu bao giờ và sau đó cũng chẳng bao giờ thấy mẹ tôi nấu lại nữa. Giờ đây mỗi lần nhớ lại tôi cứ lại một mình xấu hổ với mình. Gớm, sao mà lúc đó tôi thèm cơm đến thế, thèm đến nỗi mỗi khi chăn bò trên bờ ruộng nhìn thấy những bông lúa nếp trĩu bông, lòng tôi lại nôn nao mơ tưởng đến những đĩa xôi đầy tú hụ, ngày trước mỗi lần nhà có giỗ tết, tôi thường giơ hết cả năm ngón tay ra nắm thành từng cục to, rõ thật to rồi nhét cả vào mồm, nhồm nhoàm nhai, sượng lăm. Vừa nhai vừa lắng nghe cái dư vị ngọt ngào, béo ngậy của từng hạt cơm đang lan toả đến từng li ti huyết quản. Những lúc như thế, tôi lại nhớ đến thằng Bờm. Cứ nghĩ nó ngu. Bây giờ mới thấy đúng. Khi đói, mọi cái, ngoài miếng ăn, đều là phù phiếm. Thèm cơm nhất là những hôm do bị ốm, được mẹ ưu tiên cho ở nhà trông đứa em gái út. Nó được hưởng chế độ riêng: mỗi buổi chiều một nắm cơm bằng quả cam. Tôi có nhiệm vụ phải cho em ăn vắt cơm đó. Thoát khỏi cảnh vất vả ngoài đồng, tôi lại bị dây vò bởi nỗi thèm cơm.

Sau này, đi đó đi đây, dự nhiều bữa tiệc sang trọng, cao lương mỹ vị, nhưng chưa bao giờ tôi có được cảm giác ngon như miếng cơm ngày ấy.

28.

Tôi bị sốt thương hàn. Bệnh mỗi ngày một nặng. Cứ sốt liên miên ngày nọ qua ngày kia. Người gầy rộc hẳn đi, soi gương trông tiều tụy chả khác gì thằng ăn mày ngoài chợ Thông. Lắm hôm nằm một mình giờ cánh tay lên ngấm, tôi giật mình như không tin đó là cơ thể của tôi nữa. Bờ da thịt gì mà nhẽo nhèo, xanh rớt, gân tím gân xanh nổi lên rõ mồn một như gân lá khoai môn thế kia.

Sốt cao và âm ỉ như thế mà cả đợt chả có viên thuốc nào. Giữa xóm làng hẻo lánh lại bị bao vây tứ phía biết tìm đâu ra thuốc và nếu có thì cũng chẳng có tiền mua.

Vậy mà đến một hôm không hiểu tại làm sao cơn sốt trong tôi lại tự dưng lui. Cứ như có phép tiên nào ấy. Tôi tỉnh táo và khỏe dần trở lại. Sức đề kháng của tuổi mới lớn ghê thật. Tôi đã đi lại được và đã thấy muốn được làm việc. Nghĩ lại mấy tuần qua, thấy thương mẹ tôi quá. Từ hôm tôi nằm liệt giường đến giờ, bao công việc cày bừa dồn hết lên đôi vai gầy guộc của mẹ tôi và các chú tôi sang làm “đôi công”. Tôi xin mẹ cho tôi được ra cày nốt mảnh ruộng ở cánh Rộc Địa, mảnh cuối cùng trong đám ruộng nhà tôi. Lúc đầu mẹ tôi không chịu, bảo, tôi tuy khỏi bệnh nhưng người còn xanh, yếu lắm. Vớ lại gọi là Rộc Địa nên cánh ấy nhiều đĩa lắm, toàn lại đĩa trâu to bằng quả chuối mắn, nó bu vào hút máu thì có mà khôn. Sau do tôi nài nỉ, mẹ tôi đành chấp nhận yêu cầu của tôi nhưng bắt tôi phải đem theo mỗi thuốc chống đĩa do bố tôi tự chế từ ngày ông còn ở nhà bằng bồ hóng trộn với ớt bột và vôi đựng trong một mảnh vải cũ có gắn que cầm. Thứ này mỗi khi bị đĩa cắn chỉ cần chấm vào miệng nó, bị cay nó phải nhả ra ngay, đỡ phải cầm tay mà lôi như kéo chiếc nịt cao su, ghê rợn lắm. Cùng đi cày với tôi hôm nay, ngoài con bò thân yêu còn có con Đóm, người bạn gần gũi của tôi lâu nay. Ngoài ra còn một cái ấm nhôm đựng nước mưa để uống, một tấm vải nhựa màu lá chuối khô, công cụ che mưa hiếm có vào loại bậc nhất thời kỳ này, khiến ai sở hữu nó đều hoá thành người sang trọng. Hôm ấy, trước khi đánh bò xuống ruộng cày, tôi đã cẩn thận gấp gọn tấm vải mưa, đặt trên bờ ngòi rồi cẩn thận lấy chiếc ấm nhôm đựng đầy nước đè nặng lên. Thế này là chắc chắn rồi. Gió có to như bão cũng đừng có hòng hất nó xuống ngòi được. Cẩn thận hơn tôi còn bắt con Đóm ngồi đó canh chừng. Nhưng nó đã không chịu nghe lời tôi. Tôi xuống ruộng cày, nó cũng nhảy xuống chạy theo, đùa giỡn riu ra riu rít.

Tôi cày được hai ba đường, nhìn lên bờ ngòi đã không thấy tấm vải mưa đâu nữa. Tôi vội vàng hợ bò lại rồi chạy bổ lên bờ ngòi. Con Đóm cũng vội vã phóng theo. Tiếc của quá, mặc dù thừa biết đè nặng thế này, mảnh vải mưa không thể bay đi đâu được, tôi vẫn nhảy ùm xuống ngòi, bắt chấp người tôi đang ướt đẫm mồ hôi. Con Đóm cũng nhảy xuống nước bơi lặn cùng tôi ngoi ngóp kiếm

tìm. Thực ra tôi không tìm tấm vải mưa mà là tìm sự yên tâm. Một lúc sau tôi buộc phải lên bờ vì cảm thấy có nguy cơ bị choáng. Mà đúng như thế thật. Chỉ ít phút sau thì toàn thân tôi ớn lạnh, hai con mắt lao xao, lập lòe hoa cải hoa cà.

Mãi mấy tháng sau, khi chú Sáu từ trại giam trở về, tôi mới biết mảnh vải mưa của tôi hôm ấy bị thằng Tho, tay trộm cắp có tiếng của làng tôi lấy trộm. Hắn kể ra chuyện này khi cùng bị còng chung một cùm với chú tôi. Khôi hài nhất là hắn không bị bắt vì tội trộm cắp gia truyền mà vì tội là Đảng viên Quốc dân đảng.

Tôi nằm vật xuống bờ cỏ, lịm đi và không biết sẽ nằm như thế đến bao giờ nếu như ngón tay tôi không chạm phải một vật mềm mềm nũn nũn, căng mọng. Một con đĩa trâu vừa hút no máu ở cổ tôi, to nần nần như quả chuối mắn, rụng xuống bãi cỏ. Thật phúc bả mười đời nhà tôi, con đĩa lại không chui vào lỗ tai. Nếu không, chắc chắn tôi không thoát khỏi số phận thằng bé trong câu chuyện mẹ tôi thường kể để răn đe tôi mỗi khi tôi tắm dưới ao lâu quá. Chuyện kể đứa bé nọ bị đĩa chui qua tai vào óc gây ngứa ngứa khó chịu đến nỗi mỗi khi vào bếp nó cứ phải dùng cái vung nóng úp lên đầu. Mẹ nó thấy thế đã cầm chiếc que đùn gỗ nhẹ lên đầu nó. Nào ngờ đầu nó bị vỡ toang, bò ra lúc nhúc toàn đĩa là đĩa, con nào con nấy căng tròn, béo nhẫy.

29.

Tôi dồn hết sức lực yếu ớt còn lại trừng trị con đĩa trâu lúc này đang no căng máu của tôi, to nần nần như quả chuối hột, bằng cách kẹp nó vào đoạn cuống ống rạ chẻ đôi rồi thẳng tay kéo mạnh một nhát, con vật chuyên hút máu người (mà lúc này thường được ông bà nông dân thường ví nó như bọn địa chủ chúng tôi), bị xẻ dọc làm hai mảnh. Máu phọt mạnh ra, đặc sệt, tím đi đi như tiết gà cúm. Vừa nhìn thấy thế, tôi đã rùng mình, choáng váng rồi lịm đi, bất tỉnh.

Chắc tôi cứ phải nằm như thế không biết đến bao giờ, nếu như chiều hôm đó, khi gà đã lên chuồng, con Đóm không ngại vác cái bụng chứa chèn ềnh, từ đồng chạy thẳng về nhà, nhay nhay hàm

răng vào ống quần mẹ tôi để báo tin thì mẹ tôi đã không biết để cùng chú Sáu soi đèn ra cánh Rộc Địa công tôi về.

Tôi bị sốt trở lại. Bị ốm “vật lại” thế này là nặng lắm.

Sau này, nghe cái Ngân kể lại tôi mới biết ngay đêm ấy tôi đã bị lên một cơn mê sáng phải nói rất khủng khiếp. Hết hát rồi lại hô khẩu hiệu. Rồi cười sằng sặc, rồi khóc nức nở.

Em tôi cho biết cơn mê này chỉ chấm dứt khi mẹ tôi kiếm đâu về được một vốc tay gạo để nấu cháo cho tôi.

Mẹ tôi bảo cả nhà tôi hôm nay bị đói là hoàn toàn chỉ vì cô Mơ, người gọi mẹ tôi là cô ruột (thế mới biết lúc này họ hàng cũng chẳng có nghĩa lý gì). Vì sáng hôm ấy, mẹ tôi đang lo gạo cho bữa trưa thì may sao, như được ông trời cứu trợ, từ mảnh vườn sau nhà bỗng kêu đánh bịch một tiếng, tiếng kêu của quả mít vừa chín rụng xuống vườn. Tôi nói “trời giúp” là vì nếu là mít không tự rụng thì chúng tôi không thể trèo lên cây mà hái xuống quả mít ấy được. Bởi theo quy định của Đội, sau khi đã bị “tịch biên”, mọi thứ tài sản trong nhà tôi đều thuộc quyền quản lý của Đội, của ông bà nông dân, chúng tôi không có quyền sử dụng. Lại càng may hơn, quả mít rụng này đã thối ủng thối nhũn đến hơn một nửa. Mít có thối như thế, đem ra chợ để bán, ông bà nông dân có bắt gặp cũng chẳng nở bắt tội. Vậy mà cả nhà tôi đã lâm. Quả mít thối ấy mẹ tôi đựng vào trong chiếc rá rách mà vẫn bị cô Mơ, phát hiện rồi cô ta không chỉ tịch thu mà còn bắt giải mẹ tôi về giam ở trụ sở Văn phòng Đội đến chiều mới tha về. Cả nhà tôi đói vàng mắt là vì thế. Tôi bị đói là, bị mê sáng cũng vì thế. Thật không ngờ, anh em họ hàng con cháu mà đối với nhau cạn tàu ráo máng như thế.

Tôi tỉnh dậy giữa lúc mẹ tôi đang bón từng thìa cháo cho tôi. Cả nhà cùng òa lên reo rồi cùng khóc. Tôi cứ ngơ ngơ ngác ngác như vừa từ cõi chết trở về.

Những ngày sau tôi hỏi mẹ tôi về nguồn gốc vốc gạo đã cứu sống tôi ấy nhưng mẹ tôi cứ giấu không cho biết. Chắc mẹ tôi sợ lộ chuyện này ra người cho gạo sẽ mắc tội liên can với địa chủ chẳng. Nếu mẹ tôi nghĩ thế thì cũng đúng thôi. Vì bà từng gặp phải cảnh này.

Cách đây mấy hôm, mẹ tôi được Đội cho phép xuống chợ tỉnh,

cách làng tôi cả chục cây số, bán gánh củi lượm trong vườn để mua một số đồ ăn thiết yếu. Lúc đi không có chuyện gì đáng nói nhưng lúc về, tôi thấy hơi khác. Ay là, cùng với đôi quang thúng của mình, mẹ tôi còn toòng teng quẩy thêm một đôi nữa. Thấy lạ, tôi hỏi, mẹ tôi cười: “Của dì Sót chúng mày đó”. Hoá ra sớm nay, vừa ra khỏi cổng làng, nhìn thấy dì Sót, em gái ruột, đi trước mấy bước, mẹ tôi mừng quá, vì mấy tháng nay bị bao vây ngăn cách, chị em có được gặp nhau đâu. Mẹ tôi cố rảo bước để theo kịp dì. Nhưng khôn thay, mẹ tôi không tài nào đuổi kịp dì được. Vì lẽ mẹ tôi đi chậm thì dì đi chậm, chạy nhanh dì chạy nhanh hơn. Hai người phụ nữ già cứ như hai đứa trẻ con chơi trò đuổi bắt. Buồn cười nhất là trên đường đi, thấy có một lúc dì đứng sững lại, mẹ tôi đã mừng, tưởng ở nơi xa làng mạc thế này, dì không còn sợ nữa nên muốn được chuyện trò với mẹ tôi. Nào ngờ, chỉ là để dì móc nhanh từ trong quang thúng ra một vật gói bằng lá chuối, ném phịch xuống lề đường, rồi lại ba chân bốn cẳng chạy cho nhanh về phía trước. Mẹ tôi bảo thấy dì như thế thì tức lắm nhưng cũng phải nhặt cái gói ấy lên xem là gói gì. Oi, hoá ra đó là gói xôi lạc mà dì muốn cứu đói cho mẹ con tôi. Sau này tôi còn được biết thêm, dì Sót hề ra khỏi nhà là lại đem theo đồ ăn bên người, chỉ mong tình cờ gặp được mẹ con tôi, dì sẽ dấm dúi cho. Thật khổ thân dì. Hôm ấy, cầm gói xôi lạc lên tay, mẹ tôi không thể nào nuốt nổi, nước mắt cứ ứa ra. Sao lại có con người đón hèn đến thế. Đó là lúc đi. Còn lúc về, trời xui đất khiến làm sao, vừa ra khỏi thị xã, mẹ tôi lại nhìn thấy dì đang đi đằng trước. Lại nghĩ đây là nơi đất khách quê người, giữa đường giữa chợ, cùng đói khát, rách rưới như nhau, ai biết ai bản nông, ai địa chủ, nên mẹ tôi đã chủ động gọi trước: “Sót ơi, đợi chị với!”. Tưởng dì sẽ đứng lại chờ. Ai ngờ vừa nghe thấy tiếng mẹ tôi, dì đã cắm cổ chạy như bị ma đuổi. Tức quá, mẹ tôi liền chạy đuổi theo, nắm lấy áo dì, kéo lại. Mẹ tôi quỳ xuống đường, lạy như tế thần: “Sót ơi, dù “bà” có là bản nông hay cố nông thì “bà” vẫn là em ruột của “con”...” “Con” thương, “con” nhớ “bà” lắm...”

Dì Sót càng sợ hơn, mặt mày xanh xám, chân tay run lẩy bẩy, dì quẳng luôn cả đôi quang gánh lại cho mẹ tôi rồi cố chạy thoát

thân.

Mẹ tôi bảo đến em ruột còn nghĩ thế nói gì người ngoài.

Nhưng mấy ngày sau câu chuyện về người nông dân cứu tôi bằng vốc gạo vẫn bị tiết lộ.

Hoá ra là Én. Đêm ấy vì lòng thương con cao độ, mẹ tôi đã bất chấp nỗi nhục có thể xảy ra khi bị người khác sợ hãi tránh xa như tránh một con hủi mà có lần bà đã vấp phải với người em của bà, bà đã liều mình mò sang nhà ông Khán Vịnh xin cơm.

Thật may lúc ấy En đi tập văn nghệ vừa về đến nhà, nghe bố nói lại, Én đã vào buồng bóc lấy một nắm gạo bỏ vào cái vỏ gạo dứa đưa cho ông Khán đem ra ngô đưa cho mẹ tôi. Chuyện này sau đó ông Khán Vĩnh kể lại mẹ con tôi mới biết. Bát cơm Phiếu Mẫu nổi ơn nghìn trùng. Tôi chịu ơn ông Khán về cốc gạo này. Nhưng cũng khốn cho ông. Vì thế mà ông bị liên lụy. Lão Kền đã nhìn thấy cử chỉ ấy của ông. Hấn tố giác ông với Đội Khoảnh. Ông bị đem ra kiểm thảo trước dân và lại phải giơ tay thề thật độc: “Có bóng đèn hoa kỳ đây, từ nay, nếu còn cuu mang con cái địa chủ, quỷ thần hai vai sẽ bẻ cổ tôi hoặc Đội sẽ xử bắn tôi!”

Sau này, tôi có được nghe bà con kể lại, cái đêm ông Khán Vĩnh bị kiểm thảo, không hiểu sao ông nói lấp dũ vậy, cứ ” thưa thưa... tôi tôi”, cả tiếng đồng hồ mới nói hết được một câu. Kết quả bị ông bà nông dân tự ái, la hét đuổi thẳng cổ ra ngoài. Ra ngoài ông cười hô hố: Tụi bay thua mưu lão già dớ dẩn rồi nhé!

30.

Tôi vẫn tiếp tục đi cày. Con bò thân yêu của tôi vẫn ngoan ngoãn cùng tôi, nặng kéo, nhẹ kéo hết thửa ruộng này đến thửa khác. Tôi thương nó lắm. Thương nhất mỗi khi nghĩ đến cảnh cùng cày bừa vất vả thế này mà tôi thì được ăn những thứ do công việc ấy làm ra như gạo như khoai, còn nó thì lại chỉ ăn những thứ trời cho, không cần lao động vẫn có. Tôi thương nó vì nắng như đổ lửa thế này, tôi còn có cái áo cái quần để che thân, cái nón để

đội trên đầu, trong khi nó cứ phải trần trụi, lấy da làm áo, lấy lông làm nón.

Chính vì thế, tôi luôn cố gắng kìm nén để không mắc phải sai lầm rằng ra ta là con người, là chúa tể của muôn loài, nắm trong tay số phận của mi, ta muốn làm gì thì làm, cho mi vui thì mi được vui, muốn hành hạ mi thì mi phải chịu. Không, không...tôi không bao giờ làm thế. Con bò của tôi có lẽ cũng nhận ra điều ấy nên cả tháng trời, nó không trái ý tôi bao giờ. Cứ ngoan ngoãn kéo hết đường cày này đến đường khác. Đang được nghỉ giữa luống, thấy tôi ra vừa cầm đến sợi dây thừng là nó vội vã rướn người, nín thở kéo cày đi luôn, chẳng chờ tôi phải ra roi.

Oi, vậy mà có một hôm tôi đã đánh nó. Đánh khá đau. Đánh dã man là khác. Hơn 40 năm rồi giờ nhớ lại vẫn cứ thấy còn đau nhói. Tôi đánh nó không phải vì nó mà vì tức giận với con người, với đồng loại của tôi. Giận cá chém thớt.

Tôi hèn là ở chỗ ấy.

Chuyện là thế này, trưa hôm ấy, tôi tháo cày để cùng nghỉ với nó. Tôi ăn cơm, còn nó ăn cỏ, cả hai thứ đều do mẹ tôi gánh ra cho. Đang ăn bỗng nó nghe thấy tiếng kêu rống đực thống thiết của con cái cũng đang nghỉ, ăn cỏ, ở một mảnh ruộng xa. Nghe tiếng của quy luật, của hạnh phúc ngàn đời của muôn loài, con bò của tôi đã quên cả ăn, bỏ ngoài tai lời la hét và tiếng roi vút rin rít trong không khí của tôi, xông xộc chạy đến nơi đang có tiếng gọi của tình yêu đó. Con bò vốn khỏe và tất nhiên chạy nhanh hơn tôi nên khi tôi hồng hộc chạy được đến nơi thì cũng là lúc nó đang mãn nguyện đứng dựng người lên, bám chặt hai chân thân con bò cái và khi nó đang co rút toàn thân định thực hiện bằng được động tác truyền giống đầy hứng thú của muôn loài thì bất ngờ, không biết từ đâu một hòn đá trúng vào đầu nó kêu đánh hự một tiếng. Con bò đau quá vội vàng bỏ cuộc, tiu nghỉu quay về chỗ cũ. Tôi nhìn nó vừa giận vừa thương. Và nếu chỉ thế, tôi cũng chẳng bắt phạt nó làm gì, đằng này ngay sau đó lũ tai tôi lại phải hứng lấy câu chửi thậm tệ của thằng Sáo, đứa trẻ đang chặn con bò cái đó. Sáo là con ông Sậu, cây rẽ ruộng nhà tôi.

- Ai cho phép mày đem cái giống địa chủ truyền sang ông bà

nông dân chúng tao?... Nó mà có chữa rồi đẻ ra giống địa chủ là chết với ông.

Tôi giận lắm nhưng không biết làm gì, chỉ còn biết giông con bò về đến tận ruộng nhà mình, cột chặt lại, cho cái mõm của nó đi thật sát vào cái cọc tre, để nó không cựa quậy được, rồi cứ thế tôi đánh. Đánh đến gãy nát cái roi mà vẫn chưa thấy hả giận. Rồi lại đánh nữa. Thấy ruộng bên, luống thuốc lào vừa hái trụi lá, còn tro lại thân cây, dẻo như roi mây, tôi lại sang nhổ về làm roi và lại đánh tiếp. Tôi quất tới tấp lên lưng, lên đầu, lên mặt nó. “Mày làm nhục tao. Mày...mày...” . Mỗi tiếng “mày” là một roi quất xuống.

Hả giận, mệt quá, tôi ngồi xếp xuống luống cày. Vừa nhìn lại nó tôi đã phải quay đi. Mình nó đầy đặc vết roi. Những con lươn bầm đỏ chằng chịt.

31.

Nhưng thời gian này, tôi đâu chỉ phạm tội ác với con bò. Một con chó con chưa mở mắt, con đẻ của con Đốm thân yêu của tôi cũng đã bị tôi đối xử như thế. Tất nhiên, nguyên nhân và hoàn cảnh hoàn toàn khác.

Con Đốm mẹ đã đến kỳ sinh nở. Cái số nó thế mà khổ, đúng là kiếp chó thật, sinh con lúc nào không sinh, lại sinh vào lúc này để mà chịu chung số phận với chúng tôi. Khổ nhất là Đốm chỉ đẻ được độc nhất một con, con cái, cùng “bè” với nó. Mẹ tôi vốn mê tín thấy thế thở dài liên tục: “Một con đã độc, một bè lại càng độc hơn!”.

Vậy là Đốm con vừa mới chào đời đã phải chịu nổi bất công. Bù lại, nó có một bộ lông rất đẹp, đen tuyền, mịn như nhung. Một lần muốn để mẹ tôi đỡ buồn phiền về Đốm con, tôi đặt nó lên lòng bàn tay và khoe với mẹ cái đuôi cụt của nó, thu lú một mẩu lông. Tưởng mẹ tôi sẽ vui hơn. Nào ngờ, bà lại giãy nảy như đĩa phải vôi, giọng lạc đi: “Khô, lại còn cụt đuôi nữa. Đã độc lại càng độc hơn. Phen này nhà mình gánh làm sao hết họa!”

Ít khi mẹ tôi như thế. Khủng hoảng tinh thần cao độ rồi.

*

Ba hôm sau, không hiểu vì lý do gì con Đóm Mẹ bỗng bỏ con đi mất. Đóm Con khát sữa gào khóc thảm thiết suốt đêm. Chúng tôi buồn nẫu ruột. Mẹ tôi nghe chừng còn buồn hơn. Có lẽ mẹ tôi nghĩ rằng, Đóm Mẹ bỏ đi vì nó không được cảm tình của bà. Mãi đến trưa hôm sau, điều này mới được giải toả. Có người lén cho biết Đóm Mẹ đã bị đám lão Trắm, lão Mè “bắt cóc” khi nó “trón con” lang thang kiếm ăn ngoài ngõ. Thật tội. Cả tuần nay nó có cái gì tống vào bụng đâu, mà con nó đói sữa cứ dầy vò nhay đến nát đầu vú toàn da là da của nó.

Tôi vội vàng chạy sang nhà lão Trắm để thăm dò tình hình. Sang đến nơi nhìn qua kẽ giậu đã thấy Đóm mẹ bị trói chặt cánh khủy, treo ngược trên cành ổi sau nhà. Bên dưới là chiếc chậu thau đồng đựng nước, chắc chắn đó là nước muối dùng để hãm tiết canh. Lão Trắm đang cầm chiếc dũa tre và con dao bầu sáng loáng, cẩn thận, tỉ mỉ lột từ cổ con vật khốn khổ ra từng mạch máu nhỏ. Bị trói chặt mõm, Đóm mẹ chỉ còn biết rên ư ử, hai mắt mở trừng trừng láo liêng nhìn hết chỗ này đến chỗ khác, như muốn tìm sự cứu giúp. Không ngờ đúng lúc đó nó nhìn thấy tôi. Cái đuôi nó lập tức vẫy lên liên hồi kỳ trận trong và cái miệng cứ rên ư ư. Chắc nó nghĩ thời cơ thoát chết đang đến với nó. Quên cả sợ hãi, tôi hét lên:

- Dừng lại! Các ông ăn trộm chó nhà tôi.

Lão Trắm buông cái cổ Đóm mẹ xuống, chìa thẳng mũi dao bầu về phía tôi:

- Ai bảo của nhà mày?

Nói rồi, lão Trắm đâm mạnh mũi dao vào tim Đóm mẹ. Máu tươi phun ra, toé vào thành chậu rào rào như mưa.

Đóm mẹ “đi” rồi, Đóm con khát sữa lại tiếp tục gào khóc suốt đêm, cả nhà không ai ngủ được. Mấy ngày đầu, anh em tôi còn chắt được mỗi bữa vài thìa nước cơm cho nó uống nhưng sau phải thôi vì cơm cho người còn chả có, nữa là cho chó.

Giữa lúc đó lại nảy thêm một sự cố mới. Chẳng biết xuất phát từ đâu, một cái lệnh được ban ra từ các ông Đội, buộc dân toàn xã tôi phải nghiêm chỉnh thi hành. Đó là lệnh “Triệt để tiêu diệt chó”, được gọi sai một cách ngô nghê (mà ai cũng răm rắp nói theo) là

“triệt để chó” (!). Giải thích trước dân, Đội Khoảnh bảo làm thế là để vừa phòng dịch chó điên, vừa dễ dàng bảo mật công tác điều tra, phát hiện âm mưu phá hoại công cuộc cải cách ruộng đất của giai cấp địa chủ và bọn phản động. Ý của Đội là để những tai mắt của ông bà nông dân đêm đêm dễ dàng ần nấp, rình mò, giám sát những hành vi của các đối tượng trong sổ đen của Đội.

Như thế thì ả Đóm Con của tôi chả còn lý do gì tồn tại trên đời nữa. Mới chỉ nghĩ thế mà tôi đã nao cả lòng nói chi đến việc lúc này tự tay chúng tôi phải tiêu diệt nó. “Thôi, các con ạ. Tìm cho nó một cách chết nhanh còn hơn để nó đói sữa chết dần chết mòn như thế này!”. Mẹ tôi an ủi chúng tôi. Vậy là không thể khác được, đành phải thủ tiêu Đóm Con thân yêu của chúng tôi đi thôi. Nhưng giết nó bằng cách nào và ai dám đứng ra làm chuyện này, lại là cả một vấn đề. Mẹ tôi và em gái tôi tất nhiên không phải làm rồi. Chỉ còn tôi. Không đùn đẩy cho ai được, tôi buộc phải làm cái việc tàn ác này, dù tôi rất sợ.

Mấy ngày trời vẫn vơ suy tính, tôi thấy chỉ có cách ném nó xuống ao sâu là vừa nhanh gọn vừa đỡ đau lòng.

Tôi bế Đóm Con ra cái ao có tên là ao Cả của nhà tôi ở đằng sau nhà. Ao rộng mênh mông. Gió mùa hè nhẹ nhàng thổi làm mặt nước lăn tăn gợn sóng. Cái ao này trước cải cách người cả xóm thường đến đây giặt giũ tắm rửa, biến nó thành cái ao chung, thành điểm vui chơi công cộng của bọn trẻ trong làng. Từ khi cải cách đến giờ, do sợ liên can, mọi người không còn đến tắm nữa, chiếc ao trở nên vắng lặng đến rợn người. Cảm giác này đã khiến tôi sờ sợ nên vừa bước chân xuống cầu ao, tôi đã thấy ngần ngại. Tôi thấy cần phải cho Đóm con được sống, dù phải sống bằng kiếp chó. Tôi ử Đóm con vào vạt áo rồi khom người chạy về nhà. Thấy tôi về, mẹ tôi khó khăn lắm mới hỏi được câu:

- Xong rồi hả?

Nhận ra cái vật tôi giấu trong vạt áo, mẹ tôi nắm lấy tay tôi:

- Thôi con ạ. Giữ nó lại cũng không được đâu. Là chó đã khổ, làm chó trong nhà ta lúc này càng khổ hơn. Hãy hoá kiếp cho nó đi.

Lần này thì tôi không còn lý do gì để trốn tránh trách nhiệm

được nữa. Tôi lại phải mang Đóm con ra ao. Vào cái giây phút trước khi phải trực tiếp làm cái việc hành hình một sinh mạng mà vạn lần tôi không mong muốn chút nào, tôi đặt nó lên lòng bàn tay vuốt ve nó thay cho một lời sám hối. Đóm con Mực thật ngây thơ. Nó tưởng tôi đang cưng nựng, sợ trốn nó nên cứ hồn nhiên thè cái lưỡi nhỏ xíu, nham nhám ra, rói rít, liếm hết mấy ngón tay tôi. Cái đuôi cụt ngắn chẳng sao vẫy được, vẫn cứ cố ve vẩy. Nước mắt tôi lại trào ra. Tôi lại sống lại cái cảm giác chua xót hôm nào, cái hôm, phần do “giận cá chém thớt”, phần do tự mình phong cho mình cái quyền được là con người ỷ thế, đánh đập con bò tội nghiệp của tôi một cách tàn tệ. Hôm nay, chả lẽ tôi lại phạm vào tội ấy một lần nữa. Nhưng biết làm sao được. Đóm con ơi, thông cảm cho tao nhé...

Và thế là...một, hai, ba...tôi nhắm mắt lại rồi bất thành linh ném con vật ra xa, ra rõ thật xa, càng xa càng tốt. Một tiếng rơi kêu đánh “tôm”, lạnh lùng, khô khốc vang đến tai tôi. Lập tức, như đang trong cơn u mê, tôi bừng tỉnh. Ngay sau đó, để nguyên cả quần áo, tôi nhảy tùm xuống nước, hùng hục bơi đi. Tôi đã kịp nhìn thấy Đóm con, sau khi bị chìm ngấm, mất tăm dưới làn nước sâu nó đã ngóc đầu lên cố gắng bơi vào bờ một cách tuyệt vọng. Một bản năng đấu tranh sinh tồn mãnh liệt. Nếu không, sao nó biết bơi vào bờ khi hai con mắt còn chưa mở được. Cuộc sống là thế đấy.

Tôi lao vọt ra chỗ Đóm con, nâng nó lên cao rồi bế thốc vào bờ.

Tôi đưa nó về nhà, ôm chặt trong tay. Tôi thè vớ trời đất, tôi không bao giờ giết nó nữa. Từ nay, tôi ăn gì, uống gì, nó ăn nó uống cái ấy. Mẹ tôi lúc đầu còn tỏ vẻ không vui vì bà vẫn lo sợ “cái vận cái hạn” còn có cơ hội tiếp tục giáng xuống nhà chúng tôi. Rồi mẹ tôi cũng nguôi ngoai dần khi nghe chúng tôi an ủi: “Tai họa đang giáng xuống nhà ta chẳng là quá lớn rồi hay sao?”.

Không bao lâu sau, Đóm con cũng chết vì suy dinh dưỡng nặng. Anh em tôi ngâm ngùi lấy cái mo cau làm chiếc quan tài rồi đem chôn trong vườn chè. Một nấm mộ nhỏ bằng cái vốc tay nhưng chúng tôi cũng bày lên đó mấy phẩm oản bằng đất “khảm” rất nhiều mảnh sành, mảnh sứ, đủ màu sắc, lóng lánh như xà cừ.

Mỗi khi có cơn gió thổi, nắm mộ của Đóm con lại phủ trắng xoá hoa chè...

32.

Đã sang tháng 7 năm Mùi. Vậy là cơn bão qua đi đã gần một tháng nhưng chúng tôi vẫn chưa hết đói. Mẹ tôi bảo với tôi, lúc này muốn có gạo ăn chỉ còn cách lên Hà Nội đòi bà giáo Liễn số tiền quy ra vàng khoảng hai đồng cân, bà mượn từ hội tạm chiếm. Ông giáo là chú ruột của mẹ tôi. Mẹ tôi sai tôi đi làm chuyện này. Nghe nói được đi Hà Nội, tôi mừng lắm vì từ ngày hoà bình lập lại đến giờ, tôi đã được lên Hà Nội lần nào đâu. Lần trước, vào dịp hè năm 1953, tôi cũng đã được lên đây nhưng lúc ấy Hà Nội đang bị quân Pháp chiếm đóng. Đường lên Hà Nội lúc này do giá vé ô tô quá cao nên mọi người thường đi bằng tàu thủy ngược sông Hồng. Có trăm cây số mà đi hết cả ngày trời.

Sáng hôm ấy, mẹ tôi đánh thức tôi từ rất sớm rồi gói cho tôi nắm cơm muối vừng. Tôi một mình đi bộ bảy cây số ra bến phà Tân Đệ, chờ tàu Nam Định chạy qua ghé màn bến.

Khoảng 10 giờ đêm hôm ấy, tàu mới cập bến Phà Đen. Khởi nói lòng tôi rộn ràng thế nào khi thấy Hà Nội đang hắt lên bầu trời cả một vầng ánh sáng lung linh, giát bạc vào những áng mây đen bay thấp la đà. Còn đèn trên những cánh cung cầu Long Biên thì đúng là sao sa. Tất cả tạo nên một bức tranh lung linh màu sắc mà đã hai năm nay tôi mới được dịp nhìn thấy.

Hà Nội của năm 1955, khác hẳn Hà Nội 1953. Phố xá hiền lành hơn. Nhà giàu không còn. Tất cả đều lao động và hưởng thụ tem phiếu như nhau. Tất cả đều đi bộ hoặc đi xe đạp. Không còn những chiếc xe hơi bóng lộn, đủ kiểu dáng. Không còn những tên lính Tây, lính Lê dương, lính ngụy say mèm, những cô gái điếm sục nức mùi nước hoa, ồng a ồng ẹo, khoác tay bọn lính mặt đỏ gay, nồng nàn mùi rượu ngang tàng đi giữa phố. Tất cả đều thay đổi, đều mới, rất mới. Tất cả đều rạo rức một điều gì khó nói nên lời. Nhà ông giáo Liễn vẫn ở chỗ cũ, phố Triệu Việt Vương.

Từ bến phà, tôi đi xích lô đến đây. Tôi nhìn số nhà rồi rụt rè gõ

cửa. Cửa hé mở. Một người đàn bà ghé cổ nhìn ra. Bà Giáo ! Tôi mừng quá vừa reo lên thì người đàn bà tôi tin đó là bà Giáo đã lại đóng sập cửa lại, lạnh lùng bỏ vào nhà trong. Tiếng dếp rê lẹp xẹp trên nền nhà. Không tin vào sự nhận biết của mình, tôi quay sang nhà bên cạnh để hỏi. Ong chủ nhà hồ hởi:

- Đúng nhà bà giáo Liễn đây. Bà ấy đang ở nhà. Để tôi gọi cho.

Lần này thì bà giáo Liễn buộc phải mở cửa. Bà nhìn tôi vừa sợ sệt vừa khó chịu. Bà vội vã kéo tôi xuống nhà dưới. Vừa đi vừa hỏi:

- Chết, sao cháu lại đến nhà bà? Ở dưới quê, nhà cháu đang bị địa chủ phải không? Nhà ông bà nghe đâu cũng đang bị người ta quy như thế, dù ông Giáo đã bỏ làng, bỏ ruộng vườn hồi cư về Hà Nội từ 7,8 năm nay. Cháu đến nhà thế này là làm khổ ông bà đây. Giá cháu đừng đến thì hơn.

Tôi nói với bà Giáo:

- Cháu nghĩ Hà Nội xa quê cả trăm cây số, ai biết mà lo !

Bà Giáo trừng mắt:

- Sao lại không, con mắt nhân dân mà. Nhưng thôi, cháu lên đây có việc gì thì nói ngay đi.

Nghe tôi nói việc tôi lên đây, bà Giáo dẫy nảy lên:

- Tiền nào? Bà không có mượn của mẹ cháu đồng nào sắt...

Nói xong, bỏ mặc tôi đứng đấy với cái bụng lép kẹp vì từ sáng đến giờ chả có gì tống vào mồm ngoài nắm cơm nhỏ như quả cam, bà lạnh lùng bước lên nhà trên. Lát sau, ông Giáo đi đâu về cho người giúp việc gọi tôi lên.

Vừa nhìn thấy tôi, ông nói ngay:

- Ông cũng đang như ngồi trên đồng than đây. Dưới quê người ta cũng đang tìm cách quy cho ông là địa chủ. Cháu nên rời khỏi nhà ông ngay, càng sớm càng tốt.

Tôi nghe ông nói mà rụng rời chân tay. Từ bé tôi mới ra khỏi làng lần này là lần thứ hai. Tôi có quen ai đâu. Giữa Hà Nội xa lạ thế này tôi biết trú ngụ vào đâu. Ong Giáo kịp nhận ra điều ấy nên vội vã dúi vào tay tôi mấy đồng bạc bằng kim loại (trị giá là bao nhiêu đến nay tôi cũng quên mất) rồi bảo:

- Cháu cầm lấy để mua cái bánh mì mà ăn. Còn chỗ ngủ, nói thế

thôi, để ông lo.

Cái chỗ ngủ mà ông Giáo lo cho tôi đêm ấy là căn phòng chật hẹp ở một trường học nơi ông đang làm tùy phái. Một người cháu họ của ông dẫn tôi đến tận nơi. Mở cửa, bật đèn, ngọn đèn điện sáng chả hơn đèn dầu là mấy, chỉ cho tôi cái giường cá nhân chần chiếu mốc meo, căn dặn tôi mấy câu rồi người dẫn tôi đến đây vội vã đi ngay.

Còn lại mình tôi với bao nhiêu cảm giác: cay đắng, sợ sệt, chán chường, tủi nhục. Tôi lơ đãng nhìn quanh khắp lượt gian phòng. Và thật bất ngờ, tim tôi đã run lên khi mắt tôi chạm vào một bức ảnh. Bức ảnh thật to, thật đẹp, in trên giấy cứng, treo trang trọng ở chính giữa bức tường, đối diện với chỗ tôi ngồi. Bức ảnh này lần đầu tiên tôi được nhìn thấy. Mãi mãi sau này tôi không sao quên được cảm giác phấn khích khác thường vào cái giây phút đặc biệt ấy.

Bức ảnh chụp Bác Hồ với vẻ mặt hiền từ như một người ông trong gia đình, âu yếm đặt hai tay lên vai hai đứa trẻ, một trai, một gái, lúc đó xem ra cũng chỉ ở tuổi tôi. Hai cô cậu này đã không thể giấu được niềm hạnh phúc chứa chan đang trào lên trong khóe mắt, nụ cười, trào lên cả trên mặt giấy ảnh.

Cùng với hình ảnh đầy ấn tượng ấy là câu chú thích phôi phới một niềm tin mà mới đọc qua một lần, tôi đã nhớ đến tận bây giờ: “Có Bác dẫn đường, chúng cháu tin tưởng ở tương lai tươi sáng”. Oi, Bác ơi, bao giờ thì cháu có được một sự hồn nhiên phôi phới như hai đứa trẻ cùng tuổi với cháu kia? Bao giờ thì cháu được trở thành một đứa trẻ có số phận bình thường như bao đứa trẻ khác?

Từ linh cảm và cũng từ trực giác của tuổi thơ, tôi định ninh rằng những điều đang xảy ra một cách vô lý ở quê tôi rồi chỉ ngày một ngày hai sẽ được Bác Hồ biết đến. Tôi tin như thế.

Với một đứa trẻ từ nhỏ đến giờ phải sống trong vùng nông thôn hẻo lánh, không có sách báo để đọc, không có loa đài để nghe, không có cán bộ am hiểu để hỏi, lại bị cô độc giữa mọi người như tôi, thì niềm tin đem đến từ bức ảnh này với câu chú thích kia, quả thật là một cánh tay vịn đỡ tôi đứng dậy, một tấm biển chỉ đường cho tôi đi ... trong thời điểm ấy cũng như tất cả những năm tháng

về sau. Đến nay, tôi có thể khẳng định rằng, tất cả những gì tôi có được hôm nay, dù chẳng ra gì, dù không bằng ai, thành thật mà nói, đều do từ bức ảnh đẹp nhất kia và lời chú thích như một câu thần chú kia đem lại.

Giữa lúc đang đắm chìm trong suy nghĩ như thế thì bất thành linh hai cánh cửa gỗ kẹt lên một tiếng làm tôi giật mình, đồng thời xuất hiện giữa phòng, người con trai, cháu của ông bà Giáo, người dẫn tôi đến đây nghỉ lúc này.

Người con trai này, lớn hơn tôi mấy tuổi, mới từ quê lên Hà Nội trước tôi mấy ngày. Quê của họ, cách làng tôi độ mười cây số. Người này nói với tôi:

- Tôi lên đây là để báo cho ông bà Giáo biết, tối mai ở dưới quê, nông dân sẽ tổ chức tố khổ ông bà giáo ở sân đình Trung. Hẳn cậu biết đây là cuộc tố điếu vì nhiều năm nay ông bà Giáo có cây ruộng đâu mà bị là phú nông hoặc địa chủ. Chúng tôi quyết định phá bằng được đám tố khổ này rồi muốn ra sao thì ra.

- Bằng cách nào?

Tôi tò mò hỏi lại. Người cháu ông bà Giáo trả lời tỉnh bơ:

- Ném đá, ném đất, thậm chí ném cả cứt...

- Ai dám đứng ra làm chuyện này?

- Tôi, cậu và những ai căm thù cuộc cải cách bất công.

- Tôi?...

Tôi run run hỏi lại vì vừa chợt nhận ra điều bất bình thường trong câu chuyện. Nhận ra điều ấy, người thanh niên này nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Bà Giáo sai tôi ra bảo cậu ngày mai cùng về với tôi, để tôi mai ta tính chuyện ấy. Bà còn bảo, cậu có làm thế, bà mới trả tiền cho mẹ cậu...

- Không, tôi không làm. Đó là chống phá cách mạng đấy hiểu chưa?

Người cháu ông bà Giáo cười hề hề:

- Cậu đúng là còn trẻ con thật. Chuyện tố gian, tố điếu mà cậu bảo là cách mạng à?

- Tôi không biết. Nhưng nhất định tôi không làm chuyện ấy...

Thế là sáng sớm hôm sau, tôi phải ra chợ Hôm bán rẻ chai mỡ

lợn mà hôm qua, mẹ tôi bắt tôi đem theo để biếu ông bà Giáo nhưng chưa biếu kịp và bây giờ thấy không cần phải biếu nữa, để mua cái vé ô tô Hà Nội- Nam Định. Còn từ Nam Định về quê, mười mấy cây số, tôi cuốc bộ.

33.

Một hôm đứng vào giữa trưa, lúc mấy anh em tôi nghỉ giải lao sau một buổi sáng cật lực với công việc vôi cát, có một bà cụ lưng đã hơi còng còng, tóc bạc trắng, tìm đến chỗ xây tháp. Sau khi đứng giữa trời nắng nheo nheo con mắt, chỉ tỏ nói lầm bầm điều gì đó với cô gái trẻ đi theo, bà bước đến gặp tôi, cứ nhìn tôi trừng trừng làm tôi hơi khó chịu. Bất thành linh bà cụ vỗ vai tôi hỏi lớn: “Có phải chú không. À đúng chú rồi, cái miệng cái trán kia giấu đi đâu được!” Tôi vẫn chưa biết là ai. Bà buộc lòng phải xưng tên: “Tôi là Nghiệm, chị dâu ngày xưa của chú đây! Chú không nhận ra tôi à. Cũng đúng thôi. 50 năm rồi còn gì”. Câu nói của chị làm ký ức trong tôi vỡ oà như nước tức bờ. Năm lấy vai chị, tôi hét: “Ô vậy ra đây là chị Nghiệm. Oi sao chị thay đổi nhiều thế này”. Chị Nghiệm khóc nức nở làm tôi cũng cũng ứa nước mắt theo. Chị chỉ vào cô gái trẻ giới thiệu: “Cháu nội chị đây chú à!” – “Vậy ra đây con gái của cái thằng...” . Tôi định nói tiếp cho hết câu là “con trai lão đội Khoảnh”, chợt thấy chị Nghiệm véo vào tay tôi một cái rõ đau làm tôi nhận ra ngay mình đã thật thà ... hơi lỗ.

-Vậy bố của nó đâu rồi.

Tôi vẫn không biết đứa con “hoang” của chị ngày ấy tên gì. Vì chị xấu hổ bỏ đi gần 50 năm nay mới trở về. Chị Nghiệm oà khóc:

- Chú ơi! Lá vàng còn ở trên cây- lá xanh đã rụng, trời hay chẳng trời. Cháu mất năm ngoái rồi. Vì tai nạn giao thông. Con gái nó đây, tên cháu là Nguyệt.

Rồi chị nói với Nguyệt: “Con ra ngoài cho mát đi. Để bà ở đây nói chuyện với ông”. Còn lại hai chị em vẫn cẩn thận kéo tôi ra chỗ khuất để chuyện trò. Chị nói mấy chục năm nay chị đều nói

với con trai chị tên là Dũng rằng bố nó là Nghiêm, cháu nội cụ Hàn Bằng, bên kia sông. Thằng Dũng nhiều lần năn nỉ đòi về quê nhận họ hàng, tổ tiên nhưng chị cứ ừ hử khất lần, nay cháu mất rồi chị ân hận mãi. Bây giờ đến cháu nội của chị. Nó sắp lấy chồng. Nó cần có chỗ cúng gia tiên. Chị không thể từ chối nó được. đành phải đưa nó về đây. Mong chú và gia tộc cho phép.

Rồi mẹ con chị Nghiêm về bên kia sông Hồng. Tôi suy nghĩ mãi xung quanh việc có nên cho cháu nội lão đội Khoảnh nhận làm cháu ông Cả Lân, bố tôi không. Chắc là nên, vì có sao đâu. Đắt lành chim đậu mà! Quá khứ đau thương đã lùi xa vào dĩ vãng, đau khổ thì cũng đã đau khổ rồi, chấp nhận rồi làm tình làm tội nhau phỏng có ích gì. Tôi bàn với anh em con cháu trong chi họ. Tuy lúc đầu có người này người nọ phản đối nhưng sau đều nghe ra, đều thấy thế mới có tình người nên đều vỗ tay tán thành.

Thế là cháu nội lão Đội Khoảnh trở thành cháu nội anh Nghiêm, anh ruột tôi.

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Bảy .

35.

Cũng cái năm Mùi, động tác đầu tiên mà Đội Khoảnh ra tay với gia đình tôi là tịch biên tài sản được tiến hành vào giữa một đêm rét thấu xương.

Lúc ấy, có lẽ cũng đã đến 12 giờ, gió bắc thổi như ngựa hí ngoài trời và chúng tôi đang ngủ ngon lành trong những tấm chăn bông thì bỗng giật mình vì có tiếng hét to như súng nổ ngoài sân. Mọi người vùng trở dậy, sợ run lên. Lúng túng mãi tôi mới bật được que diêm để thắp sáng ngọn đèn dầu. Và nhờ ánh sáng heo hắt của nó, chúng tôi đỡ cảm thấy sợ hơn. Cũng tại con Đóm bị

tiêu diệt sớm, nếu không, nó đã báo thức sớm và chúng tôi đỡ bị hốt hoảng thế này.

- Mẹ con nhà Lân ! Dậy ngay, dậy ngay...

Tôi lập cập mở cửa bước ra. Đã thấy trước nhà, trên mảnh sân gạch không lấy gì làm rộng lắm, đèn đuốc phừng phừng, rực sáng cả một khoảng trời. Đã thấy đầy chật một sân toàn người là người, đen sì, chập chờn như những âm binh.

Chân tay tôi run lên cầm cập. Hai hàm răng cũng thế. Cứ đập vào nhau liên hồi. Biết thế là hèn nhưng tôi không làm sao kìm hãm để chúng khỏi va vào nhau được. Tôi nhìn sang mẹ tôi và em tôi cũng đều thấy thế cả. Vì phải nhận một cái rét đột ngột hay vì sợ hãi?

- Cả nhà chúng mày đứng im nghe lệnh của Đội đây !

Đội Khoảnh hăng dặng rồi lên tiếng:

-Hôm nay, ta và những đại diện của giai cấp nông dân xóm này đến đây để tiến hành kê biên tài sản của các người, chuẩn bị số liệu cho việc tịch thu, tịch biên hoặc trưng mua theo chính sách mà Đội sẽ tiến hành nay mai. Để bảo đảm trật tự cho công việc kê biên, ta đề nghị toàn bộ gia đình các người, tập trung, đứng gọn vào chỗ góc sân kia, không ai được đi lại lảng xãng. Kẻ nào mất trật tự du kích sẽ gô cổ lại, nghe chưa?

Thấy chúng tôi đồng loạt đứng im như tượng gỗ, Đội Khoảnh quát lên lần nữa:

-Các người điếc cả rồi hay sao mà nghe ta hỏi lại không trả lời? Ta hỏi lại: các người đã nghe rõ chưa?

-Thưa rõ ạ !

Hình như chỉ có một mình mẹ tôi trả lời. Vậy mà Đội Khoảnh cũng cho qua. Rồi ông ta nói tiếp:

-Còn việc này nữa, nhân đây ta cũng nói luôn. Những phần của nôi như nhà cửa, nôi niêu...Đội và ông bà nông dân sẽ tự kê biên, không cần các người khai báo. Chỉ yêu cầu các người khai báo phần của chím như vàng bạc tiền nong...Nếu các người không khai, Đội và ông bà nông dân phát hiện ra, các người không những bị tịch thu tài sản mà còn bị xử tội nữa. Các người nghe rõ không?

-Rõ ạ !

Lần này thì cả nhà tôi đồng thanh lên tiếng.

-Vậy thì nào, các đồng chí đâu, vào việc.

Đội Khoảnh vừa dứt lời, cả đoàn người đi theo ông ta lập tức rầm rập bước lên các bậc hè gạch tiến sâu vào trong nhà. Chiếc bàn học thường ngày của tôi, đám thanh niên khiêng ra đặt giữa sân cho cái gọi là tổ “thư ký” làm nơi ghi chép biên bản. Đèn đuốc sáng bùng soi rọi khắp nơi. Những người làm công việc kiểm kê đi đến đâu gặp cái gì liền xướng to lên tên cái ấy. Không khí trong nhà ồn ã, rộn ràng như một cuộc đánh cờ người.

-Ba cái giường...

Người trong nhà nói to.

-Ba cái giường. Ghi đi!

Người bên ngoài nhắc lại.

-Hai cái màn. Khăn nhưng hai chiếc, đẹp quá chúng mày ơi.

Anh Khoảnh ơi, cho em đội thử nhé.

-Khăn nhưng còn mới, ghi nhanh nhanh lên, sao cứ như sên bò vậy?

Trong nhà ngoài sân đối đáp nhau rền vang. Anh đuốc đến đâu, âm thanh đến đó.

-Một con bò đực đã thiến.

-Ba con gà. Thịt một con nấu cháo đi anh Đội ơi.

-Im cái mồm đi !

Đám thư ký nổi điên lên. Từ đó liên tiếp chỉ còn nghe thấy những con số.

Trong khi cả đám vui như hội thì gia đình tôi, cứ phải đứng nghiêm như chào cờ ở một góc sân, hai hàm răng va vào nhau cầm cập.

Từ trong buồng, có người chạy ra, ghé tai thăm thì với Đội Khoảnh điều gì đó, tôi nghe không rõ, chỉ thấy, đang đứng oai phong giữa sân, ông ta hốt hoảng chạy vào nhà rồi lại chạy trở ra. Mặt hầm hầm tức giận, ông ta chỉ tay thẳng vào vào mặt mẹ tôi:

-Chúng mày gian trá. Giấu tiền vào trong hòm quần áo mà không khai báo.

Tôi nghe thấy thế thì sợ run lên mà mẹ tôi vẫn điềm tĩnh như không. Bà xăm xăm bước vào nhà rồi nói thật to :

-Đâu, tiền đâu? Tôi giấu ở đâu?

Từ trong cái hòm gỗ vẫn dùng để đựng mấy chiếc quần áo rách của gia đình tôi một cái gói nhỏ bọc vải cũ được mở ra.

-Không tiền thì là cái gì đây?

Mẹ tôi cũng chẳng vừa, bà hỏi vặn lại:

- Thì đúng là tiền rồi nhưng nó là tiền gì mới được chứ? Thưa các ông, các bà. Đây là số tiền mà người em gái tôi trên Việt Hùng mới gửi xuống cho để tôi đóng mấy bơ gạo. Cả nhà tôi mấy hôm nay toàn ăn khoai lang luộc xốt ruột lắm rồi! Với lại tôi để nó trong hòm của nhà tôi chứ có cất giấu vụng trộm gì đâu?

- Vậy sao khi Đội hỏi nhà mày lại không khai?

Mẹ tôi đáp lại:

-Khai, để các ông các bà tịch thu...để ngày mai chúng tôi đói nhăn răng ra à ?

Đội Khoảnh vội vã ra oai, phụ họa:

-A, con mụ địa chủ này ngoan cố quá nhỉ ! Vậy thì chúng tao lập biên bản tịch thu số tiền này.

Thế là lại một lần nữa, mẹ tôi phải run run, loay hoay mãi với chiếc quần bút mới ký xong được chữ “Hợi”, tên tục của bà, to như con gà mái vào tờ biên bản “phạm pháp quả tang” mà lần này người viết văn bản đó vẫn cứ là tôi.

Khoảng mười hai giờ đêm, cuộc khám xét hoàn thành. Toàn bộ tài sản của nhà tôi, thượng vàng hạ cám đều được ghi đầy đủ vào hai tờ giấy xé từ vở học sinh. Đội Khoảnh đọc to lại một lần cho cả gia đình tôi nghe trước khi bắt mẹ tôi ký xác nhận.

Trước khi rút, Đội Khoảnh lại bắt cả nhà tôi đứng gọn vào góc sân để nghe ông ta huấn thị:

Từ nay toàn bộ những gì đã kê biên, gia đình không có quyền di chuyển đi nơi khác. Trái lệnh sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Cả nhà tôi lại một lần nữa phải cúi đầu dạ ran. Tưởng thế là xong, ai ngờ trước khi ra về, ông ta khòeo thêm một câu nữa:

- Ông bà nông dân đang cần sức kéo, vì thế Đội quyết định trưng thu trước thời hạn con bò nhà các người đang nuôi.

Họ bắt con bò. Tôi bàng hoàng. Vậy là từ nay con bò sẽ vĩnh

viễn không còn ở trong nhà tôi nữa. Nó sẽ thuộc về người khác. Người khác sẽ cày bừa nó. Người khác sẽ đánh đập, hành hạ nó. Không thể như thế được. Không thể như thế được. Tôi chạy ù xuống chuồng bò. Con bò của tôi đang nằm, nhả nhai lại. Tôi đặt tay lên trán nó. Nó dụi dụi cái sừng vào bàn tay tôi. Nước mắt tôi chỉ chực ứa ra. Chợt có tiếng quát: “Đứa nào làm gì trong chuồng bò kia”. Tôi chạy ra đứng giữa vùng ánh đuốc bập bùng. Thằng Kền nắm lấy cổ áo tôi mà lắc:

-Định làm gì với con bò, bỏ thuốc độc giết nó phải không?

Tôi không thềm trả lời. Lão Kền biết như thế là tôi khinh bỉ lão nên ngay lập tức lão vừa chửi tôi: “ A, thằng địa chủ con này hỗn nhỉ !” vừa “bốp bốp”, táng vào mặt tôi hai cú tát trời giáng. Rồi lão chạy biến đi. Tôi đứng lại. Om mặt, ức vì nhục.

Con bò được giết đi cuối cùng. Ba thanh niên trai tráng. Một cầm đuốc soi đường. Còn lại, kẻ gò lưng kéo dây thừng như muốn giựt đứt mũi bò, kẻ đi sau dùng roi đánh liên tục vào mông nó. Con bò vẫn cứ ì ra. Nó không muốn và không chịu rời khỏi nhà tôi. Tôi nhìn theo con bò mà muốn đứt từng khúc ruột.

Con bò ra đi. Và giá nó đi hẳn để không bao giờ chúng tôi gặp lại nữa thì nỗi đau xót còn có cơ hội nguôi ngoai. Đằng này không. Tôi còn phải gặp lại nó không chỉ một mà tới hai lần và lần nào nó cũng đóng dấu chín vào lòng tôi một ấn tượng khó quên.

Lần thứ nhất xảy ra vào giữa một trưa nắng. Tôi đi trên đường, còn nó thì đang oằn lưng kéo cày ở một thửa ruộng ven đường. Lão Kền đang điều khiển, đúng hơn đang đánh nó. Hôm ấy, nếu không nhờ vào cái đóm trắng to bằng bàn tay vẫn ngự trị trên đỉnh đầu nó, chắc tôi khó lòng nhận ra, vì nó bây giờ chỉ còn là một mớ da bọc xương, dày đặc những mụn lở loét và thâm tím những lằn roi. Từ hôm rời khỏi nhà tôi đến giờ, con bò trở thành tài sản chung của cả cái xóm Quyết Thắng. Điều gì sẽ xảy ra trong cảnh “cha chung không ai khóc” này, hẳn mọi người đã rõ. Người ta đùn đẩy, chửi bới rồi đánh đập nhau vì chuyện cắt cỏ cho nó ăn và rồi lại chửi bới nhau về việc tranh giành bắt nó đi cày cho riêng mình. Trâu bò đánh nhau ruồi muỗi chết. Trong trường hợp này lại là người với người đánh nhau trâu bò chết. Toàn bộ hậu quả nó

phải gánh chịu hết.

Nắng đã tròn bóng, lão Kèn vẫn chưa chịu cho nó nghỉ, vẫn cứ tới tập quạt lên người nó hết roi này đến roi khác. Tôi đứng lại nhìn, lòng xót như xát muối. Không biết con bò do nhìn thấy tôi hoặc cảm thấy một cái gì thân quen đâu đây mà nó cứ đứng ì ra như thế kia làm cơn điên của lão Kèn càng như lửa đổ thêm dầu. Thế là lão lại đánh, thậm chí đánh dã man hơn. Đánh xong, mệt quá, lão nghỉ. Nghỉ xong lại đánh. Con bò hết quay đầu sang trái lại sang phải mà vẫn không tránh nổi những trận mưa roi. Cuối cùng, nó quy xuống giữa luống cày, mắt trợn ngược lên, hai bên mép trào bọt trắng xoá. Lão Kèn vẫn không chịu ngừng tay. Tôi không chịu nổi cảnh ấy. Thế là, một bước bằng ba bước, tôi nhảy thẳng đến trước mặt lão Kèn:

-Ông không được hành hạ nó !

Tôi giằng chiếc roi tre tội ác ra khỏi tay lão. Mặt lão vốn đã đỏ bây giờ càng đỏ hơn. Hai con mắt dữ như mắt long thần vẫn lên từng tia máu đỏ, lão thét, giọng run run :

-A, thằng địa chủ con này gớm nhỉ ! Ai bảo con bò này là của nhà mày?

Lão kêu to, cầu cứu:

-Bọn địa chủ đến cướp lại tài sản, bà con ơi.

Tiếng lão vang ra khắp cánh đồng. Những người làm đồng vội bỏ cuốc, bỏ cày chạy lại. Thấy họ đặng đặng sát khí, sợ quá, tôi cầm đầu chạy thẳng một mạch về nhà.

Đó là lần thứ nhất tôi gặp lại con bò.

Lần thứ hai, trong một trường hợp khác. Là trường hợp ngược lại. Chuyện này tôi sẽ kể sau.

36.

Vậy là toàn bộ gia sản nhà tôi, từ căn nhà gỗ lim 7 gian thuộc loại của hiếm trong làng, cái bếp ngói cũ kỹ nhem nhuốc, bồ hóng bám vào tường như keo thuốc phiện đến vườn chè, ao cá, cái chòi, cái nôi, con gà, con lợn... tất tất đều đã bị Đội kê biên. Vậy

là từ nay cho đến khi nó được trưng thu, trưng mua hay tịch thu, chúng tôi chỉ có quyền trông coi chứ không được quyền sử dụng, cầm bán.

Gặp trường hợp này, chắc chắn không thể không có những người ứng xử theo cách “không được ăn thì đập đổ” hoặc gian lận, lươn lẹo nhằm vớt vát lại chút ít tài sản vốn là của mình, do mình làm ra.

Nhưng với gia đình tôi không biết có phải do ngu ngốc mà chúng tôi không làm được điều ấy. Tôi không muốn tự mình lý giải điều này, chỉ muốn kể ra đây hai trong rất nhiều mẫu chuyện tương tự.

Đó là một hôm, nhân thấy đám trẻ con trong làng cất vó được rất nhiều tép, có đưa bán tép mua được cả cân gạo, mẹ tôi bảo chúng tôi tự làm lấy vó mà cất. Nhưng muốn có vó thì phải có vải màn. Kiếm đâu ra thứ của hiếm đó bây giờ? Nhà tôi có hai cỗ màn cũ thì đã bị kê biên cả hai rồi. Tài sản này, theo quy định của Đội, chúng tôi chỉ có quyền được dùng để tránh muỗi khi ngủ chứ không được đem làm bất cứ một việc gì khác. Chả lẽ cứ chịu cảnh “thịt treo mèo nhịn đói”, tôi bàn với mẹ tôi, đem hai cỗ màn đã kê biên, tháo bớt vải đi, biến chiếc màn đôi thành màn cá nhân, để vừa không lo Đội bắt lỗi (vì về con số, chúng tôi vẫn còn nguyên “2” chiếc màn) vừa lấy ra được mấy mét vải mà khâu vó. Mẹ tôi lúc đầu còn phản đối, sau thấy không còn cách nào khác nên đã đồng ý. Thế là, chúng tôi đã có 8 chiếc vó tằm để cất. Buổi xuất quân đầu tiên đã đem về một thắng lợi lớn: bán tép xong tôi đến cửa hàng lương thực mua về được 2 cân gạo. Bữa trưa và bữa tối hôm ấy, chúng tôi đã được một bữa cơm no. Nhưng rồi đêm ấy nằm nghĩ lại tôi thấy tôi giá không làm việc ấy thì hơn. Vì tuy là tài sản của mình nhưng dù sao mình vẫn phạm vào tội ăn gian nói dối. Hôm sau, cứ nghĩ đến điều đó là tôi lại tự ngượng với tôi. Tôi không dám đem vó ra ao cất tép nữa. Cả nhà tôi lại đói.

Đó còn là một đêm khuya khoắt, trăng sáng vàng vạc, nằm mãi không ngủ được vì chập tối chỉ toàn ăn khoai lang luộc suông, nóng ruột lắm. Tôi bàn với mẹ tôi, ra mảnh vườn chè sau nhà bẻ lấy một nắm cành ngồng để sáng sớm mai, lên lên chợ tỉnh, bán

kiếm ít tiền đong gạo. Mẹ tôi chân chừ một lát rồi gặt đầu. Chắc bà thương chúng tôi đang tuổi ăn tuổi lớn mà ít khi được một bữa cơm no.

Hai mẹ con tôi, người trước kẻ sau lặng lẽ ra vườn. Mẹ tôi đi về phía cuối. Còn tôi ra phía bờ ao. Lúc này đang là tiết xuân, cả vườn chè xanh tươi mơn mớn. Dưới ánh trăng, lá nào lá ấy bóng nhẫy cứ như vừa ngậm nước, như đang phát sáng. Tôi đã tìm được một cây chè khá tốt, cành lá xum xuê. Nhắm tính với cây này, tôi có bẻ đi cả chục cành thì cũng chẳng thấm tháp gì và cũng chẳng ai có thể phát hiện được.

Nghĩ thế, tôi mạnh dạn hẳn lên. Tôi quyết định hành động. Vậy mà lạ thay, khi tôi vừa vin xuống được một cành, đang định thẳng tay bẻ nó thì lại vội vã buông ra. Cành chè thoát nạn bật ngược lên cao, sương đêm rơi xuống rào rào. Tôi thấy thương cây quá. Dù gì nó cũng là một cơ thể sống. Là máu thịt, tình cảm của chúng tôi. Là nước mắt của mẹ tôi mỗi khi cây chè bị sâu cắn. Là mồ hôi của tôi, của bố tôi khi cách đây mấy hôm giữa trưa nước nóng như sôi, chúng tôi còn phải đằm mình xuống ao gánh lên từng gàu bùn để bón cho từng gốc.

Tôi thở phào nhẹ nhõm vì vừa thoát khỏi một tội ác. Đúng lúc ấy, tôi nhìn lại đã thấy mẹ tôi từ phía cuối vườn đang lặng lẽ đi lại chỗ tôi. Vừa đi bà vừa giơ tay nâng những cành chè thấp la đà lên trên đầu rồi khom người chui qua. Hình như mẹ tôi không muốn làm đau một chiếc lá.

Vừa nhìn thấy tôi mẹ tôi ào ào hỏi ngay:

- Bẻ được cành nào chưa?

Tôi lắc đầu. Gương mặt đầy ánh trăng của mẹ tôi sáng lên. Mẹ tôi khẽ reo lên:

- May quá, bu cứ lo anh...Thôi con ơi, thương lắm, tội lắm, cành chè kia nào khác gì cánh tay người, bẻ gãy nó, tội chết.

Hai mẹ con tôi cùng trở vào nhà. Và cùng vui. Lâu rồi mới lại có được một niềm vui như thế.

Tôi lê bước về nhà. Tất cả tối om, không một ánh đèn. Đúng là có chuyện rồi. Tôi hồi hộp mở bức màn màn. Có tiếng em tôi, cái Ngân thều thào trong góc tối:

- Bu ... bị bắt, giải đi rồi!

Tôi ngồi thụp xuống nền nhà:

- Bu bị bắt thật à? Họ bắt vì có gì?

- Không biết. Chỉ biết lúc họ đưa guồng đến tát ao, bu không đồng ý, bu nằm lăn ra bờ ao ngăn cản, hai bên dằng co nhau, thế là họ trói bu lại, dẫn đi.

Cái ao này của nhà tôi gọi là ao Cả, chả biết vì sao nó có tên là thế, chắc vì nó to nhất trong đám ao của xóm này. Bố mẹ tôi chặt bóp tậu lại của ông binh Thoan từ khi tôi còn nhỏ xíu và cũng từ đấy ao chỉ có tha cá vào chứ không tát cạn bao giờ, thành ra cá trong ao to lắm, cà mè thì hơn cái quạt mo, cá trám đêm đến quẫy đê như trâu đầm. Bây giờ tát cạn làm hủy hoại cái mà sau này ta gọi là môi trường sinh thái, thử hỏi, mẹ tôi, một người gần suốt đời gắn bó với đồng ruộng làm sao không bức xúc được.

- Còn cái Thân.

Tôi tức giận hỏi lại em tôi, cứ như nó là người có lỗi.

- Họ bắt đi giam cùng với bu rồi!

- Sao không giữ nó ở lại.

- Nó theo bu quá, cứ khóc gào lên, em không biết làm sao được!

Tôi muốn phát điên lên. “Trời ơi, sao khổ thế này!” .Tôi dậm tay xuống bàn. Am chén nảy căng lên rung càn cạch. Cái Ngân sợ quá khóc thét.

Từ hôm đó trở đi, ngày nào anh em tôi cũng phải chia nhau mang cơm đến từ đường họ Đặng, nơi giam giữ mẹ tôi. Mỗi lần đến đấy lòng tôi lại như xát muối. Vì đó cũng là lúc người nhà của các phạm nhân khác mang cơm đến. Tiếng búa gõ lách cách mở cùm, tiếng loảng xoảng tháo xiềng, tháo xích...nghe ghê rợn như âm thanh phát ra từ chín tầng địa ngục. Mấy hôm nay lại có thêm tiếng khóc của trẻ con nữa, mới đau lòng chứ. Cũng từ đó, mỗi lần tôi xới cơm vào tấm khăn ướt để nắm là một lần cái Ngân lại khóc. Vì nắm cơm dành cho mẹ tôi nó bé quá, chỉ to hơn quả trứng gà một chút. Thức ăn lại chả có gì ngoài gói muối trộn ớt.

Kham khổ thế này, mẹ tôi và em út tôi yếu ớt như cái mâm giá kia sao chịu nổi. Hôm sau, nghĩ thương em quá, tôi đánh liều xin Đội Khoảnh cho nó được “tại ngoại”, còn mẹ tôi thì vẫn cứ cả ngày lẫn đêm hai chân đút cả vào cùm.

Nhưng rồi cái Thân, em út tôi, ra tù không được bao lâu lại bị chết một cách khổ sở. Cả đời tôi cứ ân hận mãi chuyện này. Giá tôi đừng thương nó, đừng “bảo lãnh” cho nó về thì đâu nên chuyện.

Chiều hôm đó, cũng như những buổi chiều khác, đội thiếu nhi xóm tôi lại điểu hành quanh các đường ngang ngõ tắt, vừa đánh trống ếch vừa hô vang các khẩu hiệu quen thuộc đến nhàm chán. Vẫn lại “Có khổ tố khổ, nông dân vùng lên!”. Vẫn lại: “Tố khổ nhiều, đấu tranh mạnh”. Tôi đang ngồi thái khoai để mai đem phơi thì nghe thấy tiếng hô và tiếng trống ếch đã đến sau nhà. Như mọi lần, tôi cũng chẳng để ý đến làm gì, vì đó là chuyện của người ta. Nhưng rồi có một việc khiến tôi không thể ngồi yên được, buộc tôi phải bí mật xuống chuồng bò nhòm qua lỗ tò vò để nhìn xem chuyện gì vừa xảy ra. Tôi thấy lúc ấy, đám thiếu nhi đang đi theo đội ngũ chỉnh tề, bỗng phá hàng chạy nháo chạy nhào, đưa tọt vào vườn nhà tôi, đưa tạt xuống bờ ao khoai ngứa. Cứ như dòng kiến lửa đang chuyển động bỗng bị chặn ngang. Có đứa ôm đầu khóc hu hu: “Nó ném gạch trúng đầu tôi rồi”. Lại có tiếng kêu: “Nó ném cả cứt bò nữa. Đúng là quân phản động phá hoại rồi”. Tôi chưa kịp trốn ra khỏi chuồng bò, đã thấy đám thiếu nhi ập vào nhà kín cả sân. Chẳng biết vì lý do gì mà ngay lúc đó lão Kèn có mặt. Lão nhảy tọt vào chuồng bò lôi tôi ra, lấy dây thừng trói tôi lại rồi dong đến giam trong buồng nhà căn nhà rách nát của bà Tụ hiện bỏ không sau khi gia đình bà được Đội Khoảnh cho dọn sang ở nhà chú Bẫy tôi. Lão Kèn trói chặt tôi vào chân chiếc cột nhà bằng cây xoan chôn chặt xuống nền nhà. Suốt cả đêm hôm ấy tôi tìm mọi cách để tháo dây trói mà không sao làm được. Có lúc tôi làm cột nhà rung lên như động đất khiến mấy người du kích canh gác bên ngoài sợ quá phải chạy đến lấy roi quất tới tấp lên người tôi, tôi mới chịu yên. Tôi cứ bị trói như con chó như thế cho đến chiều hôm sau thì nghe có tiếng la thất thanh từ ngoài ngõ. Tiếng của

En: “Anh Khoảnh, anh Kèn đâu rồi, có thả người ta ra không. Em gái của người ta đang sắp chết kia kìa”. Nhờ đó mà tôi được tạm tha về nhà và rồi sau đó được tha bổng, do En đã điều tra ra kẻ ném đá giấu tay hôm ấy và dọa sẽ thưa lên Đoàn ủy Đoàn Cải cách ruộng đất. Đó chính là lão Kèn làm theo lệnh của Đội Khoảnh. Chẳng biết có phải vì hấn trả thù tôi về vụ “nhòm trộm” cuộc hủ hoá của hấn với chị Nghiệm hôm nào hay vì cái vụ tôi giải thoát En ở bờ ao Đào hôm ấy. Có lẽ vì cả hai.

Tôi về đến nhà thì em út tôi, cái Thân đã mệt lắm rồi. Nó bị đói lả vì từ hôm qua đến giờ, tôi bị bắt, nhà không còn hạt gạo để nấu cháo, cái Ngân đành phải nhai khoai sống mớm cho nó. Đã vậy lại còn cho nó uống nước lã, bị ỉa chảy suốt từ sáng đến giờ, không có thuốc cầm. Rồi em tôi chết trên tay tôi. Tôi có hỏi sao không cho em ra trạm xá. Ngân trả lời: “Nó có ra mời nhưng ông Đám, y sĩ, sợ liên quan không dám vào nhà”. Cũng vì thế nó phải đánh liều sang tìm chị En, người mà nó biết lâu nay vẫn còn chút cảm tình với gia đình tôi. Nhưng En cũng chẳng biết làm gì hơn là đến chỗ giam cầm xin cho tôi về.

Đêm ấy, mẹ tôi cũng được tạm tha nhưng Đội Khoảnh chỉ cho phép được ở nhà đến trưa hôm sau, khi đã chôn cất em tôi đâu vào đấy.

Lại cũng đêm hôm ấy, tôi phải phá cái tủ sách, vốn làm bằng thùng sữa Nestelé, để đóng cho em tôi cỗ ván nhỏ rồi lên sang nhà ông Khán Vĩnh nhờ ông giúp đưa em tôi ra đồng. Chúng tôi dám tổ chức đưa đám em tôi vào ban ngày, sợ bị phá đám sẽ làm tủi vong linh em tôi thêm một lần nữa.

Đêm ấy, trăng sáng mờ mờ, ông Khán Vĩnh cấp cái quan tài nhỏ xíu của em tôi đi trước, ba mẹ con tôi lẻo đẻo theo sau, lặng lẽ không dám gây thành tiếng động. Sợ ông bà nông dân biết, nghĩ chúng tôi đem vàng đi chôn giấu, rồi bắt đào mộ em tôi lên thì khổ cho nó quá. Chết rồi mà vẫn chưa được yên thân.

Chôn cất em tôi xong, mẹ tôi lại phải vào tù đường họ Đặng, để tiếp tục việc đút chân vào cùm thụ án. Còn tôi, cũng từ hôm đó buộc lòng phải nghỉ học, bỏ dở cái lớp 6 chỉ còn hai tháng nữa là kết thúc, mặc dù tiếc ngơ tiếc ngẩn. Phải 3 năm sau, tôi mới trở lại

trường, khi tôi lớn hơn những đứa cùng lớp tới bốn năm tuổi.

Trong suốt 2 tháng 10 ngày mẹ tôi bị giam ở tù đường họ Đặng, tôi chỉ đem cơm được khoảng 10 bữa, còn lại là em gái tôi. Tôi yếu bóng vía, mỗi khi nghe lách cách, loảng xoảng tiếng mở cùm, mở xích, tôi không chịu nổi.

38.

Em gái tôi còn phải mang cơm cho mẹ hàng tháng nữa. Công việc chỉ chấm dứt vào một buổi trưa đầu hạ, khi mưa xuân vừa tạnh, nắng mới vừa lên. Anh em tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi xĩa răng, uống nước thì bỗng thấy ngoài ngõ rộn lên mỗi lúc một gần tiếng trống ếch của đội thiếu nhi. Chúng tôi vừa chạy cả ra ngoài hè thì đã thấy lù lù tiến vào sân cùng với đội thiếu nhi mũ calô đội lệch là những ông cán bộ xóm, cán bộ xã, ông Cấp, bà Đề, lão Kền, thằng Tạo mắt lác, thằng Quýt, thằng Thao... hàng ngũ chỉnh tề đi đều một hai theo nhịp trống ếch.

Với vẻ ngoài đờ đờ sát khí, họ rầm rập bước vào sân nhà tôi. Như nước chảy đến chỗ trũng, mảnh sân gạch nhỏ nhà tôi trong nháy mắt đã đầy ắp người.

Đội Khoảnh đi thẳng đến trước mặt tôi. Trỏ một ngón tay vào mặt tôi, ông ta nói, giọng hách dịch:

- Đám con cái nhà Lân! Hôm nay toà án nhân dân đặc biệt đến đây xét xử con mẹ của chúng mày, hiểu chưa!

Đội Khoảnh vừa nói xong và trong khi chúng tôi chưa kịp hiểu ra sự việc gì thì sau một cái hát hàm, đám thanh niên trong xóm từ ngoài sân đã chạy ùa vào nhà, khiêng ra cái bàn lâu nay vẫn làm chỗ học của anh em tôi.

Lại một lần nữa, lòng tôi hụt hẫng khi nhìn thấy Én thập thoảng trong đám sai nha này. Rồi tôi lại tự xấu hổ với tôi khi chợt nhớ ra, trên mặt bàn còn nguyên dòng chữ tôi mới viết tôi hôm qua, vào lúc lòng buồn man mác. Đây là bài hát của nhạc sĩ nào và do ai dạy lại, tôi không biết. Tôi chỉ thấy nó hợp với lòng tôi thì tôi thích và bạ chỗ nào thấy viết được là tôi lại viết bài hát ấy ra :

“Hãy trả lời lòng anh mấy câu, tình duyên với em trong kiếp nào”, rồi “Gió chiều thắm vương bao nhớ nhung, người yêu thoáng qua trong giấc mộng” .

Những câu hát này tôi đã từng hát cho En nghe trong những lần hai đứa ngồi bên nhau trước ngày Đội về xã. Tôi hát không hay, giọng không trong trẻo nhưng sao cứ mỗi lần cất lên những lời ca ấy tôi lại không nhận ra đây là giọng của tôi, phát ra từ cổ họng của con người tôi. Mà là tiếng hát của ai đấy, từ đâu đưa lại, là tiếng hát trái tim đang đập chung một nhịp của hai đứa.

Nhưng hôm nay, đứng đây, trong nỗi tủi nhục mà bản thân tôi đang gánh chịu, tự trong lòng tôi cứ cầu mong En đừng bao biết đến những dòng chữ tôi viết ấy, đúng hơn, En không nên biết đến tâm trạng tôi lúc này. Bởi đó là lúc trong tôi đang giằng xé hai trạng thái: vừa muốn xa En lại vừa muốn gần, muốn quên lại muốn nhớ, muốn mất lại muốn không.

Bàn ghế và những thứ liên quan cho một phiên toà đã được bày biện xong.

Đội Khoảnh bước lại “sân khấu” (có thể gọi như thế) vỗ hai tay vào nhau nói lớn:

-Tất cả trật tự. Ai nấy ngồi vào vị trí của mình. Riêng gia đình địa chủ Lân thì không được phép ngồi mà phải đứng cả về phía sau.

Mọi người, kể cả những đứa trẻ khóc chí choé đều ngồi bệt xuống sân gạch.

Đội Khoảnh tuyên bố lần nữa:

-Mời hội đồng xét xử ra làm việc.

Ong ta vẫy tay một cái và như phép màu của lão phù thủy, từ căn bếp nhà tôi chui ra lóc nhóc ba bốn người vừa đàn ông, đàn bà. Mặt người nào cũng thộn ra như những bị thọt. Tôi nhận ra bà Đề, ông Cấp, ông Dụng và cả lão Kèn nữa...những vị thẩm phán từng ngồi tại nhiều phiên toà xét xử bọn địa chủ và bọn phản động ở quê tôi lâu nay. Ông Bùi Rính, một nhà thơ dân gian ở quê tôi đã có lần tức cảnh thành về về cái hội đồng “chuột” này : “Ông Dụng, bà Rốt, bà Đề...Ông Tảo ngồi giữa ngựa nghè làm sao- Bà Đề lên tiếng gắt gao- Mau mau mày nói cho tao tỏ tường”.

Thấy các vị thẩm phán vừa yên vị trên mấy cái ghế xộc xệch của nhà tôi, Đội Khoảnh liền phẩy tay một cái, lại như thầy pháp điều khiển âm binh, từ gian chuồng bò bỏ không lâu nay, mẹ tôi được mấy người du kích áp giải ra.

Tôi không biết họ bí mật giam mẹ tôi vào đây từ lúc nào. Mẹ tôi bị dẫn đến trước mặt hội đồng xử án. Cho đến mãi mãi sau này, tôi vẫn không thể nào quên được vẻ mặt của mẹ tôi hôm ấy. Trắng bủng như con tằm ốm. Nhẽo nhọt như người chết trôi. Tôi không ngờ mới có mấy chục ngày bị gia cầm mẹ tôi đã già đi nhanh thế. Trông hốc hác cứ như bà cụ tuổi bảy mươi mặc dù năm ấy mẹ tôi mới hơn bốn chục tuổi.

Mẹ tôi bị trói quặt hai tay ra sau lưng, còn hai cổ tay dang trước thì bị còng bằng chiếc gông tre. Bà không thể nào đứng thẳng lên được nên cứ phải lom khom giữ thăng bằng cho người khỏi đổ xiêu về phía trước.

Nhìn mẹ tôi bị hành hạ, tôi chỉ muốn thét lên: “Cùng là con người với nhau mà sao các ông ác thế. Với lại các ông không biết mẹ tôi là đàn bà chân yếu tay mềm hay sao”.

Lại nhớ đến chuyện xảy ra với bố tôi hồi ông chưa bỏ nhà trốn đi. Hôm ấy, vừa lội xuống ao, định sửa lại mấy cây nửa ngáng chuồng bò bị gió làm đứt, thì ông nghe thấy Đội Khoảnh đang tấp trên cầu đá gọi:

-Lên, lên tao bảo !

Bố tôi lên bờ . Đội Khoảnh vẫn đứng tồng ngồng dưới bậc đá, hát hàm bảo:

-Về lấy cho tao sợi dây thừng !

Nghe thấy ông ta nói thế, bố tôi sợ quá. Thừng với sợi thế này thì chỉ có là để bắt trói giải đi chứ còn làm gì nữa. Biết thế nhưng bố tôi vẫn phải vội chạy về, lôi trên gác bếp xuống bó dây thừng tre, đầy bồ hóng, đem ra. Bố tôi hồi hộp chờ xem ông Đội sẽ làm gì mình lúc này. Bất, áp giải đi chằng. Vậy mà không, ông ta lại đưa lại cho bố tôi sợi dây thừng mà ra lệnh:

- Kỳ cho tao cái lưng.

Hoá ra ông ta không có khăn tắm.

Khô, chỉ có thế, mà làm cả nhà tôi sợ xanh mặt, làm em gái tôi

phải ôm chầm lấy bố tôi mà gào thét: “Không ai được bắt thầy tôi. Trả thầy tôi đây”, còn chúng tôi thì tới tấp chuẩn bị mọi đồ dùng cá nhân, trong đó có cả chiếc điều cày, cho bố tôi đi tù.

Mẹ tôi được dẫn ra đứng giữa sân, được tháo còng, cởi trói. Những người trong hội đồng xử án đứng cả lên. Một cuộc đấu tố bắt đầu. Những người được bố trí từ trước thay nhau nắm tóc, kéo xụp đầu mẹ tôi xuống, con mắt của mẹ vừa nhìn thấy đất thì mặt đã bị kéo ngược lên bắt phải ngẩng lên trời. Vẫn chưa thoả, họ còn kéo tai, hét vênh sang trái lại vênh sang phải. Sau mỗi cử chỉ là một câu quát tháo, lặp lại từ các cuộc đấu tố khác: “Mày cúi mặt xuống. Mày vênh tai lên. Mày...mày... có nhớ không? “.

Xong phần tố khổ là đến phần luận tội và kết án. Bà Đề cầm tờ giấy lên đánh vắn mãi mà chẳng đọc nên lời. Đội Khoảnh phải giật lấy đọc thay:” Toà án nhân dân đặc biệt huyện Hôm nay là ngày ...” . Tôi không chú ý đến những điều ấy lắm, chỉ nóng lòng chờ xem người ta sẽ phạt mẹ tôi bao năm tù và tài sản nhà tôi sẽ bị tịch thu, trưng thu hay trưng mua.

Thật không ngờ, mẹ tôi bị tuyên phạt tới 3 năm tù giam nhưng cho hưởng án treo và bị tịch thu toàn bộ tài sản.

... CÒN TIẾP ...
NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Tám .

39.

Mẹ tôi vừa được cởi trói tháo còng ngay tại trong sân nhà thì cũng là lúc toàn bộ của cải nhà tôi từ cái chum đựng thóc, cái bàn, cái giường đến những thứ gọi chung là chổi cùn rế rách đều được mang hết ra sân, xếp thành hàng thành lối và được mấy thanh niên trong đó có cả Én, đem tờ giấy kê biên hôm trước ra đối chiếu kiểm tra lại từng món. Khi họ hô lên tiếng “hai cái màn”, và người kiểm tra báo lại “đủ”, tôi đã hơi giật mình. Chẳng ai nhận ra sự

gian trá của tôi nhưng tôi vẫn cứ cảm thấy xấu hổ.

Những cái gọi là tài sản của nhà tôi, to như cái nhà, nhỏ như cái nồi đều được dán hoặc đeo vào một tờ giấy hồng điều viết hai chữ QUẢ THỰC. Như đã nói ở trên, đây là danh từ lần đầu tiên xuất hiện trong ngôn ngữ nước ta và sau đó cũng không thấy ai nhắc lại nữa. “Quả thực” nghĩa là gì? Là kết quả có thực hay một hiện thực có kết quả? Chịu chả hiểu nổi. Sau này, tôi hỏi, chả thấy ai trả lời rành rọt được. Hình như đó hai chữ được sinh ra từ cuộc cách mạng điền địa bên Trung Quốc, bên ta cứ thế bê nguyên si sang.

Thật bất ngờ, đúng lúc đó, tôi lại gặp được con bò thân yêu của tôi. Cả tháng nay, sau cái lần tôi bị ông bà nông dân đuổi bắt, tôi đã không trông thấy nó. Nó được dẫn từ ngoài ngõ vào, lộp cộp gõ móng oai vệ xuống nền sân gạch. Hôm nay trông nó khác quá. Hình như tươi tỉnh và béo tốt hơn. Người ta cũng dán tờ giấy hồng điều có hai chữ “quả thực” lên trán nó, chỗ có đốm lông trắng quen thuộc. Lúc con bò được dẫn ra giữa sân cũng là lúc đội thiếu nhi gióng lên hồi trống ếch mạnh mẽ, rộn ràng. Con bò sợ quá, co rúm người lại và lập tức từ đít nó phụt dài ra một luồng chất lỏng đen đen, thối hoăng. Nhưng hình như lúc ấy chẳng ai để ý đến cái điều vừa phạm thượng vừa mất vệ sinh này. Tất cả lỗi tai, con mắt đều đang đổ dồn vào cái mồm rộng hoác vêu vao như mồm cá ngão của lão Đội Khoảnh. Ông ta đang công bố danh sách những người được chia “quả thực”. Nào là: “Ông Cấp, ông Toàn, hai hộ chung nhau con bò”. Nào là: “Căn nhà gỗ lim 7 gian sẽ được chia lại cho gia đình ông Kèn 4 gian. 3 gian còn lại dành cho cụ Vĩnh và cô En. Còn vườn chè thì ông Dụng một nửa, bà Rốt một nửa...”

-Thế còn của nhà tôi đâu?

-Tôi không được cái gì à?

- Lão Dụng giả nghèo giả khổ đấy. Tôi chuyên thấy hắn ra chợ Thông uống rượu, ăn thịt chó.

Ông bà nông dân tranh giành của cải cãi nhau như đám mổ bò.

Đội Khoảnh buộc phải đứng lên hè vỗ tay nói lớn:

- Bà con trật tự. Rồi đâu có đấy. Xóm ta còn những 5 địa chủ nữa kia mà. Ai còn phá quấy, tôi cho du kích gô cổ lại đấy.

Đã tưởng mọi người tạm im. Nào ngờ, ông Khán Vĩnh lập cập đứng lên:

-Dạ, thưa Đội, nhà cháu xin không nhận mấy gian nhà ấy ạ. Vì nhà cháu đã có nhà rồi.

Mọi người trở mắt nhìn ông Khán Vĩnh như nhìn một sinh vật lạ.

Đây cũng là lúc mẹ con tôi đang nóng lòng chờ xem Đội sẽ giải quyết chỗ ở cho chúng tôi thế nào. Mấy hôm nay, với các gia đình địa chủ, sau khi tịch thu tài sản xong, Đội thường chừa lại căn bếp cho họ. Như vậy mẹ con tôi chắc chắn sẽ được Đội cho lại căn bếp, vừa chật vừa nóng như cai lô cốt ấy!

Chiều hôm ấy là một chiều tan nát . Một gia đình bền vững nòi đồng cối đá, nhà ngói cây mít như nhà tôi bỗng chốc tan vỡ, phân ly. Bố tôi thì đến nay vẫn không biết lưu lạc, sống chết ra sao. Cái bát, chiếc tô, nắm đũa, mọi bữa vẫn được úp chung với nhau trong cùng một chiếc chạn, bây giờ phải xa lìa nhau, cái theo bà Rốt, cái đến nhà bà Đề. Và cả con bò yêu quý của tôi nữa, chiều nay không biết nó phiêu bạt đến đâu?

Mắt tôi cay xè, cổ tôi nghẹn đắng.

Trước khi rút đi, Đội Khoảnh còn lệnh cho lão Kèn bật lửa đốt đi đám sách chữ nho của ông nội tôi để lại, được những người đến tịch thu tài sản nhà tôi gom lại chất thành đống to lù lù ở một góc sân. Đội Khoảnh giải thích với mọi người rằng đó là “Văn tự ruộng đất của giai cấp địa chủ”, cần phải tiêu hủy sạch sành sanh. Tôi định cãi lại rằng, không phải thế, vì ngày nhỏ từng được học chữ nho tôi biết được trong đám văn tự này có quyển là Tam Quốc Chí, truyện Tàu nổi tiếng của Trung Quốc, có quyển là Kim Vân Kiều truyện của Việt Nam, nhưng Đội cấm không cho nói, tôi

đàn đung im âm ỨC, bắt lực nhìn những cái lưỡi bằng lửa của con quái vật chập chờn đang nhanh chóng liếm đi hết trang sách này đến dòng chữ kia.

Mấy mẹ con tôi quét vôi căn bếp đầy bồ hóng rồi kê vào đáy chiếc giường tre ọp ẹp, xiêu vẹo, vẫn bị vút lay lắt ở góc bếp, Đới vừa tuyên bố cho lại, cho mẹ và em gái tôi nằm. Còn tôi thì đã có cái nong vẫn dùng để phơi đồ. Đêm hôm ấy và những đêm sau, để nằm cho vừa, tôi cứ phải cong người lại như con tôm.

Đêm đầu tiên xuống bếp ở thật lảm chuyện dở khóc, dở cười. Lúc chập tối vừa nằm xuống thì giông gió nổi lên, cả một tầng bồ hóng to như nắm giẻ đen chụp xuống mặt đũa em út tôi làm nó không sao mở mắt ra được. Nó khóc và nước mắt lại sôi đen biến nó thành cái mặt hề làm cả nhà không nhịn được cười và nó đang khóc cũng phải cười theo. Nhưng sau đó thì cả nhà tôi không còn ai cười được nữa. Mưa to quá, nước chảy lênh láng vào nhà, tràn lên cả chiếc nong tôi đang nằm. Cả nhà tôi phải dón cả vào chiếc giường ọp ẹp, chật hẹp. Chúng tôi đành thức ngồi chờ sáng. Nửa đêm hôm ấy, mẹ tôi kêu thất thanh:

-Trộm ! Các con ơi trộm ! Khổ quá, mất hết rồi, còn gì đâu mà trộm đến.

Chúng tôi dù sợ run như cây sậy nhưng vẫn còn đủ bình tĩnh để nhận ra tên trộm ấy là một ông già.

Mẹ con tôi vùng chạy ra ngoài sân. Mưa đã tạnh. Anh trăng hạ tuần đủ soi cho tôi nhìn thấy kẻ tên trộm ấy là ông Khán Vĩnh. Ông ngồi thụp xuống trước mặt chúng tôi, hai tay xá vào mẹ tôi lia lịa:

- Con là Vĩnh đây. Con đến đây để tạ tội với ông bà và các cô, các cậu.

Mẹ tôi luống cuống đỡ ông đứng dậy rồi nói như xin lỗi:

-Ấy chết, sao ông lại làm thế. Ngày trước cũng đã không được rồi, nói gì hôm nay, chúng tôi khác gì con chó, con bò...

Ong Khán Vĩnh vẫn không chịu đứng lên, vẫn cứ giữ nguyên thái độ lễ phép ban đầu:

-Dạ thưa, đứa nào nó hỗn láo với bà và các cô, các cậu thì trời đất quý thần sẽ vạ cổ nó. Còn chúng con thì xưa nào nay thế, có cho vào cối giã nát, tấm lòng của chúng con đối với ông bà và các cô, các cậu vẫn không hề thay đổi.

Mẹ con tôi đành cùng ngồi xụp xuống nền sân gạch với ông. Ông lại nói tiếp, giọng thều thào:

-Thằng con giai con trưa nay nó tố bà là nó tố điêu đây. Nó nghe người ta xúi có tố nhiều thì mới được chia nhiều quả thực nên nó mới ngu dại như thế. Con đã bảo với nó nhiều lần mà nào nó có chịu nghe đâu. Con bảo rằng năm đói không có ông bà bên này bớt mồm bớt miệng thì cả nhà mình chết nhăn răng cả rồi.

-Thật là quân ăn cháo đá bát ! *

Nghe ông nói chúng tôi sợ quá. Tai vách mạch rừng, vạ miệng như chơi. Chúng tôi đã giả vờ đứng lên để ông đừng nói thêm nữa nhưng ông vẫn chưa thôi:

-Bà ơi, trưa nay nhìn thấy thằng con của con nó nắm tóc, bẹo tai, ấn đầu, xỉ nhục bà, con đau lòng lắm. Thà nó làm thế với con, con còn mát dạ hơn.

Ông Khán Vĩnh vẫn còn muốn nói nữa. Tôi đành bịa ra chuyện có người đang rình rập nghe ngóng ở ngoài vườn chè. Ông chịu đứng dậy ra về, nhưng đi rồi, vẫn quay lại chĩa miệng về phía vườn chè chửi đồng :

-Mẹ cha quân khôn kiếp, rình với rập. Ông có sợ cái con c... đây này.

Đêm hôm ấy lại thêm một lần nữa tôi bối rối. Những gì vừa xảy ra đối với chúng tôi là gì nhỉ? Thực hay hư? Bi hay hài? Đúng hay sai? Cách mạng hay ngược lại? Chịu.

Tôi lại thắp lên 3 nén nhang, gióng 5 tiếng chuông và gõ 7 tiếng mõ. Tiếng En lại hiện về:

Anh yêu thương của em! “Hãy trả lời lòng anh mấy câu-Tình duyên với em trong kiếp nào”. Sao anh lại viết câu hát ấy ra mặt bàn học của anh. Anh tưởng sẽ không có lúc em đọc được câu hát ấy của anh hay sao. Chỉ có điều em phải đọc nó trong một trạng thái không bình thường, trong lúc em thì vui cười, còn anh thì đau khổ và uất ức. Mà em đã nói với anh nhiều rồi mà. Tình duyên của chúng ta là ở kiếp này, ở ngày hôm qua và ngày hôm nay, chứ không ở kiếp nào khác đâu, dù kiếp này, chúng ta không đến được với nhau. Anh ơi, em xin được kể lại với anh chuyện này nhé. Tối hôm qua, lão Đội Khoảnh đến nhà em, bỗng dưng bắt em chép rồi học thuộc lòng một bài thơ không biết lão ta học được từ ở đâu ấy, có nội dung thế này: “Anh đã trót yêu con địa chủ. Lỡ yêu rồi biết bỏ làm sao...”. Hình như lão ta muốn răn đe em. Nhưng em không sợ. Vì có gì mà phải sợ anh nhỉ! Em bảo với anh ta, nếu có tội thì địa chủ mới là kẻ có tội, chứ con cái người ta thì tội tình gì. Lão bảo, tội “liên quan”. Đấy, anh thấy đấy, người cầm cân nảy mực ở một xã mà còn thế, trong luật cải cách ruộng đất làm gì có cái tội này. Cho nên những người sinh ra trong một hoàn cảnh như anh lúc này khổ sở là chuyện tất nhiên anh à. Lúc ấy, em với nói với lão ta, giả sử em yêu anh con trai nhà địa chủ thì anh tính sao đây. Đội Khoảnh cười, nửa đùa nửa thật: “Thì tôi sẽ nâng thành phần gia đình cô từ bần nông lên địa chủ cho ngang bằng với nó! Xóm Quyết Thắng tôi phụ trách này, chỉ tiêu trên giao là phải có 9 địa chủ mà tôi mới tìm ra được có 7 đây”. Nghe thế, em mới giật mình hỏi lại lão: “Vậy ra quy định một gia đình có là địa chủ hay không là do chỉ tiêu trên giao và tùy thuộc vào ý muốn của các anh, chứ không phải do họ có nhiều ruộng đất, hoặc có bóc lột hay không”. Đội Khoảnh cười ruồi, phụ họa: “Và phụ thuộc vào tài năng của từng ông cán bộ Đội. Giống như người bác sĩ ấy, có giỏi mới phát hiện ra những con vi trùng, con giun con sán đang ẩn náu trong từng cơ thể con người. Nếu không cứ thấy béo tốt tướng là

khỏe mạnh!”. Thảo nào, ông Toạ chuyên giết thịt lợn xóm ta hôm kia đang là trung nông hôm nay lên địa chủ, anh nhỉ! Em nói lại với Đội Khoảnh nhưng không thấy lão ta đáp lại. Cải cách ruộng đất ở quê mình là thế đó, đấy anh.

41.

Rằm tháng 7 âm lịch, ngày “xá tội vong nhân”, người ta nói ngày này dưới âm phủ, Diêm Vương xoá án giảm tội cho những linh hồn không may bị đày xuống đây. Mẹ tôi bảo, người ta cúng các cô hồn, chả lẽ mình không. Nhưng biết lấy gì mà cúng trong khi tiền chẳng có mà gạo cũng không. Rồi mẹ tôi bảo xem trong nhà có thứ gì có thể giấu được trong người thì tìm cách đem xuống chợ tỉnh mà bán.

Tôi lục lọi mãi mới thấy được hai món đồ là chiếc kính râm của bố tôi và chiếc bút máy Oerovơ lâu nay tôi vẫn dùng đi học.

Giấu hai thứ đó vào cặp quần, chờ đến lúc trưa tròn bóng, tức là lúc mọi người nhà nào về nhà ấy nghỉ ngơi, cơm nước, tôi mới lên ra khỏi cổng làng. Rất may chả có ai hỏi gì tôi. Dù vậy, tôi vẫn hồi hộp vừa đi vừa ngoái lại phía sau. Tôi sợ có người chạy theo bắt lại vì tối hôm qua không hiểu vì cơ gì mà lão Kèn lại sang nhà đứng ngoài chỗ mồm nói thách mé ngày hôm nay Đội cấm ngặt không cho bất cứ một người nào trong gia đình tôi được ra khỏi nhà. Lão nói xong đi ngay không một lời giải thích nên chúng tôi cứ nghĩ chắc gần đến ngày quốc khánh, sợ bọn phản động phá hoại lễ lạt nên Đội mới ra lệnh thế chẳng nên cứ đánh liều ra đi.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, tôi xuống đến thị xã. Phố xá vắng lặng rợn người. Mỗi cơn gió thổi hun hút trên đường phố tôi cứ có cảm giác nó đang được khởi hành từ làng tôi mang theo một nỗi buồn hiu hắt.

Đang đi trên hè phố, bỗng tôi giật mình, vì thấy người đàn bà bán

chè đỗ đen kia trông giống mẹ thằng Hùng, bạn tôi quá. Cách đây 3 năm, khi học lớp nhì trên thị xã, tôi ở với dì của tôi, thuê chung nhà với mẹ thằng Hùng. Chúng tôi thân nhau lắm, thường ăn chung một miếng ăn, chơi chung một khẩu súng bắn pháo xiết. Hoà bình lập lại, tôi về quê, còn Hùng vẫn ở lại thị xã với mẹ. Quê quán của nó ở đâu tôi không biết và mẹ con nó cũng chẳng biết quê tôi ở đâu. Vậy mà không hiểu vì sao, cách đây ít ngày, từ thị xã tin bay về làng tôi rằng, mẹ thằng Hùng trong buổi “Tổ khổ hỗ trợ nông dân” của những người buôn thúng bán mẹt đã gào thét: “Thằng con trai tôi, khổ lắm, nó từng bị thằng bạn ở cùng nhà nghe đâu bây giờ là con địa chủ thường xuyên chĩa súng pháo xiết vào người, bắt giơ tay lên và bắt làm tù binh giải đi. An hiệp người ta đến thế là cùng”. Vậy đó, trò trẻ con lúc này cũng bị nâng lên thành vấn đề giai cấp.

Tôi lấy nón lá che mặt đi qua chỗ mẹ thằng Hùng.

Đi được một quãng thấy người ta đang xúm đen xúm đỏ xem xét một cái gì đó, tôi cũng ghé vào. Một cái tủ lưới mắt cáo bày bức ảnh chụp cảnh xử tử một “tên địa chủ cường hào gian ác” phạm tội “âm mưu giết mìn phá hoại công ngăn chặn Trà Lân”. Mới nhìn mà đã sồn da gà. Sao mà giống bố tôi thế. Cũng cái lưng còng. Cục yết hầu to như quả ổi. Mắt hoa lên, chân tay bủn rủn, tôi đứng không vững, phải ngồi thụp xuống hè phố. Một người đàn ông nhìn như soi vào mặt tôi. “Thằng này, con trai mà nhát”.

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kỳ thứ Chín .

42.

Tôi nhận lấy từ tay ông hàng kính ba đồng rưỡi tiền bán chiếc bút máy và chiếc kính râm. cầm được tiền rồi tôi hối hả chạy thẳng đến cửa hàng mậu dịch bên chợ Bo mua một cân rưỡi gạo

nếp, rồi vào chợ mua thêm nải chuối tiêu chín, gói hoa ngâu, mấy thẻ hương và một xấp giấy tiền. Cho tất cả vào chiếc bị cói, ba chân bốn cẳng tôi chạy về làng. Cứ nghĩ đến cảnh chiều nay mẹ tôi được rửa lại cái chỗ bị bỏ mốc meo từ ngày Đội về đến giờ để đồ xôi, anh em được bày lại mâm cỗ cúng và được một tay chim chim nắm xôi, một tay tống vào ngậm miệng miếng chuối tiêu trúng cuộc là tôi thấy chả còn gì vui hơn là được về làng. Với lại vui nhất là ngày hôm nay, tàn bạo như Diêm vương còn nghĩ đến chuyện ân xá cho tội đồ, nữa là với cán bộ cách mạng như những ông Đội.

Cây cầu Thắm, bắc qua con sông đào vào làng tôi đã hiện ra trước mắt. Tôi vui vẻ bước lên cầu. Không ngờ từ xa chạy lại hai cô du kích, áo bà ba, dây da thắt ngang bụng, từ xa vác súng trường chạy tới.

- Trong làng có đầu trường, không được đi lối này mà phải vòng theo lối mả Vằn kia!

Tôi nhìn về phía chợ Thông, đầu làng tôi. Đồ rục một rừng cò, rừng băng biển, khẩu hiệu và đen sì một biển người, cơ man là người, đông hơn cả phiên chợ ngày giáp tết.

Họ “thiết quân luật” thế này, chắc là có xử bắn, xử chém gì đây. A, đúng là thế rồi, nếu không sao hôm nay Đội lại cấm gia đình tôi ra khỏi nhà. Nghĩ thế chân tay tôi cứ rùn cả ra.

Mấy hôm nay các xã liên tục diễn ra các cuộc hành hình địa chủ. Mới hôm kia là trảng tiếng súng nổ khô đánh vọng lại từ xã Minh Quang, chung cánh đồng với xã tôi. Người ta bảo đó là tiếng súng xử tử ông Cừ Giảng. Ông Cừ Giảng tính tình hiền lành, nho nhã. Mẹ tôi vẫn thường bảo, cái tước “Cừ” ấy, chẳng qua chỉ là sự mua danh bán tước thời trước. Mà có được cái đấy để ra oai với làng nước, ông đã phải bán đi cả 6 mẫu khoai lang nên nhiều người ở vùng tôi cứ gọi đều ông là ông Cừ Khoai.

Khổ thân ông, ngày xưa, ông sang trọng với cái hư danh ấy thế nào không mấy ai biết nhưng giờ đây ông khổ vì nó thì nhiều người chứng kiến.

Xử tử ông Cửu Giảng hôm trước, hôm sau có một người ở Mỹ Bồng xuống cánh đồng làng tôi bẫy chim xâm giun, thấy vắng vẻ, đã ghé tai lúc tôi đang xới lúa giữa đồng, nói nhỏ:

- Ông Hàn Lon bị bắn chiều hôm qua rồi. Khổ, già rụng hết răng mà còn bị tố là phạm tội hiếp dâm.

Cụ Hàn Lon là thân phụ người vợ trước của bố tôi. Mẹ tôi là vợ kế, bố tôi cưới, sau khi bà trước mất đã được ba năm. Tuy vậy, chúng tôi vẫn gọi cụ bằng ông (ông ngoại) và cụ cũng coi chúng tôi như những đứa cháu ruột thịt. Cũng như ông nội tôi, như ông Cửu Giảng, “Hàn” chẳng qua cũng chỉ là trò mua danh bán tước.

Nếu được nói tóm lược một câu về người ông ngoại bất đắc dĩ này của tôi, tôi xin nêu: đây là một trong những con người khổ nhất trần gian.

Bởi lẽ ở đời có hai cái thuộc hàng sung sướng của mỗi con người, là cái ăn, cái ngủ. Thì, đây cái ăn, như bố tôi thường kể, dù trong nhà có ba bốn cái ao, xây gạch quanh bờ, cá đầy đặc như rươi chỉ cần rắc vài hạt cơm là có thể xúc lên cả rổ. Vậy mà chỉ khi nào cá chết (do mật độ dày quá) nổi trắng, trương phềnh... bản thân cụ và đám con cháu, người làm mới được vớt lên ăn. Còn cơm. Cũng thế. Toàn thứ gạo mục chất trong kho hàng chục năm liền. Đưa bát cơm lên miệng, mùi mốc xực vào mũi, chỉ nhắm mắt mới nuốt nổi.

Và đây, cái ngủ. Bố tôi kể, cụ không bao giờ dám ngủ nằm. Mà là ngủ ngồi, dựa lưng vào tường mà ngủ, cái áo ba đờ xuy trùm người, bất kể mùa đông hay mùa hè, lạnh hay nóng. Hẳn là cả đời lo lắng, tính toán cho sự làm giàu, và tâm lý cảnh giác đề phòng mất của... đã tạo nên cho cụ thói quen kỳ quặc ấy.

Ngoài những nét vẽ kỳ dị tương về cụ Hàn Lon, bố tôi lần đầu còn hé mở cho tôi biết một bí mật về cụ mà đến lúc ấy chưa ai hay biết. Bố tôi biết được vì ngày xưa ông là con rể cũng được bố vợ tin tưởng chuyện gì cũng cho biết, việc gì cũng nhờ làm.

Thì ra trước ngày Cách mạng tháng 8 thành công, trong một lần lên Hà Nội chơi, tí từng thế nào, cụ lại sa vào nhà chứa đê rồi mắc phải cái bệnh bệnh lậu quái quỷ mà hồi đó, tuy mở bất cứ tờ báo nào cũng gặp những lời quảng cáo thuốc đặc trị nhưng kết cục cụ vẫn cứ phải bán đi hẳn nửa gia sản mà vẫn không sao thoát khỏi lưỡi dao oan nghiệt của bác sĩ, khi cực chẳng đã, phải cắt phéng đi gần hết cái của quý đó, để cuối cùng cụ trở thành người xạ thủ có đạn mà không có súng.

Vậy mà nay người ta lại khép cụ vào cái tội mà dù có muốn cụ không thể nào thực hiện nổi. Đã vậy người ta còn lấy đó làm cái cớ để xử tử cụ. Thật vô lý! Hết sức vô lý.

43.

Vậy rất có thể hôm nay người ta mở đầu trường xử án bố tôi.

Cách đây gần một tháng bố tôi đang xách hòm dao kéo đi cắt tóc rong cho đám trẻ con ở ấp Thiện Tùng, ven biển, thì bị một thanh niên với tinh thần cảnh giác cao độ ‘mỗi người dân là một người công an’ đang ngồi uống nước với đám bạn bè thấy người lạ, liền xông đến hỏi giấy tờ, bố tôi có tật giật mình, đã thật thà khai báo nơi tạm trú của mình, một gia đình trước đó mấy chục năm đã được ông nội tôi cuu mang cấp đỡ tiền bạc. Gia đình này cũng đang bị địa phương chụp mũ là quốc dân đảng nên khi nghe nói thế đã sợ quá khai hết lai lịch của bố tôi với xã sở tại. Đội của sở này lập tức thông báo về quê tôi. Hôm sau Đội Khoảnh đã cử lão Kèn đi xuống Tiền Hải bắt giải bố tôi về. Hôm hán cùng hai du kích xã dẫn giải bố tôi về làng, khôn khổ làm sao tôi lại phải

chứng kiến.

Chiều hôm đó, tôi đi chăn bò. Cái điếm đất đầu làng vẫn làm nơi cho du kích ngủ canh đêm vừa bị bão đổ sập, úp chụp cái mái tranh xuống vệ cỏ, thành chỗ tránh nắng đám trẻ chăn bò. Tôi nhớ mãi lúc ấy đuổi được con bò vào sâu trong mả Vần, tôi nằm dài trên cỏ đọc nghiêng ngáu cuốn sách nhỏ vừa bằng bàn tay, giấy đen sì, đầy cọng rơm, có tên ngoài bìa là “Hồ chủ tịch của chúng ta” của tác giả Nam Mộc mà tôi chẳng biết là ai.

Hình như đó là cuốn sách tôi mua được bằng tiền bán lá chè rụng tôi gom trong vườn mát mấy ngày mới có được. Mua ở hiệu sách của anh Thủy, lèo tèo dăm ba quyển.

Cuốn sách này và cuốn Luật cải cách ruộng đất như đã nói, là hai cuốn sách có được trong nhà tôi lúc ấy. Một cuốn cho tôi soi vào hiện tại, một cuốn cho tôi nghĩ tới tương lai.

Một cuốn buồn, một cuốn vui. Cuốn buồn vì thấy những dòng chữ ghi trong đó chẳng gì giống với hiện tại, là nói một đảng làm một nẻo, là nói rằng với với những gì hiện có thì gia đình tôi không thể nào là địa chủ được, vậy mà thực tế, đã là địa chủ, thậm chí địa chủ đầu sỏ. Cuốn vui vì tìm thấy trong đó một hướng đi và một nghị lực.

Đọc xong cuốn sách tôi thấy phấn chấn lạ thường. Tôi chui ra khỏi căn lều đồ chật hẹp và hôi thối. Nhưng chui ra rồi lại chui vào. Những câu khẩu hiệu kêu gọi phải tiêu diệt tận gốc cái giai cấp địa chủ mà gia đình tôi bị khoác vào đầu một cách oan uổng và vẻ mặt lạnh tanh đặng đặng sát khí của những người nông dân đang đi ngang qua trước mặt tôi kia, làm tôi mất hết cảm hứng, làm lan toả trong huyết quản tôi một nỗi chán chường vô hạn.

Tôi phải làm sao thoát khỏi hoàn cảnh này? Làm sao thoát khỏi cái làng Thông nhỏ bé này? Nhưng thoát để làm gì? Để chống lại

cái tôi yêu mến, tôn thờ hay sao? Không, không bao giờ muốn làm thế, thậm chí tôi còn sẵn sàng chống lại đến cùng nếu ai xúi giục tôi làm điều ấy. Nghịch lý là ở chỗ ấy. Trớ trêu là với những người đang coi tôi là kẻ đối nghịch kia, tôi lại đang muốn được đứng trong hàng ngũ của họ. Khôn khổ cho tôi là trong khi tôi muốn đi với họ, đi cùng với họ đến tận cùng thì họ lại cứ lăm lăm tìm cách lánh xa tôi, đánh đuổi tôi.

- Ôi rắc rối quá!

Tôi lại chui vào lều đọc sách. Rồi lại bỏ sách xuống và lại buồn bã chui ra. Bỗng tôi nhìn thấy một đoàn người từ trong làng đang rầm rập rông rảnh chạy phía cầu Thầm như chạy vỡ đê. Thấy lạ, tôi vội vã chạy theo. Tôi bước lên cầu đúng lúc có một người nhảy qua lan can định nhảy xuống con sông nước đang chảy cuồn cuộn. Bị dây thừng trói tay kéo lại người nhảy cầu treo lơ lửng tòng teng trong không gian như con ngóc bị mắc vào sợi dây câu. Đám du kích đi theo kẻ nhảy xuống sông, người xúm lại hò reo kéo “con ngóc” lên thành cầu. Và con ngóc ấy đã được lôi lên. Bấy giờ tôi mới nhận ra người vừa định nhảy sông tự tử ấy chính là bố tôi. Ông vừa bị giải từ Tiền Hải về.

Ngay sau đấy bố tôi tiếp tục bị giải về làng. Hai cánh tay vẫn bị trói chặt ra sau lưng bằng sợi thừng bò và thực sự bố tôi cũng đã biến thành bò khi người du kích áp giải cứ giật giật sợi dây thừng, điều khiển muốn ông đi nhanh hoặc chậm. Bố tôi vẫn mặc nguyên bộ quần áo gụ thường ngày. Tôi vẫn còn nhìn thấy “con trai” úp vó chặt bên trái cổ, cái khối u vẫn được dân làng đồn là: “Con trai ấy là báu vật trời cho của lão. Con trai càng to lão càng giàu”. Giàu đâu chả thấy chỉ thấy hôm nay đám trai làng hiếu kỳ cứ nhắm chỗ ấy mà đá, mà đập, mỗi lần đá lại thêm một tràng cười: “Này, báu vật trời cho này. Tao phải đập cho nó nát ra để chúng mày cùng nghèo cùng khổ như chúng tao!”. Mỗi lần họ đập đá, bố tôi chỉ còn biết co rúm người lại như con sâu.

Một lúc sau tôi thấy ông nằm duỗi duỗi như một xác chết.

- Nó giả vờ đấy !

Tôi không dám nhìn bố tôi nhưng cái bụng trắng ớn, trương phềnh, to kèn như bụng con lợn rọ của ông cứ đập vào mắt như buộc tôi phải chấp nhận sự trói buộc của số phận. Cái bụng ấy đang phồng lên xẹp xuống từng nhịp, từng nhịp.

Đúng lúc ấy, vâng đúng lúc ấy, tôi lại nhìn thấy Én ma ám của lòng tôi. Đã lâu lắm rồi hôm nay tôi mới lại thấy mặt nàng. Hình như nàng cũng tham gia đội du kích áp giải bố tôi về làng. Tim tôi nghẹn lại.

44.

Theo chỉ dẫn của cô du kích, tôi men theo cái lối mòn cỏ mọc um tùm hai bên đi đến đằng sau cái miếu có tên mà bọn trẻ chúng tôi rất sợ: miếu Am Hồn, ngôi miếu ẩn mình giữa mênh mông hai cánh mả là mả Vân và mả Cao, với hàng nghìn ngôi mộ nằm sát bên nhau lúc nào cũng như đang nằm im phục sẵn để chờ hễ có ai đi qua thì bật dậy quật ngã xuống mồ.

Không khí liêu trai đã ghê rợn. Càng ghê rợn hơn khi trước mắt tôi là một hình ảnh, đúng hơn một vật dụng mà trong đời con người không ai mong nó xuất hiện. Vật dụng ấy là... cỗ quan tài, gỗ còn rất mới và chắc chắn còn thơm nguyên mùi nhựa cây. Tôi bật người run bắn lên khi nhìn thấy một chữ viết bằng phấn trắng trên mặt tấm ván thiên. Chữ LÂN, tên bố tôi.

Đó cũng là lúc từ “đầu trường” chợ Thông xoáy lên qua loa sắt tây giọng nói khàn khàn vẹt đục của lão đội Khoảnh: “Đã đến giờ khai mạc phiên toà, đề nghị đồng bào trật tự!”. Tiếp đến là những tiếng hô rúng động trời xanh: “Hoan nghênh toà án nhân đặc biệt huyện ...!”. “Hoan nghênh ! Hoan nghênh !”. Mãi về sau, tôi mới hiểu thì ra, “đặc biệt” là như thế. Là chưa xử đã biết kết quả phiên toà. Chưa tuyên án mà đã để sẵn quan tài ngoài kia chờ mai táng bị

cáo. Là, toà chỉ có buộc tội chứ bị cáo không có quyền cãi lại. Đặc biệt nữa là, ngồi ghế chánh án và xét xử là bà Đề, ông Kên, ông Tùng, ông Cấp, ông Nữu... toàn những người mù chữ, đi chợ vẫn còn phải lợi bòn, vậy mà lại đứng ra dùng điều nọ, luật kia để buộc tội người khác.

Từ miếu Am Hòn tôi phải đi tắt qua mả Vần mới đến được chợ Thông. Tôi lại bàng hoàng khi nhìn thấy bên cạnh lối đi là một lỗ huyết đã đào sẵn nông choèn choèn, màu hoàng thổ mới quật lên còn vàng tươi nhẽo nhoẹt như đất vừa chảy rỉ nước vàng từ vết thương trong lòng đất.

Tôi lén vào bãi đất trống trong chợ, nơi buổi sáng dùng làm nơi mua bán gà lợn, tìm chỗ khuất để ngồi. Không ai nhìn thấy tôi nhưng tôi thì nhìn thấy tất cả. Tôi nhìn thấy cuối bãi sừng sững một ngôi kỳ đài, kết bằng tre, bằng chuối, lá móc, lá đùng đình, ba bề bốn bên pháp phới, phần phật tung bay phong màn, cờ, khẩu hiệu những vị ngồi ghế xét xử, uy nghiêm, cứng đờ, ngu ngơ như những cục đá. Đau lòng nhất là tôi lại bị nhìn thấy bố tôi đang bị nhốt trong cái lồng đan bằng tre tươi, như cái trống lợn, đang run rẩy, sợ sệt như một con vật sắp bị đem cắt tiết.

Còn chung quanh tôi tất nhiên là một biển người, một rừng cờ đang im phăng phắc như thời tiết lúc đất trời đang sắp sửa nổi cơn giông. Tôi cố gắng tìm xem trong cái biển người này có En của tôi không. Đã mấy tháng nay, sau cái lần nhìn thấy En trong đám áp giải bố tôi, tôi không thấy nàng lần nào nữa. Tôi nhìn mãi mà không thấy nàng đâu.

Loa sắt tây lại vang lên tiếng nói. Tôi ở xa quá và sân chợ rộng quá nên không nghe được ai đang nói gì. Chỉ thấy trên cái sân khấu lộ thiên kia, người ta đang thi nhau diễn kịch câm, hết giờ nắm đấm lên trời lại vỗ hai tay vào nhau, để bên dưới, cứ theo từng động tác hình thể ấy, khán giả đồng loạt khi thì gân cổ lên hô “đả đảo, đả đảo”, khi lại vỗ tay gào lên “hoan hô, hoan hô”.

Bằng cách truyền khẩu người trước cho người sau, tôi biết đây lúc ông bà nông dân đang lần lượt lên vạch mặt tổ khổ bố tôi. Tôi cúi đầu lên phía trên để nghe cho rõ hơn. Lúc đầu tôi vẫn phải nghe những câu giáo trò cho các “bài” tổ khổ đang trở thành nhảm chán. Nào vẫn là: “Mày cúi mặt xuống, mày vênh tai lên”, vẫn là: “Mày có biết tao là ai không?” và các động tác kèm theo như ấn đầu, véo tai, dí trán, hất cằm Tiếp nữa là những điệp khúc từng du dương trong những cuộc tổ khổ cấp xóm, cấp thôn như khóc, như gào, như muốn thấu tận trời xanh.

Tôi đứng đưng trước mọi câu tổ khổ kiểu này. Vì nó bịa đặt, vu khống, bắt chước nhau, là lời nói của những con vẹt. Vì nó là những bài học thuộc lòng được các ông Đội dạy cho từ mấy hôm trước. Tuy vậy cũng không thể coi thường. Nó vô cảm nhưng lại có khả năng giết người. Trong số những lời tổ khổ này, tôi đặc biệt chú ý đến lời tổ của mấy người sau đây. Của ông Uẩn, một nông dân cùng xóm với tôi.

- Lân, mày còn nhớ không, ngày trước có lần mày dụ tao vào Đảng, cái Đảng có lá cờ đỏ mang hình búa liềm ấy, chứ không phải cờ nửa xanh nửa đỏ của cái đảng Dân chủ gì đó, tao vẫn thường thấy ở nhà thằng Sáu em mày đâu. Đảng ấy là đảng gì, mày khai ra trước toà đi!

Trên ghế quan toà, tôi thấy đội Khoảnh ngó ngó nghiêng nghiêng tỏ ra lúng túng. Chắc hẳn ông ta không ngờ trong đám học trò của mình có người lại trả bài lạc đề đến vậy. Đội Khoảnh luống cuống đập tay xuống bàn định không cho lão Uẩn tổ tiếp nữa, nhưng do lão điếc lại đang đà cao hứng nên cứ phớt lờ, càng hét to hơn :

- Nói, cái Đảng ấy là Đảng gì? Ngoan cố hả?

Lão Uẩn giơ tay định táng mạnh vào mặt bố tôi nhưng bố tôi đã kịp né được. Bố tôi thản nhiên thủng thẳng trả lời:

- Thưa đó là đảng Cộng sản, nay là đảng Lao động Việt Nam ạ, không tin ông hỏi các ông đội ạ!

Cả quảng trường, người hiểu chuyện thì cười ồ lên, người không hiểu thì cứ ngơ ngơ ngác ngác như nghe chuyện trên cung trăng. Đội Khoảnh phải vỗ hai tay vào nhau dẹp trật tự. Bố tôi là đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945. Ông bị gián đoạn với tổ chức Đảng vào cuối năm 1951, khi ông theo gợi ý của cấp trên, muốn để bà con yên ổn làm ăn, tránh những cuộc vây ráp, càn quét của giặc, đã đứng ra làm xã uỷ trong cái hội tề “ám ó”, ban ngày ra trụ sở làm giấy căn cước cho bà con đi lại dễ dàng, ban đêm về họp với các cán bộ Việt Minh và sau đó không lâu đã bị bọn phòng nhì của Pháp tổng giam vì tội hoạt động hai mang.

Một lời của lão Kèn:

- Lân! Mày có nhớ cái đợt giặc càn vào làng hồi đầu năm 1951 không. Mày lên đê giả vờ đánh rơi mũ để làm ám hiệu cho máy bay giặc đến ném bom làm chết một lúc mấy người dân vô tội, mày có nhớ không.

- Dạ, nhớ ạ!

Bố tôi chỉ gật đầu, chứ không lắc hoặc cãi lại nửa lời.

Tôi đã bắt đầu cảm thấy buồn chán, đang không muốn nghe nữa thì đúng lúc có một thanh niên hùng dũng bước lên. A thì ra Túy, con chú Hai tôi. Như trên đã nói, Túy có may mắn hơn tôi là khi lớn lên, toàn bộ gia sản nhà anh được ông nội chia cho đã bị chú tôi thua cờ thua bạc đem bán sạch sành sanh nên bây giờ hẳn ta mới được hạnh phúc trở thành bản nông. Tôi lắng nghe xem Túy sẽ tố bố tôi và cũng là bác ruột của Túy những gì. Không biết, liệu có ăn phải bả của đũa con bất hiếu ở xã bên khi anh ta kéo ngược mặt bố lên mà quát hỏi” “Mày có biết tao là ai không?”-“Dạ, thưa con biết ạ. Ông là con của con, do vợ con ngủ với con mà sinh ra ạ.”- “Mày có nhớ ngày còn bé, tao chuyên trốn học đi chơi, mày đánh tao, bắt tao đi học không?”- “Dạ có” – “Do đó, tao mới thành người có học và có việc làm, để tao không bị nghèo khổ và để bây giờ tao không được trở thành bản cố nông như mọi người. Mày có biết không?”.

Chắc Tuý không thể nào táng tận lương tâm như thế được, tôi nghĩ. Vì dù sao chú ấy cũng người hiền lành, tử tế, lại có học, biết phân biệt phải trái, đúng sai. Vậy mà lạ thay Tuý đã sáng tác ra câu tố phải nói là “bất hủ”, câu nói sau đó trở thành nổi tiếng ở làng tôi: “Cả Lân mày có nhớ không. Hồi mẹ mày ốm nặng, ăn lắm ỉa nhiều. Sáng nào mày cũng bắt đám cháu chắt chúng tao phải mang giành cứt của mẹ mày đi đổ, thối ơi là thối, thối không chịu được!”.

Mẹ mày, tức là cụ bà Hàn Bằng, bà nội của tôi và cũng là bà nội của chú ấy.

Phần tố khổ đã xong, tiếp đến là phần tuyên án. Cả bãi chợ rầm rầm đứng dậy và im lặng đợi chờ.

Cho đến nay, do thời gian qua đi đã lâu và cũng vì lúc đó tai tôi ù, mắt tôi hoa lên, không còn nhớ được hết bản án hôm ấy, chỉ nhớ được câu cuối cùng, do phó chánh án Phạm Văn Khoảnh, tức Đội Khoảnh đọc: “Như vậy, với 2 tội danh không thể tha thứ được, một là, bao chiếm đất đai, bóc lột địa tô, địa tức, hai là phản động, theo giặc lên bót làm tề, giết hại nhân dân...Toà án nhân dân đặc biệt huyện...tuyên án tử hình tên Nguyễn Đức Lân. Bản án sẽ được thi hành ngay sau khi tuyên án”, tôi kinh hoàng như vừa nghe thấy phát đạn vừa bắn trúng vào đầu mình.

Lại một lần nữa bãi chợ nổ bùng như động đất, tràn đầy tiếng hò reo, tiếng hô đả đảo và tiếng trống ếch hoan hỉ dậy trời.

Ông bố khôn khổ của tôi bị bịt mắt bằng giải băng đen rồi được dẫn đi ngay. Đám đông lại háo hức đổ xô chạy theo để xem như xem một trò vui. Tôi đứng sững tại chỗ, định chờ lát nữa người ta đi hết thì lên về nhà. Nhưng thấy không thể đứng trơ trọi một mình giữa bãi, lại cũng vì muốn được nhìn mặt bố tôi lần cuối nên tôi cũng ùa theo mọi người ra chỗ xử bắn. Cái bị cói, đưng đồ

cúng cô hồn mà tôi mới mua ở thị xã về bị người ta xô rơi xuống đất, tôi cúi xuống chưa kịp nhặt lên đã bị ai đá một cú thật mạnh, gạo, chuối, hương hoa, giấy tiền rơi bắn tung tóe.

Cuối cùng, không còn cách nào khác, tôi cũng đã có mặt bên cọc bắn. Bó tôi bị trói chặt vào cây cột (bằng gỗ hay bằng tre, tôi không biết nữa) đã dựng sẵn bên mé chợ, sát cạnh khu mả Vân. Bó tôi đứng thẳng, rất thẳng là khác, lưng dựa sát vào thân cột về mặt thân nhiên, thậm chí cái miệng hơi mỉm cười, như coi thường chuyện sắp xảy ra.

Ba người du kích với sáu khẩu súng trường đã được lệnh quỳ xuống. Trong số này, tôi biết có anh chàng Phông, cố nông, lâu nay rất yêu En và muốn hỏi En làm vợ nhưng không được En đáp lại, tuy vậy anh ta vẫn không lấy đó làm điều buồn giận, trái lại vẫn luôn tìm cách gần gũi En hơn, thậm chí còn tìm mọi cách để lấy lòng En. Tiếng lên quỳ lát đạn lách cách nghe ghê rợn. Tôi lẩn thân nghĩ: Không biết trong giây phút này bó tôi nghĩ gì? Có sợ không nhỉ? Chắc là sợ lắm. Mà sợ nhất, chắc không phải là bản thân cái chết mà là sự chờ đón nó đến.

Có lẽ lúc này tôi sợ hơn bó tôi. Để bớt sợ tôi chỉ còn cách lấy hai ngón tay cái bịt chặt hai lỗ tai lại. Nhưng sao mà bớt sợ được khi tai tôi vẫn còn nghe được rõ mấy tiếng nổ lục đục, lục đục. Tôi bỏ tay ra khỏi tai, mở to mắt nhìn. Tôi không tin ở mắt mình khi thấy bó tôi vẫn hiên ngang sừng sững bên cọc bắn. Rõ ràng bó tôi không chết. Rõ ràng bó tôi còn sống. Thậm chí ông còn khẽ nhếch miệng mỉm cười nữa kìa. Lão Đội Khoảnh luống cuống, la hét um xùm. Lão gọi Kền đến chửi như té nước vào mặt: “Đồ vô tích sự! Thế mà cũng đòi làm chỉ huy đội bắn! Anh có biết anh cần phải làm gì lúc này không!” Lão Kền mặt xanh lợt như người sốt rét, chân tay run lẩy bẩy. Tôi thấy lão lăm lét nhìn trước nhìn sau rồi lão đảo chạy về đám thanh niên đang tay cuốc tay mai, chuẩn bị chôn cất bó tôi. Lão hồng hộc chạy đi rồi hồng hộc chạy lại. Lúc chạy lại tôi còn kịp nhìn thấy lão xách theo một cái cuốc. Đến

trước mặt bố tôi, lão thẳng tay giơ cao lưỡi cuốc lên... Anh nằng
buổi chiều mùa hè loé lên loang loáng. Tôi choáng váng. Mắt nở
hoa cải xanh đỏ tím vàng. Tôi ngã vật xuống đất chợp. Bất tỉnh.

Sau này tôi được nghe kể lại, bị nhát cuốc đầu tiên bổ vào đầu, bổ
tôi vẫn còn sống, vẫn còn vươn được hai cánh tay đưa lên đầu
chống đỡ và chắc chắn ông sẽ còn giơ mãi hai cánh tay ấy như giơ
cái dấu hỏi lên không trung cho đất trời thấu hiểu nỗi oan khốc
của ông, nếu như lão Kèn không phải bổ đến nhát cuốc thứ hai.
Lúc này, bố tôi mới chịu ngã và từ từ duỗi thẳng hai chân, hai tay
ra, cứng đờ như con gà vừa bị cắt tiết. Còn mắt ông thì lại vẫn mở
trùng trùng.

Những người chứng kiến còn kể khi bố tôi thực sự chết rồi, lão
Kèn mới dám đến bên xác ông, rứt rề thò tay móc vào túi áo. Mọi
người nín thở căng mắt theo dõi. Sẽ là cái gì trong túi áo ấy? Một
tập tài liệu phản động chẳng? Hay một mớ truyền đơn phản đối
cuộc xử tử bất công, vô lý mà ông dự định sẽ tung ra trước khi bị
hành hình. Hay là...vàng. Nói đến địa chủ là người ta thường nói
đến vàng mà.

Cái vật cộm cộm giấu trong túi áo bố tôi được lôi ra. Mọi người
chung hứng. Oi, hoá ra đó lại là nắm cơm bọc lá chuối.

- A, xôi gấc!

Một người nào đó ở xa kêu lên. Rồi cũng vẫn tiếng nói đó:

- Mẹ kiếp, địa chủ có khác, chết đến đít rồi mà vẫn còn được ăn
xôi gấc.

Lão Kèn nghe thấy thế, tức vì từ sáng đến giờ nhịn đói không có
gì độn bụng, đã chạy đến giật lấy nắm cơm giơ lên cao, chửi đồng:

- Xôi, cái con c... Cơm nhuộm máu thì có.

Hôm ấy tôi không nhìn thấy nắm cơm này. Nhưng nhiều năm về
sau, tôi liên tục nhìn thấy nó trong những bữa ăn, bữa cỗ có xôi

gác hoặc thứ thức ăn gì đó có màu hồng, màu đỏ. Đến nỗi từ đó tôi không dám ăn xôi gác nữa.

Bố tôi chết tức tưởi như thế đó. Ông đâu có ngờ rằng sau đấu tố sẽ bị xử tử ngay. Chắc ông dù có giỏi tướng tượng cũng chỉ có thể nghĩ rằng làm xong việc này, giống như sau mỗi lần họp phê bình kiểm điểm thường kỳ, ông có quyền được nghỉ ngơi, được ăn uống, được tự nhiên bóc gói lá chuối, lấy nắm cơm ra mà ăn, ăn ngon lành, vì từ sáng đến giờ, ông đã có cái gì trong bụng đâu! Vói lại, hôm nay lại là ngày rằm tháng 7 âm lịch, đến các tội đồ dưới âm phủ còn được xá tội nữa là với con người. Lại nữa, chắc chắn khi bước đến đây bố tôi không thể nào biết được ông mắc phải tội gì và tội ấy, làm gì mà phải bị phạt bằng cái chết .

Ngay sau đó mấy người du kích nắm chân bố tôi xềnh xệch lôi ra chỗ đặt quan tài. Máu rỉ ra nhuộm ướt đầm đìa lớp lá cỏ trên đường đi. Bao nhiêu năm sau ai qua đây cũng thấy rợn người. Tôi để ý thấy nhiều ngày sau, đám bò thả rong trong mả Vẫn cứ ăn cỏ gần đến chỗ đó là chúng phì phò hít hà hai lỗ mũi rồi cong đuôi chạy lồng lên như bị ong đốt đốt. Chúng sợ máu đến thế là cùng.

45.

Lập đông năm ấy khi cây quýt trước cửa nhà tôi vàng rực một màu quả chín và lúa mùa cũng đã chín vàng đồng thì cũng là lúc các ông Đội rút khỏi làng tôi, kết thúc cuộc cải cách ruộng đất đầy máu và nước mắt.

Mảnh sân gạch trước cửa nhà tôi, nơi mà lúc này chi họ Nguyễn Hàn Bằng xây tháp lưu niệm, lâu lắm rồi nay mới có thóc đem phơi.

Hôm ấy có một người con gái bỗng dung đến nhà tôi. nàng vắn trên đầu giải khăn màu nâu non. Tôi nghe nàng nói với mẹ tôi:

“Bà có việc gì cho con làm với, chứ con đói quá. Mẹ tôi bảo: “Có việc rê thóc đấy, cô làm đi!”. Nàng bắt tay vào làm ngay. Nhanh nhẹn và khỏe mạnh.

- Cô bao nhiêu tuổi rồi?

Mẹ tôi hỏi. Cô trả lời:

- Cháu mười tám !

- Vậy là cô lớn hơn thằng con trai tôi hai tuổi.

Mẹ tôi chỉ nói có thế, vậy mà hôm sau, bà Ký Lục, người ở xóm Cầu cũng thuộc thành phần địa chủ như nhà tôi, đã đến nói với mẹ tôi và tôi nghe được.

- Ông bà Bá Ngợi có ý muốn gả cô Luyện cho cậu cả nhà ta đấy. Thời buổi khó khăn này, ông bà Ngợi bảo chẳng cần cưới xin cũng được. Cứ để cho cháu về làm dâu từ ngày mai để nhà ta vừa có người làm ngay, kéo một mình bà vất vả quá, lại vừa cho cháu có bát cơm ăn qua ngày, chứ ở bên ấy đói lắm.

Tối hôm ấy, mẹ tôi hỏi ý kiến tôi. Tôi nói với mẹ:

- Mười sáu tuổi có ai lấy vợ bao giờ?

Tôi từ chối vì tôi chỉ nghĩ đến Én, mặc dù đến lúc này, nàng hoàn toàn xa lạ với tôi, thành người của giai cấp đối nghịch.

Và cũng vì thế phải thêm một thời gian nữa tôi mới được biết tin sau cái hôm xử bắn bố tôi, En đã bỏ nhà ra đi, không một lời nhắn lại. Hỏi ông Khán Vĩnh thì ông bảo En chết rồi. Hỏi vì sao chết thì ông không nói. Kèn thì bảo, cái Én vào Thanh Hoá với gia đình Đội Khoảnh, vì nó lỡ dại với anh ấy, không tiện cưới xin linh đình. Nhà trai chỉ làm mâm cỗ lạt cúng gia tiên thôi. Còn ai muốn hỏi đội Khoảnh thì đúng là “bắc thang lên hỏi ông trời” vì Đội Khoảnh cũng đã tềch khỏi làng ra đi. Người thì bảo ông ta xong nhiệm vụ nên đã trở về địa phương. Người thì bảo ông ta bị kỷ luật vì xử tử địa chủ một cách quá dã man không đúng luật Cải cách ruộng đất quy định. Phụ họa với lời ông Khán Vĩnh có người còn nói rằng, do En không chịu nhận lời lấy Đội Khoảnh nên đã nhảy xuống sông Hồng tự tử. Người ta đã nhặt được gói quần áo bên trong có

tờ giấy thông hành của En để ở trên bờ như ngâm báo tin cái chết của mình với mọi người. Tôi không tin ở điều này. Nhưng lại tin En về quê lão đội Khoảnh để sông với lão. Vì lão thì luôn như con nhện giăng lưới khắp nơi trong khi En cứ nhờn nhờn vô tư như con bướm bướm.

46.

Chả hiểu vì lý do gì ở quê tôi, người ta rất kiêng kỵ việc đào mộ đào mả lúc ban ngày, thành ra việc khở ải này cứ phải làm trước lúc mặt trời mọc. Bởi thế hôm ấy, mới 4 giờ, trời còn tối như mực, rét thảng chập còn buốt đến tận xương, tôi đã phải thức dậy, gánh ra bãi tha ma chiếc tiểu sành da lươn, mẹ tôi mới nhờ người mua từ thành phố Nam Định cách đò cách giang. Để cân bằng trọng lượng với chiếc tiểu sành, tôi phải tạo thêm đối trọng bên kia quang gánh một khúc thân cây chuối. Mấy ông trong họ đã ra mả Vân đào mộ từ trước. Hôm ấy, thật không may cho tôi, vô ý thế nào, lại bị vấp ngã, làm chiếc tiểu sành văng ra vỡ làm 3 mảnh. Tôi sợ quá, tay run như cây sậy, vừa rét vừa sợ, ngồi ghép lại một cách vô vọng các mảnh vỡ đó cho nó liền lại với nhau. Thật không ngờ, mắt tôi lại chạm phải dòng chữ ấy viết bên thành tiểu. Lại chữ LÂN, tên bố tôi, viết bằng phấn trắng. Mùa này là mùa cải táng, nhiều gửi mua nên người buôn tiểu phải đánh dấu thế cho khỏi lẫn lộn người nọ sang người kia. Nhìn chữ Lân “mới” tôi lại chua xót nhớ đến chữ Lân “cũ”, trên tấm ván thiên của cỗ quan tài dành cho bố tôi năm nào. Cái số bố tôi lận đận thì thế nào cũng không tránh khỏi sự lận đận. Bây giờ biết tính sao đây? Mộ thì đào lên rồi. Tiểu thì vỡ. Muốn mua cái khác thì phải đi xa lại đò giang cách trở, mang về được đến nhà thì cũng phải quá trưa. Mà giờ ấy ai còn cải táng nữa. Tôi sợ quá, đành bỏ mặc cô em gái lúc này cầm đèn soi đường cho tôi, ở lại khóc một mình. Tôi về nhà, lăn vào ổ rơm, bịt chặt hai lỗ tai, trùm chăn kín đầu để khỏi phải nghe, khỏi phải thấy những gì đang sắp sửa xảy ra. Nhưng tôi đâu có

trốn tránh được. Một tiếng mở màn đánh phạch một cái. Tôi thấy từ ngoài cửa bố tôi, đầu vỡ toang, óc phọt ra như bã đậu, ngực đầy máu, đổ lòm đến mở chiếc chăn bông tôi đang đắp ra, nhìn trừng trừng vào mặt tôi. Rồi bố lại đi ra, im lặng, không nói nửa lời. Tôi hét lên: “Không phải tại con. Tại trời tối quá và ngộ đi lại gập ghềnh!”. Mẹ tôi từ trong buồng hấp tấp chạy ra, đập tay mạnh vào người tôi. Tôi đáp: “Con không nằm mơ đâu. Con còn tỉnh mà. Con vừa nhìn thấy bố vào nhà”.

Rất may, sau đó mọi chuyện đâu vào đấy cả. Những người trong dòng họ cho là cái số bố tôi như thế thì tất nó phải thế nên đã vui vẻ đặt hài cốt bố tôi vào chiếc tiểu sành vỡ đó rồi mai táng bình thường như không hề có chuyện gì xảy ra. Đó là chuyện của hơn 40 năm về trước.

Đến kỳ này, khi ngôi tháp lưu niệm hoàn thành, anh em chúng tôi lại tính đến chuyện những ngôi mộ. Khó khăn lớn nhất với chúng tôi lúc này là chú Sáu, người trực tiếp đứng ra cải táng ngôi mộ ngày ấy nay đã về châu tiên tổ nên những cái gì liên quan đến việc cải táng ngày ấy đều bị chôn vùi theo. Rất may là tôi còn nhớ được rành rành câu chuyện trên, với cái tiểu sành vỡ làm ba mảnh. Tôi đề nghị mọi người trong chi họ hãy dùng chi tiết ấy làm căn cứ để phân biệt hài cốt người họ với người kia và nhờ thế, tôi dám đưa ra quyết định cuối cùng : Xây xong tháp lưu niệm dứt khoát phải tôn tạo khu lăng mộ chi họ.

Sở dĩ có chuyện lẩn cẩn này vì tâm lý chung trong đám anh em chúng tôi là không muốn khai quật động mồ động mả làm gì. Kính chẳng bỏ phiến, trong đám mộ chí chôn liên chi hồ điệp, liền lù một khối như luống khoai kia, lại im thin thít không có bia mộ gì cả, biết đâu là mộ của ai mà đào lên lấp xuống. Không khéo râu ông họ cắm cằm bà kia, “mồ cha không khóc đi khóc đống mới”, thì thật lòi thòi to.

Người có lỗi lớn trong chuyện này là chú Sáu tôi. Khi còn sống, sau khi được chứng nhận là “cải tạo tốt” và được hạ thành phần từ địa chủ xuống trung nông, cậu có chút chữ nghĩa, hay xem báo

xem sách, ông đã giác ngộ chủ nghĩa cộng sản một cách hơi cực đoan. Theo ông, thì đã là cộng sản thì có nghĩa là không còn có gì gọi là riêng tư, cá nhân nữa, kể cả phần hài cốt, mộ chí. Ông bảo sống đã làm chung trong một hợp tác xã, cư trú trong một khu tập thể, một chung cư thì chết cũng phải chung mộ, chung huyệt, thậm chí chung cả quan tài. Ông phê phán câu “sống mỗi người một nhà, chết mỗi người một mồ” là chủ nghĩa cực bộ, cần phải xoá bỏ. Chính vì thế, bước vào những năm 1960, khi nông thôn miền Bắc dấy lên một phong trào khá rầm rộ gọi là “dồn điền đổi thửa”, phá bờ ngăn, biến những mảnh ruộng bao đời nay côi cút, manh mún thành những cánh bao la, máy cày chạy vài vòng đã phải dừng lại chằm đầu. Theo đó những xóm trại lô nhô nằm rải rác giữa cánh đồng phải dọn cả vào làng và những ngôi mộ lẻ loi phải về nằm chung một nghĩa trang. Việc làm này là hay, là tốt. Các dòng họ khác trong làng trong xã người ta thực hiện chủ trương này bình thường suôn sẻ, không có chuyện gì phải bàn. Chỉ khi công việc đến tay chú Sáu nó mới nảy ra những hành động kỳ quặc và quái đản như thế. Khổ nỗi lúc này trong chi họ tôi, bậc cha chú duy nhất sống đến lúc này chỉ còn chú Sáu. Thành ra quyết định của chú mọi người cứ phải tuân theo.

Với tư cách là cháu đích tôn, trưởng chi họ, tôi quyết định cứ cho đào mả lên, sắp xếp vị trí lại. Tạm thời hãy lấy cái tiểu sành có ba mảnh vỡ của bố tôi làm căn cứ, làm kim chỉ nam.

Trong anh em có người phản bác cho rằng căn cứ như thế là không khoa học, vì ngộ nhỡ, ngày di chuyển mộ, chú Sáu cho thay chiếc tiểu khác thì sao. Tôi cũng bị ngớ ra vì câu nhận định này, song sau đó, tôi lại đưa thêm ra một căn cứ khác. Là, lại dựa vào đặc điểm, hài cốt nào hộp sọ bị vỡ làm nhiều mảnh thì đích thị của bố tôi. Lại có ý kiến phản bác. Thế anh Nghiệm, anh ruột tôi thì sao, chả cũng bị Tây bắn vỡ sọ ở trận càn Quang Thảm là gì.

Tranh cãi mãi rồi cuối cùng cũng đầu vào đấy, ngôi mộ tập thể của dòng họ tôi vẫn cứ được đào lên. Đến đây lại nảy sinh một vấn đề mới là làm thế nào nhận dạng được từng ngôi mộ, từng hài cốt còn lại. Cuối cùng, chúng tôi thấy cách tốt nhất là dựa theo vai vế, thứ

bạc trong họ. Ví dụ, đứng trước (theo lối xếp hàng dọc) bố tôi phải là ông bà nội, trên nữa là cụ nội (sẽ căn cứ vào tấm bia vẫn còn chôn chìm dưới đất, vì sợ trẻ trâu phá hoặc người lớn đào trộm nung vôi). Còn sau bố tôi phải là các người chú, các thím. Trừ 3 người chết mất xác trong Nam khi đi phu cao su, còn lại tiếp đến phải là chú Tư, mất năm 1961. Sau chú Tư, tất nhiên phải là chú Năm. Còn chú Sáu, tác giả của ngôi mộ tập thể gây tranh cãi này, do mãi đến 1977 mới mất, mộ chí, bi ký đảng hoàng, đầu vào đó nên không có điều gì phải băn khoăn cả. Cứ khai quật lên, chắc chắn đó là chú ấy.

Còn đến hàng cháu, tức là bề vai với tôi, đến nay còn sống nhiều, chưa mấy người phải vào nằm ở đây, song với những ai “đến trước” thì cũng không khó nhận diện lắm. Ngoài anh Nghiệm bị võ sọ như đã nói ở trên, còn có cô Quyến, con chú Năm, thất cổ chết năm Cải cách, vì buồn chuyện bị nhà chồng được Đội vinh danh là trung nông đã quay lại nhieuc móc, khinh bỉ vợ và gia đình nhà vợ, người mà cách đây ít lâu cầu cạnh mãi họ mới được làm thông gia. Người chết vì thất cổ, chắc chắn đốt xương cổ bị tổn thương. Cứ lấy đó mà xác định.

Tôi muốn nói thêm về chú Tư và cái chết của chú ấy.

Cũng như bố tôi và những người anh em ruột thịt khác, sau khi ông nội tôi bị phá sản, chú Tư cũng rơi vào cảnh “tiếng cả nhà thanh”, có tiếng không có miếng. Song, khác với những người trên, trước Cách mạng tháng 8.1945, chú ít nhiều cũng bị dính dáng với chính quyền phong kiến, qua cái chức rất “hữu danh vô thực” là phó lý, (vị trí thứ hai trong làng, sau lý trưởng), một thứ tay sai của bọn quan huyện, quan tỉnh, đầu chày đít thốt. Vậy mà đâu có được yên. Nhậm cái chức bèo bọt này chưa đầy nửa năm chú đã phải bỏ làng, bỏ vợ con, trốn chui trốn lủi vào tận miền nam chỉ để tránh cái tội “che giấu cộng sản” mà bọn Pháp chụp lên đầu chú. Thực ra chú đâu có làm được chuyện này. Mà chỉ vì tai bay vạ gió thôi. Ngày ấy, hàng xóm nhà chú, có gia đình ông bà

binh Toàn, giác ngộ cách mạng, luôn nuôi giấu trong nhà một cán bộ cộng sản vừa vượt ngục Sơn La về hoạt động trong vùng. Vào những ngày mùa đông rét mướt, bà Binh Toàn thường sang nhà chú Tư mượn chiếc nồi 12 bảo là để “nấu cám lợn” nhưng thực ra là để nấu nước nóng cho ông cộng sản ấy tắm. Chú Tư biết chuyện này nhưng giả bộ như mình không biết. Chỉ đến khi có kẻ phát giác, ông cán bộ cộng sản thì trốn thoát được nhưng chú Tư lại bị quy tội, tội che giấu tù cộng sản.

Mãi sau Cách mạng thành công, chú mới dám về quê. Cải cách ruộng đất chú cũng bị quy là địa chủ và cũng bị bắt và bị giam trong tù đường họ Đặng như mẹ tôi và những địa chủ hoặc những Đảng viên Quốc dân Đảng khác. Chú cũng bị đấu tố nhưng nhẹ hơn bố tôi. Chú Tư có một người con trai đầu lòng, bằng tuổi tôi, tên là Khôi. Không như tôi, phải bỏ học giữa chừng rồi mấy năm sau mới tiếp tục học lại, Khôi ngay sau Cải cách đã nhin đói nhin khát, một buổi đi học, một buổi làm phu hồ, quyết tâm học một lèo hết cấp hai rồi cấp ba và hy vọng học tiếp lên nữa. Mọi việc sẽ chẳng có gì đáng nói, nếu như vào cuối năm lớp 10, Khôi không phải làm hồ sơ lý lịch để thi vào Đại học. Khổ cho Khôi và những người có chung một hoàn cảnh ấy, ngày ấy cái gọi là “thi” chẳng qua chỉ là một cuộc xét duyệt lý lịch. Ai có lý lịch kêu như chuông, sáng như ánh nắng chiếu vào mái nhà giột, người đó sẽ đỗ. Chẳng có vậy mà, mới vào đầu năm học, trong khi tốt nghiệp chưa thi thì đã có những học sinh được báo làm hồ sơ để đi học ở nước ngoài (Liên xô và các nước trong phe Xã hội chủ nghĩa) còn học lực thì không cần phải biết tới. Chú Tư, bố của Khôi, thấy vậy, rất buồn. Vì thế có lần chú đã hỏi thật Khôi: “Nếu bây giờ thầy chết, lý lịch của con có nhẹ bớt đi không”. Cứ nghĩ đấy là câu hỏi vu vơ của một người nghĩ quẩn, chứ ai ngờ, đó là lời nói thật lòng của chú.

Lời nói này được trở thành sự thật khi tháng 3 năm ấy (1961) Khôi làm lý lịch dự thi. Khốn khổ thay đây cũng là lúc chú Tư bị cảm sốt thương hàn. Mấy ngày liền chú không ăn không uống gì,

ngoài chút nước cháo loãng. Lúc này không biết có phải vì chú muốn quyết tâm tìm đến cái chết, để hy vọng giảm nhẹ phần nào lý lịch cho cậu trai sắp thi vào đại học hay không mà chú cương quyết từ chối mọi thứ thuốc thang do vợ con, họ hàng đem tới. Vậy mà, nhờ thời gian, bệnh tình của chú cũng có cơ qua khỏi. Thấy thế ai cũng mừng, nghĩ trời có mắt biết thương người hiền lành, tử tế. Vậy mà nào ngờ, chỉ hai hôm sau bệnh của chú lại tái phát, lần này nặng hơn lần trước.

Không còn nghi ngờ gì nữa, điều này bắt đầu từ một buổi sáng, sau khi Khôi ra Ủy ban nhân dân xã về buồn bã nói với chú rằng đến giờ này mà ông chủ tịch Biển vẫn không chịu chứng nhận vào bản lý lịch Khôi, dù rằng bản lý lịch ấy đã được Khôi sửa đi sửa lại nhiều lần theo ý của ông Biển và mặc dù, hôm ấy đã gần đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ. Cái lý do để ông Biển không chứng nhận lý lịch cho Khôi chỉ là nghi vấn rằng trong thời gian làm phó lý chú Tư hẳn là có mật báo với bọn Pháp thì cơ sở nuôi chứa cách mạng của ông Bình Toàn mới bị bại lộ. Chú Tư thề “không”, ông Biển bảo “có” thế mới nên chuyện giằng co.

Hôm ấy nghe con trai phát khóc vì uất ức, chú Tư không nói gì, chỉ giục con tiếp tục đi học, việc chứng lý lịch đành phải chờ vào một cơ may khác. Chú lại hỏi Khôi, cái câu chú từng hỏi : “Nếu bây giờ thầy chết, lý lịch của con có nhẹ bớt đi không”. Khôi vẫn tưởng đó là câu hỏi để hỏi. Nào ngờ nửa đêm hôm ấy, trong Khôi và cả nhà đang ngủ, chú Tư ở giường bên bỗng chồm dậy hét lên rất to và cười lên khàn khàn làm ai cũng sợ. “ Oi, bà ơi, ôi các con ơi ! Tôi sắp chết rồi, sắp được sung sướng rồi. Bao nhiêu năm nay tôi khổ vì cái lý lịch của con tôi. Giá ngày Cải cách ấy, các ông Đội Khoảnh cứ bắn chết tôi hoặc giết tôi bằng lưỡi cuộc như ông Kền đã giết anh tôi thì có phải đỡ khổ cho tôi không. Các ông ấy, cho tôi sống làm gì để sau đây cứ giầy vò tôi, giầy vò con cái tôi vì cái lý lịch khốn nạn này. Khôi ơi, thế là chỉ vì thầy, chỉ vì lý lịch đen tôi của gia đình ta mà con không được thi vào đại học , không được học hành đến nơi đến chốn đúng như cái tên của con

mà ngày trước thầy nhờ ông giáo Rĩnh đặt cho nữa rồi. Thầy sắp chết đây. Thầy chỉ mong sao trong lý lịch của con bên cạnh tên thầy, từ nay con chỉ phải ghi vền vẹn có chữ “chết” thôi. Thế là nhẹ gánh cho con lắm rồi, thầy mãn nguyện rồi!”

Chú Tư nằm vật xuống giường và tắt thở.

Mãi sau đó mọi người mới được biết về nguyên nhân sự trở bệnh của chú. Hoá ra, chiều hôm ấy trong lúc Khôi và các em đi học, thím Tư ra đồng xới lúa, ở nhà chú Tư đã lục lọi khắp mọi chỗ để cố tìm một thứ thức ăn gì đó, để chú ăn cho...chết. Và chú đã tìm được củ sắn dây luộc giấu kín ở một góc chạn bát. Đây là món quà, người em gái thím Tư đi chợ về gửi cho lũ em của Khôi nhưng chúng nó mãi đi học nên còn để nguyên lại. Người ta nói, bệnh nhân thương hàn ở giai đoạn sắp khỏi, thành ruột bị bào rất mỏng nên rất dễ bị thủng, bị vỡ, gây tử vong một khi bệnh nhân ăn phải thức ăn khô cứng.

Trong trường hợp này, chắc chắn sắn dây luộc phải là loại thức ăn như thế!

Đó là tháng 3 năm 1961. Tính đến năm đó đã là 6 năm rồi, vậy mà cơn bão năm Mùi (1955) vẫn cứ còn thổi gió dữ dội vào các gia đình có số phận không bình thường như gia đình chú Tư tôi.

Trước cái chết tức tưởi của chú Tư, mấy hôm sau, ông Biền, chủ tịch xã buộc phải xác nhận lý lịch cho Khôi với những dòng chữ chung chung hiểu sao cũng được. Như là “cần phải chấp hành chính sách tốt hơn”. Như là “cần tích cực cải tạo hơn”. Nhờ đó, đúng hơn là nhờ vào cái chết bất đắc kỳ tử của chú Tư mà Khôi có được bản lý lịch nộp đúng hạn cho nhà trường để dự thi vào trường đại học. Để chắc ăn, để được chiếu cố, Khôi khôn ngoan có ý chọn một trường ít học sinh dự thi nhất để dự thi. Đó là Học viện thủy lợi. Một thằng bạn tỏ vẻ am hiểu tình hình chửi thẳng vào mặt Khôi: “Mày ngu lắm! Cho mày theo ngành thủy lợi để

mày đặt mìn phá đê gây lũ lụt à! Địa chủ mà không biết thân biết phận”.

Khôi cho biết, theo thông báo, trường này tuyển 60 thí sinh, mà đến giáp ngày thi, toàn khu tả ngạn sông Hồng mới có 12 người đăng ký. Từ ngày nộp đơn đến ngày thi thời gian còn những 4 tháng. Khôi học đêm học ngày, quên ăn quên ngủ. Và trời đã chiều lòng Khôi. Các môn thi Khôi đều hoàn thành trọn vẹn, có thể gọi là xuất sắc. Những tưởng phen này Khôi sẽ có tên trong danh sách học sinh trúng tuyển. Nhưng thực ra chỉ có trời chiều lòng Khôi thôi, còn con người thì không bao giờ. Họ kiên quyết đánh trượt. Hôm xem danh sách những học sinh trúng tuyển đại học dán ở công ty Giáo dục, một lần nữa Khôi rũ xuống như con gà bị cắt tiết. Cả trường cấp ba Khôi học hơn 200 học sinh dự thi, chỉ có 4 người bị trượt, trong đó có Khôi.

Vài năm sau Khôi đi lao động tại một công trường thủy điện, rồi vào bộ đội. Trước khi đi, Khôi lên Hà Nội và vào trường đại học để xin lại bộ hồ sơ dự thi ngày trước. Lần ấy, mở bản lý lịch ra xem, dù biết trước, Khôi vẫn bàng hoàng. Người ta đã gạch đi gạch lại bằng bút chì đỏ dưới chân hàng chữ “thành phần địa chủ” đến cả chục lần, như muốn xé rách trang giấy. Thế này thì dù có giỏi như Einstein, như Niwton cũng khó mà lọt vào được trường đại học của Việt Nam, nói chi là Khôi, một học sinh hết sức bình thường.

Năm 1973, Khôi hy sinh tại chiến trường Quảng Nam. Ước nguyện vào đại học vĩnh viễn tan trong bùn đất. Như vậy cái chết của chú Tư chỉ có thể giúp Khôi được thi chứ không giúp được đỗ vào đại học.

Ít lâu sau, khu lăng mộ của chúng tôi hoàn thành. Sự chính xác trong việc nhận diện chủ nhân các ngôi mộ này ngay sau đó đã được xác nhận khi chúng tôi mời được cô H., nhà ngoại cảm nổi tiếng, người có khả năng nói chuyện được với người cõi âm về tận

khu lăng mộ để thăm tra.

Như vậy, cùng với tháp lưu niệm, khu lăng mộ này , trở thành biểu tượng văn hoá lịch sử của dòng họ Nguyễn Đức Hàn Bằng chúng tôi.

... CÒN TIẾP ...

NƯỚC MẮT MỘT THỜI

Kết

Đêm ấy, tôi lại thắp lên ba nén nhang, gió năm tiếng chuông và gõ bầy tiếng mõ. Em lại về với tôi. “Anh thân yêu! Anh đừng nghĩ rằng mấy chục năm xa anh là em quên anh, không biết gì tin tức về anh đâu. Không em vẫn nhớ và dõi theo anh từng thời gian từng quãng đường. Em được biết, sau biến cố long trời lở đất ấy, anh vẫn đứng vững, mấy năm sau anh lại đi học lại, anh ăn đói mặc rét, ngày hai lần đi bộ lên thị xã để học cấp ba nhưng sau đó anh lại không được vào đại học, do hồi đó hai chữ địa chủ còn là ấn tượng xấu đối với mọi người. Nhưng anh không nản chí, anh đi công trường gang thép, anh tự học, anh viết văn viết báo để thành nhà báo nhà văn như hiện nay, em đều biết. Em còn được đọc những bài viết của anh nữa kia. Anh có biết vì sao em biết đó là những tác phẩm của anh không. Đó là do cái bút danh đấy. Cái bút danh mà chỉ có em mới biết được nguồn gốc, bởi khi chúng ta còn trẻ và còn yêu nhau đã nhiều lần anh nói anh mơ ước sau này trở thành nhà văn với cái bút danh ấy. Đọc bài viết của anh, em sáng ra một điều là anh không hề có ấn tượng nặng nề, không hề hằn học, cay cú với cái biến cố làm gia đình anh tan nát ấy. Trái lại, anh còn tỏ ra thông cảm, độ lượng khi gọi đó “Nước mắt một thời”, “Cơn sốt võ da” hoặc nữa “Bão năm Mùi”. Cơ thể con người nào lớn lên, trưởng thành mà chẳng qua một lần sốt gọi là sốt võ da anh nhỉ. Còn chữ “Nước mắt một thời”, em đoán hình như anh muốn trân trọng nhắc tới một kỷ niệm đau buồn của dân tộc, khi

Đảng và Bác Hồ phát hiện ra sai lầm nghiêm trọng mà những người thực hiện cuộc Cải cách Ruộng đất đã gây ra cho đất nước mình. Trong một hội nghị bàn về công tác sửa chữa những sai lầm ấy, Bác Hồ, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta đã khóc. Có phải ý anh định nói thế không!

Anh ơi, em biết về anh nhiều thế đấy nhưng em dám chắc anh chẳng biết gì nhiều về em đâu. Chính vì thế hôm nay em cũng muốn nói lại ít nhiều về những ngày qua của em để anh phần nào thông cảm, kéo cứ còn giận hờn thì tội em quá. Trước hết em muốn nói với anh về nguyên nhân em bỏ làng ra đi và ra đi không trở lại. Tất cả là vì em thấy mình có cái tội lớn quá đối với gia đình và nhất là đối với bố anh. Vì em muốn giữ một tình yêu trọn vẹn với anh. Em xin tiết lộ một bí mật mà đến bây giờ nếu em không nói ra thì nó cũng sẽ đi theo em mà xuống mồ mát thôi. Ấy là việc vì sao bố anh, ngày ấy, bị ba người du kích với ba khẩu súng chĩa vào bắn và bắn rất gần mà ông cụ không chết. Vì sao. Thừa anh, đó là vì em. Hoàn toàn vì em, anh hãy tin đi. Cũng tại do ngày đó em còn quá trẻ và lại quá ngu dốt nữa nên mới có chuyện như thế. Không biết ngày đó em nghe được từ đâu một câu chuyện sau này em mới biết là hoang đường, chứ làm gì có sự thật như thế. Chuyện rằng, từ xưa tới nay, ở nước ta cũng như ở bất cứ nước nào trên thế giới, trong các cuộc hành hình bằng cách xử bắn hoặc treo cổ, nếu tử tù vì lý do gì đó không chết thì người tử tù đó sẽ được ân xá, được tha bổng ngay sau đó. Em cứ nghĩ đó là câu chuyện có thật nên mấy hôm trước nghe lão đội Khoảnh nói với em (với em cái gì mà lão chả khoe) rằng sắp tới tòa án nhân dân đặc biệt sẽ xử bắn bố anh, em lo quá và nảy ra ý định cứu bố anh. Để cho chắc chắn, em có hỏi lại bố em chuyện trên thì chả hiểu vì lý do gì bố em cũng lại gật đầu. Thế là trước hôm xử bắn bố anh, em có khéo léo hỏi đội Khoảnh và được biết trực tiếp cầm súng bắn bố anh là ba người. Một là Phông, anh chàng đang si mê em như em đã nói đấy, hai là anh Thọ, người xóm Trung, ba là, anh Bân, xóm Cầu. Theo như em biết trong ba người này, chỉ có Phông là bắn giỏi hơn cả, còn Thọ, với Bân, anh mắt kém, anh tay

hay run, hôm trước đi tập bắn với em, các tướng toàn có đuôi cò. Thế là em quyết tâm tìm mọi cách vận động Phong, để anh ta khi nhắm bắn bố anh hãy cố làm sao để viên đạn chỉ trúng từ đùi trở xuống, hoặc tốt hơn hết là bắn trượt đạn ra ngoài.

Em dụ dỗ Phong rằng, nếu anh ta đồng ý với điều kiện em đưa ra như thế, em sẽ chính thức nhận lời lấy anh ta và làm đám cưới ngay sau đó. Em không ngờ Phong đã vui vẻ nhận lời em và rồi đã thực hiện đúng sự cam kết. Ngoài ra, hình như Phong cũng đã vận động hai người cùng bắn làm theo anh ta. Không biết hai người này có làm thế không, chỉ biết, kết quả cuộc xử bắn đúng như anh và mọi người đã biết.

Nhưng anh ơi, em đã làm phúc phải tội, làm ơn nên oán, để yên thì bố anh được chết một cách yên lành, chỉ “đoàng” một cái là xong, là sang thế giới bên kia một cách êm ru, đằng này chỉ vì em, ông cụ đã không được chết như thế, để cụ bị sống lại, bị đón nhận cái chết vô cùng đau đớn, vô cùng thương tâm bằng lưỡi cuộc đã man của chính bàn tay của anh em, khúc ruột trên của em.

Như thế, em còn mặt mũi nào ở lại làng để nhìn thấy anh và mọi người trong ia đình anh được nữa. Với lại, em cũng không muốn vì chuyện bắn trượt này mà em phải thực hiện đúng lời cam kết, phải lấy Phong, gọi Phong là chồng, trong khi trước sau như một, em chỉ yêu anh và mãi mãi yêu một mình anh. Sáng hôm sau em bỏ làng ra đi. Sau khi đánh lừa mọi người bằng gói quần áo cũ bên bờ đê, em đã ngược sông Hồng bằng tàu thủy lên tận Lào Cai Yên Bái, làm rẫy phát nương cho người dân tộc. Em đổi tên thành Phạm Thị Hằng, khai quê quán ở Tứ Kỳ, Hải Dương. Rồi cuộc kháng chiến chống Mỹ xảy ra, em xin gia nhập lực lượng thanh niên xung phong, phục vụ tại các tuyến đường trong Khu 4. Chiến tranh kết thúc, cùng một số chị em như nhà báo Hải Minh đã viết, em cắt tóc quy y vào chùa với pháp danh là Diệu Hằng. Có điều, em cũng cần nói với anh là suốt thời gian em ở Lào Cai, Yên Bái và cả khi em là thanh niên xung phong, khá nhiều người đàn ông

tìm đến với em nhưng em đều kiên quyết từ chối. Em muốn giữ mãi với anh một tấm lòng son sắt. Anh thân yêu! Cho đến tận lúc này ở làng ta không ai hay biết gì về em cả, kể cả nhà báo Hải Minh. Chỉ có anh, ông trời dun dủi làm sao lại gặp được em. Em định bụng khi nào anh hết giận và đến với em lần thứ hai thì em sẽ xuất đầu lộ diện, sẽ về làng, sẽ quỳ gối, xin chịu tội trước bàn thờ và những người trong họ hàng gia tộc anh. Nhưng em chờ mãi không thấy anh đến. Trong khi đó căn bệnh quái ác đã đến sau lưng em rồi. Em không còn cơ hội nào khác nữa. Chào anh. Em xin được vĩnh biệt anh...”

Tôi tắt máy ghi âm. Nằm gục xuống giường. Không còn biết cảm xúc lúc này của mình là thế nào nữa.

48.

Chúng tôi quyết định đến ngày 15 tháng chạp âm lịch, ngày giỗ ông nội chúng tôi, cụ Hàn Bằng, làm ngày khánh thành tháp lưu niệm và khu lăng mộ. Do căn nhà tôi, đáng lẽ gọi là nhà cô Ngân, hẹp quá không chứa nổi mười mười lăm người nên đành chỉ cúng lễ trên tháp thôi, còn ăn uống chuyển cả sang nhà vợ chồng Hết Sạch .

Lễ giỗ ông nội tôi đồng thời là lễ khánh thành ngôi tháp, khu lăng mộ hôm nay anh em con cháu về kha đông đủ. Hàng cha chú mất hết rồi, chả còn ai. Chỉ còn hàng con và cháu. Tất cả khoảng 30 người. Xa nhất thì có gia đình cô Quỳnh, nhà tài trợ chính, từ Canada cũng đã về kịp. Bất ngờ nhất là lại có cả chị Nghiệm lưng còng, tóc bạc phơ dẫn vợ chồng cháu Nguyệt, gọi chị bằng bà nội, sang nhận họ. Học hành, đỗ đạt cao nhất thì có 2 người con của Túy, cả hai đều đỗ tiến sĩ, người ngành hải dương học, người ngành vật lý, còn lại là 12 kỹ sư, bác sĩ, kiến trúc sư. Vui nữa là khi đang hành lễ tại sân tháp thì có tiếng còi ô tô ngoài cổng. Chúng tôi chạy ra đón. Lúc ấy mới được biết đó là đoàn đại biểu nhân dân xã Tiên Hưng ở vùng biển, nơi có ấp Thiện Tùng, lên dự lễ và mời chúng tôi đến rằm tháng giêng tới về xã dự lễ rước bằng công nhận di tích văn hoá cho ngôi đền thờ thành hoàng cụ Hàn Bằng, ông nội,

cụ nội, ông ngoại, cụ ngoại của chúng tôi.

Trong khói hương nghi ngút, người đại diện ấp Thiên Tùng, trang nghiêm kể cho đám con cháu cụ Hàn Bàng nghe lai lịch vì sao cụ lại được dân làng dưới đó suy tôn là thành hoàng, lập đền và thờ cúng trang nghiêm, vì sao hai triều vua, Thành Thái và Khải Định đều sắc phong cho cụ, vì sao ngôi đền được sở văn hoá xếp hạng di tích.

Đúng là một cuộc đoàn viên hiếm có!

Và cũng đúng lúc mọi người đang say mê theo dõi câu chuyện thì từ phía cổng ra vào vang lên lời chào rất to của lão Kèn. Chúng tôi nhìn ra thì thấy con cháu lão đang khiêng lão trên chiếc chõng tre. Lão ra hiệu cho con cháu đặt lão nằm trước mặt chính của ngôi tháp. Rồi lão vừa nằm vừa khẩn. Lão khẩn gì không ai nghe rõ.

- Tổng cổ hấn đi cho khuất mắt!

- Cho hấn đứng trước tháp là lãng nhục tổ tiên, ông bà, cha mẹ, chú bác chúng ta!

Đám con cháu của dòng họ tôi không ai xui bảo mà bỗng đồng loạt phản đối tẩy chay lão Kèn. Không khí căng lên tột độ. Tôi lại phải đứng lên và phải buộc nói ra những điều đáng lẽ tôi không nên nói:

- Thưa anh chị em và các cháu yêu quý. Biến cố Cải cách ruộng đất xảy ra đến nay cũng đã gần nửa thế kỷ rồi. Cái gì đã qua thì cho nó qua đi. Ngay ngày ấy Đảng cũng đã sớm nhận ra những sai lầm do biến cố ấy đem lại và đã có chính sách sửa sai triệt để. Với biến cố ấy, nếu gia đình chúng ta là nạn nhân thì ông Kèn đây cũng là một nạn nhân không hơn không kém. Anh chị em con cháu chúng ta hãy thương lấy để ông ta được sống thanh thản những năm tháng cuối đời.

Tôi chạy lại cùng người nhà đỡ lão ngồi dậy để lão dựa lưng vào tường. Từ đó không thấy ai còn xì xào gì nữa.

Lão Kèn nói trong hơi thở hổn hển: “Kính thưa các cô các cậu!

Thời gian qua tôi thật có lỗi với gia đình này, với cụ Cả Lân. Tôi đã giết cụ, không chỉ một lần bằng lưỡi cuốc. Mà đã giết cụ hai lần trước đó, bằng lưỡi người, cái lưỡi thịt của tôi. Ngày ấy, khi thấy đội Khoảnh tin tưởng vào sự trung thành của tôi, ông Lung, chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã, khi biết tin cụ Cả Lân nhà ta đây bị khép oan vào cái tội theo giặc lên bốt làm xã uỷ tề, trước khi chết vì bệnh trọng, ông Lung có gửi tôi lá đơn minh oan rằng cụ nhà ta lên bốt làm tề hoàn toàn là làm theo sự chỉ đạo của tổ chức, của cách mạng nhưng vì tị hiềm cá nhân, tôi đã giấu bếng đi lá đơn minh oan ấy. Lần thứ hai, tôi đã tố cụ chỉ điểm cho giặc ném bom là tôi nói sai, trong khi ngày ấy nếu không có cụ đứng ra chịu trận cứu chúng tôi, đẩy tất cả 20 người vào gùm bực thóc rồi đứng chắn bên ngoài nói chuyện bằng tiếng Pháp để đánh lạc hướng bọn giặc thì chúng tôi đã bị chúng bắt và giết hết cả rồi. Vậy mà tôi dám đổ oan cho cụ. Đã vậy gần đây tôi còn ghen tức với sự thành đạt của con cháu cụ, còn sai con cái phá phách việc xây dựng cái tháp này. Tôi thật đáng tội. Vì thế hôm nay, tôi sang đây cần cỏ vái lạy hương hồn cụ tha tội cho tôi, các cậu các cô tha lỗi cho tôi, cho tôi được sống thanh thản những ngày cuối đời”. Lão nằm vật xuống sân và khóc như đứa trẻ. Tôi cùng mọi người lại nâng lão ngồi dậy rồi tự tay thắp hương đưa cho lão khăn vái từ xa.

Tất cả những hình ảnh và cử chỉ sống động này hôm ấy, không ngờ và rất may cho tôi là đã được thu vào ống kính máy quay của đạo diễn Hải Minh. Chúng tôi hoàn toàn bất ngờ về sự có mặt rất đúng lúc của anh. Hoá ra anh về quê và được người nhà cho biết hôm nay chúng tôi có làm cái lễ này nên đã tự động đến dự. Hải Minh còn cho lia ống kính quay thêm nhiều cảnh khác nữa. Chắc chắn chúng ta sẽ có được một bộ phim tài liệu hay và trên cơ sở này chúng ta sẽ có thể làm được một phim truyện tốt. Hải Minh hào hứng nói với những người có mặt trong buổi lễ.

Tình thế lúc ấy đã buộc tôi phải nói điều tôi không định nói. Tôi kể về Én và về cuốn băng ghi âm nàg gửi lại tôi. Mọi người lặng

đi. Có tiếng khóc rầm rức. Tôi xin phép mọi người được đặt cuốn băng lên bàn thờ, xin được chi họ coi đó là một thứ đồ thờ trong tháp. Trong không khí trang nghiêm, tĩnh lặng, tôi lại thắp lên 3 nén nhang và đặt vào tháp quả chuông cùng chiếc mõ nhỏ, linh hồn của En mấy chục năm nay.

Tôi cũng xin phép các cô các chú trong chi họ, cho cậu con trai tôi, một kiến trúc sư, vừa từ Thành phố Hồ Chí Minh bay ra, được dâng lên tháp một lễ vật mà đến lúc này chưa ai biết là gì kể cả tôi. Chỉ đến khi chiếc hộp gỗ sơn son thếp vàng theo hòm sớ ngày xưa được mở ra, mọi người mới ồ lên ngạc nhiên. Đó là bức trướng gấm hồng điều thêu những dòng chữ vàng quốc ngữ, thanh thoát trang trọng như một bức thư pháp cổ. Con trai tôi giờ bức trướng lên cao. Bất giác mọi người đồng thanh nhẩm đọc:

“...Đó là những sai lầm nghiêm trọng, trái với một số điều đã ghi trong Luật Cải cách ruộng đất mà Quốc hội đã thông qua, trái với chế độ pháp trị dân chủ của Nhà nước, với chính sách của Mặt trận Tổ Quốc.

Những sai lầm đó không những đã hạn chế những thành tích đã thu được, mà còn gây cho ta nhiều khó khăn và những hậu quả không tốt...”

(Trích Nghị quyết của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà về công tác cải cách ruộng đất đã được Quốc hội nhất trí thông qua trong buổi họp đêm 18 tháng 1 năm 1957).

- Đúng là hậu sinh khả úy! Sao các cháu biết được điều này.

Tiếng ai đó hỏi con trai tôi.

- Dạ chúng cháu đọc được trong sách báo và trên mạng ạ!
- Oii giá ngày đó, lớp gia cánh ta biết được điều này nhỉ.
- Ngày xưa chưa biết thì bây giờ biết . Muộn còn hơn không!

Hôm ấy, trước đông đủ con cháu cụ Hàn Bằng, trước mặt lão Kèn, anh ruột của En, trước hương hồn của người đã khuất, tôi trình trọng gióng lên năm tiếng chuông và bảy tiếng mõ. Tiếng chuông

lan xa đưa tâm hồn mọi người vào cõi xa xăm trong khi tiếng mõ lại kéo mọi người về với thực tại. Hiện tại và quá khứ, quá khứ và hiện tại cứ xoắn quện lấy nhau. Chập chờn hư ảo. Rồi trong khói hương nghi ngút, tôi bật đoạn đầu của cuốn băng ghi âm. Lại tiếng chuông và tiếng mõ. Sau đó xen trong tiếng mõ gõ nhịp đều đều và tiếng chuông điểm nhịp là giọng câu kinh của En, nghe như từ trên cao vọng xuống:

“A mô di đà phật! Đệ tử chúng con xin chí thành sám hối. Xưa kia gây nên bao ác nghiệp- Đều vì vô thủy tham, sân, si- Bối thân, miệng ý phát sinh ra- Hết thảy từ nay xin sám hối...”

Bỗng dưng tôi thấy hiện về, sừng sững, lung linh, En của tôi, người con gái tuổi dậy thì, rực rỡ dịu dàng như đoá hoa tầm xuân mà cụ Khán Vĩnh trồng giậu trước nhà vào mùa xuân năm Mùi xa xôi ấy.

TP Hồ Chí Minh, Tết Đinh Hợi

Chú thích:

- * Từ dùng sai, chỉ phong trào triệt để tiêu diệt chó!
- * Ông Khán Vĩnh nói sai chữ “đá” thành “đái”

NGUYỄN KHOA ĐĂNG